



NHIỀU TÁC GIẢ

TRUYỆN NGẮN ĐẶC SẮC

NGA

THÚY TOÀN
dịch

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC



NHIỀU TÁC GIẢ

TRUYỆN NGẮN ĐẶC SẮC

NGA

THÚY TOÀN
dịch

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

chagall marc

TRUYỆN NGẮN ĐẶC SẮC NGA



Tác giả: Nhiều tác giả

Người dịch: Thúy Toàn

Nhà xuất bản Văn học - 2016

ebook@vctvegroup

17-11-2018

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Mục lục

Những Đốm Lửa

Băng Chuyền

Chiếc Vĩ Cầm Của Gvarneri

Ngày Cuối Cùng Của Một Năm

Bến Lặng

Tại Căn Nhà Của Xioncopxki

Đâu Đường Phố Ấy, Đâu Căn Nhà Ấy

Con Trai Người Phi Công

Cuộc Sống Đã Kịp Thời Bỏ Khuyết

Con Gái Rượu

Xôê

Ý Kiến Riêng

Buổi Sáng Của Ngài Tổng Thống

Đại Tá Giagata

Mạch Nước

Chiếc Phong Bì Màu Xanh Lam

Những Đốm Lửa

Cách đây đã lâu, tôi có dịp đi thuyền trên dòng sông Xibiri âm đạm vào một đêm thu tối trời. Đến khúc sông ngoặt, đột nhiên ở phía trước, dưới những dãy núi tối om, vụt lóe lên một đám lửa nhỏ.

Đốm lửa lóe sáng, chói lọi, rõ thật gần...

– Chà, lạ Chúa! - Tôi sung sướng thốt lên. - Sắp được nghỉ đêm rồi.

Người lái đò ngoái lại nhìn đốm lửa và lại thản nhiên ra sức đẩy tay chèo.

– Còn xa khướt!

Tôi không tin: thì đốm lửa vẫn đây kia, nhoi hắt ra khỏi bóng đêm mung lung. Nhưng người lái đò hóa ra lại đúng: quả là còn xa thật.

Những đốm lửa đêm vốn dĩ như vậy đó. Cứ lần át bóng đêm mà tiến lại gần, cứ lóe sáng lên, cứ hện, cứ làm như ở ngay đó gần gần mà mỗi chài. Có cảm giác rằng, chỉ hai ba chèo nước nữa - thế là đường dài tới đích... Vậy mà - còn là xa!...

Và đêm ấy chúng tôi còn phải bơi thuyền mãi trên dòng sông tối om như mực. Những đốm lửa nhỏ vẫn như gần, mà vẫn cứ xa... lập lờ mờ mờ.

Giờ đây tôi thường hay nhớ lại dòng sông tối om giữa đôi bờ núi đã che trùm với đốm lửa nhỏ sống động đêm ấy. Cả trước đây cũng như sau này, có biết bao nhiêu đốm lửa khác cũng đem cái vẻ gần gần của mình ra mà mỗi nhử huyễn hoặc không phải chỉ riêng một mình tôi. Nhưng cuộc sống vẫn trôi đi giữa đôi bờ âm đạm ấy, còn những đốm lửa vẫn cứ mãi xa xăm, và đành lại phải ráng sức dần thêm tay chèo....

Nhưng dù sao... dù sao đi nữa, ở phía trước - vẫn là những đốm

lửa!...

Băng Chuyền

Trên mặt sông, đối diện với thành phố, nhóm thợ mộc bảy người hối hả sửa chữa cái cột chắn băng đỡ chân cầu: mùa đông vừa qua, cái cột đã bị đám thị dân ở các xóm ngoại ô dỡ trộm sạch.

Năm nay mùa xuân đến muộn - tháng Ba trẻ đẹp trông cứ như thể tháng Mười già cỗi. Mãi gần nửa buổi - mà chẳng phải ngày nào cũng thế - trên nền trời đầy mây đen, vàng mặt trời nhợt nhạt như trong ngày đông tháng rét mới lấp ló trong những khoảng trống màu lam giữa những đám mây đen ấy, và lạnh nhạt, cau có ngó xuống mặt đất.

Hôm nay đã là ngày thứ sáu của Tuần Lễ Thánh, vậy mà về đêm tuyết tan chảy giọt trên mái nhà lại đóng lại thành những băng nhũ xanh biếc dài tới nửa arsin^[1]; băng trên sông, không còn bị tuyết bao phủ, nom cũng xanh như những đám mây mùa đông.

Cánh thợ mộc làm việc, còn ở đằng kia, trong thành phố, tiếng chuông đồng ngân nga buồn bã và thúc giục. Những người thợ ngẩng đầu lên, mắt đắm chiêu nhìn hút vào đám sương mù xám xám bao phủ thành phố, và những lưỡi rìu vung lên để bổ xuống thường ngập ngừng dừng lại giãy lắt trên cao, hầu như sợ làm đứt mất hồi chuông ngân nga êm dịu.

Đây đó trên dải sông rộng, những cành tùng cong queo chồi lên, đánh dấu đường đi lại, đánh dấu những chỗ băng đã tan và những kẽ nứt trên băng: chúng nhô lên cao như những cánh tay người chết đuối, co quắp vì những cơn giật dội.

Dòng sông gợi nên một cảm giác buồn nản, bài hoại: mặt sông vắng ngắt, đầy những vết lốm đốm như vẩy mụn, như một con đường thẳng buồn tẻ hun hút vào cõi mù mịt, nơi có ngọn gió lạnh buốt, ẩm ướt thoi

thóp thở ra.

Thợ cả Ôxip, một lão mugich nhỏ bé chải chuốt, vóc người cân đối, có bộ râu bạc trắng xén vuông vức, xoắn cẩn thận thành những vòng nhỏ trên đôi má hồng hào và cái cổ mềm mại, - luôn luôn có mặt ở khắp mọi nơi và mọi lúc, thỉnh thoảng lại quát tháo:

– Lũ gà con, nhanh tay lên nào!?

Và lão nói với tôi, nửa như khuyên bảo, nửa như giễu cợt:

– Cậu giám thị, làm gì mà cứ hếch cái mũi dần dần của cậu lên trời thế? Ta hỏi cậu, cậu được cắt cử đến để trông nom công việc, phải không nào? Cậu là người của ông chủ thần Vaxi Xergauts cử đến, phải không nào? Thế nghĩa là cậu phải đốc thúc bọn ta - bọn kia, làm nhanh lên. Đó, cậu được cắt cử đến để lập công trạng như thế, vậy mà cậu, chú bé của ta, cái cây chết đấng chết khô, lại cứ hấp ha hấp háy mắt mà nhìn công việc của mình! Cậu không được quyền hấp háy mắt, cậu phải mở to cả hai mắt ra mà nhìn, và đôi khi phải thét lác lên, vì rằng người ta cắt cử cậu đến với chúng tôi để làm người cai quản... Vậy thì cậu chỉ huy đi, đồ trứng chim cu ạ!

Lão lại quát anh em thợ:

– Đừng có đứng mà ngáp dài nữa! Đồ ma rừng, hôm nay chẳng phải là ngày kết thúc công việc hay sao nào?

Bản thân lão là kẻ lười biếng bậc nhất trong bọn. Lão thông thạo công việc của mình, biết làm ăn một cách tháo vát, sôi nổi, khéo léo và say sưa, nhưng lão không thích nhọc xác và luôn luôn kể những chuyện hoang đường. Đúng vào lúc công việc đang trôi chảy, khi người ta say mê và lạng lẽ chăm chú làm mọi việc cho thật trơn tru, đâu vào đấy, thì Ôxip đột nhiên cất lên cái giọng nhỏ nhẹ như tiếng ong vo ve:

– Thế này này, anh em của tôi ạ, có một chuyện...

Hai ba phút gì đó người ta hầu như không nghe lão, mãi mê đeo, bào, chặt, nhưng cái giọng nam cao nhỏ nhẹ cứ mơ màng tuôn ra như

nước chảy và quần quýt lại, làm lẫn lộn, trói buộc sự chú ý của người ta. Đôi mắt xanh lơ trong sáng của Ôxip nheo lại một cách khoan khoái. Lão đưa những ngón tay lên xoắn xoắn bộ râu quăn và, bập môi khoái chí, nhả nha buông từng lời như xâu chuỗi hạt vào chỉ.

– Hẳn ta bắt được con cá nheo ấy, để nó vào giỏ, đi qua rừng trở về, vừa đi vừa nghĩ bụng: “Chà, sẽ được một nồi canh cá ra trò đây?” Nhưng bỗng đâu chẳng hiểu từ chỗ nào một giọng đàn bà thánh thót kêu: “Elexya ơi, Elexya à...”

Anh chàng Lenka dài nghêu xương xẩu, người Mordavi, có cái biệt hiệu Narôdetx, - một gã trai trẻ có đôi mắt nhỏ lúc nào cũng có vẻ ngạc nhiên, - buông riu xuống và đứng ngậy ra, mồm há hốc.

– Còn trong giỏ, một giọng trầm trầm ồm ồm đáp lại: “Ờ đâ... ây!” và lúc đó trong giỏ có tiếng đập lộp bộp, con cá nheo quấy mình, nhảy vọt ra và đi trở lại, quay về vũng nước xoáy của mình...

Ông lính già Xanhiavin, một tay nát rượu, cau có, bị bệnh tức thở và từ lâu không hiểu vì sao đã bực bội với tất cả cuộc sống, cất giọng khàn khàn:

– Cá nheo làm sao lại đi trên cạn được, nó là cá kia mà?

– Thế cá có nói được không đã nào? - Ôxip ngọt ngào hỏi lại.

Môkây Buđurin, gã mugich tầm tối, có bộ mặt như mồm chó, lưỡng quyền và cằm vêu ra phía trước, còn trán thì lại lẹm về đằng sau, - một con người lăm lè và không có gì đặc sắc, chậm rãi tuôn qua mũi mấy tiếng ưà dừn của mình:

– Hoàn toàn đúng...

Và mỗi lần như thế những tiếng ấy lại như những quả đấm chắc nịch nặng nề thụi vào ngực tôi.

Công việc chững lại, bởi vì Bôiep, một gã nói ngọng và lẹch người, cũng muốn kể một chuyện gì về cá và đã lên tiếng, nhưng chẳng ai tin gã, người ta cười cái giọng ngọng ngheo của gã, gã thì thề thốt, chửi

rửa, bọc bội khua cái đục lên và nuốt nước bọt nén cơn tức tối quát tháo, khiến mọi người bật cười:

– Một đứa thì có nói láo thể nào đi nữa các người cũng cứ vênh tai lên mà nghe, còn người ta nói chuyện thực cho các người thì các người lại hí tướng lên, quân thô lỗ...

Mọi người bỏ việc, ồn ào, tay không vung tít lên: khi đó Ôxip bỏ chiếc mũ lông ra, để lộ cái đầu tóc bạc trang nhã, hói ở trên đỉnh, và nghiêm nghị quát:

– Thế nào, ngừng tay hả? Các người tự cho phép các người nghỉ hả? Thôi thì tùy!

– Chính ông đầu têu ra lại còn. - Ông lính già khò khè nhổ bọt vào lòng bàn tay.

Ôxip sán đến bên tôi:

– Thế nào, cậu giám thị...

Tôi có cảm giác là lão kể những câu chuyện tầm phơ làm cho mọi người bỏ việc là có dụng ý gì đó, nhưng tôi không hiểu - lão muốn dùng cái ba hoa của mình để che giấu sự lười biếng của lão hay là muốn cho mọi người được nghỉ? Trước mặt chủ thầu, Ôxip tỏ ra nịnh nọt luôn cúi, “giả bộ ngu si”, cứ mỗi thứ bảy lão lại moi được của ông chủ ít nhiều cho nhóm thợ “nhấp giọng”.

Nói chung lão là người của “phường hội”, nhưng các ông già không ưa lão, coi lão là thằng hề, biếng nhác, và coi thường lão, còn bọn thanh niên thích nghe lão ba hoa, nhưng cũng chẳng coi lão ra gì, luôn ngờ vực một cách công khai và thường là độc địa.

Anh chàng người Mordavi, một thanh niên có học, người mà đôi khi tôi chuyện trò “tâm tình”, có lần đáp lại câu hỏi của tôi: “Ôxip là người như thế nào?”, cười khẩy trả lời:

– Cũng chẳng biết... có quý biết lão là người thế nào... cứ kể cũng không đến nỗi nào...

Và ngẫm nghĩ một lát, anh nói thêm:

– Bác Mikhailô quá cổ, một tay mugich trực tính tinh khôn, - có lần đôi co với lão Ôxip ấy, bác ta nói: “Anh mà là người ư? Thằng người làm công trong anh đã nghèo rồi, còn ông chủ trong anh thì chữa ra đời, anh, anh sẽ suốt đời ở trong xó xỉnh, như một quả dọi bị bỏ quên lủng lẳng trên dây ấy...” Đây, nói về lão như vậy có lẽ đúng đây...

Và ngẫm nghĩ thêm nữa, anh chàng Mordavi bần khoản nói nốt:

– Kể ra thì lão cũng không đến nỗi nào, cũng tốt bụng thôi...

Giữa đám người này, vị trí của tôi thật dở hết chỗ nói: vì chú thiếu niên mười lăm tuổi, tôi, được chủ thầu cử đến để ghi chép những chi phí về vật liệu, theo dõi sao cho đám thợ mộc khỏi ăn cắp đinh, không lòi gổ đến quán đổi rượu. Đám thợ mộc đã ăn cắp đinh không hề kiêng nể gì tôi, lại còn cố tỏ cho tôi thấy rằng giữa bọn họ, tôi là người thừa, làm họ ngán ngẫm. Và nếu như người nào đó thấy có dịp va mảnh ván vào người tôi hay bằng cách nào khác, gây cho tôi một sự tủi nhục nhỏ là họ biết cách làm việc đó rất khéo léo.

Đối với họ, tôi thấy lúng túng, ngượng ngập, tôi cứ muốn nói với họ điều gì có thể dàn hòa giữa họ với tôi nhưng tôi không tìm ra lời lẽ cần thiết, mà cái cảm giác khó chịu rằng mình là con người thừa cứ đè nặng lên tôi.

Mỗi lần tôi ghi vào sổ số lượng vật liệu lấy dùng, Ôxip lại khoan thai đến bên và hỏi.

– Vẽ rồi à? Nào, cho xem với nào...

Lão nheo nheo mắt nhìn vào chỗ ghi chép và nói một cách băng quơ:

– Cậu viết nhỏ quá...

Lão chỉ biết đọc chữ in, viết cũng viết theo kiểu chữ in sách nhà thờ - kiểu chữ thường lão nhìn không hiểu.

- Cái chậu giặt này là chữ gì vậy?
- Tốt!
- Tô-ốt! Gốm, cái thông lọng gốm chứa. Thế còn dòng này thì viết cái gì?
- Ván dày một versôc^[2] dài chín arsin, năm tấm.
- Sáu tấm.
- Năm.
- Sao lại năm? Đây, ông lính già chẳng đã của một tấm là gì?
- Bác ta làm việc ấy vô ích, không cần thiết...
- Sao lại không cần thiết? Ông lão chẳng mang một nửa đến quán rượu là gì?

Đôi mắt màu xanh lơ như những đóa hoa mua, lấp lánh nụ cười vui vẻ, nhìn thẳng vào mặt tôi, lão lấy ngón tay xoắn xoắn râu cằm và nói một cách trơ tráo tốt bụng:

- Vẽ sáu đi, đúng như thế đây! Đồ trứng chim cu ọ, cứ thử nghĩ mà xem, - ướt át, giá buốt, công việc nặng nhọc - người ta cũng phải mua vui một chút cho hơi dạ, lấy rượu sưởi ấm tâm hồn lên chứ? Cậu đừng có nghiệt ngã quá, nghiệt ngã không được lòng Chúa đâu...

Lão nói rất dài, ngọt nhạt, màu mè, lời lẽ cứ tới tấp đổ xuống người tôi, như mặt cửa, lòng tôi hồ như bị mù mịt đi và tôi lặng lẽ đưa cho lão xem con số đã chữa lại.

- Ờ, phải, thế mới đúng. Mà chữ số trông cũng đẹp hơn, gốm chứa, trông cứ như một mục thương gia ngồi chồm chồm ấy, bụng phệ, nhân hậu...

Tôi thấy lão đặc chí kể lại cho đám thợ nghe về thành công của mình. Tôi biết rằng tất cả bọn họ khinh bỉ tôi vì tôi đã nhượng bộ, trái tim mười lăm tuổi của tôi ấm ức nắc lên, còn trong đầu tôi thì rối rít những ý nghĩ buồn bã, u tối.

Mọi chuyện này thật là lạ lùng và ngu ngốc. Tại sao lão lại tin chắc rằng tôi sẽ không chữa con số 6 thành con số 5 như cũ và không nói cho chủ thầu biết chuyện họ đã lấy ván gỗ đi đổi rượu để uống.

Có một lần họ ăn cắp hai funto^[3] đình bù loong năm phân và đình đĩa.

– Đây, - Tôi báo trước cho Ôxip biết. - tôi ghi việc này lại đây.

– Cứ ghi đi! - Lão đồng ý, động dậy đôi lông mày bạc. - Quả thực là cái trò đùa mới kỳ lạ làm sao kia chứ? Cứ ghi đi, ghi cái lũ trẻ ranh ấy vào sổ...

Và lão quát đám thợ:

– Đây, lũ quân vô tích sự, người ta ghi phạt lũ người về khoản đình bù loong và đình đĩa ấy.

Ông lính già cau có hỏi:

– Tại sao?

– Ghi phạt, chứ còn sao nữa. - Ôxip bình tĩnh giải thích.

Đám thợ mặc lâu bầu, gườm gườm nhìn tôi, còn tôi thì không tin chắc rằng mình sẽ làm cái việc mà tôi vừa dọa họ - mà nếu tôi có làm thực, thì việc đó tốt chứ sao.

– Tôi sẽ xin chủ thầu bỏ việc thôi, - Tôi bảo với Ôxip.

– Còn các bác thì quý tha ma bắt các bác đi! Sống với các bác thì rồi cũng đến thành ăn cắp.

Ôxip ngẫm nghĩ, vuốt râu, ngồi xuống bên cạnh tôi và sẽ sàng nói:

– Đúng lắm.

– Cái gì kia?

– Bỏ là phải. Coi với quán quái gì cái mã cậu. Giữ những chân ấy thì cần phải biết thế nào là của cải, như chó giữ của cho chủ, như giữ chính bộ lông của mình, giữ cái gia tài bố mẹ để lại cho mình... Còn cậu đối với việc này chỉ là con chó con non nớt, cậu chưa cảm biết

được của cái cần làm gì. Nếu như bảo cho Vaxi Xergâyits biết cậu đã phóng tay cho bọn tôi thế nào thì ông ta hẳn sẽ cho cậu xơi một cái bạt tai ngay - dứt khoát là thế! Bởi vì cậu không làm lợi gì cho ông ấy mà chỉ làm cho ông ấy thiệt hại, con người ta phải làm lợi cho chủ chứ - cậu hiểu không?

Lão vẫn một điều thuốc đưa cho tôi.

– Hút đi, đầu óc sẽ nhẹ nhõm hơn. Cậu bé bút chì ạ, nếu như tính cậu không lanh lợi và tháo vát như vậy thì lẽ ra tôi bảo với cậu là: liệu mà đi vào nhà tu đi! Nhưng tính cậu không hợp với việc này, tính cậu cục cằn như lưỡi rìu ấy, trong tâm hồn đầy gai nhọn, có lẽ đến đối với chính cả vị tăng viện trưởng cậu cũng chẳng kính nể. Tính khí như cậu thì chẳng thể chơi bài được! Mà tu sĩ - thì cũng giống như thể con sáo sậu: mỗ hạt của ai chẳng cần biết, gốc rễ sự việc chẳng quan hệ gì đến nó, nó no vì thóc lúa, chứ chẳng no bằng rơm rạ. Tôi thành tâm nói tất cả những điều đó với cậu, như tôi nhận xét thì cậu là người xa lạ đối với công việc của chúng tôi - một trứng chim cu lạc tổ...

Lão bỏ cái mũ lông ra - bao giờ cũng làm thế mỗi khi muốn nói một điều gì đặc biệt có ý nghĩa, - lão nhìn lên bầu trời xám tro và bật to thành lời:

– Trước Thượng đế, công việc của chúng tôi là việc ăn cắp ăn trộm, và chúng tôi chẳng mong gì Người thương xót...

– Hoàn toàn đúng! - Môkây Bưđưin lên tiếng, hết như tiếng kèn clarinet.

Từ bữa đó lão Ôxip tóc bạc quăn quăn có đôi mắt sáng và tâm hồn khó hiểu đối với tôi trở nên lý thú dễ chịu, giữa hai chúng tôi nảy sinh một cái gì giống như tình bạn, nhưng tôi nhận thấy mối quan hệ tốt đối với tôi - không rõ vì sao - lại làm cho Ôxip mất tự nhiên; khi có người khác lão không nhìn tôi, đôi tròng mắt màu hoa mua lơ đãng như không hồn, bối rối đảo lên đảo xuống, run rẩy, và cặp môi lão méo

xệch đi một cách giả dối, khó chịu, khi lão nói với tôi:

– Này, theo dõi cho kỹ vào, phải tỏ ra xứng với miếng bánh người ta trả công, chứ không kìa - ông lão lính đang nhai đinh kìa, quân ăn sống nuốt tươi.

Nhưng khi chỉ có riêng hai người, lão với tôi thôi thì lão lại nói năng dịu dàng như khuyên dạy tôi, trong đôi mắt lão thấp thoáng một nụ cười thông minh, và đôi mắt ấy chiều rọi vào mặt tôi hai luồng ánh sáng xanh lơ. Tôi chăm chú nghe lời lẽ của con người này, coi đó là những lời lẽ đúng đắn, được cân nhắc kỹ, mặc dù đôi khi lão nói khá lạ lùng.

– Cần phải là một người tốt. - Có lần tôi đã nói với lão như thế.

– Ờ, tất nhiên rồi! - Lão đồng ý ngay, nhưng liền đó lão cười tủm tỉm, nhìn đi chỗ khác, nói khẽ. - Có điều nên hiểu người tốt như thế nào đây? Tôi thì tôi nghĩ rằng người ta cứ nhổ toẹt vào cái tử tế, cái lễ phải của anh, nếu nó không có lợi cho họ: không, anh hãy quan tâm đến họ, hãy dịu dàng với bất cứ ai, chiều chuộng, an ủi mọi người... chưa biết chừng sẽ có lúc điều đó cũng đến với chính anh? Tất nhiên là chẳng phải bàn cãi gì nữa - là một người tốt, nhìn mặt mình trong gương cũng thú vị đấy... Có điều, tôi thấy rõ rằng đối với người ta thì dù anh là kẻ cắp hay vị thánh hiền cũng thế thôi: chỉ cốt sao anh thân thiết, nhân hậu với họ là được. Đây, người ta cần là cần cái đó kia...

Tôi rất chú ý xem xét mọi người, tôi cứ nghĩ rằng mỗi một người đều phải làm cho tôi thích thú và hiểu được cuộc sống khó hiểu, phức tạp, tủi hận này, và tôi có riêng một câu hỏi thôi thúc, không bao giờ im tiếng.

“Tâm hồn con người là cái gì vậy?”

Tôi có cảm giác là có những tâm hồn người được cấu tạo như những quả cầu bằng đồng. Chúng gắn chặt trong lồng ngực người ta không suy suyển, chúng phản chiếu tất cả cái gì động đến chúng, phản chiếu

bằng một điểm trên bề mặt của mình, vì vậy phản chiếu sai lệch, quái gở và đáng chán. Lại có những tâm hồn bằng phẳng như tấm gương soi, - như vậy thì cũng cảm bằng hoàn toàn không có chúng.

Nhưng tôi có cảm tưởng rằng phần lớn tâm hồn con người ta thường chẳng có hình dạng gì hết, như thể những đám mây và nhiều màu sắc lơ lờ giống hệt thứ miêu nham thạch giả, - chúng luôn luôn biến đổi theo màu sắc của vật chạm đến chúng.

Tôi không biết, không thể hiểu tâm hồn của lão Ôxip đúng thực như thế nào, bằng trí tuệ, không thể nào hiểu được nó.

Chính là tôi nghĩ về những điều đó, khi nhìn sang bên kia sông, nơi thành phố bám vào sườn núi đang ca hát, tiếng chuông giống giả vang ra từ tất cả các tháp chuông vươn cao lên trời, trông giống những ống màu trắng của cổ đại dương cầm tôi yêu thích trong nhà thờ Ba Lan. Những cây thánh giá nhà thờ chẳng khác gì những vì sao mờ nhạt, bị bầu trời xám giam hãm, chúng nom buồn tẻ, lấp lánh và run rẩy, như cổ vươn lên cao hơn nữa tới vòm trời trong treo sau bức màn mây xám bị gió xé rách tơi tả. Còn mây lướt nhanh và bóng mây làm phai mờ những màu sắc sặc sỡ của thành phố: những tia sáng mặt trời bắn ra từ những hồ sâu xanh thẳm giữa những đám mây, và rơi xuống thành phố, tưới lên nó những màu sắc vui vẻ, thì, mây lập tức che lấp mặt trời, trôi nhanh hơn, bóng mây nặng hơi nước trở nên nặng nề hơn, và tất cả mọi cái lại tối xám, sau khi lóe lên niềm vui sướng chỉ trong giây lát.

Nhà cửa thành phố giống hệt như những đồng tuyết bản, mặt đất dưới những ngôi nhà ấy đen sạm, trơ trọi và cây cối trong vườn - chẳng khác gì những gò đất ánh phản quang mờ đục của các khung kính trên những bức tường nhà xám xịt gợi nhớ mùa đông, và bao trùm lên tất cả là nỗi buồn da diết của mùa xuân nhợt nhạt phương bắc đang nhè nhẹ lan ra.

Misuc Điatlốp, một gã trai trẻ măng, tóc sáng, môi như môi thỏ,

thân hình nở nang, vụng về, thử cất giọng hát:

Sáng ra cô bé đến với chàng

Nhưng chàng đã tắt thở hồi đêm...

– Chà, cái đồ con đi! - Ông lính già quát Điatlốp. - Mà quên hôm nay là ngày gì rồi sao?

Bôiep cũng nổi cáu, giờ nắm đầm dọa Điatlốp và huýt sáo:

– Đồ óc chó!

– Chúng ta là dân của rừng rú, sống dai dẳng, sung sức. - Ôxip nói với Bưđưin, lão ngồi vắt vẻo trên đỉnh cột chắn bằng và nheo mắt ngắm độ thoải của cột. - Dịch đầu cọc sang bên trái độ một versôc nữa được đấy! Mà nói nôm na ra thì là dân man di mọi rợ. Này nhé, thấy một vị thầy tu là bọn họ ủa ngay tới, vây quanh, quỳ sụp xuống, khóc lóc: Thưa đức ông rất thánh, xin người hãy dùng quyền phép ngăn cấm lũ chó sói cho chúng tôi, lũ chó sói làm tội làm tình chúng tôi! Còn lão già quát họ: “Chà chà, lão nói, các người là dân chính giáo hả? Được, lão nói, ta sẽ đưa các người ra tòa án xử tội thật nặng!” Lão giận dữ, nhổ toẹt ngay vào mồm họ. Lão già ơi là già, một người hiền lành, đôi mắt nhỏ thường chảy nước mắt...

Phía dưới, cách những cột chắn bằng chừng hai chục xajen^[4] bọn thủy thủ và dân lang thang đang đập bằng quanh thành sà lan: họ ráng sức thúc mạnh xà beng đập phá cái vỏ mỏng màu xám của dòng sông, những cây sào mảnh thấp thoáng trên không trung, đẩy các mảnh bằng đã bị đập vỡ xuống dưới mặt bằng; nước ì oạp từ phía bờ cát, có tiếng nước chảy róc rách. Ở chỗ chúng tôi, bào đưa sồn sột, cửa rít lên, sóng riu đập bình bịch, đóng sâu những chiếc đinh địa sắt vào thân gỗ màu vàng đã bào nhẵn - và xen lẫn với những âm thanh ấy, tiếng chuông nhà thờ lạnh lốt, đã dịu đi nhiều vì từ xa truyền tới, làm rung động tâm hồn.... Tôi có cảm giác rằng cái ngày màu xám bằng tất cả công việc của mình đang lên tiếng ngợi ca mùa xuân, gọi mùa xuân

đến với mặt đất đã tan hết tuyết, nhưng còn trơ trọi và nghèo nàn.

Có người nào gào lên bằng cái giọng khàn khàn vì cảm lạnh:

– Gọi hộ gã người Đư-ức vợ-ôi, không đủ người làm...

– Hắn ở đâu?

– Xem ở quán rượu xem...

Tiếng nói nặng nề trôi trong không khí ẩm ướt, buồn bã chảy loang ra trên dòng sông mênh mang.

Người ta làm việc hối hả, sôi nổi, nhưng làm ẩu, qua quýt, ai cũng nóng ruột về thành phố, về nhà tắm và về nhà thờ; Xasốc Điatlốp nóng ruột hơn cả. Cũng như anh, Xasốc tóc màu sáng, hết như vừa được luộc bằng nước giặt quần áo, nhưng lại quăn, người cân đối và nhanh nhẹn, chốc chốc lại nhìn lên mạn sông phía trên, anh chàng thì thào với anh.

– Nghe không, hình như băng đang rạn vỡ thì phải?

Hồi đêm mặt băng vừa “động”, cảnh sát trên sông từ sáng hôm qua đã không cho ngựa đi qua sông. Trên những tuyết cầu, thắng hoặc mới có một người bộ hành đi qua, trông như những hạt cườm đang lăn và mỗi khi ván cầu lún xuống người ta nghe rõ tiếng đập của nó xuống mặt nước hết như tiếng bập môi.

– Băng đang rạn vỡ. - Misuc Điatlốp nói, đôi hàng mi trắng chớp chớp.

Ôxip khum tay che mắt nhìn xuống sông, nói át Misuc.

– Có vỏ bào trong đầu cậu khô đi kêu lạo xạo thì có! Làm đi, cứ biết làm đi, con trai mụ phù thủy ạ! Này giám thị, thúc bọn chúng đi, sao cậu cứ chúi mũi vào sách ấy?

Công việc còn độ hai giờ nữa thì xong, toàn bộ cái bấu của cọc chắn băng đã được bọc lớp ván mỏng màu vàng như mỡ, chỉ còn đặt những thanh chống dày bằng sắt vào nữa là xong hẳn. Bôiép và

Xavianhin đục ổ để cho những thanh chống đó vào, nhưng ổ không đúng cỡ, hẹp quá - rãnh máng không ăn được vào gỗ.

– Đồ dân Mordavi mù. - Ôxip quát tháo, ngón tay gõ gõ lên trán. - Làm ăn thế ư?

Đột nhiên từ đâu đó trên bờ sông, tiếng người nào vui sướng gào to:

– Chu-yến-ển rô ồ i!

Và như thế đi kèm với tiếng gào đó, có tiếng ào xào thông thả, tiếng rạn nứt se sẽ lan ra trên mặt sông; những cành thông làm mốc trông giống những cánh tay bắt đầu run rẩy, tựa hồ chơi với bám lấy cái gì trong không khí, còn bọn thủy thủ, bọn người lang thang thì vung sào loạn xạ, âm ỉ leo thang dây lên boong sà lan.

Thật lạ lùng, trên sông ở đâu mà bỗng xuất hiện nhiều như thế: Hệt như họ nhảy vọt từ dưới mặt băng lên và bây giờ chạy đi chạy lại tán loạn như đàn quạ sợ hãi nghe súng nổ. Họ nhảy nhót, chạy, kéo những tấm ván gỗ và những cây sào ném đi và lại chộp lấy.

– Thu nhặt lấy dụng cụ! - Ôxip kêu to. - Nhanh tay lên, mẹ... lên bờ.

– Thế là đi toi mất lễ Phục sinh rồi!? - Xasốc chua xót thốt lên.

Trông thì tưởng chừng như con sông không nhúc nhích, mà thành phố giật mình, nghiêng đi và cùng với ngọn đồi ở phía dưới bập bênh trôi ngược dòng sông. Những gò cát xám ở trước mặt chúng tôi, cách khoảng mười xajen, cũng động đậy và trôi đi, xa dần chúng tôi.

– Chạy. - Ôxip quát to, đẩy vào người tôi. - Làm gì mà đứng há hốc mồm ra thế?

Cảm giác khủng khiếp về nguy hiểm đang ập tới nhói lên trong tim. Chân tôi cảm thấy băng đang tuột đi ở phía dưới và tự chúng lao đi mang thân thể tôi chạy về bờ cát tua tủa những cành liễu không lá mà trận bão tuyết mùa đông đã bẻ gãy khỏi cây. Bôiep, ông lính già, Bưđurin và hai anh em Điatlốp đã nằm bò toài ở đó. Gã trai Mordavi

chạy bên cạnh tôi và bực tức chửi, còn Ôxip - bước đi phía sau, quát lên:

- Đừng rửa nữa, Narôđex.
- Nhưng biết làm thế nào bây giờ, bác Ôxip...
- Cũng như mọi khi thôi.
- Nhưng chúng ta nhắc đến ở đây đến hai ngày là ít...
- Ừ thì ngồi đây.
- Thế còn ngày hội?
- Thì năm nay người ta vui hội thiếu chú mày...

Ngồi trên cát, ông lính già hút tẩu và cất giọng khàn khàn.

- Hoảng hồn lên cả... năm ba xajen là tới bờ, vậy mà các người cầm đầu cầm cổ chạy...

- Thì ông là người chạy đầu tiên chứ ai. - Môkây nói.

Nhưng ông lính già nói tiếp:

- Mà sợ cái gì kia chứ? Đến Chúa Giêsu cũng còn chết nữa là...
- Nhưng Người lại tái sinh kia mà. - Anh chàng người Mordavi giận dữ lâu bầu, còn Bôiep quát mắng:

- Im đi, đồ chó cún! Mày được quyền bàn luận về chuyện ấy à? Tái sinh! Hôm nay mới là thứ sáu, chứ đâu phải “Chúa nhật”.

Vùng mặt trời tháng ba bừng sáng, trong các khe màu lam giữa những đám mây băng lấp lánh, cười cợt chúng tôi. Ôxip khum tay che mắt nhìn ra sông vắng người và nói:

- Sông đã chồm đứng dậy... có điều không lâu đâu.
- Không cho chúng ta về dự hội. - Xasốc cau có than thở.

Bộ mặt không râu, không ria, sạm đen và xương xẩu, như củ khoai tây chưa cạo vỏ của gã trai người Mordavi nhăn nhó bực bội, anh chàng luôn chớp chớp mắt và lâu bầu:

– Ngồi chết ở đây... Không bánh mì, không tiền bạc. Người ta thì vui thú, còn bọn ta thì... Chúng ta đi hầu hạ cho những lòng tham lam, chẳng khác gì những con chó...

Ôxip nhìn chằm chằm ra sông, và, rõ ràng là đang nghĩ về chuyện gì khác, nói như mê ngủ:

– Ở đây hoàn toàn không phải vì lòng tham lam, mà là do sự cần thiết! Những trụ chắn băng ở chân cầu để làm gì? Bảo vệ sà lan và những cái khác khỏi bị băng phá. Băng ngu ngốc lắm, nó mà xô vào đoàn sà lan, thì ôi thôi còn đâu là cửa cái nữa...

– Chao ơi - thầy kệ... cửa cái của chúng tôi ư?

– Nói chuyện với đồ ngốc...

– Đáng ra phải chữa sớm hơn...

Ông lính già nhăn mặt dữ tợn và quát:

– Thôi đi, cái thằng cha Mordavi này!

– Sông chồm lên rồi. - Ôxip nhắc lại. - Hừm...

Trên dãy sà lan, bọn thủy thủ gào thét, còn từ dưới sông, hơi lạnh đưa lên và một bầu không khí yên lặng độc ác đầy vẻ rình mò lan tỏa ra. Những cột mốc đánh dấu trên mặt băng chuyển chỗ lung tung, thay đổi hẳn hình nét vẽ trên băng, và mọi cái đều như biến đổi, tràn ngập một sự chờ đợi căng thẳng.

Một cậu trong bọn trẻ se sẽ và rụt rè hỏi:

– Bác Ôxip, bây giờ làm thế nào?

– Cái gì? - Ôxip hỏi lại như đang mê ngủ.

– Chúng ta cứ đành bó gối ngồi đây ư?

Bôiep cất giọng mũi, trêu chọc nói:

– Chúa trừng phạt bọn tà đạo các người không cho dự lễ thánh của Chúa, có phải không nhỉ?

Ông lính già ủng hộ bạn, - bàn tay cầm tàu chỉ ra sông và cười khẩy,

lầu bầu:

– Thèm về thành phố lắm hả? Thì đi đi! Bằng chuyển. Đi mà chết chìm, không chết chìm thì người ta sẽ tóm cổ vào bóp cảnh sát... Cho mà dự lễ - tha hồ mà khoái!...

– Hoàn toàn đúng. - Môkây nói.

Mặt trời đã khuất hẳn, dòng sông tối lại, còn thành phố lại hiện ra rõ hơn - bọn thanh niên giương mắt bức tức và buồn rầu nhìn chằm chằm về thành phố và im lặng, dần dần.

Tôi thấy tê nhạt và nặng nề, như thường lệ mỗi khi nhận thấy chung quanh ta, mỗi người một ý nghĩ khác nhau, và không có một mong ước duy nhất có thể liên kết người ta lại thành một sức mạnh toàn vẹn và bướng bỉnh. Tôi muốn bỏ mặc họ và một mình đi qua mặt bằng.

Ôxip hồ như bỗng nhiên thức giấc, đứng thẳng lên, bỏ mũ lông ra, quay về phía thành phố làm dấu thánh, rồi nói một cách rất đơn giản, bình tĩnh và oai vệ:

– Nào, anh em, ơn Chúa phù hộ, ta lên đường.

– Về thành phố ư? - Xasôc reo lên, đứng phắt ngay dậy.

Ông lính già, không nhúc nhích, nói như đinh đóng cột:

– Chết chìm hết.

– Thế thì ông cứ ở lại.

Và nhìn tất cả mọi người, Ôxip lớn tiếng nói:

– Nào, nhanh lên!

Tất cả đứng dậy, túm tụm lại thành một nhóm. Bôiep xếp lại đồ đạc trong túi dệt rên rĩ:

– Đã nói đi, là phải đi! Ai ra lệnh người đó chịu trách nhiệm.

Ôxip hồ như trẻ lại, khỏe hẳn ra: vẻ láu lỉnh dịu dàng trên gương mặt hồng hào biến mất, đôi mắt tối lại, trở nên nghiêm khắc, sắc sảo, đáng đi lười nhác uể oải cũng biến mất - lão bước đi rắn rỏi, quả quyết.

– Mỗi người cầm lấy một thanh gỗ và cầm ngang người nếu chẳng may - cầu Chúa tránh cho điều dữ - có ai tụt xuống nước, hai đầu gỗ sẽ mắc lại trên mặt băng, sẽ giữ người lại! Và để đi qua những kẽ băng nứt... Dây thừng có không đây? Narôdetx, đưa cho tôi cái ống thủy chuẩn... Xong cả chưa? Nào, tôi đi đầu, theo sát tôi là người nào nặng nhất? Ông, ông lão lính! Sau đó là Môkây, anh chàng người Môđavi, Bôiep, Misuc, Xasốc - Mácximôvits nhẹ hơn cả, cậu ta đi sau cùng... Bỏ mũ ra, cầu xin Đức mẹ đi! Kìa, cả vùng dương cũng lộ ra đón chào chúng ta kia...

Mọi người nhất loạt bỏ mũ ra, để lộ những mái đầu bù xù, bạc trắng, hay màu hạt dẻ. Xuyên qua màn mây trắng mỏng manh, mặt trời ngó nhìn xuống những mái đầu ấy, rồi lại trốn đi, hết như không muốn khơi niềm hy vọng cho họ.

– Nào! - Ôxip nói, giọng khô khan, lạ hẳn. - Chúa phù hộ chúng ta! Cứ nhìn theo chân tôi bước. Không đi sát theo lưng nhau, giữ cự ly người nọ cách người kia ít nhất là một xajen, mà càng xa hơn càng tốt. Nào ta đi, các con.

Dúi cái mũ lông vào ngực áo, tay cầm ống thủy chuẩn, Ôxip thận trọng và nhẹ nhàng thoăn thoắt đưa chân bước xuống mặt băng và lập tức, sau lưng lão, trên bờ, một tiếng kêu thảng thốt cất lên.

– Lũ cừu, đi đâ... ầu...

– Cứ bước đi, đừng có ngoái lại phía sau! - Người dẫn đầu sang sảng ra lệnh.

– Qu-ay la-ại, đồ qu-uỷ...

– Đi đi, anh em ơi, phải nhớ Chúa chứ? Người có gọi chúng ta về dự lễ đâu...

Tiếng còi cảnh sát rít lên, còn ông lính già cao giọng cầu nhàu:

– Mẹ-ẹ, lũ tà đạo... các người gây chuyện rắc rối rồi! Bây giờ là bờ bên kia người ta đánh điện ngay về sở cảnh sát... May mà không chết

chìm thì cứ là vào bóp làm bạn với rệp... Tôi là tôi không chịu trách nhiệm đâu...

Giọng nói hào hứng của Ôxip dẫn đầu đoàn người theo sau như thế kéo họ đi bằng một sợi dây:

– Nhìn cho tinh dưới chân!...

Đoàn người đi chéo ngược dòng sông, và tôi đi sau cùng, nhìn thấy rõ lão Ôxip nhỏ bé, tươi tắn, đầu bạc trắng như lông thỏ, khéo léo trượt trên băng, hầu như không nhấc chân lên. Theo sau lão, sáu hình người đen đen lảo đảo kéo thành chuỗi dài, nom như được xâu vào nhau bằng một sợi chỉ vô hình, đôi khi bóng của họ hiện ra bên cạnh trái trên mặt băng dưới chân họ. Đầu đoàn người cúi xuống, giống những người đi xuống núi và thân ngả về phía sau vì sợ ngã.

Phía sau, tiếng người kêu mỗi lúc một nhiều hơn - rõ ràng là một đám đông dân chúng đã đổ dồn tới, không còn phân biệt được lời lẽ gì cả, chỉ nghe thấy một tiếng ồn ào khó chịu.

Cuộc diễu hành thận trọng này đối với tôi trở nên một công việc máy móc, buồn tẻ, tôi quen đi nhanh nên bây giờ chìm ngập vào tâm trạng mê mê tỉnh tỉnh, trong lòng hồ như trống rỗng, không còn nghĩ ngợi gì về bản thân mình nữa, chính mình lìa bỏ mình và đồng thời mọi cái đều nhìn thấy rõ đặc biệt, nghe thấy rõ đặc biệt. Dưới chân, mặt băng xám xanh như màu chì, bị nước ăn mòn, ánh sáng phản chiếu hắt lên sáng lóa mắt. Đôi chỗ mặt băng vỡ ra, gồ lên như cái bướu rồi bị dòng băng trôi nghiền nát thành mảnh vụn, dồn lại từng đống, lở chỗ như hòn đá kỳ, nhưng sắc cạnh như mảnh kính vỡ. Những đường nứt xanh lạnh lùng mỉm cười, rình bắt chân người. Đế giày rộng bản giẫm lép bép, tiếng nói của Bôiep và ông lính già cứ lải nhải đến phát ngán, - cả hai cứ như hai cây sáo cùng một mồm ngậm thổi.

– Tôi không chịu trách nhiệm.

– Tất nhiên, cả tôi.

– Một kẻ được phép chỉ huy, còn người khác có thể còn mình mãi gấp nghìn lần thì.

Ở ta, con người sống bằng sự minh mẫn ư? Ở ta mọi người chỉ sống bằng cái cuồng hòng...

Ôxip giắt vạt áo lông cừu vào thắt lưng, đôi chân lão mặc quần dạ lính màu xám: bước đi lanh lẹ, nhún nhảy như lò xo. Lão bước tựa hồ phía trước lão luôn luôn có một kẻ nào đó cứ nắm lấy lão. Kẻ ấy chỉ có lão nhìn thấy, y cứ xoắn lấy lão khiến lão không thể đi theo đường thẳng, con đường ngắn nhất, còn lão phải đấu tranh với y, cố lẩn tránh hẳn, lúc né sang phải, lúc né sang trái, thỉnh thoảng quay ngoắt lại và luôn luôn nhảy nhót, vẽ ra trên mặt bằng những đường ngoằn ngoèo, những vòng cung. Tiếng nói của lão vang lên không ngừng, du dương như hát, hòa điệu với tiếng chuông ngân nga, nghe thật sướng tai...

Đoàn người đã ra tới giữa dải băng rộng bốn trăm xajen, thì trên đầu dòng có tiếng ào ào ghê rợn vọng tới, và đúng lúc đó băng trôi dưới chân tôi, tôi lạng người đi và không đứng vững, ngã khuỵu gối xuống, kinh ngạc bàng hoàng. Nhưng tôi vừa ngược nhìn về phía đầu dòng, thì lập tức nổi sợ hãi chen lấy cổ tôi, khiến tôi không thốt ra tiếng được nữa, mắt tôi hoa lên - lớp vỏ băng xám bỗng sống dậy, gù lên, trên mặt băng phẳng nhô lên những cạnh sắc, trong không trung có tiếng ào ào lạ lùng - giống hệt như có người nào đưa đôi chân nặng nề bước trên kính vỡ.

Ngay cạnh tôi nước chảy rít lên se sẽ, gổ nứt răng rắc, rít lên như một sinh vật, người ta gào thét, túm tụm lại một đám, và trong tiếng ồn ào mơ hồ kinh sợ, tiếng Ôxip sang sảng vang lên:

– Tản đi... tản đi - tách xa nhau ra, những đứa con của Chúa... Bà mẹ đã chuyển rồi, chuyển rồi. Rảo bước lên, anh em! Kia - chuyển rồi.

Lão nhảy căng lên như bị ong bò vẽ đốt, và cầm cái ống thủy chuẩn dài một xajen, như cầm khẩu súng trường, chọc chọc quanh mình, tựa

như đang đánh nhau với kẻ nào đó, còn thành phố nom lầy bầy, trôi đi ngang bên lão. Bềnh dưới chỗ tôi kêu rít lên, vỡ vụn ra, nước trào lên chân, tôi chồm dậy, mê mụ bỏ theo Ôxip.

– Đi đâu? - Lão vung ống thủy chuẩn lên, quát. - Đồ quỷ, đứng lại.

Tôi tưởng chừng như đây không phải là Ôxip nữa, - gương mặt trẻ lại lạ lùng, mọi nét quen thuộc biến đâu hết, đôi mắt xanh lơ chuyển thành màu xám, lão hồ như cao vọt lên nửa arsin. Thẳng như một chiếc đinh mối, chân khệp chặt, vươn lên cao, lão quát, mồm há to:

– Đừng có rối lên, đừng có túm tụm lại - ông lại phang cho vỡ toang sọ cả lũ bây giờ!

Và lão lại vung ống thủy chuẩn về phía tôi.

– Cậu đi đâu?

– Chúng ta đến chết chìm cả mất. - Tôi se sẽ nói.

– Xì! Câm đi.

Nhưng nhìn tôi, lão nói thêm, khế hơn và dịu dàng hơn:

– Chết chìm thì thẳng ngốc cũng có thể chết được, còn cậu thì phải thoát khỏi nguy hiểm... cần nhất định phải lên bờ bằng được!

Và lão lại sôi nổi, hét lên những lời khích lệ, ưỡn ngực ra, hất đầu về phía sau.

Mặt bằng nứt rạn và kêu lạo xạo, thong thả vỡ ra, chúng tôi bị cuốn đi, từ từ trôi ngang qua thành phố, một sức mạnh ghê gớm bỗng bùng tỉnh trong lòng đất và kéo căng bờ sông ra. Một phần bờ sông - ở phía dưới chúng tôi - không động dậy, còn phần đối diện với chúng tôi, lạng lẽ đi ngược lên trên sông, chẳng bao lâu nữa, mặt đất sẽ nổ bung ra.

Cái chuyển động chậm chạp, ghê rợn này khiến ta mất cảnh giác về sự liên hệ với mặt đất: tất cả rời chỗ, khiến lòng ta tê tái, chân tay bủn rủn. Trên trời những đám mây đỏ lạng lẽ lướt đi, những mảnh băng phản chiếu mây trời, cũng đỏ lên như thể căng thẳng ra để với lấy tôi.

Cả mặt đất bao la sống dậy đón sự sinh nở của mùa xuân, vươn dài ra, rướn cao bộ ngực ẩm ướt bờm xờm, làm xương cốt kêu răng rắc, và dòng sông nằm trong thịt đất trắng kiện, tựa hồ như sống động, tràn đầy dòng máu đặc, sôi sục.

Cảm giác tủi nhục về sự nhỏ bé và bất lực của mình trong cái chuyển động tự tin, bình tĩnh của những khối đồ sộ này đè nén tâm thần, còn trong lòng - trùm lên trên nỗi tủi nhục - một niềm mơ ước táo tợn của con người lớn dần lên, cháy sáng: giá mà vươn được tay ra, oai nghiêm đặt tay xuống núi, đặt tay lên dải bờ và nói: “Đứng lại, đợi ta đến đây!”

Tiếng chuông đồng ồn ào, nghe buồn như tiếng thở dài, nhưng - tôi nhớ ra rằng qua một ngày nữa thôi, đêm đến, nó sẽ rộn lên vui vẻ, báo tin Chúa tái sinh.

Làm sao sống cho tới lúc nổi lên tiếng chuông đó!...

Bảy bóng người đen đen lay động trong mắt, nhảy nhót trên mặt băng, những bóng người ấy vung những mảnh ván trong không trung như vung những mái chèo còn phía trước họ, một lão già giống như Thánh Nikôlai xoay trở lanh lẹ, giọng nói uy nghiêm của lão ta không ngừng vang lên sang sảng.

– Không chậm một phút!

Mặt sông trở nên gồ ghề, cái sống lưng linh hoạt của nó rùng mình và uốn éo dưới chân, gợi nhớ tới con cá voi trong truyện “Con ngựa có bướu” và từ dưới lớp vảy băng, sông mỗi lúc một phô rõ tấm thân bằng chất lỏng của nó: nước đục ngầu lạnh giá bắn tóe lên thêm thường liếm chân người.

Tốp người đi theo một lối hẹp như cái sào nhỏ ngay bên bờ vực sâu. Tiếng nước vỗ nhẹ nhẹ, réo rắt nhắc ta nghĩ đến cái chiều sâu không đáy, tưởng tượng thấy thân thể ta tụt rất lâu, rất lâu trong cái khối lạnh buốt chật chội ấy và mắt ta mờ lòa, tim ta lặng đi như thể nào. Trong ký ức chợt hiện lên hình ảnh chết đuối, những sợ người trơn nhớt,

những cái mặt phù lên, mắt lồi ra, ngây dại, những ngón tay xòe ra trên những bàn tay sưng húp, da lòng bàn tay nhàu nát như cái giẻ...

Người đầu tiên tụt xuống kẽ băng là Môkây Budurin. Gã đi trước anh chàng Mordavi, như thường lệ lằm lì, lặng lẽ như không có gã, bước đi bình tĩnh hơn tất cả mọi người, thể mà bỗng nhiên - giống như có người giật chân gã, - gã biến mất, trên mặt băng chỉ còn đầu và tay gã bám chặt vào thanh gỗ dài.

– Giúp hẩn một tay. - Ôxip gào lên. - Đừng có xúm xít tất cả lại. Một, hai người lại giúp thôi!

Còn Môkây, phì phì, nói với anh chàng Mordavi và tôi:

– Cứ tránh ra các cậu thanh niên... tôi tự... không sao đâu...

Gã trèo được lên mặt băng và vừa vẩy nước vừa nói:

– Những tay nghịch ngợm kia cứ túm tụm lại khéo mà rồi bản thân lại chìm ngấm bây giờ đây...

Bây giờ, răng đánh lập cập và đưa cái lưỡi to liếm cặp ria ướt, gã trở nên đặc biệt giống một con chó lớn, ngoan ngoãn.

Chợt nhớ lại chuyện cách đây một tháng gã đã mất đứt một ngón cái ở tay trái vì lưỡi rìu. Gã giơ mẫu ngón tay nhọt nhọt với cái móng xám ngoét lên và đưa đôi mắt tối sầm khó hiểu ngẫm nghía, gã nói một cách hồi hận, se sẽ:

– Đã biết bao nhiêu lần tôi làm hỏng nó, cái của ngọc nghêch này, bao nhiêu lần cũng chẳng nhớ nữa!... Nó bị sai khớp, cử động trật trẹo... Bây giờ thì tôi đem chôn nó...

Gã gói ghém cẩn thận mẫu ngón tay đứt vào miếng vỏ bào, để vào túi rồi mới buộc vết thương ở tay lại.

Tiếp theo gã đến lượt Bôiép tụt xuống tắm nước lạnh, tôi có cảm giác như tự gã lăn xuống dưới băng, nhưng liền đó gã gào lên hoảng hốt:

– Ôi cha mẹ ơi, tôi chết chìm mất, chết chìm mất anh em ơi, giúp tôi với...

Và kinh hãi, gã vùng vẫy, rồi rít đến nỗi khó khăn lắm mới kéo được gã lên và vì loay hoay bên cạnh gã mà anh chàng Mordavi lộn đầu xuống nước suýt chết toi.

– Tẹo nữa thì đến với ma quỷ mà chầu lễ. - Trèo lên được mặt băng, gã cười ngượng nghịu nói, bây giờ nom gã càng gầy và xương xẩu hơn.

Lát sau, Bôiep lại tụt xuống hồ băng và kêu ré lên.

– Đừng gào lên, Iaska, nhất như cây ấy! - Ôxip quát, vung ống thủy chuẩn lên dọa. - Việc gì mà ông làm mọi người hoảng lên? Rồi ta cho ông biết tay. Cởi dây lưng ra, lộn túi ra, anh em ạ, như thế sẽ thoải mái hơn...

Cứ mười bước lại có những cái hàm tua tua răng há hoác ra, phát lên những tiếng kêu rau rầu và phun nước bọt đục ngầu, những cái răng màu xanh nhọn sắc ngoạm lấy chân người ta, tưởng chừng dòng sông cứ muốn nuốt tụt người ta vào bụng, như rắn nuốt chửng ếch nhái. Giày và quần áo ướt đầm, làm cho khó nhảy, kéo người ta xuống; tất cả mọi người trở nên trơn tuột như được liếm sạch, vụng về và cảm lạnh, chuyển động nặng nề, chậm chạp và nhẩn nhục.

Nhưng, Ôxip hầu như đã đếm trước số kẻ nứt trên băng và cũng ướt át như mọi người, lão nhảy từ tầng băng này sang tầng băng khác như chú thỏ; nhảy xong lão dừng lại giây lát, và nhìn quanh, quát lên sang sảng:

– Nào, nhìn cho tinh vào!

Lão đùa cợt với dòng sông, dòng sông rình bắt lão, nhưng lão già bé nhỏ này lẩn tránh được, biết lanh lợi đánh lừa nó, vượt qua những cái bẫy bất ngờ. Thậm chí tôi có cảm giác như lão còn chỉ huy cả hoạt động của mặt băng, đẩy những tảng băng lớn chắc chắn đến chân

chúng tôi nữa.

– Những đứa con của Chúa, đừng có nản chí đây.

– Ái chà chà, bác Ôxip! - Anh chàng người Mordavi khẽ reo lên khoái trá. - Người thế mới là người chứ!

– Đây mới thực sự là một con người.

Càng gần tới bờ, băng càng vỡ nhiều và bọn chúng tôi càng có nhiều người tụt xuống nước. Thành phố gần như đã trôi ở ngang ngay bên cạnh, chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ bị cuốn ra sông Vônga, mà ở đó băng còn chưa chuyển động và chúng tôi sẽ bị hút tụt xuống dưới mặt băng ở đó.

– Chắc là chúng ta chết chìm thôi. - Anh chàng Mordavi thì thào nói, chốc chốc lại đưa mắt nhìn bóng chiều hôm xanh mờ phía bên trái.

Nhưng bỗng nhiên - như thương hại chúng tôi - một khối băng đồ sộ thúc cạnh vào bờ, chồm lên, vỡ rãng rặc và đứng dừng lại.

– Cha-ay. - Ôxip gào toáng lên. - Ba chân bốn cẳng chạy!

Lão nhảy lên khối băng lớn, trơn, tuột, ngã xuống, và ngồi ở mép băng, nước bắn tóe lên người, để cho cả bọn chạy lên trước - năm người đã chen nhau vọt được lên bờ. Anh chàng Mordavi và tôi dừng lại, muốn giúp Ôxip.

– Các chú lợn con, chạy ù lên nào!...

Mặt lão xanh xám và run lên, đôi mắt sa sầm, mồm mở to lạ lùng.

– Đứng dậy đi, bác...

Lão cúi đầu.

– Hình như chân què rồi. Không dậy được...

Chúng tôi nâng lão dậy, dìu đi, còn lão choàng hai tay bá cổ chúng tôi, làu bàu, răng đánh lập cập.

– Lũ ma rừng, đến chết chìm cả thôi... thôi, nhờ ơn Chúa... Cẩn

thận đây - băng không chịu nổi ba người đâu, bước cho cẩn thận! Chọn chỗ nào băng không bị tuyết phủ, chỗ ấy băng chắc chắn hơn. Các cậu cứ bỏ quách mình đây thì phải!...

Lão nheo nheo một mắt lại nhìn vào mặt tôi, hỏi:

– Thế cuốn sách ghi tội lỗi của chúng tôi chắc là ứt hết cả rồi phải không, hỏng mất rồi phải không?

Khi chúng tôi rời khỏi khối băng ban nãy đã chồm lên bờ sau khi nghiền nát vụn một chiếc sà lan thì tất cả phần băng còn nằm dưới nước, kêu răng rắc, bập bênh, chìm xuống nổi lên, rồi trôi đi.

– Gớm chữa? - Anh chàng Mordavi tỏ ý hài lòng. - Nó cũng biết phận mình!

Ướt át, lạnh cóng và phấn khởi, chúng tôi ở trên bờ giữa đám thị dân ngoại ô. Bôiep và ông lính già đã đang chửi nhau với họ; chúng tôi đặt Ôxip lên những thân gỗ, lão vui vẻ nói to:

– Anh em ơi, thế là cuốn sách đi đời rồi, ứt sạch cả...

Cuốn vở này nặng như một hòn gạch trong ngực áo tôi. Tôi lén lút rút nó ra, ném xa ra ngoài sông, nó rơi đánh bệt một cái như con ếch xuống mặt nước tối đen.

Anh em Điatlốp chạy bỏ lên đồi tìm quán rượu mua vôtka, họ vừa chạy vừa đâm nhau và gào thét.

– Hà hà!

– Gớm chữa!

Một ông lão cao lớn có bộ râu xồm xoàm của một vị sứ đồ và đôi mắt của một tên ăn cắp nói quả quyết ngay bên tai tôi:

– Các người khuấy động dân chúng yên lành, cần phải đập vào mõm các người, quân đáng nguyên rủa...

Bôiep vừa xỏ lại giày vừa hỏi to:

– Chúng tôi làm gì khiến các người phải lo sợ nào?

– Người chính giáo bị chết chìm, - Ông lính già lâu bầu, giọng càng khàn hơn. - còn các người thì đã làm gì?

– Thế chúng tôi biết làm gì kia chứ?

Ôxip nằm dưới đất, duỗi thẳng chân, và hai tay run run sờ soạng cái áo lông cừu ngắn, khẽ than vãn:

– Ôi, mệt quá đi mất... Hồng cả cái áo... mà đã mặc được một năm đâu!...

Lão trở lại bé nhỏ, mặt nhăn nhó và nằm trên mặt đất, lão hồ như tan ra, mỗi lúc một thêm bé nhỏ.

Đột nhiên, ngừng dậy, lão ngồi lên, kêu lên một tiếng và bằng một giọng giận dữ cao lạnh lạnh cất tiếng nói:

– Quý đã đưa bọn các người, lũ ngốc đến nhà tắm, nhà thờ rồi nhé, gồm chưa? Chạy ngay đến đó đi... Không có các người, Chúa không sống nổi với ngày hội của mình... Thật là rủ nhau lao vào chỗ chết... làm hỏng hết cả áo quần, quý tha ma bắt các người đi...

Mọi người đi lại giày, vắt kiệt quần áo, mệt mỗi hít mạnh, kêu than, chửi nhau với bọn thị dân, còn lão quát tháo mỗi lúc một hăng.

– Gồm thế đấy, bọn đáng nguyên rủa, các người đã nghĩ ra cái trò như thế đấy? Chúng cần phải đến nhà tắm kia... Chà, cứ gọi cảnh sát tới, cảnh sát sẽ cho các người biết nhà tắm.

Trong bọn thị dân, người nào đó sẵn đón nói:

– Đã cho người đi gọi cảnh sát rồi đấy ạ...

– Ông nói cái gì vậy? - Bôiep quát Ôxip. - Ông vờ vĩnh cái gì vậy?

– Tôi ấy ư?

– Phải, ông!

– Khoan đã! Sao lại thế?

– Ai xúi giục người ta đi, hả?

– Ai?

– Ông.

– Tôi?

Ôxip giật lên như thể bị chúng kinh giật, và thất thanh nhắc lại.

– Tôi ư?

– Hoàn toàn đúng. - Bôđưin nói bình tĩnh và rành rọt.

Anh chàng Mordavi cũng xác nhận, khe khẽ, buồn buồn:

– Có Chúa, đúng là bác, bác Ôxip ạ!... Bác quên rồi...

– Tất nhiên, ông là người đầu têu. - Ông lính già gào lên, cau có và chắc chắn.

– Ông ta quê-ên. - Bôiep hung hăng quát to. - Lại chả quê-ên! Không, đó là ông ta thử xem có đổ lỗi lên đầu người khác được không đấy mà, chúng ta biết tổng ra rồi.

Ôxip lặng thinh và nheo mắt, nhìn quanh những con người ướt át, ăn mặc lôi thôi lếch thếch.

Sau đó nắc lên một cách lạ lùng - chẳng hiểu là cười hay khóc - hai vai giật giật và dang hai tay ra, lão bắt đầu làu bàu:

– Ờ mà đúng đấy... đúng là do tôi bày ra. Lạ chưa!

– Thế đó! - Ông lính già reo lên đắc chí.

Nhìn ra con sông đang sôi sục, như nồi cháo kê, Ôxip, cau mặt và ân hận nhìn lánh đi, nói tiếp:

– Quả là mê muội thật... Ôi, lạ Chúa! Mà sao lại không chết chìm cả nhỉ? Thật không thể hiểu nổi! Chao ôi, đức Chúa! Anh em ạ... đừng giận tôi, vì ngày hội... hãy tha thứ cho tôi!... Tâm trí tôi lúc đó mụ mị đi hay sao vậy. Đúng: tôi đã xúi giục... Chà, thẳng khộm ngu...

– Thế hả? - Bôiep nói. - Thế nếu như tôi chết chìm rồi, thì bây giờ ông nói thế nào?

Tôi có cảm giác rằng Ôxip thực tâm kinh ngạc vì chợt hiểu ra cái việc lão vừa làm vô ích và điên rồ đến chừng nào.

Người nhốt nhất, như bị liễm, giống con bê vừa mới đẻ, lão ngồi trên mặt đất, lúc lắc đầu, hai tay bôi cát quanh mình, và luôn mồm lạo bạo những lời hồi lồi, giọng lạc hẳn đi, mắt không nhìn ai cả.

Tôi nhìn lão, nghĩ bụng - cái con người thống soái đi trước mọi người, ân cần, thông minh và uy nghiêm dẫn dắt mọi người theo mình đâu rồi?

Trong lòng tôi tràn ngập một nỗi trống trải khó chịu, tôi ngồi xuống bên Ôxip, và mong muốn gìn giữ lại một cái gì đó, tôi khẽ nói với lão:

– Thôi đủ rồi bác ạ.

Lão liếc nhìn tôi, lấy tay chải râu, cũng khẽ đáp lời:

– Thấy chưa? Thế đó...

Và lại nói to với mọi người:

– Thật là đại dột phải không?

Trên đỉnh đồi, trên nền trời đã tối lại một hàng cây lồm chồm như đám lông cừu đen, quả đồi phủ phục bên bờ sông như một con thú vật. Bóng chiều xanh sẫm xuất hiện, lộ ra từ sau những mái nhà tựa sát vào làn da tối thẫm của quả đồi. Những bóng đen ấy, giống như những vết thương nhỏ lộ ra từ cái miệng màu hung, ướt át của khe đất cát ngoác rộng, hướng ra phía sông, tưởng chừng như cái mồm ấy vươn tới mặt nước để uống.

Sông tối lại, tiếng lạo xạo và nghiêng rít của băng càng dồn dập hơn, đều đặn hơn, đôi khi những khối băng lớn thúc cạnh vào bờ như những cái mồm lợn dũi đất, đứng bất động giây lát, chao đi, rồi rời bờ tiếp tục trôi, một khối băng khác lại lười nhác trườn đến chiếm chỗ của nó.

Nước lên rất nhanh, vỏ tràn bờ đất, rửa sạch bùn rác - bùn rác loang ra như một đám khói đen trên mặt nước đục ngầu. Trong không trung có một âm thanh kỳ lạ: tiếng gừ rau rầu và chếp chếp, giống như một con thú khổng lồ, vừa nhai ngấu nghiêng cái gì, vừa thè lưỡi ra liếm láp.

Từ thành phố, tiếng chuông nhà thờ ngọt ngào, lạnh lót, rầu rĩ lan

ra, càng ra xa càng yếu dần.

Như hai chú chó cún vui vẻ, anh em Điatlốp tay cầm những cái chai lao từ đỉnh đồi xuống, còn cắt ngang đường của họ - dọc theo bờ sông - lão cảnh sát trưởng mặc đồ xám và hai tên cảnh sát quần áo đen đi tới.

– Chao ơi, lạy Chúa! - Ôxip rên rỉ, xoa xoa đầu gối.

Bọn thị dân, trông thấy cảnh sát, tản ra, im lặng chờ đợi, còn lão cảnh sát trưởng - một con người khô khảnh, mặt choắt, ria mép màu hung vênh lên như mũi tên - tiến đến bên chúng tôi, nghiêm khắc nói bằng một giọng trầm khàn khàn thiếu tự nhiên:

– Ra là các người đẩy phông, bọn quý...

Ôxip nằm ngửa ra đất và vội vã lên tiếng:

– Đó là do tôi cả, thưa ngài, tôi đầu têu mọi chuyện! Xin ngài tha thứ cho, vì những ngày hội lớn mà tha thứ cho, thưa đại nhân...

– Sao lại thế, đồ quý già! - Lão cảnh sát trưởng quát lên, nhưng tiếng quát của lão lập tức chìm ngấm vào dòng những lời lẽ ngọt ngào cảm kích cứ tuôn ra ùn ùn.

– Nhà cửa chúng tôi ở cả bên này, trong thành phố; bờ bên kia chúng tôi chẳng có gì hết, tiền nong cũng không mà bánh ăn cũng không, mà ngày kia, thưa đại nhân, là ngày vĩ đại của Chúa Cơđốc rồi, - cần phải đi nhà tắm, chúng tôi, những con chiên của Chúa, mong được tới dự lễ châu ở nhà thờ, thế là tôi mới bảo: “Nào, anh em ơi, nhờ ơn Chúa, chúng ta không đi làm việc gì xấu mà sợ”. Và vì cái tội ngang ngược thì tôi đã bị trừng phạt, thưa đây, cả cái chân tôi đã gãy nát rồi ạ...

– Hừm! - Lão cảnh sát trưởng nghiêm khắc quát tháo. - Thế ví thử các người chết chìm cả - khi đó thì sự thể sẽ ra sao?

Ôxip thở dài thườn thượt và mệt mỏi:

– Sự thể sẽ ra sao, thưa đại nhân? Chẳng làm sao cả ạ, xin ngài tha

thứ...

Lão cảnh sát chửi rửa, mọi người nghe lão lặng lẽ và chăm chú, giống như không phải lão chửi rửa và văng tục một cách trơ tráo mà đang nói những lời quan trọng mà mọi người nhất thiết phải biết và ghi nhớ lấy.

Sau đó lão cảnh sát trưởng ghi tên chúng tôi lại rồi bỏ đi; chúng tôi uống rượu vôtka cháy bỏng, nóng người và phấn chấn lên, chúng tôi bắt đầu sửa soạn để về nhà. Ôxip mỉm cười, nhìn theo bọn cảnh sát và đột nhiên, nhanh nhẹn đứng bật dậy, hồi hả làm dấu thánh.

- Thế là kết thúc mọi chuyện, lạy Chúa...
- Thế nghĩa là, - Bôiep ngạc nhiên và thất vọng cất cái giọng khàn.
- thế nghĩa là chân còn lành nguyên? Nghĩa là không gãy?
- Ông lại muốn nói gãy thật sao?
- Chà chà - anh hê! Cứ như Petruska^[5] đáng thương ấy...
- Nào, anh em ơi, ta đi thôi! - Ôxip ra lệnh, chụp cái mũ lông ướm lên đầu.

Tôi đi bên cạnh lão đằng cuối cả đám người. Lão nói với tôi sẽ sàng, thân thiết như bảo cho biết một chuyện bí mật mà chỉ mình lão biết.

- Dù có làm gì đi nữa, xoay xở thế nào đi nữa, mà không khôn ngoan, không dối trá thì không thể nào sống nổi, cuộc sống nó như thế, nó như thế đấy... Ta muốn lên cao, nhưng quỷ lại kéo chân ta xuống.

Tối mịt và trong đêm tối bùng lên những đốm lửa đỏ, lửa vàng, như muốn gọi:

“Các người, lại đây!...”

Chúng tôi đi về phía tiếng chuông thánh thót trên đồi, nước chảy réo rắt dưới chân chúng tôi, và giọng nói ngọt ngào của Ôxip chìm ngay vào những tiếng ồn ào ấy:

– Tôi lừa bọn cảnh sát bộm chứ! Đó, chuyện gì cũng phải làm như thế - sao cho không có ai hiểu gì hết, mà mỗi người đều tưởng rằng chính đó là cái lò xo chủ yếu, phải... Cứ để mỗi người nghĩ rằng tâm hồn họ đã lái các việc.

Tôi nghe lão nói và chẳng hiểu gì.

Mà tôi cũng chẳng muốn hiểu, trong lòng thanh thoi và nhẹ nhõm, tôi không biết tôi có thích Ôxip hay không, nhưng tôi sẵn sàng đi bên cạnh lão tới bất cứ nơi nào cần tới - dù lại qua sông đi trên mặt băng trơn tuột dưới chân.

Chuông nhà thờ rền rĩ, ca hát, và tôi vui sướng nghĩ rằng:

“Ta sẽ còn đón gặp mùa xuân biết bao nhiêu lần nữa kia chứ!”

Ôxip nói, hít mạnh:

– Tâm hồn con người ta có cánh - trong giấc ngủ, nó bay lên...

Có cánh ư? Tuyệt diệu!

Chiếc Vĩ Cầm Của Gvarneri

Anhia không nghe thấy có người gõ cửa sổ. Lúc đó cô đang đọc “Mùa hè kỳ lạ” của Fedin, đọc đến đoạn: Anôtska nói ra ý nghĩ của mình một cách mạnh bạo đến mức ngay cả ông nhà văn thủ đô Paxtukhốp cũng phải kiêng nể. Anhia thông cảm với Anôtska và tự hào về Anôtska, bởi vì bản thân cô hiểu rõ việc trước những người lớn tuổi, thông minh - mà thông minh theo cách của mình, khác hẳn cô, và vì thế mà coi cô nếu như không hẳn là một con ngốc thì cũng gần như thế - mà dám bảo vệ ý nghĩ của mình là một việc làm như thế nào!

Người ta lại gõ cửa lần nữa, bây giờ gõ ngoài cửa ra vào, ấy thế mà Anhia vẫn không nghe thấy. Và buổi tối hôm đó có thể cũng lại chỉ là một buổi tối bình thường, nếu như những người đứng ngoài cửa không đoán ra cứ tự tiện kéo mạnh cánh cửa và cứ tự tiện vào nhà không chờ Anhia mời.

Cô không nhìn thấy những người vừa vào nhà cô bị cái giá sách che mất cửa. Các em học sinh ở trường cô học trước cố ý đặt cái giá sách như vậy để luồng không khí giá lạnh không thổi vào bên sườn cô.

Và những ngày đầu tiên, khi, ngoài học sinh ra, hầu như chẳng có ai đến mượn sách nữa, mỗi tiếng cánh cửa bật là cô lại bật dậy. Cô hấp tấp nhảy ra khỏi chỗ ngồi sau bàn - lòng đầy hy vọng, tin tưởng thầm cầu khẩn một người nào đó không rõ, cầu khẩn sao ở ngưỡng cửa của cô xuất hiện ra một người bạn đọc thực sự, người mà vì người đó cô ngồi ở đây cho đến tận canh khuya và chịu đựng hết những lời nhạo báng. Chuyện đã cách đây hai năm về trước, từ đó đã qua nhiều biến đổi, và dần dà cô đã được ngồi yên sau bàn.

– Mà mình với cậu rơi vào chỗ thế nào thế này nhỉ? Chà, quý thật,

đây cũng không phải văn phòng, mà... Này, ở đây có ai sống không đây?

Loáng một cái Anhia vòng ra khỏi giá sách. Ở ngưỡng cửa có hai người đàn ông. Rõ ràng đây là hai người khách lạ - không phải người làng và cũng không phải là người ở trong quận nữa. Họ mặc những chiếc bành tô mùa thu ngắn, áo của một người bằng dạ mềm có hai nếp phủ rộng trên chỗ ngực, áo của người kia có bộ khuy vàng kỳ lạ, tất nhiên là hàng ngoại quốc. Một người quàng chiếc khăn viền đăng ten, còn ở người kia - chiếc khăn bằng lông dê - ở làng thì chỉ có những người đàn bà mới dùng những chiếc khăn như vậy... Anhia lướt nhìn họ một lượt, còn ý nghĩa của nó đã vượt đi ngược cả sự kiện diễn ra, - đây hẳn là đại biểu Xô viết về, thế thì bây giờ cô sẽ nói hết mọi cái về cái nhà câu lạc bộ - cái phòng ướp lạnh chứ không phải nhà cửa nữa. Xô viết thôn không cho chất đốt để sưởi, họ bảo sắp đến mùa xuân rồi. Mà có thể không phải đại biểu Xô viết? Vậy thì đây là ai? Hay từ tỉnh ủy về? Bất luận là ai cô cũng sẽ đem mọi việc ra tố cáo. Không phải từ tỉnh ủy ư? Vậy còn có thể là ai nữa?

Còn hai người khách cau có và lăm lăm, như Anhia cảm giác thể, xét nét cô. Cô theo dõi mắt nhìn của người quàng khăn quàng bằng lông dê, và cô nhìn thấy rõ bản thân như nhìn thấy một người khác: gương mặt có gò má cao, cặp mắt màu hạt dẻ, “những cái đuôi nhỏ” màu hung đỏ, món tóc con trai trên trán. Chiếc áo săng đay, chiếc quần trượt tuyết, đôi ủng dạ khâu đế, lại còn chiếc áo lông cừu từ thời học sinh khoác trên vai - chẳng ra con trai, mà cũng không ra con gái.

– Con bù nhìn có phải không? - Cô nói, sau khi cuối cùng đã gặp cặp mắt nhìn qua cái người quàng khăn lông dê. Và nhận thấy người ấy đỏ mặt tía tai lên. - Nhà chúng tôi hiện nay quả là tử ướp lạnh, đành phải chất tất cả lên người - như vậy mà cũng chẳng thấy ấm. Ấy, mời các đồng chí vào đây, ở chỗ này ấm hơn, ở đây tôi có bếp...

Hai người khách, rõ ràng là hơi lúng túng vì sự tấn công trước của

Anhia và vì cái khóa mở đầu quan hệ lại hóa ra ở trong tay cô, bèn ngoan ngoãn len theo cô vòng qua giá sách đến bên cái bếp đang cháy đỏ. Người đi trước - cái người quàng khăn bằng lông dê - không hiểu sao cô cảm thấy là người nhà hơn, anh ta có gương mặt rộng, nặng nề với đôi hàng lông mày chẳng dài. Anh ta nhìn gằm gằm, hơi lơ đãng. Còn ở người thứ hai gương mặt thanh tú, ngăm ngăm, bộ điệu giấu cợt, và cô lập tức quay ngoắt khỏi nụ cười giấu cợt, và chỉ nói với người quàng khăn lông dê:

– Tên tôi là Anhia Ptitxuna, - Cô tự giới thiệu. - coi thư viện. Còn các đồng chí là ai?

– Còn tôi là Đônxki. - Người da ngăm ngăm nói.

– Đừng bốn cợt nữa. - Người kia bực bội cầu nhàu. - Cô cho hỏi, ở đây có khách sạn hay cái gì đại loại như vậy không?

– Có nhà khách.

– Chúng tôi cần phải ngủ lại đêm. Mặt đường đóng băng... Xe của chúng tôi trơn trượt tẹo nữa thì lật ngửa, vì thế đành phải đợi đến sáng mai. Tỉnh lỵ còn xa đây không cô?

– Đi bằng xe tốt - ba giờ đồng hồ... Các đồng chí đi từ đâu tới vậy?

– Từ Mátxcova. Tôi là nhạc công, ngày mai tôi phải biểu diễn... Đây là bạn của tôi, nhà văn. - Anh giới thiệu tên mình và tên người bạn.

Anh có thể thề rằng cô bé này trong giây lát lớn vụt lên trước mắt anh ta. Khi anh giới thiệu cái tên đồ sộ, vang dội, đã nổi tiếng vùng này, không hề sợ bao giờ đổ vỡ được của mình, thường là anh thấy người tiếp chuyện anh lập tức như bị chững lại - cái gì kia chứ. Sự kính trọng, lòng khâm phục, nổi lúng túng? Chính bản thân anh do đó cũng cứng đờ, ngượng ngùng và buồn tẻ. Vậy mà cô bé này - cô ta đỏ bừng cả mặt cả tai, cặp mắt xanh xanh vàng vàng, màu hạt dẻ, hung đỏ của cô lóe lên một ý nghĩ đột ngột gì đó. Cô đứng trước họ - cao dong

dòng, căng thẳng, với gương mặt đỏ bừng bừng, gương mặt này giờ đây gọi nhớ đến một cái gì. Phải, phải, hoa Cháy, có cái thứ hoa như vậy ở Xibir, một lần anh đã được người ta tặng sau buổi biểu diễn. Hung đỏ như ngọn lửa.

Ở cô trên gương mặt chẳng có gì là cái vẫn thường thấy xuất hiện một cách ngán ngấm và tầm thường ở những người khác mỗi khi nghe đến tên anh. Đúng hơn cả là, nói chung cô chẳng hề biết tí gì về anh. Và trong anh thoáng hiện lên thiện cảm chuyển thành ý nghĩ như thường có vào những đêm giao thừa, trong tiếng chuông đồng hồ điểm mười hai tiếng. Thế là tất cả cái gì nặng nề, ngờ vực xấu xí đã ở lại sau, và đã đến một giây phút - ngưỡng cửa vào cái mới, và cái mới ấy là một cái gì đó hoàn toàn khác hẳn. Sự ra đời mới của anh, tuổi trẻ, sự trong sạch và khả năng vui sướng... cái cảm giác này biểu hiện trong anh đơn giản hơn - nó gắn với chuyến đi này, và anh cảm thấy rằng thẳng bạn của anh đã bày ra cái trò không đến nổi ngu ngốc lắm - đi bằng xe hơi, và cũng không đến nỗi bi thảm cho lắm cái việc hai đứa bị ném vào một cái làng khi ho cò gáy này và anh sẽ ngủ không ra sao cả trước buổi biểu diễn của mình.

– Vâng, - Anhia, hít một hơi đầy, tựa hồ định lặn sâu khỏi bờ vực. - các đồng chí đã ở đây thì không thể đi đâu được nữa. Không-đi-đâu-được. Cho là có người đến đón các đồng chí đi cũng vậy. Ông chủ tịch mà nhìn thấy chiếc xe con là lập tức biết ngay là có khách. Thế là lập tức cho đón các đồng chí đến ngay chỗ ông ta. Nhưng mà các đồng chí đừng có mà đồng ý. Được không nào?

Cô vừa nói vừa hấp tấp đóng cúc áo ngoài, buộc dây mũ chụp tai.

– Tôi đi một loáng... đến nhà khách. Tôi sẽ thu xếp, các đồng chí cứ yên tâm. Mà trong thời gian đó thì các đồng chí sưởi cho ấm, nghỉ ngơi.

Đã ra tới cửa, cô quay lại chỗ hai người, chỗ cái bếp lò, mở cửa ngăn đặt thức ăn, xỏ bao tay chộp lấy cái chảo lôi ra. Cái chảo rắc đầy

muối ngả màu nâu vì nóng, có những củ khoai tây nướng vỏ vàng rục. Anhia đổ khoai ra mặt chiếc bàn nhỏ kê sát bên tường, cất cái chảo vào ngăn bếp lò.

– Tạm thời các đồng chí ăn cho đỡ buồn. Cái thứ khoai tây như của chúng tôi đây không ở đâu có đâu... Tự nó sẽ chui tuốt vào mồm cho mà xem.

Cô chọn lấy một củ trong đồng khoai, lấy nắm tay nhỏ đập xuống. Cái vỏ khoai nứt ra, và Anhia bửa củ khoai ra làm hai, mềm mại óng ánh hột đường.

– Chúng tôi ăn như thế này đây. - Cô nói và khi đã đi tới cửa lại quay lại kêu to. - Các đồng chí không được đi đâu đấy, tôi giao lại những tài sản quý giá cho các đồng chí đấy nhé! Ở đây là mười lăm ngàn đồng rúp mới đấy...

Cô lấy vai hất mạnh cánh cửa nặng nề và biến mất.

– Chà, cái cô bé điên rồi! - Anh chàng tự giới thiệu với Anhia là Dumitri Đônxki nói. - Tuôn ra một tràng, rồi thì xích chúng ta lại đây... Chà chà! Valeri, chúng ta làm gì đây?

– Ăn khoai tây.

– Vậy thì có thể đem cái “tráp nhỏ” ở xe vào chăng? Trong đó mình có mang côn hắc, cá hồng...

– Không, không, tôi không thể. Mà cả cậu mình cũng khuyên không nên - không tiện, đây là thư viện kia mà, người ta sẽ lui tới.

– Ôi lạy Chúa, thì đòi hỏi gì ở chúng ta kia chứ: chúng ta là những người khách đi đường. Với lại có ai phải giữ kẽ ở làng quê, cậu như là người ở sao Hỏa rơi xuống không bằng, thật đấy...

– Xasa ạ, thôi thì tùy ý cậu.

Trong câu trả lời rõ ràng có sự bức bối, mệt mỏi. Anh lại tiếc là đã bằng lòng đi chuyến này. Giá anh cứ đi bằng xe lửa chuyến đêm, tha hồ mà ngủ ngon, ngày mai tới biểu diễn - rồi là về. Đi nghe theo những

lời làm nhảm lãng mạn! Mà không, chẳng qua là anh đã đồng ý để khỏi bị Xasa, người bạn cũ đã có ý định “lay chuyển” anh khỏi rầy rà anh mãi. “Cậu tưởng tượng mà xem, chúng ta sẽ đi qua những thành phố Nga cổ, với những cái nhà thờ nhỏ bé đứng trên đồi, với những người đàn bà chậm rãi đi trên những thành phố vắng. Rồi trên đường về chúng ta sẽ vào ngủ đêm lại ở Xpaxki, nơi ngày xưa đủ loại lũ khách đã nghỉ lại nhà Turgheniép... Thế nào? Cậu có tưởng tượng được không? Hàng loạt những cảm xúc, những sự pha trộn kỳ lạ giữa các thời đại, những cảm giác mới... Tất cả mọi người đều đi vào mùa hè, còn chúng ta. - Chúng ta đi vào lúc mùa đông thở hơi thở cuối cùng, khi anh cảm thấy ở tất cả mọi cái đều có những sức lực tích lũy, những sức lực mà chỉ nay mai là bùng ra nổi loạn, làm nổ tung sự yên tĩnh của ngày đông... Xe của mình loại hảo hạng, mình sẽ chở cậu đi một cách thận trọng như chở một cái bát pha lê...”.

Không, nếu như hoàn toàn thành thực, thì chính cả anh cũng thích cái chuyến đi này, thích tới cái mức mà Xasa gán cho. Có điều không thể thú nhận với Xasa điều đó, nếu không sẽ bị hạ thấp trước đôi mắt đảo lộn cả tâm hồn người ta, đôi mắt hài hước; và anh ta sẽ cười khẩy mà theo dõi từng hơi thở và ánh mắt - nghiên cứu cái chuyển động tâm lý, kiểm tra xem hiệu lực của liều thuốc.

Liều thuốc... cái ấy thì anh tự thú nhận với bản thân mình, rằng dù sao đi nữa cũng có một cái gì trục trặc, rằng chính bản thân anh đang chờ đợi một liều thuốc gì đó. Mọi cái mà mới chỉ ít lâu làm anh vui sướng, thì nay chỉ gây cho anh thấy bực bội! Nào là ở những hàng ghế đầu trong bất cứ một buổi biểu diễn nào của anh, anh đều thấy thấp thoáng những đầu bạc, những mái tóc chải kiểu cách kỳ dị của các bà già mặc những chiếc áo váy dài hào nhoáng. Nào là sau cánh gà cũng chen chúc những chú bé và cô bé với những gương mặt ngây thộn ra vì thán phục. Nào đi ngoài phố luôn có những người không quen biết chào anh. Bây giờ anh cảm thấy rằng, những bà già đều dự các cuộc

biểu diễn của anh không phải để nghe anh đàn, mà là để hồi tưởng, có nghĩa là không phải sống bằng nhạc của anh, bằng những đau khổ dằn vặt và hạnh phúc trong những tìm tòi qua anh, những viễn tưởng của anh, không cùng anh rơi xuống vực sâu và để rồi leo lên những đỉnh cao chói lọi của cái cuộc sống hùng vĩ khác đã khuất nhưng còn để lại sau mình những tâm sự này, mà là để hồi tưởng lại những cuộc sống bé nhỏ của mình, hồi tưởng cái tuổi thanh xuân vừa mới trở thành tro bụi của mình.

Có thể, cả chính anh đối với họ - cũng chỉ là giấc mộng của các hình ảnh khác, những thần tượng tuổi thanh xuân của họ? Bây giờ anh có cảm giác là sở dĩ những chú bé và cô bé đến túm tụm sau cánh gà là do một ngọn sóng hiệu danh nhục nhã xô đẩy chúng đến - chúng sẽ khoe với bạn bè rằng chúng đã được nhìn thấy anh, đã được nói chuyện với anh và cũng hoàn toàn như mọi người khác, không có dấu ấn thiên tài trên trán rằng, gương mặt của anh bình thường nặng nề... Và người ta chào anh trên đường phố không phải vì muốn biểu lộ sự biết ơn vì những giây phút cao cả của cuộc sống mà anh đã tặng cho họ, mà là muốn chứng tỏ rằng mình cũng thuộc vào cái loại người đặc biệt có khả năng đánh giá được “Tiếng riu rít của bày quỳ” của Paganir.

Một thời gian dài, rất dài - mười lăm, hai mươi năm - anh đã đàn cho chính bản thân mình. Âm nhạc đối với anh là cả cuộc đời. Tất cả mọi cái không phải là nhạc đều làm anh bức bối - sự cần thiết phải ăn uống, phải may mặc, phải dó đây, chuẩn bị đi đường hay đi máy bay ra nước ngoài, - tất cả những gì ở giữa những lúc đàn, lúc nghỉ, hoạt động cần thiết của sự sống. Anh thấy khổ sở phải gặp gỡ mọi người, phải tiếp chuyện, hiểu cho được những gì người ta nói với anh khi một số phóng viên đến phỏng vấn anh sau chuyến đi biểu diễn của anh sang châu Âu và Mỹ về, do những giọng nói dai dẳng của họ, những câu hỏi rành rọt, liến láu của họ ở trong anh bùng sôi lên ngọn triều tức tối. Những câu hỏi của họ có quan hệ gì đến âm nhạc của anh kia chứ? “Ồ

Pháp anh thích gì? Người ta đón tiếp anh ra sao? Bao nhiêu người đến dự cái buổi biểu diễn của anh? Giờ rảnh rang anh sử dụng ra sao?" Anh sử dụng giờ rảnh rang của mình với cây vĩ cầm, và ở Pháp anh thích âm nhạc, âm nhạc của anh.

Thế mà, bỗng nhiên... mà có thể, không phải bỗng nhiên, có thể chẳng qua là trước đây anh không cho phép bản thân mình suy nghĩ và nhận xét cái tình cảm tự vệ tự nhiên này? Bỗng nhiên nảy ra cảm giác rằng anh và cử tọa - nói chung chẳng phải là một khối thống nhất gì. Rất nhiều những thế giới khác biệt, và mỗi thế giới - tự mình tồn tại lấy, và hai mươi năm anh chỉ sống bằng ảo mộng, rằng anh luôn luôn liên kết được những thế giới này vào một dù chỉ trong giây phút ngắn ngủi, nhưng có thể, là những giây phút có ý nghĩa duy nhất của cuộc đời.

Ai đàn cho ai mới được? Vì ai mà anh vết cặn bản thân mình - lần nào cũng vết đến đáy, vết đến mức là có cảm giác lần sau không còn có gì để đàn, anh hoàn toàn trống rỗng? Hoàn toàn bị hút cạn. Ờ, do đâu mà trong tiếng Nga có cái từ - hút cạn. Hít cạn. Uống cạn...

Mà có thể, chẳng qua là anh trở nên đàn tồi hơn? Đàn không có kỹ thuật - đâu phải. Tồi tệ hơn - lạnh lùng hơn? Có thể, chẳng qua là anh chẳng biết gì con người? Mà anh cần biết để làm gì kia chứ? Anh có một nhiệm vụ đời sống khác - anh muốn rằng người ta được biết những cuộc đời khác - cao thượng hơn, ý nghĩa hơn là cuộc đời của chính họ...

Tất cả cái đó nay sống trong anh, như một căn bệnh nặng nề, bí ẩn, cần phải phát hiện ra. Anh không còn tin vào sức mạnh siêu việt của âm nhạc nữa. Không còn tin vào cái quyền lực thần diệu của chính mình nữa. Không tin ở mình, mỗi một tác phẩm mới anh đều đi về địa phương đàn thử đã - cũng giống như thông qua một cuộc tổng duyệt gì đó.

Anh dễ dàng nghe theo Xasa, đề xướng ra cái chuyển đi vô nghĩa

này - đi ô tô vào mùa đông, thêm vào đó cái bụng lại đói. Ngoài vợ và mẹ ra, Alecxandr là người duy nhất anh có thể không phải vất vả gì cũng chịu đựng được trong cuộc sống của mình, - từ buổi biểu diễn ngày anh còn trẻ, cái buổi biểu diễn mà Alecxandr đã đến dự với tư cách là một phóng viên tường thuật của tờ báo Mátxcova. Khi đó hai người đã đi bộ trên phố Mátxcova, cho mãi đến lúc những xe ô tô điện đầu tiên bắt đầu chạy mở đầu một ngày mới, thoát tiên họ đi bộ là do cả hai đều không để ý đến thời gian, còn sau đó là do cả hai người đều không có tiền để đi xe tắc xi...

Xasa cuối cùng vẫn mang chiếc “tráp nhỏ” vào, một cái tráp gỗ sồi xinh xắn, quà của những người mền phục anh ta ở vùng sông Đông tặng cho anh ta. Alecxandr đã sống cả một mùa hè ở làng Côđắc của họ. Anh ta cắt mỏng những miếng giò hun khói, bóc cá hồng, bày bánh mì, rượu cônhắc ra, và đến lúc này thì một lúc có mấy cô gái xộc vào thư viện, cô nọ đẩy cô kia đi trước, cười khúc khích và ngượng ngùng, có cả thầy ba cô, má đỏ ửng vì giá lạnh, cùng choàng một kiểu khăn lông giống nhau.

– Xin chào các bác! - Các cô cùng đồng thanh nói và lại cười khúc khích.

Một trong ba cô, đảo mắt nhìn qua những món nhắm trên bàn, bước lên trước, lôi ra một cái túi đặt xuống ghế, nhanh nhẹn lôi từ đó ra một cái bọc gói bằng khăn trải bàn để lên bàn và nói:

– Đây là cô Anhia bảo chuyển đến các bác. Và ra lệnh là: làm sao các bác ăn bằng hết. Nếu không cô ấy sẽ giận đấy.

Và, bây giờ thì cô nọ lại tranh vượt trước cô kia, cả ba lao vụt ra cửa.

Trong bọc khăn trải bàn có mấy quả trứng luộc còn nóng, miếng mỡ lợn, nắm muối và mấy trái táo to, tươi rói, tựa hồ vừa trẩy ở trên cây xuống, chín bóng, nửa vàng - nửa đỏ.

– Nào, ông bạn, coi bộ bắt đầu sống được đây. - Xasa nói, hai bàn

tay khô gầy xoa xoa vào nhau. - Cô bé điên rồ ấy - hóa ra là một cô gái thông minh. Có thể, dù sao cậu cũng uống chút ít giải nhọc đường trường chứ, Valeri?

– Không. - Anh ương bướng trả lời, mặc dù, nói chung thì tộp một ít rồi lăn ra ngủ li bì, như thể hàng nghìn năm nay chưa được ngủ rồi cũng không phải là việc tồi.

Anhia trở về, khi trên bàn chỉ còn cái canh táo và vỏ khoai tây.

– Ấy thế là mọi chuyện đầu vào đây. - Cô nói. - Tôi đã thu xếp đầu vào đây cả. Có điều là không ở nhà khách. Ở đây hôm nay có anh em lái xe ngủ lại, anh em mệt nhừ vì con đường này nên giờ đã đang ngủ say cả rồi. Họ lại phải ra đi vào sáng sớm mai... Mấy lại nói chung, các đồng chí cũng chẳng ngủ nổi ở đây đâu! Họ ngáy mới kinh khủng.

Cô cười ngượng ngịu, tựa hồ ngượng thay cho những cái anh chàng lái xe tuy không quen biết, nhưng là “người nhà” này và bào chữa cho sự mệt mỏi của họ.

– Mấy lại ở đây nóng lắm, bác Agasav đốt lò sưởi quá chăm... Ấy vậy, đồng chí kỹ sư trưởng về nông nghiệp mời các đồng chí lại chỗ các đồng chí ấy. Các đồng chí ấy ở căn nhà của các chuyên viên, căn nhà ở đây đầy đủ tiện nghi. Các đồng chí đến đây nghỉ, còn các đồng chí kia sẽ lại đây.

– Ôi lạy Chúa. - Xasa thở dài. - Sao lại phải rắc rối như vậy kia chứ, con người đáng yêu? Cô thích những câu chuyện huyền hoặc? Cô nhận đi, rằng cô cố ý bày ra thế để thành ra sự cố chứ gì, có đúng không?

Cô gái hy vọng nhìn người thứ hai, và người kia hiểu cô, giật tay áo Xasa:

– Thôi đi, cậu. Nào, bây giờ chúng tôi phải đi đâu đây?

– Bây giờ... tạm thời ở đó còn đang sửa soạn... đồng chí có thể đi với tôi đến một chỗ. Chỗ này ngay cạnh đây thôi... Xem một chỗ.... một... - Cô nói, không nghe thấy lời mình, nhìn chăm chăm vào một

mình anh, bằng ánh mắt đề nghị anh hiểu cho, tin mình.

– Thôi được, các bạn. - Xasa nói, cười khẩy. - Trong lúc các bạn đi đến một chỗ... một... còn tôi sẽ xem lại xe. Cô cho biết có thể để nó vào chỗ nào được nhỉ?

– Phải quá. - Anhia nói không giấu nổi sự nhẹ nhõm và mừng vui. - Bác thợ cơ khí đang đợi đồng chí ở bên cạnh xe của các đồng chí, lúc ấy sẽ chỉ nhà và sẽ sắp xếp đâu vào đấy.

Cái chỗ mà Anhia đưa anh nhạc công đến hóa ra là một nếp nhà gỗ nhỏ cùng dãy với nhà thư viện, cách nhà thư viện ba nhà. Anhia mở khóa, bật sáng đèn và anh đã nhìn thấy một gian phòng rộng với những bức tường trát vách sần sùi, nhưng quét vôi trắng kỹ lưỡng. Gian phòng tưởng như lớn hơn cả chính bản thân nếp nhà.

Khi đứng ngoài trời nhìn vào.

Trên tường treo những bức tranh đóng trong những cái khung gỗ đơn giản, có lẽ do bàn tay của một người thợ mộc trong thôn làm ra.

Đây là những bức tranh của các nghệ sĩ chuyên nghiệp. Anh còn chưa cảm thấy rõ họ tài hay không, nhưng tính chất nghệ nghiệp ở đây không còn nghi ngờ gì cả. Đây không phải là những bản sao chép - anh không nhận ra một bức tranh quen nào cả, nhưng đôi ba tên tuổi anh cảm thấy lờ mờ có quen biết. “Sân bay miền Bắc”... Nếp nhà gỗ nhỏ, ngập trong tuyết đến mái, những chiếc xe trượt do hươu kéo, hẳn là vừa đưa hành khách đến sân bay, một con chó ló ra một cách lo lắng qua màn tối...

Bên một bức tranh anh dừng lại khá lâu, con suối hẹp xuyên qua những đồng tuyết hiện ra dưới đáy một khe sâu phủ tuyết. Ở một điểm nó đan chéo với ánh sáng mặt trời, đường ánh sáng mặt trời từ trên cao xuyên đến gặp nó, và cái điểm giao tiếp ấy hồ như tỏa ra tia lửa thần kỳ - tất cả bùng lên niềm hoan hỉ, niềm hoan hỉ của hứa hẹn không gì ngăn cản được, báo hiệu mùa xuân... Dường như tất cả thể

gian hàng nghìn năm chỉ có sống để cái ánh sáng mặt trời này gặp được con suối mỏng manh, và chỉ giờ đây mới bắt đầu cuộc sống thực sự, con sông trở thành dòng thác, núi non mọc đầy rừng Taiga... Tên của bức tranh rất đơn giản và thanh thoát - “Con suối con Laletinô”.

Anh nghe thấy đằng sau lưng anh, Anhia thở hồi hộp, thế là quay lại, anh hỏi:

– Bức tranh này ở đâu ra thế?

– A, đây là những người của chúng tôi đưa về. Những người tốt nghiệp trung học của chúng tôi. Người phục vụ trong quân đội, người làm việc trong các lĩnh vực khác. Họ về nghỉ phép - chẳng ai là về tay không. Chúng tôi có thầy giáo Akim Ivanôvits. Một lần đội học sinh chúng tôi đã lao động mùa hè thu nhặt củ cải đường và được một số tiền kha khá. Còn nửa tháng nữa mới tới ngày tựu trường, vì thế Akim Ivanôvits mới bảo: “Các em ạ, số tiền này các em có thể mua quần áo. Quần áo thì rồi các em sẽ mặc rách đi - và thế là hết tiền... Còn với số tiền này các em có thể làm một việc mà không bao giờ hao tổn hết”. Lúc ấy chúng tôi đứng ngây ra mà nghe. Thầy giáo bảo: “Chẳng hạn như có thể tổ chức đi thăm Leningrát”.

Chà, sau đó biết bao nhiêu là chuyện! Akim Ivanôvits đích thân đi đến gặp tất cả các phụ huynh, thầy giáo đã nói gì với các phụ huynh, như thuyết phục các phụ huynh ra sao?... Chỉ có thầy giáo mới có thể làm được. Đồng chí biết không, thầy mới chỉ năm mươi tuổi thôi nhưng ngay đối với các ông bà già thầy cũng đang là thầy dạy. Từ làng này thầy đã ra mặt trận, đã đi qua khắp cả châu Âu, nhưng rồi thầy chẳng muốn bỏ đi đâu, mà lại trở về làng.

Cô nói nhanh, hồ như nuốt mất chữ, lẫn mất cả ý. Và bỗng nhiên anh cảm thấy một cách sâu sắc rằng trong một tiếng đồng hồ qua, trong lúc cô gái bỏ đi đâu đó thì đã có chuyện gì xảy ra với cô: cô hoàn toàn khác hẳn với cô trong giây phút đầu tiên. Có thể chẳng qua là cô ngượng ngùng trước anh?

– Cô kể rất là lý thú. - Anh định giúp cô.

– Ôi, nếu như tôi có thể kể cho ra đầu ra cuối hẳn hoi! - Đột ngột, cô nói một cách thất vọng, đưa hai lòng bàn tay ôm chặt lấy má và nhìn thẳng vào mắt anh. - Akim Ivanôvits - đó là tất cả... Ở trường chúng tôi có một bảo tàng mới quý chứ! Trong đó có đủ mọi thứ trên khắp thế gian - cả những cây cỏ, cả những sinh vật... Thú rừng, chim muông, loài bò sát... Đài khí tượng tự tay chúng tôi cùng với Akim Ivanôvits xây dựng, xây dựng theo bản vẽ của thầy... Và đây nữa - phòng trưng bày tranh. Cái này là sau chuyển đi Leningrát về, sau khi chúng tôi đi thăm bảo tàng Nga. Akim Ivanôvits luôn luôn nói: con người ta cần phải thấy cái chân chính... Đồng chí hiểu chứ? Và nếu như...

Tiếp theo đáng ra cô phải nói: và nếu như hôm nay đồng chí lại lên đàn, người của chúng tôi lại được nghe. Nhưng cô đã vấp và bây giờ cô không làm sao dám nói rằng lúc này đây, có lẽ là nhà câu lạc bộ đã chật ních những người rồi: bởi vì căn nhà khách cô chỉ ghé vào có một phút, còn suốt thời gian sau cô đi tập hợp các bạn gái trong câu lạc bộ và chạy đến trường tìm Akim Ivanôvits. Thầy hứa là sẽ cho tất cả học sinh nghỉ học giờ cuối cùng để về đưa cha mẹ đến câu lạc bộ. Chỉ đến lúc này cô mới tưởng tượng đầy đủ hết mức độ nổi kinh khủng của cái việc cô đã bày ra đây là một tên tuổi lẫy lừng khắp thế giới, chắc là ngay cả người Mátxcơva cũng khó lọt được đến cái buổi biểu diễn của anh, vậy mà cô lại quyết định một việc không hỏi anh: báo động khắp cả hàng xóm. Cô đã học đủ các sách - mà lại quên mất rằng cuộc sống không phải sách vở, mà cô đâu có phải Anôtska của Fêdin. Mười tám tuổi, cô chẳng được một ai gọi một lần nào là Anôtska, chỉ những Anka, với Anna, với Nuhnrka, và chẳng ai quỳ dưới “chiếc giày vàng” của cô, như viết trong sách^[6].

Mọi cái cô đều phải đoạt lấy qua đấu tranh, mọi cái cô đều phải chứng minh. Cô đã phải chịu đựng biết bao nhiêu chuyện vì cái thư

viện này! Trước tiên là từ phía mẹ cô: “Thế nào, bị miếng bánh dê ăn quuyền rũ hẳn? Chà, lũ các người, lũ thanh niên, mới thông minh gồm! Còn bọn chúng tao vào cái tuổi các người bây giờ lại hùng hục lao vào những chỗ khó khăn: cánh đàn ông lái máy kéo - bọn chúng tao cũng đi lái máy kéo. Mà cái máy kéo lúc đó như thế nào kia chứ? Đâu phải như máy kéo bây giờ - cứ bấm các thứ nút, thế là xong... Không, cô bé yêu quý của tôi ạ, thật là tên sen đầm Đức. Chỉ vừa ngồi vào cầm tay lái là cái đồ đểu giả ấy hất ngay cho cô một cái, như con ngựa bắt kham ấy, thế là cô nằm ịch xuống đất. Không, cô đừng có tưởng rằng tôi than thở đâu, - tôi tự hào kia, phải! Cánh đàn ông ra mặt trận cả, vậy mà không có cánh lái máy kéo đàn bà này thì sự thể đã ra thế nào không biết? Chắc hẳn người ta đã phải tự nai lưng ra mà kéo cày lấy, khá thì cũng phải lẻo đẹo cày theo bằng bò... Chà! Và con cũng có thể thực sự vào đời, con gái ạ.

Con cứ xem xem - bạn bè của con sau khi tốt nghiệp trường trung học đều đi làm những công việc thực sự cả: người đi vắt sữa, người đi học lái máy kéo, người ra thành phố vào đại học. Mà con thì lúc đó lại có điều kiện hơn chúng - tiếng tăm của mẹ lúc đó còn chưa lảng mất. Mấy lại ngày nay chính Matrena dạy bảo bọn con gái. Matrena với Pasa Angheliha suốt đời đã thi đua nhau. Ai chứ Matrena biết rõ phải dạy bảo ra sao”.

Mẹ Anhia có gương mặt gò má cao giống người Kanmuc, nước da ngăm ngăm, mái tóc đen mượt, suốt đời cắt ngắn như kiểu tóc những năm ba mươi. Và bà giữ mãi chiếc khăn màu đỏ đội đầu cho đến lúc già.

Ngay cả bây giờ bà cũng vẫn còn mang cái khăn ấy, mặc dù đã không còn sức làm việc trên máy kéo nữa, đã mười năm rồi bà chuyển sang vắt sữa bò.

Tiếp theo mẹ Anhia - các bà phụ nữ khác trong làng cũng phụ vào: “Thế nào, Nuhnrka, con đường đi của bà mẹ - dốc trơn quá hẳn? Đâu

phải, nói gì thì nói chứ, cô là cô bé thông minh, ở trong thư viện của cô tha hồ âm áp và chẳng bao giờ lấm bụi cả”.

Nghe mọi người nói, cô chỉ cười. Đầu ngả sang vai, cô cười, cô nhìn vào mắt người nói. Các bà phụ nữ bảo với mẹ cô: “O, Nhưnka tính tình thật là vàng... Nhổ vào mặt cô bé, mà nó vẫn cứ hồ hởi như hoa... Bỏ qua tai hết”. Nhưng Anhia có bỏ qua tai cái gì đâu, cô ghi nhớ tất cả. Chỉ có điều, làm sao lại có thể oán giận mọi người được, họ không được biết một điều khác, cái đó đâu có phải là lỗi tại họ, rằng thời trẻ họ không có thời giờ sức lực để cầm đến sách, mà đến tuổi già thì tâm hồn đã han gỉ, cứ thử mà nhồi nhét cái gì vào đó xem.

Đáng bực hơn cả là mẹ cô không muốn hiểu cô. Vào những ngày đầu tiên từ sáng cho đến nửa buổi trước khi mở cửa thư viện, Anhia chạy đến trại chăn nuôi giúp đỡ mẹ. Thấy thế một lần mẹ lại bảo cô: “Nhưnka, mẹ nhận nuôi thêm mấy con bò nữa nhé? Nếu như con giúp mẹ, mẹ sẽ lo liệu được”. - “Mẹ, con chỉ muốn là giúp để mẹ đỡ vất vả hơn thôi, chứ đâu có phải để thêm công thêm điểm. Nhà ta cái gì cũng đã đầy đủ. Mẹ xem, chỉ sau một năm là người ta cho con hai bộ quần áo len, một đôi boots, chiếc áo lông cừu màu... Việc gì cứ vì đồng tiền mà suốt đời đầu tắt mặt tối? Tốt hơn là mẹ nghỉ ngơi đi, ngồi mà đọc sách!” - “Hừm, hoặc con là một con ngốc loạn trí, hoặc chẳng qua là con muốn trêu chọc mẹ - mẹ mà ngồi đấy đọc sách, trong khi đôi bàn tay mẹ vẫn còn đòi hỏi công việc!” - “Mẹ, chẳng lẽ mẹ không muốn biết cuộc sống của những người khác ra sao ư? Mẹ đọc một trăm cuốn sách thì cũng hồ như mẹ sống thêm một trăm cuộc đời nữa!” - “Với mẹ thì chỉ nguyên một cuộc đời của mẹ cũng đủ rồi. Mẹ chẳng cần phải cuộc đời nào khác cả. Cũng như đối với người khác thì cuộc đời mẹ có cần làm gì”.

Khi Anhia đã làm ở thư viện được khoảng một năm, không một ai trong làng xóm còn lấy cái chỗ ngồi âm áp và không lấm bụi ấy ra mà chê bai được cô nữa. Chẳng phải chờ đến lúc có được người đọc

nghiêm túc tìm đến cô. Cô tự đeo lên lưng một chiếc ba lô cô đã mua để dùng cho chính việc này, và đi đến khắp những nơi xa xôi nhất trong làng xóm. Cô đi đến các nơi phân phát sách, ghi yêu cầu của người đọc để lần sau sẽ mang tới cho họ những cuốn sách họ cần, kể cho họ nghe về những cuốn sách cô yêu thích. Cô mang sách đến cho chị em thợ vắt sữa ở trại chăn nuôi. Mang sách đến cho anh em lái máy kéo ngoài đồng. Cứ đến giờ ăn trưa, ngồi vào ăn là họ đề nghị: “Nhumrka, trong lúc chúng tôi ăn, - cô đọc cho nghe để giải trí chút ít nào”.

Rồi qua thêm một năm nữa mọi người thấy quen với việc trong làng của họ hàng tuần vào tối thứ bảy có tổ chức quán cà phê thanh niên, rằng trong câu lạc bộ của họ người ta diễn “Đám cưới ở Malinoska”, diễn khéo đến nỗi khách ở các nông trang khác cũng kéo đến xem. Rằng trong dạ hội Puskin, bà Agasa, người trông coi việc lao công ở nhà khách, đã hát bài “Bão tuyết mịt mù...” Và các bà phụ nữ đã ứa nước mắt. Và chẳng ai nghĩ ngợi rằng chính cái cô coi thư viện Nhumrka, con gái bà lái máy kéo đã liên kết những con người sống trong cái làng này từ lọt lòng mẹ lại gần với nhau. Nghĩ ngợi thì chẳng nghĩ ngợi được điều đó đâu nhưng mọi người đã gọi cô là Anna, cô Anna yêu quý.

Còn bây giờ đây cô muốn lại làm cho mọi người được hưởng một điều vui sướng nữa - muốn nhà nghệ sĩ đàn cho họ nghe những khúc nhạc mà họ chỉ có thể được nghe trên đài. Và, biết đâu đấy, rất có thể họ không còn có dịp nào khác được nghe tiếng đàn của anh, tiếng đàn sinh động phát ra từ dưới những ngón tay anh bấm. Và cô tin ở mình rằng cô sẽ giải thích được cuộc đời của mình, cuộc đời của mẹ cô, cuộc đời của làng xóm cho anh hiểu... Chà, chẳng nhẽ lại có thể làm được điều đó ư? Lời nói theo nhau chậm rãi bò ra nhợt nhạt như thể tấm vải phai màu sau vụ nắng hè. Điều chủ yếu nhất là cô không làm sao giải thích được việc anh đàn sẽ quan trọng đến mức nào. Bởi vì anh đúng là

cái chân chính, mà Akim Ivanôvits luôn luôn nói tới.

– Nếu như đồng chí biết được là tôi đã bày ra cái trò gì. - Cô nói, giọng hoàn toàn thất vọng và nước mắt òa lên khóc.

– Có chuyện gì thế cô? - Anh hỏi, cô cảm thấy anh hỏi một cách nghiêm khắc giống hệt như Akim Ivanôvits hỏi mỗi khi một học sinh nào đó đến lớp mà không thuộc bài địa lý.

– Xin đồng chí tha thứ cho tôi... Ngượng quá... Tôi không thể nói ra được.

– Nào, nào, có chuyện gì xảy ra ghê gớm đến thế mới được kia chứ? - Anh còn mỉm cười, và gương mặt của anh thay đổi đến nỗi không nhận ra được nữa: cặp lông mày rướn lên cao, đôi mắt mở to, nghịch ngợm. Hồ như anh thông đồng tham gia với cô vào một trò chơi vui nhộn nào đó.

Tái mặt đi, cô se sẽ thở dài.

– Dân làng chúng tôi đang đợi đồng chí ở câu lạc bộ... chỉ có điều xin đồng chí đừng từ chối ngay. - Cô vận vẹo ngón tay, nhưng cặp mắt vẫn nhìn thẳng. Đoạn cô nói thêm. - Bởi vì rất nhiều người trong bà con có thể sống hết cuộc đời của mình mà chẳng được nghe đồng chí đàn.

...Khi hai người đi vào câu lạc bộ, anh lập tức đưa mắt nhìn bao quát xem căn phòng sẽ truyền âm thanh ra sao. Anh yên tâm: đây là ngôi nhà thờ cũ, âm thanh sẽ tròn vẹn, ngân lên trang trọng. Sau đó anh nhìn khắp lượt cử tọa từ phía sau, phía lưng người ngồi trở lên - không có một chỗ trống nào, bọn trẻ con thì đứng chen chúc bên cạnh các thành cửa sổ, một lối đi thảm đỏ trải dài giữa các hàng ghế phôi to thẳng lên sân khấu, và khi anh đi theo sau Anhia bước lên lối đi đó, người ta lập tức quay cả về phía anh mà nhìn.

Trong lúc anh lấy cây vĩ cầm ra khỏi hộp, Anhia bước ra trước sân khấu - thân người dong dỏng với đôi vai rộng, bộ áo váy da màu xanh

sáng, đôi mắt da hai màu hung hung cao gót, mái tóc bông lên đỏ rực. Anh đưa mắt nhìn cả căn phòng, rồi nhìn lên Anhia, cô gái dong cao với đôi vai khỏe mạnh và gương mặt sáng ngời, đỏ bừng, tràn ngập niềm hạnh phúc và trang trọng, và anh thấy ghen ngào.

Đây không phải là niềm cảm xúc của hai mươi năm về trước, khi lần đầu tiên anh đứng mặt đối mặt với một cử tọa rộng lớn, mà lúc đó anh sợ không dám nhìn thẳng xuống, khi đó trước cử tọa là một chú bé run rẩy, kẻ mà với tất cả sức lực hăng say của tuổi trẻ chỉ muốn một điều: sao để người ta hiểu được mình và công nhận mình. Sao để từ giây phút đó bắt đầu mối liên hệ hạnh phúc giữa anh với họ, những người có khả năng cũng yêu quý cái mà anh yêu quý, yêu quý âm nhạc. Giờ đây chỉ một cái nhìn anh cũng có thể thu hết cả cử tọa này, cả căn phòng được phân đôi ra bởi lối đi thảm đỏ, và trong giây lát chiếu sáng anh thấy ra cuộc đời của những con người, những con người mà trong giây phút này trên mặt hiện rõ sự sẵn sàng bắt tay vào công việc lao động.

Phải, phải, ở họ là những gương mặt chăm chú, nghiêm trang, kín đáo của những con người sẵn sàng bắt tay vào công việc lao động, công việc lao động mà họ buộc phải làm lấy một mình, công việc lao động mà họ không thể ỷ lại vào ai. Họ ngồi đó, đặt những bàn tay nặng nề lên đùi - những bàn tay cái gì cũng làm được, những bàn tay thần diệu, những bàn tay mà lúc này đây, trong giây phút rảnh rang đến đột ngột, đang khoan khoái nghỉ ngơi.

Phía bên phải, ở hàng hai, những cô gái choàng những chiếc khăn lụa màu kiểu cách rực rỡ bên trên những mái tóc chải bông cao, cười nhìn nhau - và lập tức anh cũng lại hiểu họ: đây là những người trợ lực của Anhia, những người mà chỉ trong một giờ đồng hồ tập hợp được tất cả làng đến ngôi nhà thờ cổ, sửa soạn được phòng nhạc, tìm mượn được cái thảm đỏ trải lối đi này và giờ đây còn chưa trấn tĩnh được sau cuộc phiêu lưu sung sướng.

Khi Anhia bằng cái giọng lãnh lút, hỏn hển giới thiệu anh, anh nâng cây vĩ cầm trên đôi bàn tay đưa thẳng ra, nâng một cách nường nhẹ như thể nâng một đứa bé mới đẻ, bước tới trước, gần lại với gian phòng cử tọa và hạ thấp giọng nói:

– Đây là một cây vĩ cầm đặc biệt. Đây là cây vĩ cầm của Gvarneri, nghệ nhân tuyệt diệu của Ý. Trên thế giới này chỉ có vài ba cây.

Chính bản thân anh hẳn cũng không giải thích nổi vì sao anh lại nói vậy. Có thể vì anh cho rằng đó là món tặng phẩm quý giá nhất mà anh có thể đem đến tặng cho những người bà con của Anhia - bắt cái cây đàn kỳ diệu của Gvarneri phải lên tiếng cho họ nghe.

Anhia đứng ở bên cánh gà sân khấu, tựa lưng vào tường, nhìn xuống cử tọa, và khóc. Thoạt tiên cô nhìn anh, nhìn gương mặt to nặng nề của anh, cặp lông mày của anh rướn lên cao và động đậy, đôi mắt của anh mở to tròn, anh dẩu cặp môi lên, cặp má căng ra, gương mặt của anh lộ ra cuộc sống bấy nay anh vẫn giấu kín mọi người. Anh không còn cần biết là mọi người nhìn thấy nó thế nào - thấy nó dần dần hay thông minh, xấu xí hay xinh đẹp, và cái đó làm cho anh trong mắt nhìn của Anhia bỗng trở nên bé bỏng như một đứa trẻ, và trái tim cô thất lại bởi một nỗi thương xót khôn cùng!

Cô tưởng tượng là hầu như mỗi tối anh đều ra đứng trước mọi người với cây vĩ cầm kỳ diệu của mình - cũng hoàn toàn cởi mở, và bất cứ một ai đều có thể nghĩ về anh tùy thích, tùy thích nghĩ về gương mặt nặng nề của anh, về cặp lông mày rướn lên cao một cách nực cười kia... Và anh có ai để thương anh, an ủi anh, yêu anh không biết một không nhỉ? Và cô thấy nhói lên đau xót vì rằng cái gương mặt này, cái gương mặt mà thoạt nhìn cô đã tin tưởng hết mức, thoáng hiện lên đây và rồi sẽ mãi mãi đi khỏi cuộc đời của cô. Và chẳng bao giờ anh còn nhớ tới cái cô bé tóc hung ở cái làng mà ngay cả tên làng anh cũng không biết.

Và cuộc đời của cô lại sẽ chảy đi như trước đây: sáng sớm cô sẽ lại chạy đến trại chăn nuôi chỗ mẹ làm, giúp mẹ, sau đó ngồi ở thư viện, đi đến các nhà, rồi trước khi đi ngủ lại tranh luận với mẹ - cuộc tranh luận không bao giờ kết thúc, - và mẹ cô lại chì chiết cô vì cái cuộc sống dễ dàng không lắm bụi.

Người mẹ yêu thương, phải đâu ngẫu nhiên mà mẹ cô căm ghét tất cả mọi cuộc sống không lắm bụi - mẹ cô căm ghét bởi vì chính do cái công việc “dầu mỡ” của mẹ cô mà cha cô đã bỏ đi. Cha bỏ đi với người đàn bà khác sạch sẽ gọn gàng.

Ngay bây giờ đôi khi Anhia cũng vẫn như thấy lại trước mặt cái cảnh đã diễn ra trong ngày đó. Đời cô không có gì ghê sợ hơn buổi ấy. Lúc đó cô đang ngồi học bài. Cánh cửa ra vào ầm ầm mở toang ra, đôi nạng gỗ của cha cô bay vào phòng, tiếp theo là mẹ cô tóc trần, mặc chiếc áo khoác ngoài ngắn bằng lông cừu không gài cúc. Mẹ ngã dúi xuống giường và gào khóc: “Lạy Chúa, vì sao mà Người trừng phạt con! Cả đời con, con làm lụng! Chính vì thế mà mọi người tôn trọng con, thế mà hắn, quân dê tiện, lại đi đánh đổi lấy kẻ nào kia chứ - đổi lấy mụ Marutka làm ở bưu điện! Đổi lấy đôi tay trắng trẻo!”

Anhia còn đang đi lại chỗ mẹ thì cha cô đã bò về, không nạng, đầm đìa mồ hôi, tóc xõa xuống trán, mặt đỏ bừng và đôi mắt điên dại... Chắc hẳn có chỗ cha cô đã phải nhảy lò cò trên một chân, tay vịn vào bờ rào của các nhà bên đường, có chỗ lại đã phải bò. May mà buổi tối không trăng sao. Đến lúc này, cha cô vịn vào thành cửa, toàn bộ thân hình vạm vỡ vươn thẳng dậy, và át những lời than vãn của mẹ, cha cô tuôn ra một tràng: “Hừm, thế là hết, cô vợ đáng yêu ạ, đến bước xuống lỗ tôi cũng không thể quên được! Lãng nhục một kẻ ở tiên tuyến về? Bắt bò như một con chó? Thế là hết. - Thôi ở đây mà làm bạn với cái máy cày, mụ đàn bà dầu mỡ ạ!... Nhưnrka, đưa đôi nạng đây!”

Và chẳng nhìn đến mẹ, cũng chẳng nhìn đến cô, cô bé Anhia, con gái của mình, cha cô cứ thế bỏ đi không đóng theo sau cánh cửa ra

vào. Và ngay đêm đó, để sáng ra không phải thấy nỗi khinh bỉ mình trong mắt nhìn của mọi người, cha đã cùng Marutka - mụ đưa thư, tìm ra đường cái lớn và ra đi, chắc hẳn đi nhờ chiếc xe qua đường gập đầu tiên. Cả hai hồ như rơi tõm xuống nước mất hút. Có người bảo hồ như cả hai đi đến vùng khai hoang. Có người khác lại bảo - họ đến công trình xây dựng ở Xibir. Có thể tin được điều đó - cha cô là một tay thợ mộc hạng giỏi, chỗ nào mà chẳng cần đến họ kia chứ...

Và bây giờ trong việc lựa chọn nghề của Anhia, mẹ cô thấy lại ánh phản chiếu của tất cả cuộc đời bà, sự thật của bà, khát vọng của bà. Bóng đen của nỗi đau khổ xa xưa và còn như sống đó, đôi bàn tay không bụi bặm của Marutka. Vì thế Anhia làm sao có thể chứng minh được cho bà thấy là đối với cô, đối với Anhia, sách không thua kém gì cái máy cày đối với mẹ cô. Đó là tình yêu của cô mà vì nó cô sẽ chịu đựng hết cả! “Được rồi, ta sẽ thi vào học ở trường đại học thư viện Mátxcova, học hàm thụ, và mẹ sẽ hiểu rằng đây cũng là một sự nghiệp một khi có cả trường đại học như thế... Ta sẽ đi đến Mátxcova để thi. Và sẽ đi dự tất cả các buổi biểu diễn của anh...”.

Cô mỉm cười, nhìn sâu vào trong sân khấu, khi cử tọa vỗ tay náo nhiệt. Cô có cảm giác là cô hoàn toàn không nghe nhạc, cái âm nhạc bắt cô hồi tưởng lại tất cả cuộc sống, nỗi đau xót và niềm sướng vui, nỗi tủi hận và điều tốt lành, cho phép cô khóc tiễn đưa và giải thoát khỏi hết thấy mọi cái - vì sự mở đầu của một cái gì mới mẻ, cái mới mẻ mà chính bản thân cô còn chưa thấy...

Khi người ta đưa anh về ngôi nhà, nơi người bạn của anh đã thiếp ngủ một cách vô tư, và mọi người đã ra về cả, anh còn đứng hồi lâu ở hiên cửa, lắng nghe ở đâu đó xa xa, những tiếng hát đồng ca của các cô thanh nữ mang lại thánh thót, rõ ràng:

Em sẽ gọi anh là vầng mặt trời nhỏ,

Chỉ có điều anh hãy chiếu sáng hơn...

Mùa xuân đang đến kia, một mùa xuân tràn đầy hứa hẹn.

Ngày Cuối Cùng Của Một Năm

Buổi tiếp bệnh nhân kéo dài, và đáng ra vào một giờ, mãi tận gần hai giờ Vera Paplốpna mới dẫn việc. Chỉ chải lại tóc - tóc chị bị xổ ra dưới cái mũ trắng của bác sĩ, xếp ống nghe, giấy mẫu kê đơn và các bệnh án vào cái túi xách, nhìn quanh, kiểm tra lại xem đã thu xếp mọi thứ chưa, liệu có quên gì không, và đóng cửa phòng làm việc lại, chị đến phòng đăng ký.

Đăng ký mời thăm bệnh hóa ra khá nhiều. Nhiều hơn là chị dự kiến, và thậm chí hơn cả những ngày thường. Vera Paplốpna hơi buồn phiền một chút, bởi vì kế hoạch của chị bị phá vỡ, tuy vậy chị không tỏ chút gì mình không hài lòng: mặc dù chị có đầy đủ quyền phần nộ: có mấy đăng ký mời thăm bệnh từ khu vực mà tạm thời chưa ai được phân công phục vụ. Đó là những ngôi nhà mới còn chưa có người đến ở hết. Các bác sĩ tại phòng khám bệnh đa khoa không đủ, vì vậy các đăng ký mời thăm bệnh “ngoại đạo”, phải được chia đều giữa mọi người.

Chị nhân viên đăng ký thông báo cho Vera Paplốpna các bệnh án, nói một cách thông cảm:

- Chị thật không may.
- Không sao. - Vera Paplốpna bác lại, thở dài. - Đúng hơn là cha mẹ những đứa trẻ ốm không may.
- Giá chị đến gặp Enaterina Ghuraximốpna thì phải. - Chị nhân viên đăng ký khuyên, có ý nói đến bác sĩ trưởng. - Quả thực thể là thể nào nhỉ? Bao giờ chị cũng phải gánh thêm công việc.
- Có người nào đó cần đến, trẻ con nào có lỗi gì. - Vera Paplốpna mỉm cười, xếp các bệnh án vào túi xách.

Chị nhân viên đăng ký lặng thinh, nghĩ bụng, dù sao đi nữa Vera

Paplopna quả là một phụ nữ rất lý thú và khó hiểu. Bao giờ cũng vui vẻ, yêu đời, thích bông đùa và không bao giờ than thở về chuyện gì hết, cứ hết như chị không hề có điều gì phải lo lắng, không hề có những chuyện gì khó chịu. Không lẽ quả thực ở chị mọi cái đều tốt đẹp cả? Các bác sĩ khác hết nói về công việc nặng nhọc của mình, lại ca thán về lương lậu ít, rồi lại chê trách cấp trên, kể lể về chuyện nhà, chuyện cửa, nhưng Vera Paplopna không bao giờ kể lể gì hết. Bao giờ chị cũng mang một nụ cười.

Chắc hẳn chị ấy hạnh phúc, chị nhân viên đăng ký nghĩ về Vera Paplopna như vậy, hơi chút ghen tị, như ở mỗi người đàn bà mà cuộc đời riêng không ổn, ít ra thì chị cho là như vậy: chồng nghiện rượu nặng, còn bây giờ đến con rể cũng uống và hình như, còn chơi bời ít nhiều nữa. Kể ra cái đó cũng chẳng hề gì lắm, bởi vì anh đàn ông nào lúc trẻ chẳng chơi bời, nhưng tệ hại là con gái chị không muốn điều đó và định ly hôn.

Còn ở Vera Paplopna, hình như không có những chuyện lo phiền như vậy. Và nếu đó là sự thật, thì tại sao chị ấy lại không hạnh phúc nhỉ? Sắc sảo, xinh đẹp, học vấn cao, lại thêm tính tình quả thật đáng gọi là vàng là ngọc - dịu dàng, không biết giận lâu và không độc ác. Không nói ai một lời gay gắt bao giờ. Tất nhiên chị còn trẻ, còn chưa mệt mỏi bởi cuộc đời như những người khác, những người đã sống nhiều hơn chị và đã thấy đủ mọi chuyện trên đời. Thôi thì, cũng cầu Chúa ban phước cho chị ấy, chị nhân viên đăng ký suy nghĩ, nói chung là không phải gặp chuyện gì tồi tệ, cầu Chúa ban cho chị hạnh phúc và niềm vui thú cho đến tận tuổi già, để cả con cháu chị cũng sẽ được hạnh phúc.

- Tôi đi đây, Vera Paplopna.
- Chúc chị nhân dịp năm mới sắp sang, Klapđia Ivanôpna! Sao cho mọi điều mong muốn của chị trong năm mới sẽ đạt được cả.
- Mong ước của tôi thì có gì. - Chị nhân viên đăng ký trả lời, hài

lòng là Vera Paplópna không quên chúc mừng mình. - Chúc chị, chị đáng yêu, mọi sự tốt đẹp.

Vera Paplópna đã toan ra đi, nhưng lúc đó lại có chuông điện thoại, vậy là chị phải nán lại thêm. Chị nhân viên đăng ký khoát tay, ý giả, chị cứ đi đi, đăng ký mời thăm bệnh này không thuộc phận chị...

Ra tới ngoài phố, Vera Paplópna đứng lại một lát, suy nghĩ xem có nên ghé vào quán điểm tâm ăn chút gì và uống một tách cà phê, chứ không ngày hôm nay chị hầu như chưa ăn chút gì, nhưng rồi chị lại quyết định không để mất thời gian, tốt hơn là làm sao xong công việc được sớm. Hóa ra chị khó lòng giải quyết xong công việc trước năm giờ. Vậy mà từ sớm đã tính kết thúc vào bốn giờ để kịp đến cửa hàng và có thể, còn bày biện cây thông tết, trước khi đón Irinca ở mẫu giáo về.

Vera Paplópna đã mua cây thông từ trước, ngay tại sân nhà mình. Gặp được cây thông rất đẹp, đầy lá, xanh thẫm và không gai góc. Mùi nó tỏa ra dễ chịu, đầy vẻ rừng. Hệt như hồi bé, khi bố mẹ trang hoàng cây thông tết cho chị. Bây giờ thì chị trang hoàng cho Irinca. Cho mình thì chị hẳn chẳng tội gì bận bịu, còn cho con gái thì là cả một niềm vui.

Ngoài đường phố ẩm áp không có vẻ mùa đông, lầy lội và đông đúc, như thường lệ vào những ngày trước tết. Các bà phụ nữ mang những cái túi xách nặng nề căng phồng, chạy hết cửa hàng này sang cửa hàng khác, và Vera Paplópna bất giác nghĩ là mọi thứ mua kể ra có thể sắm sửa từ trước, không phải hồi hả, chen đẩy, nhưng lại nhớ ra là chính bản thân chị chưa mua sắm được gì.

Sự thế vẫn thường như thế, những chuyện quan trọng nhất không hiểu sao cứ để nần nã tới giây phút cuối cùng, khi không còn nần nã được thêm nữa. Có thể, con người ta quả thực không đủ thời giờ, bởi cuộc đời hồi hả như thế nào đó, mà có thể, con người ta lại lấy làm thích thú vì những lo toan vất vả trước ngày tết, bởi những cái đó lại như thế là bắt đầu của chính bản thân ngày tết.

Từ góc phố xuất hiện chiếc ô tô buýt, và Vera Paplópna vội đi đến bên.

Khách khứa đông, chị vất vả mới len được tới chỗ đứng ở cửa trước, và anh lái xe liền lên tiếng quở mắng chị:

– Sao nhà chị lại leo cửa trước này?! Có chữa hay sao?

– Người ta trở nên càn rỡ quá thể. - Người đàn ông đứng tuổi ngồi ngay sau lưng anh lái xe cạnh buồng lái, lên tiếng ủng hộ anh ta. - Không còn trật tự nào nữa. Vậy mà là phụ nữ kia đây.

Vera Paplópna thấy xấu hổ, chị thậm chí muốn xuống khỏi xe nhưng từ phía sau người ta thúc tới đến mức không thể cựa quậy nổi, và bây giờ không còn cách gì khác là nghe lời cầu nhàu của người đàn ông đứng tuổi.

– Còn ở xe điện ngầm ấy, - Ông ta tiếp tục nói. - bọn trẻ thì ngồi giải thẽ ra, cứ như ở nhà không bằng, còn người già thì cứ việc đứng cho. Mà tất cả chuyện ấy là do đâu?...

Vừa lúc đó một người đàn bà cất tiếng khá to chào Vera Paplópna:

– Chào bác sĩ. - Bà ta nói. Và quay sang người đàn ông chỉ trích. - Đây là bác sĩ của trẻ em khu vực, bác sĩ đang đi thăm bệnh, vậy mà ông cầu nhàu. Ông không biết ngượng ư!

Bấy giờ mọi người cùng đột nhiên nhao nhao lên tiếng, họ cho rằng các bác sĩ đi thăm bệnh tại nhà phải được xe riêng, rằng thể này quả thực là tồi tệ...

Người ta nhìn Vera Paplópna với lòng kính trọng, còn chị vì thể càng thấy ngượng hơn, và chị không biết nhìn đi đâu. Chị cảm thấy rất bối rối vì những lời lẽ ấy và sự chú ý chung của mọi người, làm như thầy thuốc khu vực có trời biết là gì kia không bằng.

Tuy vậy, người đàn ông ngồi bên cabin không chia sẻ sự kính trọng đối với Vera Paplópna.

– Làm như ghê gớm lắm ấy: - Ông ta nói. - bác sĩ - thầy thuốc! Họ

chỉ là bọn lang băm chữa ngựa. Họ không chữa cho người ta, mà xua đuổi người ta vào áo quan trước hạn định.

Và ông ta kể lể dài dòng, với các chi tiết, và thái độ tức tối là gần hai năm trời ông ta đã đi đến hết bác sĩ này sang bác sĩ khác và họ chẳng tìm ra bệnh gì ở ông ta, mặc dù bản thân ông ta biết rõ là ông ta ốm, chỉ còn sống ngắc ngoải...

– Chẳng có vẻ như vậy. - Người đàn bà lúc này nhận ra Vera Paplópna vừa cười vừa nói.

– Bây giờ thì chẳng còn vẻ như vậy, bởi vì những con người tốt bụng đã khuyên chữa theo cách riêng. Vẫn những bác sĩ đã tìm ngay ra chứng nhức đầu thể nặng.

– Nghĩa là các bác sĩ ấy đã chữa khỏi cho ông? - Một giọng của ai đó nói nhanh, và không thể hiểu là người ta hỏi một cách nghiêm túc hay bỡn cợt.

– Cứ như làm phép xua đi ấy. - Người đàn ông trả lời với vẻ hãnh diện.

– Ông bố ạ, cái chứng nhức đầu của ông ở cái dạng đặc biệt là khi làm thì lười, còn khi khác thì hăng hái! - Vẫn cái giọng kia nói.

– Anh cứ sống như tôi, anh sẽ biết cái đó thế nào. - Người đàn ông tức tối nói. Ông ta thậm chí đỏ mặt lên vì tức tối.

Và đến đây mọi người cùng nhao nhao bắt đầu bàn tán các vấn đề y học, tranh nhau kể lại đủ mọi “ca” trong đời và về bao nhiêu trường hợp nhờ các cây cỏ và những câu thần chú mà chữa khỏi một cách mau nhiệm những căn bệnh hiểm nghèo không thể chữa được. Vera Paplópna nheo mắt lại, cố không nghe ai nói cả và bắt mình nghĩ về chuyện cần phải mua sắm gì cho bàn tiệc đón năm mới.

Nhưng chính bởi vì chị không nghe riêng ai nói cả, thành ra buộc phải nghe tất cả cùng một lúc, vì thế mà đầu nhức lên. Nhưng có thể đầu đau vì đói. Dù sao đi nữa, Vera Paplópna tự bảo với mình, cũng

phải chạy vào quán điểm tâm ăn lấy cái bánh rán vậy. Nếu suốt ngày không ăn gì, có thể mắc bệnh loét dạ dày. Ý nghĩ về bệnh loét dạ dày làm chị buồn cười, chị nhớ lại bác sĩ quen, bệnh tật của họ, nhưng chả có một trường hợp nào có bác sĩ mắc bệnh ấy, chị chịu không nhớ ra nổi.

Trong khi đó, mãi chuyện trò, mọi người đã quên mất chị, vì thế chị yên ổn đi được tới ga xe cần thiết. Chị khó khăn mới ra khỏi được đó, hỏi một bà đi qua đường số nhà sáu mươi bảy, vội vã theo lối mòn chạy đến các dãy nhà mới màu trắng, tay giữ vạt áo măng tô để khỏi hờ cái áo bờ lu trắng ra. Chị chạy và cố hình dung ra cái cô bé Alenca Sepôvalôva, trong bệnh án của cô bé ghi là bị đi ỉa chảy nặng và nôn tháo...

Vera Paplôpna mới đến làm việc ở phòng khám này, nhưng trí nhớ của chị tốt, chị biết tất cả các trẻ con trong khu vực của mình và biết cả bố mẹ chúng nữa, nhưng Sepôvalôva Alenca lại ở vào khu vực khác mà hiện nay chưa ai phục vụ thường xuyên, vì thế chị mới quyết định bắt đầu đi từ đó, để kéo dài thời gian và sự chú ý hơn dành cho đứa bé chưa quen biết.

Đến cuối ngày, dù chị có xoay sở thế nào đi nữa, bao giờ cũng phải vội vã.

Thang máy không làm việc - người ta còn chưa mở điện - vì vậy Vera Paplôpna phải đi bộ lên tầng mười một. Chị bấm chuông căn hộ bốn mươi ba, một chị phụ nữ còn trẻ tức khắc mở ngay cửa, và Vera Paplôpna nhớ ra ngay Alenca, bởi vì chị nhận ra mẹ nó: hai mẹ con đã từng đến khám bệnh ở phòng khám đa khoa. Người mẹ rất lo lắng cho con gái, còn cô con gái bé nhỏ, nói chung, khỏe khoắn bình thường, chỉ tội nũng nịu vì được quá chiều chuộng. Nhưng cái đó là chuyện thường tình, có ai, có người mẹ nào lại không chiều chuộng con cái mình, đặc biệt nếu đó là đứa con đầu lòng trong nhà hoặc là đứa đầu lòng và con một! Ai cũng nuông chiều cả. Cả chị cũng nuông chiều

Irinca mặc dầu cũng biết cái đó là xấu.

Nhưng có thể, nói chung cũng chẳng phải là xấu, như các nhà sư phạm nói về điều đó. Là một bác sĩ, chị chẳng thấy trong chuyện này cái gì đáng sợ cả. Trẻ con là con trẻ, chúng phải mang lại cho người ta niềm vui, nếu không hẳn không ai muốn có con cái, mà niềm vui đòi hỏi một tình cảm đáp lại. Chẳng qua là, Vera Paplópna thầm nghĩ, các thầy giáo, các nhà sư phạm chỉ muốn mọi đứa trẻ giống như nhau, đều hiền lành và ngoan ngoãn, để chúng hành động đúng như điều người lớn muốn...

– Chúng ta có chuyện gì thể nhỉ? - Vừa cởi áo măng tô chị vừa hỏi mẹ cháu bé.

– Xin bác sĩ thứ lỗi cho việc chúng tôi làm phiền bác sĩ vào ngày như thế này. - Người mẹ nói, giọng biết lỗi. - Tôi lo cho cháu Alenka quá. Cháu bị buồn nôn nhiều và lạnh bụng.

– Thế nhiệt độ?

Vera Paplópna vào buồng tắm rửa tay, còn người mẹ đứng bên cửa sổ cầm sẵn chiếc khăn mặt sạch, giải thích là nhiệt độ không thấy cao, nhưng cháu bé nhất định sốt nóng, đặc biệt là vào buổi tối.

– Hôn cháu, môi cứ nóng cả lên! Nhưng cái chính là, thưa bác sĩ, cháu buồn nôn.

– Chị cứ yên tâm. - Vera Paplópna trấn an người mẹ. - Mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp thôi.

– Bác sĩ cho là như vậy ạ? - Người mẹ hỏi với lòng hy vọng.

Alenka chẳng có gì đáng sợ, như chính Vera Paplópna đã nghĩ. Đúng hơn cả là đứa trẻ ăn quá nhiều của ngọt, thế là sinh ra cái chuyện rối loạn tiêu hóa. Tuy nhiên chị không nói với người mẹ như vậy, biết rằng, dù cha mẹ có sung sướng khi con cái họ khỏe mạnh, nhưng dù sao đi nữa họ cũng vẫn cứ muốn là đứa trẻ của họ không khỏe hẳn. Đây, ở phòng khám đa khoa các bà mẹ đến ngồi đợi lượt, thì mỗi bà

đều cố công thuyết phục những người khác rằng chính đứa con của bà ta là đứa trẻ ốm yếu nhất. Tất nhiên là họ cố tìm sự thông cảm của những người xung quanh, cả sự thương hại nữa. Không phải đối với đứa bé, mà là đối với chính bản thân họ. Nhưng ở điểm này thì chẳng làm thế nào khác được, tất cả các bà mẹ đều giống nhau, và thầy thuốc phải tính đến điều ấy.

Chị kê đơn cho uống một hợp dịch, khuyên cho Alenca ăn kiêng khem trong vài ba ngày, còn hôm nay nói chung không cho ăn gì nữa, chỉ cho uống nước trà nóng, hay - tốt hơn là - uống nước vỏ sồi, nhưng nếu đi ngoài không cầm, sau tất lại cho mời bác sĩ đến.

Khi Vera Paplópna đi ra phố, mẹ Alenca ngó ra cửa sổ thông hơi và gọi với theo chị câu gì đó lời không nghe rõ, dù sao cũng cao quá, và chị đoán biết được hơn là nghe thấy, rằng người ta chúc mừng chị nhân dịp năm mới sắp sang. Vera Paplópna cảm thấy dễ chịu bởi sự chú ý đó, và chị đâm ra ngượng là bản thân chị quên không chúc mừng Alenca cũng như mẹ cháu...

Chị còn vào thêm hai căn hộ nữa, ở lại không bao lâu. Đến căn hộ thứ ba, kể ra chị phải ở tới nửa giờ và lập bệnh án cho người mẹ, nhưng dù sao đi nữa, ở chị cũng có một tia hy vọng là nếu không xong hết việc được vào lúc bốn giờ, thì rồi cũng chỉ đến bốn rưỡi mà thôi. Như vậy chị kịp rẽ vào cửa hàng, còn cây thông hai mẹ con chị sẽ cùng về bày biện. Tất nhiên, có lẽ tốt hơn là ngược lại, bởi vì tiện hơn cả là trên đường từ mẫu giáo về chị sẽ rẽ vào cửa hàng, nhưng Irinca rất không thích đi các cửa hàng, không tìm được nước mắt đâu...

* * *

Đến căn hộ thứ tư liền một lúc hai đứa trẻ cùng bị ốm - hai đứa bé sinh đôi nhà Meseriácóp vừa được một tuổi. Người mẹ khóc lóc, nháo

nhà khắp căn hộ còn chưa thu xếp dọn dẹp sau khi mới chuyển đến ở và chửi rửa đức ông chồng bằng đủ mọi lời lẽ “mỹ miều”. Ông ta vẫn chưa về, mặc dù hôm nay chị phải làm việc tới bữa trưa.

– Lại gặp những người bạn rượu nào đấy, thế là không còn trời đất gì nữa! Còn ở đây thì có chia năm xẻ bảy người ra, thậm chí đến đi hiệu thuốc cũng không biết nhờ ai. - Chị ta than thở.

Vera Paplópna xấu hổ phải nghe những lời than vãn ấy. Chị nói chung không thích khi người khác chửi rửa lẫn nhau, bộc lộ quan hệ của họ ra, không dè người lạ, còn đến cái mức chửi rửa chồng mình như vậy thì...

– Lạy Chúa, cầu cho ông ấy lăn vào bánh xe điện cho rồi. - Người mẹ của hai đứa bé Meseriacốp tiếp tục chửi rửa, gạt nước mắt giàn giụa đầy mặt. - Người không còn biết xấu hổ, không còn có lương tâm. Bạn rượu còn quý hơn cả con đẻ, bác sĩ cứ thử nghĩ xem...

– Có thể bác ấy phải nán lại ở chỗ làm việc? - Vera Paplópna nói.

– Công mới việc gì cơ chứ? Ông ta chỉ có mỗi một việc đá bóng, uống rượu và rồi khúc côn cầu. Giá có người nào bảo trước, này tại sao chúng ta, cái lũ ngu ngốc, lại đi lấy chồng làm gì nhỉ?...

– Chị đi đến hiệu thuốc đi! - Thở dài, Vera Paplópna bảo người mẹ. - Còn để tôi trông các cháu cho.

– Sao lại làm thế được, bác sĩ? Không tiện...

– Cứ đi đi, đi đi! - Vera Paplópna nhắc lại.

– Vâng thì, xin cảm ơn bác sĩ. Quả thực là bác sĩ đã giúp tôi. Hàng xóm láng giềng chúng tôi còn chưa biết ai, chúng tôi mới chuyển đến được có mỗi một tuần, đành cứ là chịu chết. Tôi sẽ ba chân bốn cẳng một thoáng là về ngay.

Vera Paplópna biết rằng không thể đi một thoáng được - hiệu thuốc ở xa, nhưng quả thực không thể nào làm khác được. Ai đi lấy thuốc được, nếu như chẳng có ai đó mà nhờ.

Người mẹ ra đi, hai đứa trẻ sinh đôi cũng thiếp ngủ và Vera Paplópna, cảm thấy mệt mỏi quá và cơn đau đầu lại xuất hiện, chị ngồi ngay xuống ở chỗ bếp ăn. Chị thấy muốn ăn cái gì quá, thậm chí hơi nôn nao buồn nôn vì đói bụng, và không biết đến lần thứ mấy chị lại tiếc không ghé vào quán điểm tâm. Trong bếp ăn lạnh lẽ, ẩm áp và mùi xúp nắm tỏa ra hấp dẫn không chịu được, và Vera Paplópna phải cố dẹp cái ý muốn cứ liều ăn vài thìa xúp ấy, dù một vài thìa thôi, để dẹp cơn đói ngẫu nhiên. Cuối cùng thì nữ chủ nhà cũng chẳng nhận ra được chuyện gì, bởi vì có thể rửa thìa và để lại chỗ cũ. Vật lộn với ý muốn đó, bất giác chị thiiu thiiu ngủ, gục đầu xuống bàn. Tiếng chuông dài, dai dẳng gọi cửa đánh thức chị dậy. Chị bật đứng lên hoảng hốt, ngái ngủ không hiểu ra ngay là đang ở đâu, còn tiếng chuông gọi cửa vẫn cứ tí ti ti ti. Chị dụi mắt, nhìn quanh và nhớ ra là chị đã để mẹ của hai đứa bé đi hiệu thuốc. Vera Paplópna đi ra mở cửa, nhưng ổ khóa thật kỳ dị thể nào ấy, chưa bao giờ chị từng thấy, đành phải loay hoay một hồi lâu mới mở ra được.

Ở ngưỡng cửa là một người đàn ông, hai tay ôm trước ngực một bọc giấy những trái cam. Vera Paplópna ngạc nhiên, còn ông ta bối rối.

– Tôi, hình như tôi nhầm ạ?...

– Tôi không biết... - Nhún vai, Vera Paplópna trả lời.

Bấy giờ người đàn ông lấy chân khoèo khép cánh cửa lại, nhìn xem sổ căn hộ và cũng nhún vai.

– Có vẻ như đúng cả... - Ông ta làu bàu.

– Tất nhiên rồi! - Vera Paplópna cuối cùng đoán ra rằng đây là bố của hai cháu sinh đôi. - Tôi là bác sĩ.

– Bác sĩ nào?

– Các cháu của ông bị ốm.

– Bị ốm ư? - Người đàn ông bước vào lối vào nhà chật chội, lấy vai đẩy Vera Paplópna sang một bên. - Tại sao lại ốm như thế này kia

chứ?

– Sốt nóng.

– Maria! - Người đàn ông gọi to, đưa mắt nhìn quanh.

– Chị ấy không có nhà, chị ấy đi đến hiệu thuốc rồi. - Vera Paplópna nói. - Sắp sửa về đây.

– Đồ ngốc! Cô ấy lại để chúng nó lạnh. Đã nói với cô ấy bao nhiêu lần rồi, là đưa trẻ đi chơi thì đừng có mà ngứa mồm ngứa miệng! Lại đi chuyện mây chuyện gió, chuyện trăng chuyện đèn còn trẻ con thì phóng sinh phóng địa, muốn làm gì thì làm.

– Cái này không phải vì cảm lạnh! - Vera Paplópna nói tránh. - Lũ trẻ bị cúm.

– Thế cúm do đâu, do nóng ư? Bác sĩ, xin bác sĩ thứ lỗi cho. Kể ra thì thật không tiện, thành thực là...

– Chuyện vặt.

– Mà tôi cũng ngu ngốc, đi xếp hàng hàng tiếng rưỡi đồng hồ để mua mấy quả vớ vẩn này cho các cháu... Xin mời bác sĩ. - Anh ta lấy trong túi giấy ra hai quả cam rõ to và đưa cho Vera Paplópna.

– Không, không!

– Xin bác sĩ đừng giận. Tôi thực lòng mà.

Chị hiểu là không thể từ chối, nhận hai quả cam và cất vào túi.

– Cảm ơn. Còn các cháu qua hai ngày nữa là khỏe, ông cứ yên tâm.

Xuống thang gác, Vera Paplópna gặp mẹ hai đứa trẻ sinh đôi và dặn chị để chị đừng kể ra với chồng về chuyện cảm lạnh.

– Vâng ạ. - Người mẹ nói. - Thế anh ấy về có say hay không?

– Không. Ông ấy xếp hàng mua cam.

– Chúc bác sĩ năm mới! - Người mẹ sung sướng nói.

– Cả chị nữa, - Vera Paplópna trả lời. - chị phải chú ý sao trong nhà không có gió lùa, và cho các cháu đi chơi ra ngoài trời luôn...

Chị còn đến hai địa chỉ nữa gửi một cháu gái, cháu Kachia Privalôva, đi bệnh viện. Cháu này có vẻ là viêm phổi. Phải mất thì giờ trần trĩnh khá lâu cho đôi vợ chồng còn trẻ măng, chứng minh cho họ là chẳng có gì đáng sợ cả, rằng con gái họ chỉ qua mười ngày là lại về nhà, trần an và chứng minh không phải là dễ, bởi vì cháu bé gái rất yếu, nói chung là bệnh tật, và thêm vào đó nghe ở tim lại có tiếng gì ồn ào khó hiểu.

* * *

Mãi đến gần sáu giờ Vera Paplôpna mới xong hết công việc và bây giờ mới nhớ rằng lớp mẫu giáo hôm nay làm việc tới năm giờ thôi. Còn may là gọi được một xe tắc xi, chứ chuyển qua hai ô tô buýt thì chị tới được lớp mẫu giáo phải mất gần một tiếng.

Ở lớp học không còn ai ngoài Irinca nữa và một bảo mẫu được phân ở lại chỉ vì Irinca. Vera Paplôpna cứ như thế cũng đã xấu hổ vì sự chậm trễ của mình rồi, mặc dù hình như chị cũng chẳng có lỗi gì, nhưng bà bảo mẫu vừa mặc áo giúp cho Irinca vừa trách móc.

– Mà làm sao người ta không hiểu là mỗi người đều có công việc của mình nhỉ? Ai cũng chỉ nghĩ đến chuyện tiện lợi của mình, còn người khác mặc cho có chết cũng chẳng động gì...

– Xin bác bỏ quá cho. - Vera Paplôpna xin lỗi. - Sự thể nó là thế, hôm nay nhiều đăng ký mời đến thăm nhà quá.

– Thì tôi cũng nói, mọi người đều có chuyện gì đó, còn ở đây thì cứ ngồi như bị tội ấy, vì sáu chục đồng lương. Tôi sẽ bỏ đi thôi, mặc xác họ hết. Tốt hơn là ra quán ngồi bán hàng.

Những lời ấy đẩy Vera Paplôpna tới ý nghĩ là cần phải trả thêm tiền cho bà bảo mẫu, cảm ơn bà, bởi vì quả thực là bà ấy có buộc phải ngồi đến tối với Irinca đâu. Bà ấy liên quan gì đến chuyện nhiều hay ít đăng

ký mời đến khám...

Vera Paplópna lục lọi trong túi xách, tìm ví tiền, lấy ra ba rúp đưa cho bà bảo mẫu:

– Bác nhận cho.

– Cái gì thế này?

– Vì bác phải ngồi lại...

– Cất ngay đi và đừng có bao giờ thò ra nữa! - Bà bảo mẫu nói. - Gớm nhỉ, nghĩ ra cái trò ấy kia đây! Có thể là tôi nhận được còn nhiều hơn của chị kia, mà với chị thì tờ ba rúp này còn cần đến đây. Còn ngồi với cháu là công việc ư?... Niềm vui sướng ấy chứ, có thể nói vậy. Thôi đi về đi, chúc hai mẹ con một năm mới may mắn!

Ngoài đường phố đã tối. Bằng giá không đắt lắm, sương muối đổ xuống, và các ngọn đèn đường chỉ từ mù chiếu sáng những vòng tròn nhỏ quanh các cây cột điện. Irinca cứ con cón chạy lên trước và hỏi đi hỏi lại vì sao mẹ đến chậm và ông già tuyết đã đến nhà chưa, trong lúc nó còn ở lớp mẫu giáo.

– Ông già tuyết còn chưa đến. - Vera Paplópna trả lời. Vì mệt và đói, chị không muốn nói nhiều.

– Thế có đến không?

– Có đến.

– Ông già đến với tất cả mọi đứa trẻ con chứ, mẹ?

– Với đứa nào biết nghe lời người lớn thôi.

– Nhưng con thì chỉ không nghe lời có một tí một tẹo thôi, mẹ ạ!

– Thế thì đến với cả con.

Hai mẹ con vào cửa hàng, mặc dù Irinca đã phụng phịu. Đành phải bảo nó là nếu có ngúng nguẩy thì ông già tuyết sẽ nghĩ lại và không đến với nó nữa. Nhưng trong cửa hiệu nói cho cùng cũng chẳng còn gì để mà mua: Người ta đã mua hết cả lúc ban ngày rồi. Vera Paplópna

mua một ít kẹo vớ vẩn, pho mát và, sau khi ngẫm nghĩ, mua thêm một chai rượu nho thuần chất. Irinca đòi mua nước chanh, nhưng nước chanh cũng không còn, và Vera Paplópna hứa sẽ làm nước quả ép, bằng mút phúc bồn tử cho nó.

Ở cửa lớn vào nhà, theo thói quen hơn là hy vọng nhận được thư, Vera Paplópna mở hòm thư. Ở trong đó có cái gì thật. Cổ ghìm xúc động, chị lôi ra một tờ giấy gấp hẹp, trên có đề chữ: “Ban quản trị GEK-21, hội đồng nhà cửa và ban chấp hành khu nhà chúc mừng gia đình nhân dịp năm mới sắp sang và chúc thắng lợi trong lao động, học tập và cuộc sống riêng! Xin tha thiết đề nghị gia đình đóng cho tiền nhà tháng chạp năm nay”.

– Thư của ba đây mẹ? - Irinca hỏi, nhèn cao cổ lên nhòm. Vera Paplópna âu yếm nhìn con gái và trả lời.

– Của ba.

– Ba lại bận công việc ở nơi công tác ấy?

– Ờ, con gái yêu ạ.

– Ôi, sao ba ở đây lâu thế!

– Nghĩa là, cần thiết như vậy. - Vera Paplópna nói.

– Ở chỗ ba, ở châu Phi ấy, cũng có ông già tuyết ạ?

– Mẹ không biết.

– Nếu không có thì dở quá. - Irinca nói và thở dài y hệt như người lớn. - Năm mới chẳng có ai đến với ba. Thế ông già tuyết của chúng ta có thể đi công tác đến đây được không ạ?

– Ông chẳng có thời giờ đâu. - Vera Paplópna mỉm cười.

Hai mẹ con leo lên tầng gác ba. Trong căn hộ của hai mẹ con sức nức mùi cây rừng. Irinca nhảy lên và vỗ tay reo mừng:

– Mẹ với con sẽ cùng bày cây thông đi, cây thông nhà ta đẹp nhất tất cả! Hôm nay mười hai giờ đêm con mới đi ngủ cơ!

– Con cởi bỏ áo mũ ấm ra và mang hộp đồ chơi đến đây. - Vera Paplópna bảo.

Irinca nhanh nhẩu cởi áo mũ ra, dịch các ghế tựa vào gần bên tủ, với lấy cái hộp đựng giày đàn ông cũ vẫn dùng để đựng các đồ chơi trang hoàng cây thông tết.

– Mẹ ơi, bắt đầu bày cây thông tết đi, không có không kịp đâu.

– Ngay bây giờ đây, con gái của mẹ.

Vera Paplópna chẳng muốn làm gì hết. Hôm nay chị đã mệt mỏi, mệt mỏi quá. Chị ngồi và nghĩ đến chuyện, giá mà được ngả người ra ghế đi vắng mà thiếp ngủ đi, và ngủ rất lâu, rõ thật lâu, chừng nào chưa chán chê mê mệt. Nhưng không thể đi nằm được. Cần phải bày cây thông tết, chuẩn bị bữa ăn mừng năm mới, rồi thức đón chào năm mới. Chị với bé Irinca sẽ ngồi bên bàn tiệc, mà vào ngày tết mọi nhà đều bày biện ra trong phòng, và chị sẽ uống cái thứ rượu nho thuần chất không lấy gì làm ngon, bởi vì rằng chị không mua được thứ rượu nào ngon hơn, còn Irinca sẽ uống nước quả ép bằng máy vắt bóp tở. Mừng hạnh phúc trong năm mới, không hiểu vì sao mọi người đều hy vọng rằng hạnh phúc nhất định sẽ đến chính là ở trong cái năm này...

Sau đó chị sẽ cho Irinca đi nằm, còn bản thân chị sẽ vào bếp và còn ngồi ở đó, hút một điếu thuốc, bởi vì con gái nhỏ của chị không biết được là đôi khi chị vẫn hút thuốc.

– Tại sao mẹ không thay quần áo đi, mẹ? - Irinca hỏi. - Đã là năm mới hẵn rồi mà...

– Mẹ thay bây giờ đây... - Vera Paplópna bảo con. - Con chịu khó nằm một mình năm phút nhé, mẹ đi gọi điện.

Chị nhớ tới Kachia Privalôva, cháu bé bị viêm phổi mà chị đã gửi đi bệnh viện, và chị thấy rằng cần phải gọi đến phòng tiếp nhận hỏi xem cháu bé ra sao. Dù thế nào đi nữa, tim cháu bé nghe có tiếng đập mạnh.

Bến Lặng

Mẹ Vêxêlina Xtepanôpna yêu quý của con!

Chúc mẹ một buổi sáng tốt lành! Con biết rằng bác đưa thư công huân Vxevôlôt Ivanôvich của chúng ta bao giờ cũng đem thư đến Bến Lặng vào buổi sáng. Mặt trời từ từ hiện sau rừng, sương mù lững lờ bay trên dòng Dneprô, còn từ phía thượng lưu tiếng gà trống đua nhau gáy vọng tới.

Mẹ thân thiết của con! Con đã thi tốt nghiệp đại học, đã nhận bằng kỹ sư nông học. Cô gái đã cùng con về chơi nhà ta mấy bận, nay đồng ý sẽ thành vợ con. Từ lâu chúng con đã yêu nhau, chắc chắn là yêu nhau suốt đời. Lutmila giản dị, biết lo liệu. Tất nhiên, con không còn tin vào những nàng công chúa. Vaxilixa xinh đẹp, hiếm có thể gặp... Bây giờ con chỉ chưa nói với mẹ về cha mẹ của Lutmila, còn chưa phải lúc. Cha Lutmila là ủy viên Đoàn Chủ tịch viện Hàn lâm khoa học, một người hiền hậu và nổi tiếng khắp nước.

Con chờ đợi sự đồng ý của mẹ, nhưng điều chủ yếu nhất là bây giờ mẹ phải ra thủ đô sống với con. Con sẽ có một căn hộ tuyệt vời. Mẹ đã hoàn thành nhiệm vụ trên vị trí không ai thay thế được của mình, - đã đến lúc cũng phải rời lười cày và đồng ruộng mà nghỉ ngơi chứ. Vả lại cái gì là lập đi lập lại thì rồi cũng ngán.

Ngay cả từ thời kỳ đa thần, tổ tiên chúng ta đã ngủ rừng, đốt cây, đào gốc, cày đất, gieo hạt và gặt hái, luôn luôn lo lắng mong sao trời không đổ mưa đá, sấm chớp không đốt cháy lúa, mưa không ngập đồng ruộng. Đến ngày nay cũng vẫn những lo toan ấy. Vậy mà đã qua hai ngàn năm rồi. Đã đến lúc con với mẹ phải sống một cuộc sống khác.

Mẹ cho con gửi lời chào kính cẩn đến bác đưa thư Vxevôlôt Ivanôvich và cô Lubava,

Con trai của mẹ, Iarôxlap Riabinhin”.

Ngọn gió từ sông Đneprô ùa vào ô cửa sổ mở hé, giật lá thư của đứa con trai bà Vêxêlina ném xuống sau nhà. Bà Vêxêlina mở toang cửa sổ, đắm đắm nhìn về phía trời đông.

Vùng thượng lưu cháy rực trong ánh bình minh màu lựu. Bầy gà trống đua giọng thấp cao rộn rã lan xa trên dòng sông. Sương mù màu sữa bông bênh từng đám trên những ngọn anh đào còn mơ màng chưa tỉnh giấc. Ngọn gió mơn man gương mặt bà Vêxêlina, phảng phất mang theo hương vị cay cay của vỏ anh đào.

– Con trai thân yêu, con bẻ gãy xương sườn của mẹ đây! - Bà Vêxêlina thốt lên và đột nhiên gục xuống thành cửa sổ, bà òa lên khóc nức nở, quên mọi sự, không phải e ngại, vì không ai nhìn thấy nước mắt của bà.

Khi trong lòng đã nhẹ bớt, bà chống đỡ mái đầu, mỉm cười cay đắng, nhìn mãi lên bức tranh lớn treo trên tường.

Một phụ nữ thân hình cân đối và khỏe mạnh, ôm cái giành đan bằng cành liễu bên sườn, đang sải bước trên đất cày ầm ầm áp và vùng rộng tay gieo hạt. Bên kia sông Đneprô tung bùng ánh bình minh tháng năm, màu anh đào.

Người phụ nữ bước đi mãi mê vững tin, vui thích vì cảm giác tràn trề tuổi xuân của mình.

Dường như mọi cái đều bình thường. Chỉ có một điều trên bức tranh này làm mọi người ngạc nhiên - đó là tấm huân chương Sao Đỏ bùng lên rực rỡ khác thường giữa những vệt sáng bình minh... trên ngực áo màu tím đã phai.

Dưới chân - một dòng chữ phóng khoáng cũng hết như bước đi của người đang gieo hạt trên mảnh đất vừa bị tàn phá: “Vêxêlukha 25

tháng 5 năm 1945. Xviatôxláp Xtêpanôpna”.

– Thế nào, Vêxêlina Xtêpanôpna, thấy rõ là người ta không thể dùng một tay mà vãi tay được chứ? - Bà Vêxêlina xót xa hỏi người phụ nữ gieo hạt.

Nhưng người phụ nữ trong tranh vội vã bước đi trên luống cày, đầu có thì giờ trò chuyện. Qua nét mặt có thể đoán được chị hiểu rõ là: bông lúa ngừng đầu lên năm này qua năm khác dưới ánh bình minh ửng hồng - chính là niềm vui của cuộc đời, niềm vui của sự sống.

Bà Vêxêlina chợt nhớ lại người con gái thân hình khô gầy, tô vẽ như con gái Nhật, với bộ mặt phớt đời của nữ tu sĩ, và thậm đặt chị ta đứng bên cạnh chị gieo hạt, sau khi đã cởi bỏ đôi giày màu ngọc bích hợp thời trang, cái áo đầy những móc kéo thay hàng khuy, cái mũ lông xù như tổ quạ... và bà khẽ bật cười.

Từ tấm chân dung nhỏ, đứa con trai nhìn bà chê trách, bà lại nghe thấy giọng nói của nó:

“Sa mạc Xahara đã là nơi con người sinh sống thời cổ đại, còn biển Bắc trước đây đâu có phải nơi băng giá - mọi cái đều thay đổi cả. Quy luật của biện chứng mà. Mẹ đã từng đi chân không trên luống cày, còn bây giờ phụ nữ ở tuổi mẹ đi giày hợp thời trang, mặc áo bằng sợi tổng hợp và sợi pôlyêtilen; đã có thời mẹ nai lưng kéo cày trên cánh đồng nông trang, còn bây giờ ở trại chăn nuôi của chúng ta, cái máy “Đaugava-200” thông minh thay người vắt sữa bò... Sao bỏ đó về đây mẹ lại hổ thẹn?”

Bấy giờ bà đồng ý với con trai. Nhưng giờ đây với tất cả lòng mình, bà căm ghét cô gái gầy khô - đôi mắt tô vẽ giả làm cô gái Nhật. Người phụ nữ bí ẩn ấy dùng một cái đã phá tan tòa lâu đài rực rỡ của hy vọng, công trình, mà - dần từng viên gạch, năm này qua năm khác - bà Vêxêlina đã xây dựng đúng ba mươi một năm trời. Bấy lâu bà ấp ủ niềm hy vọng trong lòng - bà sẽ gây dựng con trai thành một người

trồng lúa.

...Bà Vêxêlina chậm rãi mặc lên người bộ áo diện nhất. Một lần nữa nhìn lại chị gieo hạt đang sỏi bước trên ruộng tháng năm, lần đầu tiên sau bao năm dài bà mới lại nhìn vào gương. Vẫn còn nét gì đó chung giữa bà và chị gieo hạt, làm cho mọi người phải ngạc nhiên về thân hình cân đối và sức lực thanh nữ tràn trề của mình. Chỉ có dấu vết phá hoại của thời gian đã động đến thân hình cân đối, đẩy đà của bà Vêxêlina ngày nay, những nếp nhăn đau thương đã in hằn lên bên mắt và miệng, và mái tóc hãy còn dày, nhưng không còn màu hạt dẻ sáng nữa, mà đã là màu cỏ vũ mao.

– Thế nào, Vêxêlina Xtêpanôpna! Việc gì phải đau khổ? Từ bấy đã bao nhiêu năm qua đi rồi, biến đi rồi... Gần bốn mươi năm? - Bà Vêxêlina tự nói với mình, và chợt nhớ ra, nói thêm. - Sa mạc Xahara đã có thời không phải là sa mạc, còn biển Bắc lại chưa đóng băng. Mọi thứ đều đua chạy vội vàng...

* * *

Từ dải bờ dốc dựng đứng, sông Đneprô mở ra tất cả vẻ huyền diệu của cái thế giới tươi sáng và lạ kỳ của nó. Chung quanh là một cái gì đó phóng khoáng, bao la và mang nặng tâm hồn Nga, đến nỗi trong lòng ta bỗng thấy thanh thản lạ thường.

Ruộng lúa xuân đã lên cao hết mức đung đưa nằm trải xa tít tắp, hết tầm mắt nhìn. Còn đằng kia, trên cánh đồng đất xốp bao la màu ngọc bích chạm chân trời, mùa hè sáng tung bùng trong ráng mây hồng thắm suốt những bình minh, những hoàng hôn. Dòng Đneprô không hiểu đã thiếp ngủ hay vẫn đang lững lờ chảy - khuất giữa những rặng anh đào. Cách chừng một vecxta là khu nhà trung tâm của nông trang Thượng Lưu.

Đến mùa đông, dải bờ cao dựng đứng bị băng giá rạch nứt nẻ sớm sớm rên lên u u vì buốt lạnh kinh khủng, nhưng suốt mùa hè nó lại được những ngọn gió lửa âu yếm, và những cơn sóng cao báo mùa xuân.

Làng Bến Lặng chỉ mới gần đây thôi là một làng lớn, còn trước nữa lại nổi tiếng hơn về những hội hè lễ thánh, những cuộc dạo chơi bạt tử, thu hút trai gái hàng trăm làng quanh vùng kéo đến.

Thế hệ của bà Vêxêlina đã từng chơi hội không kể trời, kể đất, dường như linh cảm thấy rằng rồi đây họ sẽ không còn được thấy những cuộc dạo chơi náo nhiệt thu hút người khắp vùng tới, không còn được nghe tiếng phong cầm réo rắt và bước chân nhảy múa rộn ràng, nắm tay nhau thành vòng tròn theo điệu “cô gái Xécbi” mà nay vĩnh viễn bị lãng quên... Sau đó Bến Lặng không còn bao giờ được thấy tất cả mọi điều đó. Các bạn đồng niên của bà Vêxêlina đi lấy chồng cả, còn thế hệ mới coi đỉnh cao hạnh phúc của mình là các thành phố kia. Người làng thuyền chuyển cả lên Thượng Lưu, đến ở những ngôi nhà mới có nước máy nóng lạnh và bếp đun bằng hơi đốt. Ở đó có đủ cả: trường học, nhà văn hóa, mẫu giáo, vườn trẻ, cửa hiệu, nhà ăn công cộng, trại chăn nuôi...

Bến Lặng còn lại căn nhà của bà Vêxêlina kiêu hãnh sống đơn chiếc. Căn nhà cao làm bằng gỗ từng hàng trăm năm, mái tôn sơn xanh, mặt nhà hướng về phía mặt trời mọc, từ trên bờ dốc cao nhìn sang phía bên kia sông Dneprô xa hàng chục dặm.

Bà Vêxêlina khước từ việc thuyền chuyển lên Thượng Lưu. Cụ kỵ của bà sinh thời dưới chế độ nông nô đã từng ca hát những bài hát của quân khởi nghĩa về các thủ lĩnh đi giải phóng người khổ nghèo. Cụ kỵ của bà Vêxêlina đã sống ở đây từ thuở xa xưa, đã vui chơi, đã yêu đương, cưới xin, cày ruộng và nằm xuống, sau khi đạt tới niềm hạnh phúc của sự yên tĩnh vĩnh cửu.

Và chẳng đi bộ theo bờ sông lên tới Thượng Lưu vên vên cũng chỉ

mười mười lăm phút. Đường dây điện về Bến Lặng vẫn được giữ nguyên, nhà bà Vêxêlina có cả máy vô tuyến truyền hình lẫn máy thu thanh. Vậy thì còn cần gì thêm nữa! Thêm vào đây còn có cả con ngựa nòi Dapôrôgie vẫn chẵn trên bãi cỏ non ngay gần chỗ ngoặt của dòng sông. Ngồi lên yên ngựa là tha hồ phi qua rừng, qua bãi lầy - tới đâu tùy thích, nơi không một chiếc xe ô tô nào có thể' đi tới.

Con ngựa nâu vẫn thông minh - lốm đốm đen vàng ở mõm - đã hai mươi tám năm trung thành phục vụ đội trưởng sản xuất Vêxêlina Riabinhina, làm cho những người công nhân phải ngạc nhiên vì tuổi thọ của nó.

Chỉ riêng Vêxêlina là không ngạc nhiên, bà đã nghe ông nội của bà cho hay rằng cụ đã có con ngựa phục vụ cho cụ gần bốn mươi năm trời kia...

Nông trường có một số ô tô buýt, nhưng mọi người vẫn coi trọng yêu quý ngựa và đặt cho chúng những cái tên đặc biệt hiện đại. Con ngựa tải màu tro giống Vladimira được gọi tên là "Maxcovich", con ngựa cái bạch chột một mắt và khập khiễng - được gọi là "Vonga", con ngựa giống Orlôp - được gọi là "Gát", còn con ngựa thiến màu hồng - được gọi là "Mát"...

Tên người ở vùng này chủ yếu được đặt theo tên chữ Xlavo, vì thế mà ở các vùng thượng nguồn Dneprô mới có những Kadmia, Mirôxlap, Xviatôxlap Lubômia Milan, Xvetladur.

Điều đó không phải trò chạy theo thời thượng, mà chính là việc giữ gìn truyền thống ông cha. Từ cổ xưa, ở các vùng thượng lưu con sông vĩ đại, người ta yêu thích hơn cả là từ "tình yêu" với "yên bình".

Từ Bến Lặng, dòng sông Dneprô đẩy lùi rừng cây về phía tây. Bắt đầu mảnh đất nguyên thủy với những con lợn lòi, gấu, linh miêu và gà rừng, loài muông thú còn giữ lại được từ cổ xưa.

Im lặng, hoang vắng.

Đều đặn đi lại về phía đó có một con tàu nhỏ nhưng lại mang tên khá kêu: “Piôtr Bagration”. Trước đây Bến Lặng có cái bến đậu bằng gỗ thông, tỏa ngào ngạt mùi nhựa và quả thông sau những trận mưa. Con tàu nhỏ dừng lại, ghé bến đón người trong làng lên hoặc cho họ xuống bến. Trên một tấm tôn nặng nề nổi rõ hàng chữ “Bến Lặng”. Biển đề tên bến cho đến nay vẫn còn giữ được ở đó. Chỉ có điều “Piôtr Bagration” thường chỉ rên rĩ nổi hiệu còi rồi cứ thể đi qua bến mà không dừng lại nữa. Ván gỗ thông ở thành bến nhiều chỗ đã mục hỏng, phủ kín địa y màu xanh.

Hai năm về trước bà Vêxêlina đã tiễn đưa đứa con trai Iarôxlap trên bến này. Người thuyền trưởng tráng kiện, với những túm tóc mai loăn xoăn đã bạc trắng, nhìn thấy bà Vêxêlina ăn mặc đóm dáng, bèn vung hai tay lên, đánh rơi cả chiếc mũ thuyền trưởng với hình con cua và reo lên oang oang:

– Vaxilina xinh đẹp!

Từ buổi ấy người thuyền trưởng không ai thay thế được đã tự ý gắn thêm vào hai chữ to tướng ở mũi tàu “Piôtr Bagration” một cái biển ghi thêm chữ “Bá tước” (có thể, ông chỉ treo biển ấy lên khi tàu lên tới các vùng thượng lưu), và khi tàu đi qua, buổi sáng ngược dòng, buổi chiều trở lại, khi hai bờ sông đã chìm trong bóng hoàng hôn âm áp, ông đều mở loa, và đội nhạc lại cử khúc ca:

Trong rừng chim dạ oanh

Ca khúc ca lạnh lốt

Người vợ góa trẻ măng

Sống trong thôn heo hút...

Gặp khi vừa lúc bà Vêxêlina có mặt ở bên sông, thuyền trưởng đứng thẳng người, ngả mũ khỏi mái tóc bù xù và vẫy bà cho đến lúc “Bá tước Bagration” khuất sau quăng ngoặt vắng.

Chuyến cuối cùng của vụ nước, con tàu nhỏ quay trở lại sớm sửa

khác thường. Anh đào cháy rực ngọn lửa đỏ thắm bên sông Dneprô đã chậm dòng, trầm mặc. Những chùm thanh hương trà nặng quả vin trĩu cành. Khắp rừng các bụi vêrêxơ rộ hoa, những búp nụ tím hồng xinh xắn tung cánh. Mùa hè đã tới.

Bà Vêxêlina đang đứng gần bờ rũ quần áo, bàng hoàng khi con tàu nhỏ xô sóng nước rào rào vỗ bên thành ván thông. Thuyền trưởng “Bá tước Bagratiôn”, đứng trên đài chỉ huy cúi xuống - hầu như để ghi nhớ suốt đời - vui vẻ kêu to:

– Hẹn đến mùa xuân tới nhé... Vaxilina xinh đẹp.

– Đẹp! - Hai bờ vui vẻ vang lên trả lời. Và cái loa điện của ông lập tức hăng say cất tiếng ca:

Và anh chàng đánh cá Gã thương gia cùng ca Ôm hôn người vợ góa Thôn nhỏ sống vô tư.

Hôm nay phải là ngày đầu tiên đầu mùa nước của “Bá tước Bagratiôn”, bà Vêxêlina hồn nhiên như con trẻ lấy quần áo đẹp ra mặc để ra bờ sông đón chào con tàu nhỏ và vẫy người thuyền trưởng tính tình phóng khoáng, đền đáp lại thái độ chung thủy của ông.

* * *

Ngày lạnh gió.

Bà Vêxêlina biết rằng hôm nay tại rừng bạch dương, bà con các đội của nông trang “Thượng Lưu” vui ngày hội được mùa. Hội ngày xuân. Nếu như không có lá thư làm bà bận lòng, hẳn bà đã có mặt ở đây cùng với mọi người, chứ đâu lại ở trên dải bờ trơ trụi này.

Mặt trời cứ lên cao, lên cao dần trên dòng Dneprô ngái ngủ, mà con tàu vẫn chưa xuất hiện. Đã mấy giờ liền bà Vêxêlina đứng im như bức tượng trên bờ dốc cao, đôi mắt nhòa đi nhìn đắm đắm cánh đồng lên

màu xanh. Chẳng bao lâu nữa, lúa mạch đen sẽ lên tiếng rì rào trước gió, đung đưa tràn đầy sức lực, lúa đại mạch ngo nguậy những cái ria thô kệch, rồi sau đó đến lúa yến mạch rỉ rách lên tiếng.

Bây giờ niềm vui thâm lặng hẳn sẽ tràn ngập toàn bộ con người bà Vêxêlina.

Phải chăng cũng niềm vui nguyên thủy này đã cổ vũ tâm hồn Xvêôdar Riabinhin - ông nội của bà Vêxêlina, người đã từng cày những thửa ruộng này, phải chăng cũng niềm vui này đã cổ vũ cha bà. Và đây, đã ba mươi năm ruộng đồng mang lại niềm vui cho kẻ nối dõi của dòng họ - nữ đảng viên cộng sản Vêxêlina Riabinhina, một đội trưởng sản xuất không ai thay thế được của nông trang.

Có thể là, bắt đầu từ thống lĩnh Riurich, từ nước Nga thuở đa thần, thế hệ nọ truyền cho thế hệ kia kinh nghiệm trồng lúa, niềm tự hào và niềm hân hoan, các cụ truyền tới các cháu, các cháu - lại cho các cháu mới...

Nhưng bây giờ thế là cái vòng đã khép kín...

Dòng họ trồng lúa Riabinhin đã chấm dứt ư? Bà Vêxêlina - người cuối cùng của dòng họ này - có một đứa con trai, Iarôxlap. Đã ba mươi một năm nay bà gìn giữ nó như gìn giữ con người của mắt, ngày đêm nghĩ ngợi về số phận, hạnh phúc người trồng lúa của nó. Nhưng học xong trường đại học Tổng hợp và trở thành người nông phu bác học, nó lại từ bỏ ruộng đất. Nó đã đánh đổi ruộng đất lấy người đàn bà hông hẹp có cặp mắt tô như cô gái Nhật.

Có phải chính bà - Vêxêlina Xtêpanôpna, người cuối cùng của dòng họ ông cha - có lỗi, vì cả bộ tộc Riabinhin đã bắt đầu trồng lúa từ thời những chiếc thuyền độc mộc đầu tiên xuất hiện trên dòng Dneprô, khi người ta cầu khẩn mặt trời trong sáng và cúng lễ cây phong xanh - nay lại kết thúc ở chính bà chứ không phải ai khác?

Hàng mấy nghìn năm con ngựa khổ sở phải kéo cái cày cái bừa ở

vùng thượng lưu Dneprô, và chỉ chính quyền Xô viết mới cho những người trồng lúa cái máy kéo. Cuộc sống mới rộn lên sôi sục như nước lũ mùa xuân ở khắp vùng lân cận sông Dneprô. Bà Vêxêlina là người chứng kiến những ngày ấy.

Nhưng những kẻ ngoại bang kéo đến, chiếc giày ủng đóng ba mươi hai đinh sắt dưới đế giày xéo ruộng đồng.

Và thế là vùng Dneprô trở thành mồ chôn kẻ xâm lược, kẻ đã từng dễ dàng sai bước khắp châu Âu.

Buộc phải bắt đầu tất cả lại từ đầu, có thể, cũng như vào thời đa thần, lại phải mắc ách vào cái cày tay, đánh gốc cây, lấp chiến hào và hầm hố. Việc đó đổ lên lưng người con gái son trẻ nhất của dòng họ trồng lúa Riabinhin. Nhiều lần kiệt sức vì công việc lao động quá sức người và đói, Vêxêlina đã nằm xuống lòng đoạn hầm cỏ mọc um tùm và ngủ đêm ở đó... để' sáng hôm sau lại mắc ách kéo cày.

– Chị đã một thân một mình làm nhiều hơn cả dòng họ của chị đã làm được! - Một lần ở hội nghị Đảng, đồng chí chủ tịch nông trang đã nói với Vêxêlina như vậy.

Bữa đó Vêxêlina suốt đêm cho tới sáng ở lại trên đồng. Những lời của đồng chí chủ tịch cứ lẩn quẩn trong đầu bà.

Còn trên cánh đồng bao la đang diễn ra một cuộc chiến đấu... Đồng ruộng của ông cha được tu sửa, lần đầu tiên kể' từ thời có thủ lĩnh Riurich. Khắp nơi vang động những máy kéo, máy xúc, máy ủi, máy cạp. Rừng bật rễ, bụi bờ bay gốc, những lòng kênh và những con đường hình thành, những ống gốm nung được đặt sâu xuống đất, những đường ống tụ được xây dựng để' thu nước thừa, những thửa ruộng đã hình thành được cày lên và quây tụ, phân bón được đưa đến.

Lần đầu tiên ở đây đã cải tạo một cách cơ bản đồng ruộng.

Ngay đêm ấy Vêxêlina đã tìm ra bằng được nhân viên kỹ thuật cải tạo đất, rồi lúc rạng sáng chiếc máy ủi bị hỏng, bà cưỡi ngựa phi tới

khu bên cạnh, đánh thức người thợ máy xúc dậy và kéo anh ta tới đội của mình.

Trong năm năm trời khi Iarôxlap còn đang ăn học, bà đã có rất nhiều đêm không ngủ tương tự.

Và đây, bây giờ, từ trên bờ dốc cao nhìn ra, trước mắt bà Vêxêlina mở ra một cánh đồng bao la với những kênh mương vây chung quanh (Đneprô rộng lòng tiếp nhận nước từ những kênh mương ấy), với những đường ống đất nung và những ống tụ nằm dưới đồng lúa xao động trước gió.

Nếu như ông nội của bà Vêxêlina - Xvêtôđor Iarôxlavich - cùng những người làng bây giờ sống lại, nhìn thấy cánh đồng rộng hàng nghìn công mẫu không có một bụi cây nhỏ, một bãi sinh lầy, không có những rừng thưa chen đất, lại biết được rằng năm ngoái ở đây đã thu hoạch được mỗi công mẫu tới ba mươi lăm tạ thóc, thêm bốn mươi tạ rơm khô... với lại nhìn thấy những cỗ máy khổng lồ chưa từng có này: những máy kéo, máy xúc, máy ủi, máy cày, thì hẳn cụ phải nghĩ rằng Chúa Giêsu đã chuyển thiên đường mà cụ từng mơ tưởng từ trên trời xuống đồng ruộng của cụ...

Bằng cả trái tim mình, bà Vêxêlina hiểu rõ rằng trên đồng ruộng này còn phải làm thêm một công việc to lớn nữa, vậy mà bà không còn ai để mà truyền lại lá cờ tiếp sức của người trồng lúa...

Lỗi lầm đó không để cho bà Vêxêlina yên lòng. Bà hiểu rằng nghĩa vụ của người phụ nữ trồng lúa, như nơi đây người ta vẫn gọi từ xa xưa, không chỉ là cày đất, gặt và đập lúa... Bởi vì người phụ nữ là biểu tượng của xương thịt vĩnh viễn sinh nở, là sự thể hiện tư tưởng của tình mẫu tử.

Bà Vêxêlina đã làm một bước ngoặt sai lầm ở quãng nào trên con đường đời? Khi nào? Và lỗi lầm của bà thực ra ở điểm nào?

Bà Vêxêlina trần trở dần vật cổ tìm câu trả lời cho những câu hỏi

đó. Trong ký ức hiện rõ toàn bộ cái điều thâm kín, mà bao năm dài đã được giấu kín bùng trong những góc ngách bí mật bảy lần khóa kín.

Một ngày tháng ba năm bốn ba. Hương vị thoang thoảng của thời kỳ tuyết tan lớn vờn bay trên bầu không khí yên tĩnh buồn lặng của đồng ruộng. Chỉ có điều sự yên tĩnh đó chỉ là một sự yên tĩnh giả dối. Ở chính nơi đây, nơi bà Vêxêlina đang đứng lúc này, cái tháp canh cứu hỏa được xây dựng bằng đá lấy dưới sông xếp lên, vươn cao cái đỉnh nhọn của mình thẳng lên trời. Ai đã xây dựng nên cái tháp ấy, xây dựng từ bao giờ - ngay cả ông nội của bà Vêxêlina khi đó đã tám mươi tuổi cũng không biết. Từ thuở ấu thơ của cụ, cái tháp ấy đã sừng sững đứng đó rồi. Thường người ta đứng canh trên cái tháp ấy, và nếu như ở đâu bỗng có cột khói hung dữ bốc lên trời cao là lập tức cỗ xe tam mã của đội dân phòng tình nguyện của Bến Lặng quả cảm lao đi...

Khi bà Vêxêlina đứng trên tháp ấy nhìn quanh, trước mắt bà mở rộng ra một khoảng mênh mông xa tít tắp đến nỗi tim bà lặng đi. Nhìn thấy cả Rgiép cổ kính, cả chòm vàng của mái vòm nhà thờ Xinhiaqhinxcaia ở Xutsepơ lấp lánh dưới mặt trời.

Vào ngày tháng ba, thời kỳ tuyết tan ấy, có những người mặc áo lông cừu ngắn màu vàng, khoác súng tiểu liên chạy tới Bến Lặng. Những quả trái phá rú rít nổ tung trên đầu họ, bãi ruộng tuyết phủ trắng bùng lên những tấm áo lông cừu tựa hồ như những bông hoa... Mỗi bông hoa rụng lại thêm một người quả phụ, mỗi bông hoa rụng, lại thêm một đứa trẻ mồ côi và những tuổi trẻ người mẹ...

Bọn Đức dự định đóng lại lâu dài trên bờ hữu ngạn, suốt mùa hè chúng xây dựng công sự, và không phải ngẫu nhiên mà những nẹp quần đỏ của bọn sĩ quan tổng hành dinh của chúng thỉnh thoảng lại xuất hiện thấp thoáng nơi đó... Nhưng chúng đâu cướp được Dneprô: những công sự của chúng đã phải bỏ lại trống rỗng. Tuy vậy bọn Đức không rời bỏ Bến Lặng.

Và đây các chiến sĩ Hồng quân - những người anh, những người cha

và những người yêu của ai đó - vĩnh viễn nằm lại cánh đồng cạn nước, khi khắp bãi chăn nuôi, ngải hương lần thứ hai lại sắp nở hoa...

Khi đó bà Vêxêlina cúi chú bé Iarôxlap đang sợ hãi khóc ré lên vào tay người hàng xóm và vùng ra khỏi căn hầm chứa đồ.

Bà chạy băng qua bãi trống phủ tuyết, ngạt thở vì ngọn gió quẩn. Tấm khăn vuông tuột khỏi đầu và bay đi như một cánh chim, như cố đuổi theo chủ nó.

Căn cứ vào những đám tuyết đột nhiên bắn tóe lên chung quanh, Vêxêlina hiểu rằng bọn Đức đang nhằm bắn theo mình... Quả đạn cối rên rĩ nổ toang phía trước, mặt tuyết lỗ chỗ vì mảnh đạn.

“Hẳn là, từ trên gác chuông chúng đã nhận ra rồi! Thế là hết...” - Vêxêlina buồn bực nghĩ thầm.

Khi đến suối Phinkin chỉ còn mấy bước chân, viên đạn đã đuổi kịp Vêxêlina... Máu từ cánh tay phải vọt ra một tia nóng hổi tỏa hơi. Như trước đây thường chơi lăn từ bờ dốc đứng xuống sông Dneprô vào ngày lễ tiễn đông,

Vêxêlina lăn tròn người xuống dốc suối. Một vệt máu đỏ ngoằn ngoèo để lại trên tuyết.

Vêxêlina lăn thẳng vào cánh tay của ai đó. Người kia ôm Vêxêlina vào bên ngực, không nhận ra là áo lông cừu của anh thấm đỏ những bông hoa anh túc rực lửa...

– Cô từ đâu tới đây, Vacvara khổ hạnh^[7]? - Anh ta kiên tâm hỏi.

– Ở đây., khẩu cối Đức trên tháp phòng cháy! Nó đang sát thương quân ta...

Mấy phút sau dưới hầm tránh pháo người ta băng bó lại cho Vêxêlina, còn anh đại úy vui tính, cặp mắt lồi sáng lên dưới cặp lông mày rậm rì, sau khi tuôn ra một câu chửi rủa rồi đã động viên:

– Vậy mà chúng tôi cứ nghĩ là nó từ trong rừng bắn ra! Chà, khá lắm, cô em ạ! Chà, cô em ạ... Bây giờ chúng tôi sẽ hạ huyết cho nó

không vòng hoa... - Và lập tức hạ lệnh vào ống nói. - Gấu! Gấu! Tôi - Thứ sáu! Nhắm vào tháp phòng cháy... Góc độ chín ba mươi! Mức độ. Lựu pháo! Trái phá! Toàn pháo đội... Nhắm đúng...

Khi leo lên bờ suối, Vêxêlina nhìn thấy: ở chỗ cái tháp phòng cháy từ thời ông nội, một đám bụi mù mịt đang hạ xuống dần... Tiếng “u ra” xa xa vang rền vọng lại.

Anh đại úy mặc áo lông cừu ôm lấy Vêxêlina ghì chặt đến mức cúc áo cánh của Vêxêlina bật tung, và hôn một cách khéo léo, thật chặt vào cặp môi giá lạnh:

– Cảm ơn cô em! Cô đã cứu sống được bao nhiêu người anh em... Tôi sẽ đề nghị tặng thưởng huân chương! Huân chương chứ không thể thấp hơn!

Và Vêxêlina, thêm thường hít thở hơi áo lông cừu và mùi dầu lau súng, bàng hoàng không sao trấn tĩnh được...

Qua hai tháng... Mà chuyện gì qua hai tháng sau nhỉ?

Vêxêlina đi xuống giếng, thích thú duỗi dài hai chân. Một hòn đá óng ánh như xà cừ - kỷ niệm về cái tháp phòng cháy - đã bị phủ kín bởi cành lá, rộng dài mát mẻ của bụi hoa...

Hai tháng sau Vêxêlina tự kéo cày trên bãi cỏ, nơi những người con trai và những người chồng, những người anh em và những người yêu của ai đó đã vĩnh viễn nằm xuống, những tấm áo lông cừu nở bung như những bông hoa...

Vết thương hóa ra không lấy gì làm nguy hiểm. Viên đạn không chạm xương, nhưng chắc là có đụng đến bộ phận nào đó trong người, bởi vì ngón tay phải, ngón tay mà người ta thường đeo nhẫn cưới, vĩnh viễn thành tật...

Người tiểu đoàn trưởng ấy không buông lời theo gió. Vào buổi sáng tháng năm năm chiến thắng, ngay trên ruộng cày, một vị chính ủy quân sự đã về gắn lên ngực tấm áo cánh tím bạc màu tấm huân chương

chiến đấu Sao Đỏ. Vêxêlina mặt đỏ bừng như ánh bình minh, giật thót vì bàn tay xương xẩu của vị ủy viên quân sự chạm lên ngực.

Cũng ngày hôm đó họa sĩ quân đội Riabinhin, nhân bị thương nghỉ tại làng Bến Lặng đã vẽ Vêxêlina.

Anh cùng một họ với Vêxêlina. Ở Bến Lặng, có đến nửa làng cùng một họ Riabinhin, mặc dù Vêxêlina không nhớ được là có bao giờ đó cây thanh hương trà^[8] lại mọc ở bên đường làng mình.

Rồi sau đó thì sao?

Sau đó hai mươi tám năm, Vêxêlina đã liên tiếp đón chào bình minh và tiễn đưa hoàng hôn ở trên đồng ruộng làng và lãnh đạo một đội sản xuất.

Iarôxláp lớn lên thâm lặng, hơi kín đáo, nhưng với mẹ lại cởi mở và thẳng thắn. Bằng sự nhạy cảm nữ giới của mình, Vêxêlina đã hiểu rằng: kín đáo và thâm lặng bởi vì nó thiếu sự âu yếm của cha, cởi mở với bà vì thương bà, hiểu rằng - hạnh phúc của mẹ đã lỡ làng...

Làng quê đâu cũng như đâu. Ở mỗi làng đều có những kẻ thích thú chuyện buồn của người khác. Các bà phụ nữ thích thì thảo to nhỏ ở bên giếng nước xem “cái thằng bé đẻ rơi” - Iarôxláp, giống ai trong làng. Họ hết cho là giống ông này lại đồng ý với nhau là giống anh khác.

Bà hàng xóm Panfilôpna, nhà bình luận các tin tức mới trong quận, không chỉ biết rõ chàng trai nào để ý và ghé thăm chị quả phụ trẻ tuổi, mà còn biết cả những sự kiện ở Achentina và nguyên nhân các cuộc đảo chính ở các nước Mỹ Latinh. Bà ta khẳng định:

– Chị ta mang nó từ nơi khác về! Kiểm được ở đâu đấy! Cả quận ta không có loại người thâm lặng với lại lông mày mảnh như vậy... Lấy cả nhan sắc của tôi ra mà thề là - mang ở nơi khác về! - Bà nheo nheo con mắt trắng đục.

Với những lời bàn tán ấy, Vêxêlina chỉ trả lời ngắn gọn: Gà trống có

gáy buổi tối, mặt trời cũng chẳng mọc lên đằng Tây!

Tháng sáu năm bốn một, Vêxêlina lừa đàn súc vật giống của nông trường tới vùng Iarôlapsina xa xôi. Trở về tới làng Bến Lặng, băng trên Dneprô đã lao xao và dải bờ dốc đứng đã cứng đang ở dưới chân. Tay chị bế đứa bé quần trong tấm áo mưa cũ kỹ.

Với người làng, Vêxêlina trả lời gọn lỏn: con tôi!

Xtêpan Riabinhin - ông cụ thân sinh của Vêxêlina - lúc ấy đã qua đời ở đâu đó tại một làng thảo nguyên Côdác vùng Lukhaia, bà mẹ vui mừng thấy đứa cháu, cũng có thể, bà cụ làm ra vẻ vui mừng.

Vanhiusca Xidôrôp - anh thợ rèn của nông trang và là một tay thợ lành nghề, - thường vẫn đưa đón Vêxêlina trong những tối vui trước chiến tranh, không xa lánh, mà ngược lại, hồ như càng quần lầy Vêxêlina; hành động đó nung nấu thêm trí tưởng tượng không cùng của cánh đàn bà... Nhưng chỉ có điều mái tóc của anh chàng thợ rèn màu lá phong mùa thu, còn chú nhóc lại làm mọi người kinh ngạc về mái tóc tơ màu lạnh.

Cả Bến Lặng chịu không biết đường nào mà lần.

Bà mẹ của Vêxêlina đã qua đời một buổi sáng băng giá năm bốn hai. Vanhiusca Xidôrôp - người liên lạc của du kích - bị bọn hiến binh cơ động bắn chết ở ngã tư đường gần Bến Lặng một ngày nắng ráo tháng bảy cũng vào năm ấy.

Từ đấy đối với mọi người, Vêxêlina đóng chặt cửa lòng, sau bảy lần khóa. Những năm ngay sau chiến tranh, những người từ tiên tuyến trở về đua nhau theo đuổi Vêxêlina xinh đẹp duyên dáng, nhưng Vêxêlina cứ như một bức thành không ai phá nổi.

Trong những năm ấy ở vùng thượng lưu Dneprô người ta còn coi việc đi lấy một người đàn bà đã có con về làm vợ - dù thằng bé ấy có là cháu ruột của nữ hoàng Êcatêrina đệ nhị đi nữa - là một điều nhục chưa từng có. Thêm vào đấy mỗi một chàng trai bấy giờ lại có tới hàng chục

cô gái làm đối tượng, không kể đến những chị vợ góa còn trẻ...

Nhưng đến khi Vêxêlina thay cái váy khâu bằng vải áo bạt cứng quèo và đôi giày bốt tin lính, lần đầu tiên sau những năm dài mặc lại cái áo váy màu mận và đi đôi giày phụ nữ, kể ra, chỉ là đôi giày gót to kiểu trước chiến tranh, thì... Iarôxlap của chị đã học xong trường phổ thông cấp một của Bến Lặng. Vêxêlina đã hai mươi bảy tuổi rồi. Những cô gái chừng ấy tuổi thường không còn đi dự các tối khiêu vũ.

Thế là những năm tháng tươi đẹp nhất đã bay vèo qua như vậy, mạch nguồn tình yêu của trái tim Vêxêlina không còn khơi lại nữa...

Những người vợ góa trẻ và các cô gái già chung số phận như vậy thường sống những năm cuối cùng tuổi xuân của mình một cách phóng túng bất chấp sự đời, cố bù lại tất cả những gì đã bỏ lỡ và tất cả cay đắng của thân phận.

Đối với Vêxêlina Riabinhina - không những vì chị là đảng viên cộng sản và đội trưởng sản xuất nông trường, mà cả danh dự của dòng dõi đã giúp chị chế ngự những tình cảm nữ giới trong bản thân. Bây giờ chị dồn tất cả tình cảm không hề bị tiêu phí của mình cho Iarôxlap.

Đứa con lớn lên, là một chàng trai dễ ưa; các cô gái làng, thậm chí cả những cô hơn hẳn tuổi chú, bắt đầu dòm ngó chú quá sớm.

Vêxêlina không bao giờ phải nghĩ ngợi chuyện tại sao chị lại không được hưởng sự âu yếm vuốt ve của đàn ông, không được sinh đẻ những đứa con hợp pháp - những kẻ kế tục dòng dõi nhà nông Riabinhin.

Mà có thể, trong những đêm dài thao thức, khi cơn bão tuyết nửa đêm rền rĩ khóc than trên sông Dneprô và ngọn gió côی cút buồn bã gõ ngoài cửa sổ suốt đêm, những ý nghĩ tương tự như vậy cũng nảy sinh, chỉ có điều Vêxêlina không mở cửa cho chúng lọt vào trái tim. "Trong khu của chúng ta không còn có những đội trưởng sản xuất như vậy nữa đâu!" - Đại biểu đại hội Đảng, giám đốc nông trường Tikhôn Xidôp thích nói như vậy với các thủ trưởng khu. Và có lẽ ông nói đúng.

Vêxêlina biết tổ chức.

Trong những năm sau chiến tranh, khi cùng chị em phụ nữ khác tự nai lưng kéo cày, Vêxêlina đã cấp giảnh lúa giống đi trên đất cày và gần như lấy sức ra thúc cánh phụ nữ trẻ ra đồng - lúc đó thật khó khăn.

Lúc bấy giờ, khi Vêxêlina chỉ huy mười lăm máy kéo, máy xúc, máy cạp, hàng chục ô tô tải, khi chị chịu trách nhiệm về công việc của các máy gặt liên hợp, máy gieo, toàn bộ cơ giới bánh xích - chỉ khu đất lúa vụ xuân cũng hơn nghìn công mẫu - thì công việc cũng không kém khó khăn. Đôi khi rất khó khăn.

Mọi người kính trọng chị vì chị thu xếp để cùng mọi người kịp đánh đồng rơm rạ, bện lanh, khâu vá các bao thóc.

Khi khó khăn quá đỗi hay có thể nổ ra chuyện om sòm gì đó - thần kinh con người không chịu đựng nổi, - chị nhắc lại những lời thích thú của ông giám đốc nông trường:

– Các bà ơi, đây là chiến tuyến của chúng ta. Tốt hơn hết là ta cùng hát lên một bài! - Và chị cất cái giọng cao lãnh lót:

Chàng thường gặp gỡ tôi

Ném cho tôi khốe mắt

“Chào em, ơi người đẹp

Em làng nào tới chơi?”

Những người phụ nữ đã chực nổi khùng, lời qua tiếng lại với nhau, bỗng lại quên khuấy mọi chuyện và thân thiết hòa theo:

Nay chân lấm tay bùn Mai đời em gặt hái...

– Vêxêlukha! - Ông giám đốc gọi chị bằng cái biệt danh thân mật.

Anh em công nhân lại gọi:

– Chị Vêxêlukha của chúng tôi!

– Vêxêlinkha... - Đám đàn ông trẻ gọi chị hơi khác một chút, thầm ngấm ngấm nét cân đối chưa phai nhạt của chị, còn nếu như người ta

bảo với họ rằng Vêxêlinkha chưa từng có một người đàn ông nào, họ không tin, dù có đem họ ra chém đi nữa...

Học hết lớp mười, Iarôxlap không lao đi đại học. Vêxêlina hài lòng về quyết định đó: cứ để cho nó học hỏi lấy kinh nghiệm nhà nông, bởi vì cái kinh nghiệm đó đã được tích lũy hết thể hệ này sang thể hệ khác và không phải dễ gì đã hiểu được ngay một lúc.

Có điều con trai chị không thích thú gì lắm những đội luân canh và các tổ cơ giới - những người chủ mồi trên ruộng đất. Nhưng lại thích thú đặc biệt với việc đặt các động cơ máy vắt sữa, các ống dẫn sữa và hệ thống lò ở các trại chăn nuôi.

Sở dĩ ngày nay tại các trại chăn nuôi vùng thượng lưu, mỗi cô vắt sữa có thể trông nom tới bảy mươi nhăm con bò cái, trước hết có công đóng góp của Iarôxlap, con trai Vêxêlina. Ông giám đốc không biết xếp anh ta ngồi chỗ nào trên đoàn chủ tịch. Bà mẹ lại buồn: bà chuẩn bị cho con làm công việc trồng lúa kia...

Đột nhiên Iarôxlap tuyên bố với mẹ:

– Mẹ! Con muốn trở thành kỹ sư nông học! Con đi xin vào đại học Tổng hợp đây!

Lần đầu tiên sau hai mươi bảy năm, bà Vêxêlina òa khóc vì sung sướng.

Nhưng còn Lubava thì sao? Bà Vêxêlina hoảng sợ. Bà đã hết lòng gắn bó với Lubava Xurikôva - cô gái vắt sữa nay đã nổi tiếng khắp cả khu, một cô bé xinh xắn dễ thương với cặp mắt hoa mua, gương mặt mồm mỉm với cái cằm lồm, lằm tằm những vệt tàn hương, như thể cánh ong...

Rồi đầu mùa xuân năm nay, Iarôxlap đưa về một cô gái lạ. Thoạt đầu mọi cái trong người phụ nữ hông hẹp này đều khó coi: mái tóc nhuộm màu lá bạch dương mùa thu và xoắn xuyết như lông cừu Rômanốp, đôi mắt làm giả đôi mắt cô gái Nhật và một cái khánh to lù

lù màu đục với cái chuỗi xích ketch cõm đeo lên ngực. Vêxêlina thăm để cô ta bên cạnh Lubava ngực căng tròn, mái tóc vàng ươm, tỏa sức sống tươi trẻ, phảng phất gió đồng, hương cỏ nội, và lòng bà thất lại.

Người phụ nữ tóc hung hóa ra dịu dàng, niềm nở lễ phép. Nhưng dù sao đi nữa trong thái độ lịch sự của cô, bà Vêxêlina vẫn cảm thấy có nước sơn bóng bẩy, vị ngọt đường mật, còn trong vẻ khinh đời vay mượn của đôi mắt, bà cảm thấy có sự cầu thả về tâm hồn như thế nào đó.

“Dân Digan xét ngựa qua con mắt của nó, nhưng cũng có khi nhầm, - Bà Vêxêlina tự làm yên lòng mình. - bởi không phải kẻ khôi ngô đã là tốt, là người làm được việc. Vậy thì... cần xem xét đã...”

– Bác Vêxêlina Xtêpanôpna! Cháu gặp bác nhiều lần rồi... - Cô gái lại cho biết.

– Ở đâu kia? - Bà Vêxêlina ngạc nhiên.

– Ở triển lãm của họa sĩ Riabinhin.

– Tôi chưa hề bao giờ đến các cuộc triển lãm...

– Cháu đã thấy bác trên bức tranh như thế này, chỉ có điều bức tranh kia to hơn một chút, tươi hơn. Người xem xúm xít chung quanh - kinh lên được. Cháu ghi nhớ hình ảnh bác.

Bà Vêxêlina không thấy vui, thậm chí đối với cả việc này. Một linh cảm lạ lùng về chuyện bất hạnh, một nỗi buồn đau nhói trong tim bà.

Và thế là cái ngày bi thương ấy đã đến...

Thoạt đầu nó không hề báo trước nỗi bất hạnh nào cả. Con trai bà một mực nài nỉ bà cùng đi ăn một bữa ở khách sạn có cái tên thơ mộng “Vazura”.

– Mẹ ơi, mẹ làm con ngạc nhiên vì đức độ bậc thánh của mẹ đấy, - Iarôxlap vui vẻ nói. - chưa đến Mátxcova một lần nào, chưa một lần nào đi vào nhà hát, chưa bao giờ lui tới khách sạn.

– Bác chưa hề thấy Mátxcova ư? - Một nổi hãi hùng lóe lên trong cặp mắt của cô gái điệu bộ.

– Chưa thấy... Nông trường của chúng tôi có lần đã tham gia cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, có điều tôi bấy giờ bị ốm. - Bà Vêxêlina đâm bối rối như một cô bé.

Bà chưa bao giờ đến ăn ở các khách sạn và không tưởng tượng được việc đó ra sao. Nhưng khách sạn hôm ấy gây cho bà ấn tượng tốt. Khách hôm ấy không đông.

Trong lúc Iarôxlap trao đổi với cô bạn về các món ăn, bà Vêxêlina đưa mắt nhìn quanh. Trên tường treo một bức phù điêu bằng thép. Trên bức phù điêu khắc hai con bò đực bị ngã (không hiểu tại sao lại như vậy).

Mấy người đàn ông ngồi dưới bức phù điêu ấy, theo dõi bà Vêxêlina hồi lâu. Cuối cùng một người lên tiếng.

– Thế đấy. bà chị không chuẩn bị đầy đủ cỗ khô thức ăn cho chúng, thế là những con bò của bà chị chống vó lên đó! Nhưng người ta lại treo lên đây để dân tỉnh lỵ ghi nhớ điều này.

Bà Vêxêlina thấy vui lên, cúi đầu xuống giấu nụ cười.

Cách một bàn có hai người khách mới vào ngồi, một người gật đầu chào bà Vêxêlina, và bà nhận ra đó là một đội trưởng đội sản xuất nông trường bên cạnh.

– Chà, chúng ta bị xạc mới ra trò chứ! Chà, mới ra trò chứ!

– Đặc biệt bí thư thứ nhất... với cả chủ tịch Xô viết khu cũng thế! - Những người hàng xóm bàn tán, và bà Vêxêlina hiểu ra rằng họ vừa bị người ta khiển trách.

– Này, dù sao cũng về nhà. Đường xa... ta đưa cay tí chút! - Anh đội trưởng đề nghị.

– Mẹ! Mẹ!... Thế nào, mẹ thấy ra sao? - Iarôxlap gọi bà Vêxêlina.

Bà Vêxêlina rất hài lòng việc con trai không gọi rượu. Cũng như mẹ, suốt đời anh ta không nhấp một giọt chất cay.

“Như vậy là nó chưa hư” - bà Vêxêlina vui mừng.

Nhưng đến khi chiếc đầu máy điêden kéo những toa xe kiểu diêm không tiếng động khuất vào khoảng trời xa màu tím, cái ga nhỏ thị trấn, quét màu vôi xỉn ngán ngấm, bỗng nhòa đi, nhòa mãi trước mắt bà.

* * *

Ga xe lửa Viadoma cháy.

Các toa xe tung lên tan tành, và mấy cái đầu máy rên rĩ tuyệt vọng. Những chiếc máy bay bụng sơn màu vàng với những dấu chữ thập ngoặc hung dữ che kín bầu trời.

Ngột ngạt vì chất nổ frotyl nồng nặc, mù mịt đi vì sợ, Vêxêlina bỏ chạy, còn trên đường chạy của chị, chỗ đùn lên những đồng gạch đỏ, chỗ những bức tường xiêu vẹo chắn ngang.

Trên mặt đường nhựa bị mảnh bom đạn cày lỗ chỗ như người rồ, một đứa bé mặc mỗi chiếc áo cánh màu hoa mua bò lồm cồm, miệng ngằn ngặt kêu. Mảnh bom đạn réo lên và nhảy múa chung quanh nó, chạm nhau đánh tóe lửa, còn đứa bé cứ bò đi, bò đi, như thể bị bùa mê.

Vêxêlina bế xốc đứa bé lên, ôm chặt vào bên ngực áo cánh rách và chạy đi, chạy đi giữa những bức tường tóe lửa, giữa khói cháy và mùi khét. Những quả bom cháy xối lửa từ trên các mái nhà xuống.

– Con nhỏ của ai đây? - Thở hổn hển, Vêxêlina kêu to.

Đồng chí cảnh sát mặc chiếc áo varoi cháy đến mức tưởng như nó may bằng vải gai chậm rãi trả lời:

– Bà con tản cư chết hàng trăm người... Hôm nay chúng tôi đã thu nhặt có tới mười một cháu như thế này rồi.

Vừa lúc đó chiếc máy bay ném bom lao xuống, xả đại liên, là sát trên đầu Vêxêlina.

Vêxêlina kêu thất thanh và tỉnh dậy... Mồ hôi chảy nhễ nhại trên mặt, tràn vào mắt. Tim dồn dập đập gấp và nhoi nhoi, như thể trong đó có giấu mũi kim nhọn.

Không, đó không còn cái máy bay bụng sơn màu vàng kêu âm ỉ, bà đã cách biệt cái ngày ấy một khoảng xa ba mươi một năm trời... Mưa nặng hạt rào rào đổ xuống như vòm anh đào hoa nở rộ, trên dòng Dneprô phẳng lặng.

– Mưa sau thời vụ gieo hạt... thật là vàng ngọc! - Bà Vêxêlina vui sướng nghĩ và ngồi nhìn ra cửa sổ.

Bà Vêxêlina cứ ngồi như vậy cho đến rạng sáng, chìm đắm trong suy nghĩ, lắng nghe tiếng mưa ào rào xuống các vòm anh đào.

Khi hơi lạnh buổi sáng ào vào cửa sổ bỏ ngỏ và dịu dàng trùm lên thân thể, bà Vêxêlina vào bàn, và ngồi bút bà ghi lên những dòng chữ ngay ngắn răn rỏi:

“Iarôxlap Ivanôvich của mẹ!

Con đã bước qua cái tuổi ba mươi và có quyền tự do chọn đường đi cho mình. Ở thế hệ mẹ, cuộc sống đòi hỏi phải trưởng thành rất sớm. Vào cái tuổi con lúc đó, người ta đã trở thành những vị thống soái. Còn Mikhain Frunde, theo người ta kể lại thì, vào tuổi bốn mươi đã nằm xuống và được người ta tiễn đưa trên giá súng đại bác. Họ đã kịp làm được nhiều việc lớn. Và con phải biết kịp làm! Đó là cái chính. Về lời mời của con, mẹ xin cảm ơn. Sinh thời, ông ngoại thích nói: “Trước khi kéo chuông, hãy nhìn vào ảnh thánh”. Mẹ đã nhìn vào ảnh thánh của mình - vào trái tim, và trái tim đã mách bảo mẹ: đây là bên đậu vĩnh viễn của người. Xin cảm ơn. Không bao giờ

mẹ lại đi mặc tấm áo lông gấu còn sống. Mẹ không rời Bến Lặng đi đâu, bởi vì đối với mẹ nó không chỉ là bến đậu, mà là nơi nương tựa, là mẹ nuôi của mẹ, là niềm an ủi của mẹ. Các cụ kỵ ông bà đã đi mòn lổ thành đường làng ở nơi đây, đã tắm trong dòng Dneprô, và năm này sang năm khác trồng lúa mì. Cả mẹ cũng làm công việc đó đã hai mươi tám năm trời rồi. Phải, tổ tiên xa xôi của mẹ hiển nhiên là những người nông phu, và suốt đời đã cày đất bằng ngựa kéo, mà có khi tự bản thân kéo lấy cày. Quả thực từ thuở đó đã qua nhiều năm rồi, có điều những nỗi lo nghĩ của chúng ta nay thì khác!

Nếu như hai ngàn năm người ta đào bởi mảnh đất bên bờ Dneprô bằng cái cuốc cái cày, thì trong vòng năm năm nay mẹ và dân làng đã tu sửa cánh đồng hàng nghìn công mẫu. Mà cánh đồng này như thế nào kia nhỉ! Không bờ, không bụi, với những mương máng chung quanh (nay bà con đã thả giống cá chép vẩy bạc xuống nuôi), với những con đường ống tự. Xe ô tô buýt của nông trường sẽ đưa những người trồng lúa ra tới tận cánh đồng và đón trở về nhà. Vậy mà cũng chính trên cánh đồng này người làng của mẹ đã làm chết không phải ít ngựa ở những vũng lầy, không ít những con bò cái đi ăn thụt chân bỏ xác...

Điều mà ông cha không thể làm nổi suốt hai nghìn năm, lớp người của mẹ đã làm được trong năm năm. Đến cuối kế hoạch năm năm, toàn bộ đất đai nông trường như vậy cả. Bà con dân làng bắt mỗi công mẫu đất đều phải phục vụ tốt cho con người.

Nông trường đang xây dựng các tổ công nghiệp - các đội cơ học về mạng lưới cải tạo đất, xuất hiện các chuyên gia mới (các kỹ sư về cải tạo đất, các cán bộ kỹ thuật - cải tạo đất, các thợ lành nghề - cải tạo đất). Mà đối với công việc của con, có thể ở đây con tung hoành đến đâu kia chứ! Mảnh đất trên bờ Dneprô và công việc trồng lúa có thể làm cho con trở thành nhà bác học...

Con viết rằng đã đến lúc mẹ với con phải sống ở một cuộc sống

khác. Nhưng chính là cái cuộc sống này đã đến với mảnh đất bên bờ sông Dneprô, người ta đã mơ ước suốt hai nghìn năm nay.

Con là con trai dũng cảm của mẹ! Suốt ba mươi năm con thậm chí không hỏi mẹ về cha con. Vậy thì con ghi nhớ là: mẹ của con cũng biết im lặng.

Mẹ không để ra con. Con bò lồm cồm trên mảnh đất Viadoma nóng bỏng mùa thu năm bốn một, mảnh bom đạn bay vù vù vây chung quanh con. Sau đó suốt một ngày mẹ bế con đi khắp Viadoma, rồi đến khi mẹ phải đưa trả con cho bác cảnh sát đã mệt mỏi, con bấu chặt lấy cổ mẹ bằng hai cánh tay nhỏ bé và gào lên: “Mẹ -e...” Tưởng chừng, trái tim của mẹ vỡ tung ra. Về tới Bến Lặng, mẹ đã nói với mọi người: “Con tôi”! Mẹ đã chịu đựng biết bao nhiêu chuyện: những miếng lưỡi châm chọc độc ác, những tiếng chê cười to nhỏ, rồi cuộc sống riêng không lấy chồng. Mẹ chịu trách nhiệm trước dòng họ Riabinhin, vì cái chuyện chính mẹ là người chấm dứt các triều đại nhà nông của dòng họ này. Đúng ra, thì hẳn là mẹ đã có một người chồng, có con cái, nhưng mẹ không tin chắc rằng khi ấy con có được hạnh phúc hay không. Vì con, mẹ đã khước từ hạnh phúc của mình. Con đã chính là niềm hạnh phúc của mẹ...

Năm năm gần đây mẹ đã sống trong đám sương mù khắp khởi mừng vui: Iarôxlap Riabinhin sẽ là người trồng lúa - bác học đầu tiên của dòng họ mẹ. Nhưng mẹ đã lầm!

Tình yêu không cần những người cô vắn, chỉ có tình yên chân thực mới đi theo chồng tới Xibir, đến nơi tù khổ sai.

Còn về những công chúa Vaxilixa xinh đẹp thì mẹ xin nói thế này: trên đất nước Nga các cô công chúa ấy đâu có biến mất! Mà nếu như ít gặp các cô công chúa Vaxilixa xinh đẹp ấy, là bởi vì còn nhiều chàng Ivan ngốc nghếch không nhận ra, không hiểu được cái đẹp.

Con đừng trở về đây thăm mẹ nữa, mẹ đã làm tròn bổn phận của mình rồi. Còn nếu con định trở về thì hãy trở về vĩnh viễn.

Mẹ Vêxêlina Xtêpanôpna Riabinhina của con!

Bến Lặng”

Con tàu nhỏ mãi hôm nay mới xuất hiện. Hôm qua bà Vêxêlina đã chờ đợi mất công trên bờ dốc cao. Con tàu vẫn như cũ vậy, già nua và sạch sẽ, chỉ có điều... chỉ có điều trong cái tên của nó thiếu mất cái từ quen thuộc: “Bá tước”!...

Như một cô bé con ở cái tuổi xuân mười bảy của mình, bà Vêxêlina lao nhanh từ bờ dốc cao xuống bên mép nước, rung mình cảm thấy ngọn gió tự do vuốt ve thân thể mình dưới làn váy áo, rũ tung mái tóc dày. Sát bên mép nước, bà Vêxêlina dừng lại đưa tấm khăn lên, sung sướng vẩy vẩy hồi lâu.

Nhưng sao thế này! “Piôtr Bagratiôn” không đi chậm lại, mà lừng lững bơi ngang qua. Từ cái loa điện của nó không vang lên khúc ca ngang tàng về cái làng nhỏ Côđắc với người quả phụ mạnh bạo như xưa nữa.

Bà Vêxêlina hoảng sợ nhìn lên chiếc cầu thuyền trưởng, và lòng bà chết lặng đi: Trên cầu, một chàng trai trẻ đội mũ thuyền trưởng và mặc cái áo cổ đứng rộng trễ vai...

* * *

Đồng chí Tikhôn Xidôp, giám đốc nông trường vui mừng thấy bà Vêxêlina tới. Ông đề nghị mọi người ra khỏi phòng làm việc của ông.

Tikhôn bao giờ cũng bình tĩnh, thản nhiên, con người như thế không thể pha trò cười, mà cũng không chọc cho giận được. Về điều ấy mọi người trong nông trường đều biết rõ. Ông chỉ mỉm cười với

riêng bà Vêxêlina, người mà ông đánh giá cao và kính trọng.

– Này, ngồi xuống đây, chị Vêxêlukha! Có gì nói cho nghe nào!

– Anh hiểu không, Timôphêich... người ta cho tôi hai tháng nghỉ, có điều tôi không thể không làm việc. Tôi chết héo khô mất vì xa mọi người! Tôi muốn về đội sản xuất của mình...

Ông nhớ lại bức tranh, ở đó trên cái nền buổi bình minh hồng tươi, vui sướng vì cảm giác sức xuân trẻ khỏe, cô gái xinh đẹp đang gieo trồng, bước đi hăng say và tin tưởng, sẵn sàng bước đi như vậy trên khắp mặt đất, gieo niềm vui của cuộc sống - lúa mì.

“Nhưng với cô gieo trồng trong tranh trẻ tuổi ấy, chị đã khác quá xa, quá xa rồi”, - Tikhôn Xidôp buồn rầu nghĩ thầm, cảm thấy trong ngực bên trái... hầu như có một mẩu kim nhọn ngo ngoàng. Ông quan sát Vêxêlina, lòng thầm rầu rĩ: Vêxêlina trông vẫn còn thon thả cân đối, nhưng hầu như tóc đã bạc trắng, bên khỏe miệng và đuôi mắt đã hằn những nếp nhăn...

Một tiếng nói khác hồ như lại nói: “Thì từ cô gieo hạt kia chị ấy đã bước đi hai mươi tám năm rồi! Mười ngàn ngày, vất vả vì bao nỗi lo toan hàng ngày của người trồng lúa!”

– Không, chị Vêxêlukha thân mến! Không, chị không thể bắt tôi vịn lại ốc đầu! Xidôp đâu phải con người như vậy! Chúng nhồi máu - đó là một vũ khúc phức tạp, theo sau có thể là điệu “Pôlka - bướm nhỏ” tiếp liền... Chị phải nghỉ ngơi thôi! Rồi phải đi an dưỡng ở suối nước khoáng Kixlôvôtxcơ. Như thế đó, chị Vêxêlukha ạ. Chị còn cần cho ruộng đất! Mỗi công mẫu đất của chúng ta đều sẽ phải phục vụ con người tốt nữa! Chúng ta sẽ còn phải thu hoạch được sáu mươi tạ lúa một công mẫu kia...

Đôi vai của bà Vêxêlina trĩu lệch xuống, đôi mắt thu hẹp lại - dường như bà muốn nhếch giọng cười, - nhưng đột nhiên bà lại rũ rượi gục xuống bàn làm việc của đồng chí giám đốc và thốn thức khóc không ra

nước mắt.

Xidốp đọc qua lá thư của Iarôxlap, nhích ghế ra, tập trung suy nghĩ hồi lâu về điều gì đó. Đọc lại lá thư và chỉ khi đó mới lên tiếng se se, dường như đề cập hoàn toàn đến một chuyện khác:

– Hàng năm anh đào nở hoa khắp vùng Đneprô! Tốt lắm! Cả cỏ dại cũng mọc lên, mặc dù chúng ta không muốn điều đó... - Đoạn ông đổi giọng kiên quyết. - Thôi được, chị Vêxêlukha! Chúng ta cũng giống những người Xpác cổ xưa, vùng thượng lưu này là của chúng ta! Chúng ta đã đứng ở nơi đây, đang đứng và sẽ trụ vững cho đến giọt máu cuối cùng, đến hơi thở cuối cùng... cũng tại đây! Chúng ta sẽ nằm xuống đất! Bền Lặng không phải là mảnh đất thần tiên, mà là tiên duyên, nơi đang diễn ra cuộc chiến đấu vì lúa mì! Mà trên đất nước Nga có biết bao nhiêu bãi bờ như thế này kia!

Bà Vêxêlina về đến nhà rất muộn. Lần đầu tiên một ý nghĩ tràn trở day dứt lòng bà: thế là biết bao nhiêu điều đã vĩnh viễn mất đi trong cuộc đời...

Con chim cúc cu khóc than trong rừng phong lan um tùm. Lúa mạch đen rạp rờn như những sóng lượn chạy sát ra tận mép nước bờ thoải thoải phía đông và nghiêng mình bên dải nước sâu. Những cột dây điện cao thể oai vệ, tự tin vào phẩm giá của mình, sai bước đi đâu về đằng xa tít tắp. Bầu trời trên ngọn rừng đang được những cánh máy bay siêu âm, mắt thường không nhìn thấy, tô vẽ những vệt dài trắng xóa.

Con tàu “Piôtr Bagratiôn” với cái vẻ của kẻ vừa hoàn thành phận sự chậm rãi trở về. Bà Vêxêlina đã định đi qua, nhưng có một sức mạnh nào đó kéo bà rời khỏi bờ, đẩy xuống tận mép nước, nơi có tảng đá bóng lộn như xà cừ đang được ngọn sóng âu yếm.

Anh thuyền trưởng trẻ nhận ra người đàn bà là lạ, cho tàu lại gần bờ, vui vẻ hét to:

– Giảm tốc độ chậm nhất! - Và cúi xuống phía bà Vêxêlina.

– Thuyền trưởng đâu? Ông thuyền trưởng già năm ngoái... - Bà Vêxêlina gọi với lên, giọng nghẹn lại.

Anh thuyền trưởng mới giật mình, như thể bị ngọn roi của người chần cừu, so đôi vai lại dưới tấm áo cổ đứng rộng thùng thình, và tin cậy báo cho biết, tựa hồ như với người quen biết từ lâu:

– Ông cụ mất rồi... Đây là bố cháu!

Lại như có một sức mạnh nào đó đẩy bà Vêxêlina, nhưng lần này đẩy vào ngực. Khó khăn lắm bà mới đứng vững, hai tay nắm lấy cổ áo khoác, nhưng bà tự chủ được mình: cậu thuyền trưởng trẻ măng này có thể nghĩ gì kia chứ?...

– Này con! Con... - Bằng một giọng lạc hẳn đi, bà lên tiếng đề nghị. - Nếu con chở con trai mẹ là Iarôxlap trở về, thì từ xa hãy cho nổi bài ca của cụ nhà lúc sinh thời yêu thích. Bài ca về cái làng Côdắc nhỏ bé ấy!

Người thuyền trưởng đưa tay vẫy bà Vêxêlina, tỏ ý đã hiểu và cứ ngoái lại nhìn mãi, cố gắng hiểu cho được người đàn bà lạ lòng với mái tóc xõa xượi bay theo gió này, cho đến lúc khúc sông ngoặt che khuất bà...

* * *

Từ thuở thơ ấu, bà Vêxêlina đã biết: mỗi thời điểm đều có hương vị của mình. Vào lúc chim cu than khóc gọi nhau và dạ oanh vui thú, thì gió đưa đến Bến Lặng mùi hương thơm của bạch dương và mùi hoa anh đào nở bên dòng sông Dneprô. Khi giống cuốc rầu rĩ kêu than giữa những đồng cỏ mọc cao um tùm, thì mùi hương thơm ngát và êm dịu của lá trăn châu tràn tới; đến lúc chim cun cút lạc giữa biển lúa

mạch đen mênh mông, lên tiếng gọi ai đó, thì mùi hương liễu điệp ngưng lại mãi ở Bến Lặng.

Khi tất cả mọi loài chim đã hát chán chê, đã buồn chán chê và chỉ còn chú dế mèn đêm đêm lên tiếng rền rĩ lặp đi lặp lại một bản đàn ngò nghêch, thì bầu không khí tươi mát của trời đêm thấm đượm mùi vị hăng hăng của cây ngải lan xa...

Lúc này trên Bến Lặng sực nức mùi hương... Đâu đó một sợi tơ đàn trầm trầm, thánh thót rung lên trong đám cỏ dại ra hoa.

Bà Vêxêlina lượm cả một ôm hoa tương, ngồi xuống bờ dốc cao. Chưa xót nhếch miệng cười, bà Vêxêlina hồi tưởng bao nhiêu năm về trước, cũng chính trên bờ dốc này cùng bạn gái, Vêxêlina đã ngồi kết các vòng hoa và thả trôi theo dòng Đneprô, bói xem ai sẽ là người bạn đời mà thượng đế ban cho. Đâu những vòng hoa thiếu nữ đó và đâu những chàng hôn phu mơ tưởng. Và đây là lần đầu tiên từ thuở đó, người đàn bà bốn mươi tám tuổi rồi, bữa nay lại ngồi kết vòng hoa, vui sướng vì không ai nhìn thấy bà lúc này, để có thể cho bà là một kẻ mất trí...

Trong ôm hoa sực nức mùi thơm có đủ cả: cả con mắt quạ sáng ngời hạt cườm xanh biếc, cả nữ câu trắng bãi cỏ với những hàng mi màu hồng, cả những cái chén lớn trắng ngần của bìm bìm đồng nội, cả nụ vàng duyên dáng của kim mai e lệ cúi mái đầu kiêu hãnh, cả hạt châu của cỏ la công lấp lánh ánh bạc, loài thủy dương mai đóng bộ màu mận chín nghiêm nghị, còn liên lý thảo mùa xuân thì từ đỏ thắm ngả màu xanh...

Vòng hoa kết được khá đẹp. Ở vùng thượng lưu Đneprô còn giữ lại phong tục cổ truyền rất xúc động, có thể, có từ thuở đa thần: khi tiễn đưa các cô gái và những người phụ nữ trẻ đi đoạn đường chót cùng, người ta trang điểm cho họ những vòng hoa đồng nội và rừng cây dại..

Chính ở nơi đây ba mươi năm về trước, Vêxêlina cũng đã thả xuôi

một vòng hoa như thế này - một vòng hoa được kết rất đẹp... Váy áo trên người cô gái Vêxêlina lúc đó thật bình dị, mộc mạc. Chính bên bờ này cô đã ngồi bên Vanhiusa Xidôrôp, hai người tựa sát bên nhau. Trên đầu họ thế giới gần xa hòa lẫn, phản chiếu trên dòng Dneprô tấm ánh trắng. Không gian thanh vắng lặng tờ trên sông và trên Bến Lặng. Trong đời cô gái Vêxêlina chỉ có vài đêm trăng trước chiến tranh như vậy. Và tất cả chỉ có ngần ấy.

Những kẻ đơm đặt chuyện trong làng đổ diệt cho chàng thợ rèn tài hoa Vanhiusa Xidôrôp tuổi mười bảy là cha bé Iarôxlap, nhưng thực ra anh chàng còn ngượng không dám ôm lấy Vêxêlina, mà chính Vêxêlina lại ôm hôn anh ta khi anh ra đi theo du kích...

Chỉ một mình Vanhiusa biết về Iarôxlap (ngay cả mẹ đẻ, Vêxêlina cũng không nói), anh đã tuyên bố:

– Khá lắm, em Vêxenka. Hết chiến tranh, chúng ta sẽ cùng nuôi dạy nó. Nó sẽ là con trai của chúng ta!

Anh đã bị bắn chết bên đường cái, chính ở chỗ này, nơi Vêxêlina đang ngồi đây. Anh nắm hai tay dang rộng, tai như lắng nghe tiếng của đất quê... Bà Vêxêlina không nhận ra giọt nước mắt lớn nóng hổi lăn nhanh trên má, không nhận thấy tự mình khẽ lên tiếng hát như thế nào. Giọng bà ngập ngừng cất lên cao bên bờ Dneprô theo điệu dân ca:

Còn giờ đây hết khổ

Mọi việc đã thông dong

Vanka Xidôrôp

Nằm lại ở bên đường...

Đột nhiên bà Vêxêlina lắc đầu, và nhớ lại những năm đã qua, bà cất tiếng hát vang xa bằng cái giọng lạnh lốt mạnh mẽ của mình:

Anh nằm trong giấc ngủ.

Bàn tay thợ dang ngang...

Giữa tay anh nhú mọc

Hoa mua tím một nhành.

Mải mê với bài hát và suy tư, bà Vêxêlina không nghe thấy con tàu “Piôtr Bagratiôn” mà bà không còn mong đợi phấp phồng nữa, bỗng nhiên lại trầm trầm hát lên bài ca về cái làng Côdắc xa xưa với người đàn bà góa trẻ tuổi, và sau bao năm dài, lần đầu tiên nó lại ghé vào đỗ.

Tại Căn Nhà Của Xioncốpki

Con sông Oka về mùa thu cạn nước, thân hình loang bạc gầy rộc đi của nó tưởng như sạm lại giữa đồng bãi xanh tươi rộng bao la. Từ chỗ này nhìn thấy rất rõ Kaluga, ở đó có thân hình màu bạc của quả tên lửa đang leo lên nền trời.

Nơi tận cùng dãy phố chạy ngoặt ra bờ sông có một nhà gỗ. Đã có một thời căn nhà này chỉ là căn nhà một tầng. Ông giáo Xiôn-cốp-ki tậu lại của một chủ khác. Sau một trận lũ của con sông Oka vào đầu thế kỷ chúng ta, người ta thấy rằng giá có được thêm tầng gác hai thì tốt hơn - ở đó, trong trường hợp cần thiết, có thể tránh được những con nước xuân hung hãn.

Ngôi nhà làm bằng ván ghép mang dấu vết của nhiều lần sửa chữa và xây dựng thêm. Khi xưa nó được đăng ký bảo hiểm ở hội bảo hiểm Kaluga. (Tuy chẳng may trong nhà mà xảy ra cháy, hẳn là không một đội cứu hỏa nào thời đó cứu được nó thoát tai nạn).

Bên trong ngôi nhà cũng từng thấy nhiều chuyện: chôn này từng được nghe chán tiếng rìu và tiếng bào đưa trên mặt gỗ, tường nhà được vá đi vá lại chẳng chịt, hai căn phòng nhỏ nép sát vào nhau, hai cầu thang tự đóng lấy bằng gỗ tiện lên xuống ở hai đầu. Hàng hiên cho đến nay vẫn không được sưởi ấm vì thế mà mùa đông chủ nhân của nó thường kéo dài bàn mộc và các đồ nghề thô sơ khác vào hai căn phòng trên ấm áp hơn.

Ở giữa trung tâm hình học của cái công trình đơn sơ này, giống như trái tim trong cơ thể sống, căn bếp được đặt thật tiện lợi. Trong căn bếp, cái lò sưởi Nga choán hết phần lớn diện tích. Những cái chạc sắt và những dụng cụ khác thật cần thiết trong các công việc nội trợ, càng

giảm diện tích của căn bếp: ở đây bà Vacvara Epgraphôpna, nữ chủ nhà, xoay xở khá vất vả.

Nhưng, có lẽ, đối với chủ nhân, phần quan trọng nhất của ngôi nhà là xưởng thợ. Không có xưởng thợ này Xiôncôpxki không thể tưởng tượng nổi ý nghĩa cuộc đời mình, ông đã khôi phục lại xưởng thợ này ngay nếu như nó bị hủy hoại, luôn bổ sung thêm đủ các dụng cụ khác nhau. Ông đã làm việc với tư cách là một giáo viên trường trung học, cũng lại là một học giả, đồng thời là một ông thợ mộc và thợ thiếc. Sở nghề nghiệp như vậy đối với một con người liệu đã coi là đủ chưa?

Tại đây, trong căn nhà gỗ Kaluga này, mọi cái vẫn giữ nguyên như sinh thời Xiôncôpxki. Mỗi vật đều trở nên thiêng liêng bởi đã được bàn tay của nhà bác học động đến. Vẫn còn nguyên vẹn cả chiếc xe đạp, chiếc xe bằng tuổi thể kỷ của chúng ta, hình thức giao thông ưa thích và duy nhất của chủ nhân nó.

Khi anh đi từ căn phòng nhỏ sang căn phòng kia. những căn phòng chật chội như những các-bin trên tàu vũ trụ, anh mừng rỡ tưởng rằng anh nghe thấy tiếng nói của chủ nhân trả lời các câu hỏi của những vị khách hiếu kỳ: các học giả, các kỹ thuật gia, đơn giản là các phóng viên báo chí. Có cảm giác những tiếng nói sinh thời của họ đang vang lên, anh lắng nghe như muốn nuốt lấy từng lời, và từng lời anh đều muốn ghi lại trong phòng làm việc, chẳng hạn...

– Kônxtantin Êđuađôvits...

– Xin ông nói to lên một chút... - Xiôncôpxki chỉ lên hai tai mình, lập tức khum hai lòng bàn tay đưa lên bên tai^[9].

– Kônxtantin Êđuađôvits, trong thế kỷ của chúng ta, thế kỷ của hơi nước và điện...

– Ông nói thế nào kia? - Xiôncôpxki cau mặt.

– Của hơi nước và điện. - Anh phóng viên tin tức nhắc lại.

– Không, thưa chú huynh, - Xiôncôpxki bực mình. - ông hơi lạc hậu

rồi đây, ông năm nay bao nhiêu tuổi?

– Hai mươi sáu. - Anh phóng viên trả lời, một anh chàng tóc đen chải chuốt, mặc bộ đồng phục kẻ ô và thắt cà vạt, kiểu hiện nay Kholextakôp vẫn thắt khi lên sân khấu địa phương.

– Thưa quý ông, đã đến lúc ông phải biết là một thế kỷ mới đã mở ra và, xin quý ông cho phép, thế kỷ mới đã được mười năm rồi. Hơi nước, theo quan niệm của tôi đang đi vào quá khứ. Kể ra thì điện lực còn tồn tại. Nhưng điều khác biệt nhất của thế kỷ chúng ta phải là bay.

– Sao kia ạ?

– Bay... Không còn bò dưới mặt đất - mà bay... Bay sẽ là một ngành chuyên môn của con người thế kỷ chúng ta. Vậy mà ông lại còn nói về hơi nước. Thật đáng xấu hổ đây, thưa công tử.

– Nhưng xin lỗi ông, Kônxtantin Eduacđôvits, ông vượt lên trước, lên trước quá xa.

– Thế ông thì muốn thế nào? Nhìn về quá khứ ư?

Anh phóng viên hí hoáy cây bút chì ghi lại điều gì đó vào sổ tay rồi anh nói...

– Ở góc nhà ngoài hành lang, tôi nhìn thấy máy tự trượt...

– Thì có gì là...?

– Phải chăng ông không cho rằng từ cái máy tự trượt này... - Anh phóng viên rời mắt khỏi cuốn sổ ghi chép và nhìn về mô hình một cái máy bay do Xiônôpxki cấu tạo... - từ cái máy tự trượt này đến cái đó - một khoảng cách, nhưng ta nói lớn ghê gớm ư?

– Ông cho phép nói đùa thế, thưa công tử! Như ông đã biết tôi là thầy giáo nên tôi thích người ta ăn nói sao cho đúng văn phạm.

– Cái đó là tôi nghĩ vậy thôi. Kônxtantin Eduacđôvits. Còn nói chung ra thì tôi có học vấn đại học. Trường đại học tổng hợp Iuziep, Kônxtantin Eduacđôvits.

Xiônôpxki sửa lại mục kính, ông mỉm cười.

– Thưa chú huynh, còn tôi lại không thể khoe khoang vì điều đó. Đáng tiếc cho bản thân, tôi chưa tốt nghiệp đại học. Thế cái này thì sao?... Tôi đã đọc đúng hơn là đã tìm hiểu, đi sâu vào công trình của ông, cái có tên là “Việc nghiên cứu các không gian vũ trụ bằng các dụng cụ phản xạ”. Kể ra thật lý thú nếu được biết: ông đã học hỏi ở đâu, ai là người thầy - bác học đầu tiên của ông, ai đã gợi cho ông những cái... Nói thế nào đây...

– Những cái vô nghĩa? - Kônxtantin Êduacđôvits đỡ lời.

– Không, không...

– Công tử ơi, chớ có ngại ngùng, cứ mạnh dạn mà nói...

– Vâng đây, đây, từ sau này mới thật chính xác - những tư tưởng mạnh bạo...

Kônxtantin Êduacđôvits hít mạnh.

– Không có ai cả! - Ông ngừng một lát. - Kể ra thì như vậy cũng không đúng hẳn. Người ta đã gợi ý cho tôi. Và tôi đã học nghe được những điều gợi ý này dần dần trong một thời gian dài bắt đầu từ trên ghế nhà trường mà đi.

– Ai đã gợi ý, nếu đó không phải là bí mật?

– Xin quý ông! - Kônxtantin Êduacđôvits, dứt khoát gập những ngón tay lại. - Ackhit^[10] với con chim bồ câu của mình, ông sống trước ngày giáng thế của Giêsu Khrist. Người Hy Lạp này đã tạo ra một dụng cụ giống như con chim bồ câu. Một dụng cụ phản xạ! Và con bồ câu ấy đã bay vòng quanh một điểm nối với sợi dây giữ lại. Đó là điều gợi ý thứ nhất! Tiếp theo. Quả cầu của Herôn^[11]. Quả cầu này quay dưới tác động của lực phản ứng của hơi nước. Thứ hai, ông biết gì về mũi tên lửa của “Hồ giang”?^[12] Thuốc súng đã tác động cho nó bay. Cái đó có từ thời cổ Trung Quốc. Ba! Tiếp theo. Những quả pháo bông được miêu tả trong sách của Haxơ, Êrônxcpecgher, Suilap, Xemenôvít. Tất cả

những cái đó đã có từ mấy thế kỷ trước kia. Đó là thứ tư! Tiếp theo. Còn những hội pháo bông của dân Nga chúng ta? Những hội pháo bông đã được tổ chức thường xuyên ở thế kỷ trước, trước trước nữa, thế kỷ trước trước và thế kỷ vừa qua? Cái đó là năm! Còn những quả tên lửa dưới nước của Sinder của chúng ta đem ra thử ở nước Nga gần một trăm năm trước? Đó là sáu. Chẳng lẽ còn cần sự mách bảo gợi ý nào khác nữa ư? Phải chăng ngần ấy cũng còn là ít nữa sao?

Kônxtantin Eduacđôvits đứng bật dậy và đưa tay chỉ vào cuốn sổ ghi của khách.

– Công tử ạ, ông viết đi, bởi vì rằng chúng ta càng nói công khai về việc bay trên không trung, về việc bay trong vũ trụ càng nhiều bao nhiêu, càng có nhiều trái tim hướng về niềm tin đúng đắn của thế kỷ hai mươi. Tôi xin nói với ông, hơn thế, cần phải nghĩ tới việc phân bố con người tới ở trong không gian vũ trụ...

– Xin lỗi ông, nhưng cái đó thậm chí trong lãnh vực viễn tưởng cũng chưa nói đến.

– Thế ở đâu ra nhỉ? - Kônxtantin Eduacđôvits ngồi xuống chỗ ngồi của mình và bắt đầu vẽ lên đây những khối cầu trông giống những khúc dồi phồng to.

– Đúng hơn là trong một truyện thần thoại nào đó. - Anh chàng phóng viên rụt rè thổ lộ.

– Phải, tôi biết, - Xiêncôpxki nói, giọng khàn khàn. - nhiều người giao dịch với tôi và thậm chí cả các đồng nghiệp của tôi vẫn cứ coi tôi ít nhất là một kẻ mơ mộng. - Ông nhìn anh chàng phóng viên chằm chằm, hết như ông vừa nảy ra một ý nghĩ lý thú nào đó: Mà có thể' cho là kẻ điên rồ? Thế nào?

– Ông cứ nói...

– Không, không! Có lẽ là kẻ điên rồ... Mà tại sao lại không nhỉ? Đưa người đến ở các tinh cầu khác trong vũ trụ. Kỳ lạ? Không tưởng

tượng nổi! Lạ lùng! Nhảm nhí! Nhưng sự thật là, - Ông đặt tay lên vai anh chàng phóng viên. - một kỷ nguyên mới sẽ tới. Thoạt đầu con người sẽ mọc cánh, sau đó mặt trăng và các tinh cầu khác sẽ gọi anh ta tới. Khi đó bằng bất cứ thứ bánh ngọt nào, bất cứ hứa hẹn mua chuộc nào cũng chẳng thể giữ nổi con người lại trái đất...

- Bằng cách nào kia chứ?

- Thế những máy bay để làm gì? Vận động phản xạ tồn tại đây để làm gì? Tên lửa để làm gì?

- Thực ra, để làm gì kia?

- Để đưa con người vào vũ trụ. - Xiôn côpxki lên tiếng một cách dịu dàng, độ lượng! - Đó không phải là lời mê sảng, đó là những kết luận của khoa học. Tất cả đều đã được tính toán bằng những công thức chính xác...

- Những công thức của ông?

- Trong sổ đó có cả của tôi.

Anh chàng phóng viên lật trang sổ ghi chép của mình và hỏi:

- Nhưng ông lấy mọi cái đó từ đâu ra?

- Chỉ do việc tự học! Trước đây tôi không có điều kiện học hỏi các khoa học ở trong trường đại học. Tôi đã thi thí sinh tự do các kỳ thi lấy bằng giáo viên phổ thông^[13]. Thưa quý ông, tôi có thể nói không quá khiêm tốn một điều: tôi là một giáo viên nhiệt thành. Thời giờ chủ yếu của tôi dành cho các em học sinh. Còn lại - để tự học. Sách chính là trường đại học của tôi. Cần phải làm để có tiền nuôi sống cả gia đình và chắt bóp từng đồng xu để mua dụng cụ và sách. Thiếu các dụng cụ đồ nghề và sách - đối với tôi không còn là cuộc sống.

Khi mọi người ngủ - tôi học hỏi theo sách. Khi mọi người nghỉ ngơi - tôi học hỏi trong sách. Vật lý, toán học, hóa học - đó là lãnh địa của tôi! Không có những môn đó liệu tôi đã làm được gì nào? Không có việc tự học, không hiểu tôi đã sống ra sao? Các ngài giáo sư và các

ngài viện sĩ hàn lâm từ trên cao đọc các công trình của tôi một cách hạ cổ, - điều này tôi biết. Thôi thì mặc họ, tôi chẳng phật lòng. Tôi không hơi đâu mà phật lòng phật dạ.

Điều quan trọng nhất trong đời là làm cái công việc yêu quý của mình. Còn việc tôi thiếu bằng đại học làm cho người nào đó bối rối, thì tôi chẳng có cách nào giúp họ. Phải, tôi là kẻ tự học. Thế ông có biết từ đó là thế nào không?... Đề nghị ông ghi vào và nhất thiết loan báo cho độc giả tờ báo của ông biết về từ đó: “Kẻ tự học” - một từ Nga. Nó chỉ có một nghĩa, anh tự học ở bản thân anh, anh tự dạy bản thân anh. Nhưng trong việc này có người lại quên một điều là: không thể tự học ở bản thân anh, tự dạy ở bản thân anh mà thiếu sự hỗ trợ của sách vở.

Trong sách vở có biết bao nhiêu là kiến thức? Cuốn sách vô giá biết chừng nào. Trong đó có biết bao nhiêu điều khôn ngoan mà loài người đã tích lũy được? Không thể phủ nhận rằng, được học ở các trường đại học là rất tốt, nhưng nếu như không có điều kiện được học? Nếu như hoàn cảnh nó như vậy? Khi đó chỉ còn một lối thoát là mau mau tìm đến sách. Và mặc cho thiên hạ gọi anh là kẻ tự học. Điều đó không có gì đáng phật lòng. Chỉ cần sao tự anh không rơi vào số những thằng ngốc... Anh chàng phóng viên lia ngọn bút chì trên mặt giấy với hết tốc độ có thể có của mình...

* * *

Cách ngôi nhà của Xiôncôpxki không bao xa, có một ngôi nhà khác - ngôi nhà này bằng kính và bê tông. Đứng ngay trên bờ cao bên sông Oka. Khi anh tiến gần tới Kaluga, từ xa anh đã thấy ngôi nhà này. Đó là nhà bảo tàng lịch sử khoa vũ trụ học. Nơi đây thu thập các kiểu mô hình phản lực và máy bay từ thời cổ xưa đến ngày nay.

Trong gian phòng lớn trang nghiêm trưng bày các máy móc vũ trụ

của chúng ta mạ kền sáng loáng, bắt đầu từ quả vệ tinh quanh trái đất đầu tiên đến máy móc khổng lồ nhiều tấn, được đưa lên mặt trăng: và từ đó gọi về trái đất cho chúng ta những mẫu đất đá trên mặt trăng: Ở đây có cả các các-bin bị đốt cháy bởi cái nóng không tả được, từng bay trong vũ trụ và lại trở về trái đất. Những nhà du hành vũ trụ của chúng ta đã ngồi trong đó và cho đến nay họ vẫn đang sống khỏe mạnh.

Đi từ cỗ máy này sang cỗ máy khác, nhìn chân dung những con người đã tham gia vào việc sáng tạo ra những máy móc ấy, ngắm nghía loạt ảnh những nhà du hành vũ trụ dũng cảm, bạn sẽ luôn luôn nghĩ tới Xiôncôpxki. Bởi vì ông từng kiên trì, bền bỉ chứng minh một cách khoa học với những công thức và mô hình, truyền bá tư tưởng về những chuyến bay giữa các hành tinh, tiên đoán cho thế kỷ chúng ta là thế kỷ của việc bay trên không trung, thế kỷ của vũ trụ.

Ngày nay hầu như tưởng không phải là thật, nhưng chuyện đã có, đã xảy ra: ngay từ năm 1890, Xiôncôpxki đã viết công trình với cái tên “Về khả năng xây dựng khí cầu bằng sắt thép”! Vấn đề thực chất nói về những khí cầu lái. Rồi hai năm sau - một công trình thứ hai! “Khí cầu sắt thép, có điều khiển”. Ở đây vấn đề nói về “Lý thuyết khí cầu lái làm bằng thép hình sóng”...

Bên tai bắt gặp sống lại những cuộc chuyện trò trong ngôi nhà của Xiôncôpxki, những cuộc chuyện trò diễn ra ở thời đại mới sau này. Cuộc nội chiến chỉ vừa mới kết thúc. Lần ấy có một người trẻ tuổi đến Kaluga thăm ông. Anh ta nói về mình như sau:

– Cháu đã bay trên những máy bay “Farman”^[14] và “Bleris”^[15]. Cháu đã nhìn thấy những máy bay “Xepplin”^[16] Đức. Và từ đó cháu không lúc nào quên ý nghĩ rằng ở đây, một nơi hẻo lánh thôn dã, cụ đã từng nhìn thấy trước mọi chuyện này. Và không chỉ nhìn thấy trước, mà còn chứng minh bằng toán học tất cả cái đó. Cụ chỉ cần có những người hỗ trợ và một ít sự quan tâm từ trên để có thể vượt thời đại của mình không chỉ trong lý thuyết mà cả trong thực hành.

Xiêncôpxki chăm chú nghe người khách. Cự lên tiếng hỏi:

– Cả bây giờ anh cũng vẫn còn phục vụ trong hàng không?

– Không. Cháu đang theo học ở trường trung cấp kỹ thuật như cụ thầy đây, có chậm đôi chút...

– Điều đó không sao. Và hoàn toàn nghiêm chỉnh: Tôi chẳng hạn, cũng chậm, thậm chí quá chậm, nhưng tôi không ca thán.

Người trẻ tuổi hóa ra đã đọc rất nhiều sách. Riêng những công trình của Xiêncôpxki thì anh biết hầu hết.

Và hết sức khen ngợi. Anh nói:

– Cháu có một số bạn bè. Ngành hàng không không còn làm chúng cháu quan tâm - đó đã là một điều hiển nhiên được thực hiện rồi.

– Tại sao? - Xiêncôpxki ngạc nhiên. - Thế máy bay nhiều chỗ ngồi? Anh đã thấy mô hình loại máy bay ấy ở hành lang chưa?

– Đã, đã thấy ạ.

– Chẳng lẽ đó là một điều đã được thực hiện?

– Hầu như vậy...

Xiêncôpxki ngạc nhiên nhún vai. Người trẻ tuổi giải thích ý kiến của mình:

– Có thể', chúng cháu chẳng qua chỉ là những người mơ mộng. Có thể, đó là sai lầm của chúng cháu, nhưng chúng cháu đang nghĩ tới những chuyến bay lên mặt trăng và các vì sao. Cụ đã gieo vào lòng chúng cháu sự tò mò này. Và trong việc này chúng cháu không có lỗi gì.

– Cũng có thể. - Xiêncôpxki tán thành.

– Cháu đọc sách của cụ và cháu kính ngạc. - Người khách trẻ nói tiếp. - Nhìn các mô hình của cụ và cháu lại kính ngạc nữa... Theo chừng mực cháu hiểu thì chính quyền Sa hoàng không hạ cổ để tâm đến cụ...

Xiôncôpxki bực bội lắc đầu. Cụ lấy ở ngăn kéo ra một tờ giấy và đưa cho người khách xem. Và người ta đọc to:

“... Dù các khí cầu hình dạng có thể nào đi nữa và làm bằng chất liệu gì đi nữa, tất cả những cái đó vĩnh viễn bởi sức mạnh của các vật thể, đều trở thành đồ chơi của những trận gió”.

Xiôncôpxki gõ gõ các ngón tay xuống bàn: thì, chỉ có những kẻ ngu xuẩn, những bộ óc rỗng mới có thể suy nghĩ như vậy...

* * *

Năm 1896 Xiôncôpxki làm việc đêm đêm, đôi khi cả những buổi sáng tinh mơ - trước khi đi dạy học ở trường, đã đi đến kết luận: tên lửa và chỉ có tên lửa có thể là biện pháp kỹ thuật duy nhất để bay vào vũ trụ. Cụ đã viết:

“... Để nghiên cứu khí quyển, tôi đề nghị tạo ra một bộ máy phản lực, có ý nghĩa là một loại tên lửa như loại tên lửa khổng lồ và cấu tạo một cách đặc biệt”.

Hơn thế nữa, nhà bác học còn lo trước đến cả việc các nhà du hành vũ trụ đi ra hẳn ngoài khoảng không vũ trụ. Để làm được việc đó, cần mặc cho nhà du hành vũ trụ thứ áo bay đặc biệt.

Nhà bác học còn nhìn trước cả việc đặt lên bề mặt vỏ ngoài của tên lửa những bộ ắc quy mặt trời. Bởi vì không thể không sử dụng năng lượng tuyệt vời mặt trời gởi cho. Mọi cái đó được đưa ra ở cuốn truyện “Ở bên ngoài trái đất”.

Nhiều, rất nhiều điều đã được củng cố bằng những công thức chính xác, những tính toán toán học. Điều tưởng tượng đi kèm với khoa học...

– Làm sao mà cụ đạt được tất cả mọi điều này, Kônxtantin

Eduacdôvits? Cháu biết, cụ không học qua các ban đại học.

– Tôi không giàu: tôi không được lui tới các tòa nhà đại học. Trường đại học của tôi ở đây. Dưới tầng một và trên tầng hai của ngôi nhà. Người ta không chở đến cho tôi các máy móc và các dụng cụ khác nhau. Tôi tự làm ra chúng bằng đôi bàn tay này. - Và Xiôncôpxki đưa hai bàn tay ra trước. Hai bàn tay của người thợ.

– Kỳ diệu!

– Chẳng có gì kỳ diệu cả, anh bạn của tôi! Nguyên tắc đầu tiên của tôi: không thương xót bản thân mình, làm việc, không chán nản, đi lên trước, luôn luôn tiến lên trước, thậm chí không chỉ gió, mà cả bão tố cuồng phong thổi vào mặt anh, anh cũng mặc. Nếu trong anh không có cái đó, nếu như anh thích ngồi nơi ấm áp và dễ chịu hơn, nếu sự thờ ơ của một số người này, sự ngờ vực của một số kẻ khác làm anh hoảng sợ, thì vứt bỏ những ý định của mình đi. Đừng tự hành hạ mình, đừng làm kiệt sức một cách vô bổ. Nếu như anh cho rằng anh đúng, anh có thể - không nay thì mai - chứng minh được lẽ phải của mình, thì hãy dũng cảm đi theo con đường của mình.

Người tiếp chuyện muốn lên tiếng hỏi một câu gì đó nhưng Xiôncôpxki ngăn anh lại.

– Tôi sẽ nói hết ý tôi ngay đây... Nhưng chỉ một niềm tin thôi chưa đủ. Cần phải cho mình thấy rõ, vì lẽ gì và vì ai mà anh sống và lao động thâu đêm suốt sáng, trong khi người khác thì nghỉ ngơi tĩnh dưỡng, cần phải làm sao cho mình thấy rõ rằng lao động của anh cần thiết không chỉ riêng cho anh mà cả cho nhân dân. Nhất thiết cho nhân dân. Tại sao sau cách mạng tôi lấy lại được tinh thần? Tại sao bây giờ tôi sống với một niềm tin mãnh liệt vào tương lai? Rất đơn giản: Tôi hiểu - điều này tôi thấy rõ, - rằng chỉ có những người lao động mới có khả năng hiểu tôi, các tư tưởng của tôi. Chỉ có họ mới đưa đến đích cái mà đối với nhiều kẻ chỉ cho là một điều tưởng tượng hảo huyền.

– Được nghe điều đó thật thú vị, cụ Kônxtantin Eduacđôvits, cháu và các bạn của cháu cũng nghĩ hết như vậy.

Xiôncôpxki phân chấn. Nhà bác học chỉ lên đồng giấy tờ nằm ngổn ngang trên mặt bàn, trên các thành cửa sổ, dưới sàn nhà:

– Và anh có biết ai sẽ thực hiện tất cả cái này?

– Ai ạ, thưa cụ Kônxtantin Eduacđôvits?

Xiôncôpxki trả lời:

– Những người Bôn-sê-vich.

* * *

Xiôncôpxki đã chuyển trò chính bằng những lời lẽ ấy chẳng? Ai là những người tiếp chuyện của cụ? Hiện nay họ còn sống chẳng, những người trẻ tuổi lúc ấy? Anh đi qua các phòng ngôi nhà gỗ và anh tự hỏi mình những câu hỏi, có thể, bây giờ đã không có ý nghĩa gì lớn. Điều chủ yếu là: đã có những cuộc trò chuyện tương tự như vậy, không thể không có những lời lẽ ấy hoặc giả Xiôncôpxki lấy ra từ các công trình của mình, hoặc giả từ những cuộc trò chuyện - chúng đi vào các công trình của cụ. Bây giờ cả điều đó cũng không có ý nghĩa gì lớn. Sự thể không phải ở ngữ pháp hay phép đặt câu trong ngôn ngữ của nhà bác học, mà ở thực chất.

Mà thực chất đã được vật chất hóa một cách hiển nhiên, chính xác, không thể biến đổi được trong dài kỷ niệm ra đời từ các tư tưởng, lời lẽ và ý đồ của Xiôncôpxki: đó là quả tên lửa của chúng ta từ bờ dốc bên sông Oka bay vút lên trời cao.

Ngày nay từ khắp mọi kinh tuyến, vĩ tuyến trên trái đất đều nhìn thấy rõ quả tên lửa ấy.

Đâu Đường Phố Ấy, Đâu Căn Nhà Ấy

Vị tướng chỉ huy đã thưởng cho bốn chiến sĩ công binh có công giết đổ cái cầu một đợt đi phép.

Mennitsue lên đường đi về đâu đó miền Pôtavcina, Xkômôrôkhốp về Vôlôgđ, Garanhin về thị trấn Pletx, nằm trên sông Vonga, còn Visnhiakốp tuyên bố sẽ đi Xmôlenxơ.

– Chà, cậu đi đâu kia chứ? - Trung đội trưởng Tsutkô toan can ngăn Visnhiakốp. - Cậu tứ cổ vô thân...

– “Tứ cổ vô thân, tứ cổ vô thân!” - Visnhiakốp nhại lại. - Biết đâu đây ở Xmôlenxơ tôi có người bà con cũng nên.

– Về chuyện người bà con thì tất nhiên cậu bịa rồi, nhưng tôi cũng chẳng can ngăn cậu làm gì nữa. Rồi tự cậu khắc ân hận.

– Người ta đi đông đi tây cả, chòm chòm một mình tôi ngồi đây ư! Một khi đã được đi phép, nghĩa là, tôi có đầy đủ quyền ra đi! - Visnhiakốp vừa càu nhàu, vừa xếp túi đựng đồ.

Về chuyện người bà con, quả là Visnhiakốp đã bịa, nhưng thật chẳng muốn ở lại đơn vị những ngày này tí chút nào: chẳng nhẽ anh thua kém những người khác sao?

Ngoài ra, Visnhiakốp cho rằng, đồng chí trung đội trưởng can ngăn anh bỏ chuyện đi là có dụng ý - đồng chí ấy không muốn thiếu một người trợ thủ, không muốn phải bận bịu thêm trách nhiệm.

– Nếu tôi không tìm thấy người bà con, lập tức sẽ trở lại đơn vị ngay. - Visnhiakốp nói, xếp khẩu phần lương khô vào túi đựng đồ, anh giải hòa đưa cho đồng chí trung đội trưởng bao thuốc “Đeli” tặng phẩm

của vị tướng chỉ huy.

Mãi đến khi Visnhiakốp đã an tọa trên chiếc xe tiện đường và trung đoàn đã ở lại xa phía sau, anh mới bắt đầu thấy phân vân. Có thể, Tsutkô đúng cũng nên? Tội tình gì phải đi khổ sở mấy ngày trời rồi quay trở lại càng thêm cô đơn hơn trước.

Xe càng đi xa trung đoàn bao nhiêu, anh càng cảm thấy cô cút hơn bấy nhiêu, chông chênh hơn bấy nhiêu trong cái thùng xe chiếc xe đi nhờ.

Xmôlenxơ đón anh bằng đám đông chen chúc ở chỗ tránh tàu. Cả hai phía của các con đường đều đầy xe cộ nối đuôi nhau. Người nào cũng nôn nóng chờ chiếc đầu máy nhỏ yên đi, thôi không còn lãng xăng chạy đi chạy lại, như các tay lái xe nghỉ, một cách vô nghĩa và vô ích nữa.

Các tay lái xe nổi còi inh ỏi, hành khách bức bối quát tháo cô gái bé ghi đứng bên thanh chắn, Visnhiakốp lấy túi thuốc ra, bình thản quần hút. Riêng anh chẳng vội đi đâu.

Sau đó anh xuống xe, lịch sự cảm ơn người lái và thư thả đi vào thành phố. Anh đi theo bên hè đường, cố tránh những vũng nước xanh trắng trong đó soi rõ vòm trời tháng tư.

Nửa năm trước đây, Visnhiakốp đã có dịp đến Xmôlenxơ, khi tiểu đoàn anh là đơn vị đầu tiên vào phần bên sông của thành phố.

Từ đó sư đoàn anh mang tên sư đoàn Xmôlenxơ, vì thế mà Visnhiakốp khi thu xếp lên đường đã có cảm giác là chỉ vì một lý do này thôi cũng sẽ thấy ở Xmôlenxơ sẽ như ở nhà mình.

Nhưng lúc này đây đi ngang bên anh là những người xa lạ. Người nào người nấy đều vội vàng vàng, đều lo tâm bận trí, đều chăm chăm nhìn xuống, sợ giẫm phải vũng nước trên vỉa hè hồng nát, chạy dài theo những dãy nhà bị tàn phá.

Visnhiakốp tưởng rằng đi hết đường phố bị tàn phá này, sau đó là

mở ra trước mắt anh thành phố thực sự. Nhưng hết dãy đồ nát này tiếp đến dãy đồ nát khác, mà thành phố nguyên vẹn đang sống vẫn chưa hiện ra - vẫn những khối nhà bị tàn phá ấy, vẫn những cái hộp gạch đá trống không, trong lòng trái lớp tuyết đen bản còn chưa tan.

Trong một ngày âm áp như thế này, khách bộ hành thường đi dọc ở bên mép hàng, bởi vì từ các mái nhà nước rỏ xuống và các ống máng xối nước ra. Nhưng trong thành phố này từ trên mái không có nước rỏ và ống máng như luôn luôn khô, bởi vì làm gì còn mái nhà nữa.

Visnhiakốp ngẩng đầu. Nền trời xanh trắng nhìn xuống anh qua mảnh tường thủng. Tít cao trên tầng gác ba treo lơ lửng một chiếc giường sắt cong queo vì lửa, bên cạnh đó là cái bếp lò gạch men trắng bám vào tường. Người ta bao giờ cũng tìm đến với hơi ấm, giường ngủ bao giờ cũng ghé sát bên các vách lò, vì thế cảnh tượng chiếc giường sắt cong queo bên cái bếp lò nguội lạnh làm cho trái tim đau thắt lại.

Do chỗ cái dãy nhà bị tàn phá và bầu trời nhìn qua các ô cửa sổ, phố xá có cảm giác rộng ra.

Con đường đi lên đồi cao. Hình như trước đây, trong cái ngày trận đánh - Visnhiakốp đã qua nơi đây nhưng khi đó đường phố này anh không cảm thấy lấy gì làm dốc. Anh nhớ là, khi đó anh bước đi, mang đầy đủ trang bị - cả súng, cả máy dò mìn - và ngày hôm ấy ấm hơn bữa nay, và trong một ngày anh đã đi qua biết bao nhiêu đường đất, vậy mà anh không thấy mệt: lúc băng lên thì núi cao nào cũng chỉ là đường bằng, lối đi nào cũng thẳng tắp.

Anh đi đến ngôi nhà ở góc phố, nơi có treo cái khung trống và han gỉ của chiếc đồng hồ đường. Ngày trước chiếc đồng hồ từ ngã tư đường này đã nhìn ra ba mặt, trong cái ngày đó Visnhiakốp có đi qua nơi đây không nhỉ? Anh không biết chính xác, nhưng anh thấy cái khung đồng hồ trống quen quen. Bây giờ anh còn nghĩ là chắc hẳn các chàng trai và các cô gái vẫn hẹn hò nhau gần bên chiếc đồng hồ này.

Visnhiakốp rẽ vào góc phố, nhìn quanh, phải chăng đây là nơi ba người bạn anh, anh cùng Tsutkô và Xkômôrôkhốp đã tháo mìn trên mặt đường? Phải, tất nhiên rồi! Đây chính là ngã tư đường mà bạn anh đã tìm thấy quả mìn nổ chậm.

Anh bước đi dọc theo một con đường nhỏ vắng vẻ nằm giữa những rặng bạch liễu tán cành trơ trụi. Đâu đó ở nơi này Visnhiakốp nhớ là anh đã cứu được một căn nhà cũ kỹ khỏi bị mìn nổ. Bạn phát xít đã gài mìn trong căn nhà này trong lúc những người chủ của nó còn đang trốn ở nhà hầm, đợi hết trận đánh. Visnhiakốp nhớ rành rọt ván sàn trong căn phòng ở: những tấm ván ấy ọp ẹp cũng như những bậc tam cấp ngoài hiên cửa. Anh đã moi từ bếp lò ra một quả mìn, quả mìn thứ hai hẳn sẽ nổ một khi những người chủ trở về động đến cái ấm đun nước, cái ấm siêu trắng men màu xanh da trời có những vết đen ở chỗ tróc men.

Nhưng đâu đường phố ấy, đâu căn nhà ấy? Và trông nó thế nào nhỉ, cái căn nhà thoát khỏi ngọn lửa ấy? Visnhiakốp đi đến ngang căn nhà nhỏ nằm ở sâu trong sân. Không lẽ căn nhà ấy xấu xí vậy ư? Còn nhớ, căn nhà ấy cũng tựa vào một cây bạch liễu lòa xòa, và cũng một hàng rào ọp ẹp như thế này chạy dưới cửa sổ.

Anh đứng phân vân một chút, sau đó khoát tay và bỏ đi tiếp. Nhưng càng đi xa khỏi căn nhà anh càng cảm thấy tò mò và muốn quay trở lại. Mong muốn này chẳng mấy chốc trở nên day dứt, không cưỡng lại nổi. “Dù sao đi nữa cũng buộc phải vào xin nghỉ trọ nhà một người nào đó”, Visnhiakốp tự động viên mình.

Anh quay trở lại, bước lên những bậc tam cấp ọp ẹp, lên hiên và gõ cửa.

Cửa do một cô gái tóc màu hạt dẻ, mặc áo săng dây mở.

– Cô chủ nhà, xin cho phép tôi ghé nghỉ trọ độ đường. -
Visnhiakốp lên tiếng hỏi.

Cô gái đưa con mắt nghiêm nghị xét nét người lạ mặt và vội vàng nói không lấy gì làm niềm nở:

– Thì mời anh vào nhà.

Visnhiakốp e dè, nghiêng người, lách vào cửa, lau kỹ chân giày, sau đó ngồi xuống mép chiếc ghế tựa và bắt tay vào cởi túi đựng đồ.

– Cô hẳn là người Xmôlenxcơ? - Visnhiakốp hỏi chuyện.

– Vâng.

– Như vậy, chúng ta là đồng hương.

– Thế trước đây anh sống ở phố nào?

– Nào có sống ở phố nào! Chúng tôi đã chiến đấu ở đây. Sư đoàn chúng tôi là sư đoàn Xmôlenxcaya.

– Ra là thế. - Cô gái đáp lại hững hờ, bộ dạng của cô tỏ rõ là cô muốn nói: “Người ta cho vào nhà - thế là đủ rồi. Còn cái việc chuyện trò cho khuây khỏa bất cứ người qua đường nào thì đây không có ý định làm đâu, và ở đây đừng có mà hòng tính cái trò làm quen một cách dễ dãi”.

Visnhiakốp thỉnh thoảng lại ngó nhìn cái bếp lò, sau đó chăm chú nhìn cái ấm đun nước tráng men xanh da trời có những vết sứt đen đen quen thuộc. Cô gái bắt gặp cái nhìn của Visnhiakốp, cô cau mày, bậm môi: “Mà sao lại đi ngó ngó nghiêng nghiêng vào bếp nhà người ta kia chứ? Đã thế đây phớt lờ không mời nước nữa. Cho biết tay, lần sau đừng có giở thói càn rỡ ấy ra”.

– Thế khi trận chiến giải phóng Xmôlenxcơ diễn ra, cô sống ở đây chứ?

– Mẹ tôi với đứa em gái nhỏ tôi ở đây. Còn tôi bấy giờ trốn ở nhà bà cô ở miền quê.

– Ra thế! - Visnhiakốp buông ra một lời lửng lơ và lại chăm chú nhìn cái bếp lò.

Anh vẫn đợi cô gái bảo anh cởi áo badờxuy lính, lúc đó cô ta sẽ thấy rõ anh là con người có công tích, thuộc gia đình nhà lính cận vệ và đầy đủ huân chương, huy chương, chứ đâu có phải một gã ầm ở nào. Nhưng cô gái, chăm chú công việc khâu vá và mãi mê theo đuổi ý riêng chẳng nói, chẳng rằng. Trong sự im lặng của cô ta lộ rõ ý chờ đợi không nói ra lời: Bao giờ thì vị khách không mời mà đến này đi cho và để cho cô được yên.

Trong phòng im ắng, chỉ có trên bếp cái ấm đun nước sắp sôi lên tiếng kêu xì xì. Visnhiakốp một lần nữa nhìn cái ấm đun nước, thở dài và thu dọn đường, bánh mì và mở cất trở lại vào túi đựng đồ, cô gái vẫn ngồi nguyên không ngẩng đầu lên. Bằng vào tất cả bộ dạng thì cô để hết tâm trí vào công việc khâu vá, nhưng Visnhiakốp nhận thấy là cô gái nhìn xuống mặt sàn. Vết giày ủng của anh in rõ trên những tấm ván sàn biết bao kỷ niệm đối với anh.

– Tôi mua việc cho cô rồi, - Visnhiakốp ân hận nói. - chùi đi chùi lại chân rồi đây, vẫn cứ thế...

– Chuyện vặt. - Cô gái trả lời, nhưng lại cau mày khó chịu.

Visnhiakốp thu xếp và đứng dậy lên tiếng.

– Không dám phiền cô. Cám ơn cô.

Anh đã phật lòng, vì vậy mà lúc này càng tỏ ra lịch sự hơn.

– Không dám. - Cô gái đáp, giọng nhạt nhẽo.

Cô đứng lên để đồ khâu vá xuống và đi tiến chân khách - cánh cửa vội vàng đóng lại ngay sau lưng khách.

Bước ra hiên cửa, Visnhiakốp cúi chào một cách kiểu cách rồi rào bước đi ngang qua sân. Bên hàng rào, trẻ con đang chơi ở chỗ hè khô ráo tuyết đã được dọn sạch. Một em bé gái đội mũ kapô trắng và mặc áo bông thay cho áo lông cừu, chăm chú nhìn Visnhiakốp, bỗng kêu to lên và hồi hả lao về phía anh:

– Chú ơi, chú đừng đi! Cháu biết chú!

Em bé gái cúi mặt vào tấm áo badờxuy lính, ôm lấy chân Visnhiakốp, trong lòng Visnhiakốp lập tức cảm thấy vui đi. Anh đưa tay gượng nhẹ vuốt mái đầu của em bé gái, sợ làm nhàu hay vấy bẩn cái mũ kapô của em.

– Cháu bé, làm sao mà cháu biết được chú nào?

– Thì chú chính là cái chú đã đi gỡ mìn. Chú quên rồi ư? Cháu với mẹ cháu cứ đứng mà đợi mãi. Sau đấy chú cho cháu đường... Chú quên rồi ư?

– Không, chú nhớ.

– Chị Luba, tìm thấy chú của chúng ta rồi! - Em bé gái kêu toáng lên, bấu những đầu ngón tay nhỏ xíu vào vạt áo badờxuy lính: em bị vướng víu vì hai ống tay áo bông quá dài của mình. - Chú về nhà cháu đi, chú về nhà cháu! Mẹ cháu mà biết sẽ vui sướng phải biết.

Visnhiakốp ngoái lại liền nhận ra cô gái mặc áo săngday đang đứng ở ngưỡng cửa: phải chăng suốt từ lúc ấy cô vẫn theo dõi anh hay nghe tiếng kêu mới vừa chạy ra. Anh kịp nhận ra là cô gái mặc áo săng day rất giống em bé gái mặc áo bông này.

– Chú đã ghé nhà cháu rồi. - Visnhiakốp cố lựa giọng thật vui vẻ nói với em bé gái.

Nhưng em bé không chịu, cứ kéo anh về nhà.

– Đây chính là cái chú ấy! Chú gỡ mìn!

Anh cưỡng lại, nhưng không gắng cho lắm và chẳng mấy chốc sau bối rối anh đứng mặt đối mặt với Luba, cô gái còn bối rối hơn anh. Cô gái với cái túi đựng đồ mà anh vẫn cầm tay và buồn phiền lên tiếng:

– Sao anh không nói ngay kia chứ? Bây giờ anh làm cho tôi phải đỏ mặt?

– Tôi lại làm bẩn sàn nhà mất...

– Gớm, anh nhớ dai thế. Thôi, xin anh thứ lỗi cho.

Luba kéo cái túi đựng đồ về phía mình, nhưng Visnhiakốp không chịu buông ra.

– Tôi làm sao biết được anh chính là chú ấy? - Cô gái nói dịu dàng, nhưng lập tức đến đây liền chuyển sang tấn công. - Mà cũng tại cả anh nữa kia! Phải, phải, tại anh! Anh về nhà mà cứ như gặp người xa lạ. Trẻ măng thế này mà kín đáo thế! Không tốt nhé. Anh có biết tội anh phải làm gì không nào?

– Không. - Visnhiakốp mỉm cười. - Tôi không biết. Chuyện gì kinh khủng không đây?

– Phải phạt anh, thế đây! Bây giờ tôi là tôi sẽ hôn anh thay cho mẹ tôi, cho Aliônuska và cho tôi. Bây giờ anh mới biết thân! Nhưng thôi, anh đừng sợ, tôi tha! Lần đầu tôi tha cho anh...

Và Visnhiakốp còn chưa kịp đáp lại ra sao cô đã kiên quyết giằng lấy túi đựng đồ của anh, lấy cả cái mũ lông bịt tai anh bỏ ra cầm tay. Visnhiakốp đứng ngây ra giữa căn phòng và bối rối không biết xử trí ra sao, anh đưa tay vuốt chòm tóc.

Gương mặt anh cười mở, hơi gân guốc. Hợp với những gương mặt như vậy là cặp mắt sáng và cái mũi cong. Mũi Visnhiakốp lại thẳng hơi gồ lên, còn cặp mắt thì lại màu nâu sẫm.

Aliônuska nhanh nhẩu lấy chiếc lược đưa cho chú bộ đội, rồi lát sau đã leo lên đùi chú và bắt đầu kể huyền thuyên về những sự cố gì đó xảy ra trong sân nhà. Chú bộ đội nghe em bé thật chăm chú như thể chú đến đây mục đích chỉ để biết đầy đủ mọi chi tiết về những con chó con trong sân nhà.

Aliônuska đưa ngón tay sờ vào cuống chiếc huân chương sao đỏ và nheo mắt khoái chí.

Trong chiến tranh, Visnhiakốp thường đã từng thấy những đứa trẻ có những gương mặt suy tư như mặt người lớn, với những cặp mắt nhăn nheo, những cặp môi bặm lại; những đứa trẻ ấy đã nhìn thấy

trong đời nó quá nhiều điều khủng khiếp đến nỗi không còn biết khóc, khó còn có thể lấy gì mà dọa nạt chúng nữa. Còn Aliônuska vẫn giữ được cái ngây thơ quý giá của trẻ con, trong cặp mắt to xanh da trời của em lấp lánh vẻ tin cậy non dại.

Lát sau bà Anna Fedôrôvna ở trường học trở về. Bà nhìn thấy người khác, đứng sững lại hồi lâu bên cửa, ôm ghì bó vở học trò bên ngực.

– Đồng chí đây ư? Trời! Thật sung sướng quá! - Anna Fedôrôvna thốt lên ngay từ ngưỡng cửa. - Nào, con người thân thương, anh lại đây cho tôi ôm hôn anh.

Visnhiakốp tiến lại, hai người ôm hôn nhau.

– Ấy vậy mà mẹ ạ, anh Vaxili Iakôvlevits không muốn chào hỏi con như vậy đây! - Luba tươi cười nói. - May mà mẹ về kịp. Chớ con vừa làm phật ý khách.

Anna Fedôrôvna bắt đầu nhớ lại mẹ con bà bấy giờ suốt ngày trời đã ngồi trốn ở căn nhà hầm bên hàng xóm ra sao, rồi sau đó đã sung sướng như thế nào khi thấy căn nhà của mình còn nguyên vẹn. Nhưng có một người Hồng quân đã chặn hai mẹ con bà ở sân bằng một tiếng quát nghiêm khắc và thậm chí còn đưa cây gậy có gắn cái vòng sắt và một cái hộp nhỏ ở đầu ra đe nạt. Anh Hồng quân đã thận trọng vào nhà, mắt hút trong đó khá lâu, đến khi bước ra hiên cửa cầm trên hai tay mỗi bên một cái đĩa sắt đen đen. Anh cúi thả ném chúng xuống đất và nói:

– Bấy giờ thì có thể vào nhà rồi. Chứ không thì hẳn là bà chủ với cháu đã uống một bữa trà no đủ cả đời...

Aliônuska khệ nệ kéo theo một cái túi đựng búp bê, gương to phải bằng người em, và chú bộ đội đã đưa giúp em cái túi vào nhà, khi ra đi lại chia cho em đường để em khỏi khóc.

– Thế mà không hiểu sao tôi cứ nghĩ là anh phải già hơn kia, Vaxili Iakôvlevits ạ. - Anna Fedôrôvna nói, đẩy đĩa khoai tây nghi ngút hơi về

phía Visnhiakốp.

– Đây là do hôm ấy mặt mày tôi ám khói với lại râu ria không cạo. - Visnhiakốp vội giải thích, như thể phân trần.

Sáng hôm sau, Visnhiakốp quyết định cùng với Aliônuska đi thăm thú thành phố. Trong thành phố chẳng có gì thay đổi kể từ ngày hôm qua, nhưng những đồng đồ nát không còn đập vào mắt quá nhức nhối. Chỉ đến bây giờ Visnhiakốp mới nhận ra những dấu hiệu của một cuộc sống mới. Cuộc sống này đã trôi lên qua đồ nát, tro tàn, bụi bặm, như thể ngọn cỏ non xuyên qua mặt đá dăm.

Căn cứ vào những ngọn khói bay lên từ những ống khói thì biết là người ta đang phải sống trong các hầm chứa đồ của những nhà bị đốt cháy, đôi chỗ người ta sống trong những căn phòng của tầng một còn lại một cách thần tình của những tòa nhà bị tàn phá. Các mặt tủ hàng ở các cửa hiệu chất đầy gạch, những ô cửa sổ nhỏ bằng cửa thông hơi còn giữ được, và sau những ô cửa sổ nhỏ ấy cũng có người đang sinh sống. Ở trước một ngôi nhà không có người ở có treo một hòm thư; người đưa thư đi đến hòm thư ấy dốc thư vào túi thư.

Visnhiakốp đi ra bờ sông Dneprô và nhớ lại chuyện anh đã vượt con sông này trong cái đêm tháng chín ấy ra sao. Khi rút lui bọn phát xít đã giật tung đoạn giữa cầu và đốt cháy hai đầu cầu. Lửa lan theo các thanh gỗ, dầm cầu đến tận mặt nước ào ạt phía dưới đầu những ván hồng lay động. Khi lửa chạm đến mặt nước thì con sông dập tắt lửa ở các thanh dầm cầu, còn lúc đó có cảm giác như ai đó lao các cây đuốc ấy thẳng xuống mặt nước đen ngòm. Dầm, ván cầu bấy giờ cũng đỏ hồng, ánh hồng rung động xôn xao trên mặt nước màu đen, và cảm tưởng không phải dòng sông mà là dòng máu chảy.

Lúc này bên lối lên cầu là một cô nữ điều vận, người to béo nhưng nhanh nhẹn, hai má xanh xám. Mỗi khi xoay người, cô gái điệu bộ nện ủng trên mặt ván cầu và vung lá cờ vàng nhỏ một cách duyên dáng, làm cho Visnhiakốp nhìn ngây ra một lát.

Vaxili và Aliônuska đi qua cầu, rồi chen vào chợ. Anh mua một lọ mật ong và tình cờ mua lại được một cây bút chì xanh đỏ to tướng. Các thứ ấy tiêu mất cả ba tháng sinh hoạt phí của người lính, nhưng điều đó không làm Visnhiakốp băn khoăn vì anh chẳng cần gì tiền: thậm chí anh đã mất cả thói quen tiêu tiền, vì vậy anh thích thú tiêu hết số tiền tiết kiệm cho Aliônuska.

Khi đi sang qua đường, Visnhiakốp dắt tay em bé gái. Xe cộ qua lại thưa thớt nhưng anh thích thú được nắm những ngón tay nhỏ tin cậy và dịu dàng của bé Aliônuska, những ngón tay của bé tụt sâu trong ống tay áo bông. Bốn ngày sau Visnhiakốp mới lên đường trở lại đơn vị. Luba đi tiễn khách cho đến trạm kiểm soát ở ngoại ô, nơi anh em bộ đội chờ xe tiện đường.

Aliônuska cũng muốn đi tiễn chú bộ đội.

– Xa lắm, em sẽ mỏi chân. - Luba bảo.

Cuộc bộ đến tận trạm kiểm soát quả là xa thật nhưng ngoài ra, Luba còn muốn được chia tay với Visnhiakốp, riêng chỉ có hai người.

Ở trạm kiểm soát, hai người đứng với nhau khá lâu, cùng chờ xe, và mỗi người trong thâm tâm đều rất hài lòng là mãi vẫn không có xe.

– Thế anh đã ghi lại địa chỉ của nhà chưa? - Luba hỏi.

Visnhiakốp giật mình vỗ trán đánh bốp.

– Tôi quên khuấy mất. Tìm thì tôi tìm ra, còn địa chỉ lại không ghi lại. Lần trước thì vẫn còn treo những cái biển chỉ dẫn của Đức, còn lần này thì tôi lại không để ý.

Luba sợ hãi vung hai tay lên và tự cô gái ghi địa chỉ nhà vào một mẩu giấy.

– Thôi bây giờ thì ta chia tay. - Luba lên tiếng, khi cuối cùng một chiếc xe tiện đường đã đến. - Thay cho mẹ em, cho Aliônuska còn đây là thay em.

Và hai người ôm hôn nhau ba lần.

Visnhiakốp nhảy lên bánh xe, nhẹ nhàng vượt qua thành xe, chiếc xe lập tức chuyển bánh, nhưng Luba còn kịp trao cho anh một bọc giấy. Visnhiakốp đã biết đó là bọc bánh rán nhân bắp cải.

Anh để ra hai chiếc bánh khi về đến đơn vị chia cho Tsutkô.

– Kiểm đầu ra món quà này thế?

– Người nhà tôi ở Xmôlenxơ cho.

– Vậy mà cái thằng tôi tội lỗi lại cứ nghĩ quả thực là cậu chẳng còn ai thân thích. Mình nghĩ bụng là chẳng qua cậu hứng lên đi nên bịa ra.

– Từ cha sinh mẹ đẻ tôi có bịa bao giờ, vậy mà lần này bỗng nhiên...

– Thôi, cậu bỏ qua cho, nếu mình có làm cậu phật ý. - Tsutkô nói, nhai nốt miếng bánh rán.

– Ấy đây. - Visnhiakốp xuê xoa nói.

Từ bữa ấy anh bắt đầu chờ đợi chiến sĩ đưa thư, cái điều mà trước đây anh không hề bận tâm, chẳng bao lâu thư của Luba gửi tới. Cũng trong phong thư ấy Aliônuska gửi vào cả một bức vẽ của mình - căn nhà màu đỏ với những cửa sổ xiêu vẹo cao lên tận mái nhà, một làn khói xanh kỳ dị bay lên từ cái ống khói màu đỏ.

– Còn đây là công trình của ai thế này? - Tsutkô tò mò hỏi ngó qua vai Visnhiakốp.

– Con gái tôi, Aliônuska gửi đến đây. - Visnhiakốp nói bịa, mồm mỉm cười.

– Thế mà mình không biết là cậu lại có cả con gái nhỏ đây. Cháu mấy tuổi rồi?

– Bảy.

– Thế kia ư! Sắp có rể rồi. Vậy mà mình không nghĩ là cậu lại có con gái lớn đến thế. Mặc dù cái thằng tội nợ như mình cũng lấy vợ sớm.

Visnhiakốp cẩn thận giữ gìn tờ giấy mà Luba đã ghi địa chỉ. Thật ra thì, tờ giấy ấy đã nhòe phai hết đến mức không còn đọc ra tên phố cũng như số nhà. Nhưng điều ấy chẳng có ý nghĩa gì, bởi vì Visnhiakốp đã nhớ thuộc lòng địa chỉ ấy và biết rõ đường phố ấy ở đâu, ở đâu căn nhà nhỏ bên cây liễu ấy, căn nhà thân yêu, ở đó bây giờ là niềm mơ ước của người lính về gia đình, về hạnh phúc khi được đưa những bước chân nhẹ bỗng lâng lâng dạo trên những tấm ván sàn ọp ẹp...

Con Trai Người Phi Công

Tôi có thể cam đoan rằng chưa bao giờ được nghe nói đến phi công Prexnhiakốp. Nhưng gương mặt của anh trên tấm ảnh này tôi lại thấy rất quen thuộc.

Anh chụp ngay sau chuyến bay. Anh đội mũ chụp kính trong đó có thể thở được ở nơi không còn không khí. Mặc bộ trang phục này, trông anh giống người thợ lặn hơn là phi công.

Đại úy Prexnhiakốp người tầm thước. Nhưng điều này khó nhận ra ngay trên ảnh, bởi vì ảnh chụp có nửa người. Nhưng lại có thể nhận thấy ngay đôi gò má rộng, cả cặp mắt đen, hai hàng lông mày không đều đặn, cả đường trũng phía trên môi trên, cả vết sẹo trên trán. Mà có thể đó không phải là vết sẹo, mà là một món tóc, dính bết xuống trán trong chuyến bay gian khổ?

Bức ảnh là sở hữu của Vólôtka Prexnhiakốp và được treo trên đầu giường của chú bé. Mỗi khi có khách mới đến nhà, Vólôtka thường dẫn người đó đến dưới tấm ảnh và bảo:

– Ba cháu.

Chú nói điều đó như thể quả thực chú giới thiệu khách với người cha của mình.

Vólôtka hiện sống ở Mátxcova, ở phố nhỏ, chòi gác rơm rạ. Tất nhiên ở đường phố của Vólôtka chẳng có chòi gác nào, hơn thế nữa lại là chòi gác rơm rạ. Chung quanh chỉ là những dãy nhà mới đồ sộ. Chòi gác rơm rạ ở vào thời vua Piôtr đệ nhất kia, ở đây quả có một chòi gác. Không hiểu bây giờ các chòi gác ấy đặt ở chỗ nào nhỉ. Gần “cửa hàng thực phẩm” hay ở góc phố bên cạnh quỹ tiết kiệm ngày nay. Và tên người gác ấy là gì nhỉ, bác người gác mà trong đêm mưa gió, bão tuyết

thỉnh thoảng chạy về căn chòi ẩm áp một lúc để lấy lại hơi sức và sưởi bên ngọn lửa đôi bàn tay lạnh cứng vì băng giá? Chỉ chạy về nán lại lấy một chút thôi. Người gác trong khi thừa hành phận sự không được quần quanh trong căn chòi ẩm áp.

Dưới cửa sổ ngôi nhà Vôlốtka suốt ngày đêm xình xịch tiếng xe tải tự động... Ở gần đây có công trường xây dựng nhưng Vôlốtka quen với tiếng động cơ âm ỉ rồi, vì thế chú không để ý gì tới tiếng động ấy. Thế nhưng không chiếc máy bay nào bay qua trên đầu chú mà chú lại bỏ qua. Nghe tiếng động cơ ở trên cao, chú thảng thốt rồi chăm chú nghe ngóng, cặp mắt xáo động của chú vội nhìn lên tìm kiếm đôi cánh bạc nhỏ xíu của chiếc máy bay trên bầu trời. Cũng phải nói thêm là, thậm chí không nhìn lên trời, chú cũng có thể xác định được chiếc máy bay đang bay đó là máy bay gì: máy bay bình thường hay máy bay phản lực - và chiếc máy bay ấy có bao nhiêu “con trượt”. Được như vậy là bởi vì từ bé chú đã quen với đủ loại máy bay.

Khi Vôlốtka còn bé tí, chú sống ở rất xa, rất xa Mátxcova. Trong một thị trấn thành phố, cũng như con người ta có cả những thị trấn thành phố quân sự mà.

Vôlốtka ra đời ở thị trấn này và chú đã sống ở đó gần nửa số năm đã sống của mình. Con người không có thể nhớ được anh ta đã biết đi như thế nào và biết nói được từ đầu tiên ra sao, ấy vậy nhưng nếu anh ta đã ngã và giập đầu gối, thì anh ta ghi nhớ. Nhưng thuở nhỏ Vôlốtka không bị ngã và cũng không giập đầu gối và trên lông mày của chú không để lại vết sẹo, bởi vì cả lông mày chú cũng không bao giờ để ngã sứt. Và nói chung là chú chẳng nhớ gì hết.

Chú không nhớ chuyện, mỗi khi nghe tiếng động cơ, chú lại mở to cặp mắt xanh lam hơi lồi ra tìm kiếm cái gì đó trên bầu trời. Và chuyện chú đưa tay với: chú muốn tóm bắt chiếc máy bay. Cánh tay chú bấy giờ mập mạp, có gân ở cổ tay. Cứ như thể có người nào đó đã lấy bút chì đen khoanh dấu ở chỗ ấy.

Khi Vólôtka còn bé tí tèo tèo, chú chỉ biết đòi không thôi. Rồi đến khi lớn hơn một chút - chừng ba bốn tuổi - chú bắt đầu hỏi. Chú hỏi mẹ chú những câu hỏi bất ngờ nhất, và có cả những câu hỏi mà mẹ chú không thể trả lời được.

– Tại sao máy bay ở trên bầu trời không bị rơi xuống? Tại sao bên ta dấu hiệu là ngôi sao, mà bên phát xít lại là dấu thập ngoặc?

Vólôtka sống với mẹ. Chú không có bố và thoát đầu chú cho rằng chính như vậy mới phải. Và nói chung chú chẳng hề lo nghĩ gì về chuyện không có bố. Chú cũng chẳng hề hỏi han về bố, bởi vì chú không biết rằng lẽ thường chú phải có bố. Nhưng một lần chú đã hỏi mẹ chú:

– Ba con đâu?

Chú nghĩ rằng mẹ chú có thể trả lời một cách dễ dàng và đơn giản câu hỏi ấy. Nhưng mẹ chú lặng im. “Cứ để cho mẹ nghĩ đã”, Vólôtka quyết định như vậy và chờ đợi. Nhưng mẹ chú thế là không trả lời gì cho câu hỏi của chú.

Điều đó không làm cho Vólôtka buồn rầu cho lắm, bởi vì nhiều câu hỏi khác mẹ cũng không trả lời mà.

Vólôtka không hỏi mẹ thêm về câu hỏi này nữa. Một khi mẹ đã không thể trả lời được, thì hỏi làm gì, nhưng bản thân chú không dễ dàng quên câu hỏi này như đã dễ dàng quên liền nhiều câu hỏi khác. Chú cần phải có bố, vì thế cứ đợi chờ khi nào đó bố chú tự xuất hiện.

Kể cũng lạ, Vólôtka đã biết đợi chờ. Chú không đi lung tung mọi chỗ để tìm bố và không đòi mẹ phải đi tìm ra người bố không thể nào tìm ra được ấy cho chú. Chú chỉ đợi chờ, nếu như một đứa trẻ phải có bố thì sớm hay muộn cũng tìm ra bố.

“Không hiểu ba sẽ xuất hiện như thế nào nhỉ? - Vólôtka thầm nghĩ.
- Đi bộ đến hay đi ô tô buýt đến?

Không, ba sẽ đi máy bay đến bởi vì ba là phi công cơ mà? Trong thị

trần quân sự, bố của những đứa trẻ khác đều là phi công cả”.

Mỗi khi đi dạo chơi với mẹ, chú chăm chú quan sát những người đàn ông gặp trên đường. Chú cố đoán xem trong sổ họ ai giống bố mình.

“Bác này người dài quá, - Chú nghĩ khi nhìn một thiếu úy cao dong. - ba mà như thế này thì khó mà leo được lên lưng. Và tại sao bác ấy không có ria? Ba thì thế nào cũng phải để ria. Chỉ có điều không giống như ria của bác bán hàng ở cửa hàng bánh mì. Ria bác ấy màu hung. Mà ria của ba phải là màu đen kia...”.

Càng ngày Vólôtka càng sốt ruột chờ đợi việc bố về hơn. Nhưng bố chú không ở đâu về cả. Hóa ra bố chú sống ngay bên cạnh.

– Mẹ ơi, mẹ làm cho con một con tàu. - Một hôm Vólôtka bảo mẹ chú và đưa cho mẹ một mảnh gỗ.

Mẹ chú nhìn con một cách bất lực, tựa hồ đứa trẻ vừa hỏi chị một trong những câu hỏi mà chị không sao trả lời nổi. Nhưng sau đó ánh mắt chị lóe lên niềm quyết tâm. Chị nhận lấy mảnh gỗ ở tay đứa con, lấy con dao to làm thức ăn và bắt đầu gọt đẽo gỗ. Con dao không tuân theo sự điều khiển của mẹ Vólôtka: nó lạng đi không như ý mẹ chú muốn, mà tùy theo hứng của nó - hết xiên rồi lại vẹo. Sau đó con dao trượt đi và cắt vào ngón tay mẹ. Máu chảy ra. Mẹ ném mảnh gỗ gọt đẽo dở dang sang bên cạnh và bảo con:

– Tốt hơn là mẹ sẽ mua cho con một con tàu nhỏ.

Nhưng Vólôtka lắc đầu.

– Con “ứ” thích tàu thủy mẹ mua. - Nó nói và nhặt mảnh gỗ ở sàn lên.

Bạn bè của nó có những con tàu nhỏ rất đẹp. Có cả ống khói, cả cánh buồm. Còn Vólôtka chỉ có một mảnh gỗ nham nhở đẽo gọt dở dang.

Nhưng chính cái mảnh gỗ kỳ cục được gọi là con tàu ấy lại đã đóng một vai trò rất quan trọng trong số phận của Vólôtka. Nó đã giúp cho

Vôlôtka tìm ra người bố.

Một lần Vôlôtka đi lại thơ thẩn ở hành lang trước căn hộ, tay cầm con tàu - mảnh gỗ, và chạm trán với bác hàng xóm Xécgây Ivanôvits. Bác hàng xóm là phi công. Suốt ngày này sang ngày khác, bác ấy bận công việc ngoài sân bay. Còn Vôlôtka thì “bận” ở trường mẫu giáo. Vì thế mà chú bé và người phi công không gặp nhau và hầu như không biết nhau.

– A, chào người anh em! - Xécgây Ivanôvits thấy Vôlôtka ở hành lang, liền lên tiếng chào.

Vôlôtka ngẩng đầu lên và chăm chú nhìn người hàng xóm. Bác ta mặc sơ mi trắng, còn quần dài và giày ủng của bác ta là quần dài và giày ủng của quân đội. Chiếc khăn mặt vắt vai.

– Xin chào! - Vôlôtka đáp lại.

Đối với mọi người, cả người lớn lẫn trẻ con, Vôlôtka đều xưng hô cộc lốc như vậy.

– Tại sao người anh em thơ thẩn một mình ở hành lang thế này? - Bác hàng xóm hỏi.

– Chơi!

– Sao người anh em không ra ngoài trời?

– Không được phép. Bị ho.

– Hẳn là tại đi giày không có bọc cao su sục vào vũng nước chứ gì?

– Không. Cháu ăn tuyết.

– Rõ.

Đến cuối câu chuyện xảy ra ở hành lang mờ mờ tối, bác hàng xóm nhận thấy mảnh gỗ trên tay Vôlôtka.

– Người anh em có cái gì ở tay thế?

– Con tàu nhỏ.

– Đây mà là con tàu ư? Đây là mảnh gỗ chứ đâu phải tàu bè gì. -

Bác hàng xóm nói và đưa ra một ý kiến. - Để đây làm cho người anh em một con tàu nhỏ bé.

– Nhưng đừng có làm hỏng gỗ đấy. - Vólôtka đe trước và đưa cho bác hàng xóm mảnh gỗ.

– Thế tên người anh em là gì nhỉ? - Vừa xem xét mảnh gỗ, bác hàng xóm vừa nhân tiện hỏi chú bé.

– Vólôdia.

– Vólôtka hả?

Vólôtka hay đấy. Mẹ vẫn gọi chú là Vólôdenka, vậy mà ở đây lại là Vólôtka. Hay lắm.

Trong lúc Vólôtka ngẫm nghĩ về cái tên gọi mới của mình, thì bác hàng xóm đã lấy ở túi ra một con dao gấp và khéo léo bắt đầu gọt mảnh gỗ.

Đây mới là một con tàu - một chiến hạm tuyệt vời làm sao! Cân đối, nhẵn nhụi, có ống khói ở giữa, có súng đại bác ở mũi. Đặt xuống sàn, tàu không đứng được mà đổ ềnh sang bên. Nhưng ở ngoài các vũng nước nó lại cảm thấy thật vững vàng, không có sóng nước nào lật đổ được nó. Bạn bè của Vólôtka ngồi xồm háo hức nhìn xem con tàu. Đứa nào cũng muốn sờ mó một tí. Giật sợi dây kéo một lần, Vólôtka hoan hỉ.

– Đừng có làm bắn nước! - Chú quát một thằng bạn, làm như thể con tàu phải kỵ nước không bằng.

– Đừng có kéo thế, lật tàu mất! - Chú nghiêm nghị đe một đứa bạn khác, mặc dù con tàu của chú là một con tàu vững chãi bậc nhất của hạm đội khu nhà.

– Ai làm cho cậu con tàu này thế? - Một đứa bạn hỏi Vólôtka.

Vólôtka ăng lạng. Sau đó hít thật nhiều không khí và mạnh bạo tuyên bố:

- Ba tớ!
- Nói láo! - Thằng bạn bảo nó. - Mà làm gì có ba!
- Không, có chứ! Có chứ! - Vólốtka trả lời một cách kiên quyết. - Ba tớ không chỉ làm cho tớ cái này thôi đâu.

* * *

Tối hôm ấy mẹ nhận ra đồ chơi mới của Vólốtka. Chị cầm con tàu nhỏ dưới sàn lên, chăm chú xem xét và hỏi:

- Con lấy ở đâu ra thế này?
- Ba làm cho con. - Vólốtka trả lời.
- Ba nào? - Mẹ chú ngạc nhiên nhú cặp lông mày. - Ba nào kia? Con không có ba...

Những lời cuối cùng người mẹ khó khăn lắm mới nói ra được, nhưng câu nói của mẹ không làm cho Vólốtka buồn rầu chút nào hết. Chú bé cãi lộn:

- Sao lại không có ba nhỉ. Có! Thì đến bọn con gái cũng có ba nữa là con là con trai.

Mẹ chú đành thôi không tranh cãi. Cặp mắt to buống bình của đứa con trai đang nhìn chị. Trong đó chứa chất bao nhiêu quyết tâm và nỗi tuyệt vọng làm cho chị phải nín lặng. Chị hiểu rằng trong đứa con trai nhỏ đã xuất hiện tính cách, rằng nó không chịu dễ dàng rút lui khỏi cái mà đáng là phần của nó, cái mà được chính bản chất thiên nhiên xác định.

Người mẹ cup mắt nhìn xuống và bỏ đi. Còn nó vẫn không rời khỏi chỗ đứng, con người bé nhỏ ấy, con người đang sẵn sàng tự vệ. Nó ôm chặt con tàu nhỏ của mình vào ngực, như thể có kẻ nào đó định cướp mất của nó báu vật này.

Xécgây Ivanôvits không hề ngờ rằng con tàu thủy nhỏ bé lại có thể làm được chuyện gì đó với người hàng xóm bé nhỏ. Và tất nhiên là anh không thể lại nghĩ rằng trong cuộc đi tìm bố mình, Vólôtka lại chọn chính anh.

Ở trường mẫu giáo về, Vólôtka hỏi mẹ:

– Ba có nhà không?

Người mẹ không trả lời gì hết. Khi đó, lựa thời cơ chú lên ra hành lang và đi đến trước cửa phòng bác hàng xóm. Chú lấy vai đẩy cửa. Cửa không mở, bố không có nhà.

Vólôtka không nản lòng. Bố không có nhà thì có gì ghê gớm chứ! Quan trọng là có bố.

Dần dần ở Vólôtka hình thành một quan niệm của mình về “ba”. “Ba” của chú sống ở căn phòng khác, ăn ở nhà ăn công cộng và tự mình đặt nước trà cho mình uống. Và nếu như “ba” bị đứt cúc áo thì “ba” tự khâu lấy. Và “ba” không phải xin phép ai khi “ba” ra đi cũng như khi “ba” trở về, Vólôtka cho rằng “ba” phải đúng như vậy.

Tình cờ một lần Vólôtka bị ốm khá nặng. Lần ấy chú ăn quá nhiều tuyết và thế là chú bị sốt nóng. Chú nằm trên giường và người nóng rùng rục. Chú có cảm giác rằng giường chú đang đặt trên lửa và lửa đang cháy gối, chăn, áo chú. Và người ta phải luôn luôn cặp nhiệt độ cho chú bởi vì sợ rằng không khéo thì cả chú cũng bị cháy sạch mất. Vólôtka không rên rỉ, không than thở, không đòi mẹ. Chú can đảm chịu đựng cơn bệnh. Chú hít mạnh. Đôi lúc chú phát ho, và khi ấy, trong ngực chú có một quả cầu ồng ọc xù xì lăn qua lăn lại.

Suốt ngày bà cụ ở căn hộ bên cạnh sang ngồi bên giường Vólôtka. Bà cụ muốn cho Vólôtka ngủ, vì thế bà cụ kể chuyện cổ tích. Cuối cùng thì Vólôtka không ngủ mà chính bà cụ lại ngủ thiếp đi.

Buổi tối khi mẹ đi làm về, bà cụ sẵn sàng đứng dậy và bỏ về phòng của mình.

Có mẹ ở nhà vui hơn nhiều. Mẹ đi lại, mang cái gì đó vào, đưa cái gì đó ra, đánh rơi xuống sàn nhà. Làm cho Vólôtka phát ngán, hết cho chú uống thuốc, lại uống thuốc, lại uống nước quả ép chua chua. Mẹ đặt bàn tay mát lạnh lên trán Vólôtka. Việc đó thì thích đây. Mẹ lật “mặt lạnh” của gối lên - việc đó cũng thích. Chỉ có điều đáng tiếc là mặt gối chẳng mấy lúc lại nóng ran lên.

Mẹ cứ luôn luôn hỏi:

– Con có đau đầu không? Con muốn ăn gì? Con thích gì?

Nhưng Vólôtka chẳng muốn gì cả. Chú không biết rằng do tuyết lạnh mà lại nóng như thế này và nôn nao quá. Chú im lặng.

Nhưng đột nhiên chú bé bảo:

– Mẹ ơi, mẹ gọi ba cho con.

Người mẹ quay ra cửa sổ. Chị làm ra bộ không nghe thấy lời đề nghị của đứa con. Chị hy vọng rằng nó sẽ quên điều đề nghị ấy.

Nhưng, chờ đợi một lát Vólôtka nhắc lại:

– Mẹ gọi ba cho con.

Người mẹ đứng ngây ra bất động. Chị đứng xoay lưng về phía con, và đứa bé không nhận thấy bộ mặt của chị trở nên bất lực như thế nào, còn đôi mắt chị ứa tràn lệ. Chị có thể làm nhiều việc cho đứa con trai. Tặng cho nó thứ đồ chơi đắt tiền, mua cho nó món quà thật ngon. Có thể vì nó mà làm lụng suốt từ sáng đến tối khuya. Có thể truyền cho nó máu của mình, cuộc đời mình. Nhưng chị biết lấy đâu ra người bố cho nó? Lấy đâu ra, một khi Vólôtka quả thực không có bố?

Nhưng Vólôtka chờ đợi chị đi gọi “ba” và chị đã bước đi. Chị đi ra hành lang và chậm chạp đi đến cửa phòng người hàng xóm. Chị đến gặp một người xa lạ để đề nghị người ấy trở thành “ba” của đứa con chị trong chốc lát.

Nén hết nổi sỉ nhục và hổ thẹn, chị gõ cửa phòng người hàng xóm.

– Xin mời! - Có tiếng đáp lại ở bên trong.

Người mẹ có cảm giác giọng trả lời gay gắt và thiếu niềm nở. Và vì thế mà chị thấy càng khó khăn hơn. Nhưng dù sao đi nữa chị vẫn đẩy cửa vào.

Người hàng xóm đang ngồi sau bàn và uống nước trà. Chắc hẳn là anh vừa trở về, bởi vì anh vẫn còn đi giày ủng và mặc áo sơ mi màu xanh ngụy trang, cổ thắt cà vạt màu đen. Anh vừa uống nước trà vừa đọc báo. Khi người mẹ mở cửa, anh ngược mắt ngạc nhiên nhìn và đứng dậy, tay vẫn không rời tờ báo và cốc nước. Anh không đưa ghế ra mời khách và thậm chí cũng không mời khách vào phòng. Người đàn bà đứng sững lại bên ngưỡng cửa.

– Xécgây Ivanôvits, - Người mẹ lên tiếng và giọng của chị run lên, dường như có gì đó bị tan vỡ. - Xécgây Ivanôvits, cháu nó gọi đồng chí là bố. Tôi cũng không biết tại sao đầu óc cháu lại nảy ra cái chuyện đó... Cháu nó còn nhỏ lại ngốc nghếch...

Người mẹ nói, còn người hàng xóm bối rối nhìn chị và gật đầu. Có cảm giác chuyện đang nói không phải về anh mà về một người nào khác. Anh vẫn chưa hiểu người ta cần gì ở anh.

– Mà hiện nay, - Người mẹ nói tiếp. - cháu đang ốm. Và cháu gọi đồng chí.

Người mẹ im lặng cúi đầu. Chị chờ đợi xem người hàng xóm sẽ trả lời chị thế nào. Còn người hàng xóm chẳng nói chẳng rằng. Nhưng anh bỗng cuống quýt tất bật: đặt cái cốc nước trà xuống bàn, ném tờ báo xuống chiếc đi văng, và không hiểu tại sao lại khoác lên người chiếc áo quân phục.

– Tôi sang ngay đây. - Anh lúng búng nói.

Tại sao anh cần phải mặc thêm chiếc áo quân phục có quân hàm chính tề, có phải cấp trên gọi đầu kia chứ.

Anh đi theo người mẹ.

Thận trọng, dường như sợ làm kinh động, anh đi đến bên chiếc giường con của Vólôtka và cúi xuống, sẽ hỏi:

– Người anh em ôm đây à?

Vólôtka gật đầu. Cặp mắt đau ốm của chú sung sướng sáng lên. Chú chống khuỷu tay nhồm dậy và hỏi:

– Ba bay cao chứ?

– Cao, người anh em ạ. - “Ba” trả lời.

– Cao hơn cả Xaprunốp ư?

Người hàng xóm nhếch miệng cười:

– A, hóa ra người anh em biết Xaprunốp ư? Quen anh ta hả?

Vólôtka lắc đầu. Chú không quen biết người phi công lừng danh của thị trấn quân sự. Chú mới chỉ được nghe về người ấy.

– Đây hiện còn chưa bay cao hơn Xaprunốp, - Người hàng xóm thú nhận. - nhưng cũng ít nhiều cào gậy bầu trời.

Vólôtka tưởng tượng ra “ba” lấy móng tay cào gậy bầu trời. Và chú bé liếc nhìn bàn tay người phi công, móng tay của người phi công cắt ngắn. “Móng tay thế này thì khó mà cào gậy bầu trời được”, - Vólôtka nghĩ thầm.

Từ lúc Xécgây Ivanôvits tới, chú bé tỉnh táo hẳn ra. Hẳn là, khi có bố bên cạnh thì chẳng có bệnh tình nào đáng sợ hết. Người mẹ đi sang căn bếp. Và còn lại có hai người: đứa con trai và “bố” nó.

Xécgây Ivanôvits vốn là người độc thân, anh chưa bao giờ có gia đình riêng, chưa bao giờ có con cái. Và anh đối với trẻ con không phải với thái độ khó chịu của một kẻ độc thân mãi mê công việc, mà như thể người ta đối với một vật quý của người khác mỏng manh rất dễ vỡ: bao giờ họ cũng cầm lên tay thật nhẹ, cố gắng sao để không vô ý đánh rơi. Nhưng với Vólôtka, anh đối xử một cách mạnh bạo. Anh đặt tay lên trán rồi xoay người chú bé đặt nằm sang phía khác, thậm chí anh

còn định kể chuyện cổ tích.

Chuyện cổ tích của anh thành ra chuyện truyền thuyết: về máy bay, người thợ máy và vị tướng...

Một tình cảm mới mẻ, chưa từng biết rứt rề len vào trái tim nghiêm khắc của một con người chỉ quen tiếp xúc với binh sĩ và máy móc.

Nhìn chú bé Vólôtka bé bỏng đang hùng hực trong cơn sốt nóng, anh bỗng nhận ra mình sẵn sàng ôm thay cho chú bé: đối với anh thì có gì đáng kể, nhưng với chú bé thì cực quá.

Lúc đó đã muộn rồi, người hàng xóm sửa soạn ra về. Nhưng Vólôtka chộp lấy tay anh:

– Ba, ba đừng đi!

Chú bé nắm lấy tay Xécgây Ivanôvits, tựa hồ bàn tay đàn ông khỏe mạnh này chính là cuộc sống của chú, và nếu thiếu nó thì chung quanh sẽ mất hết ý nghĩa.

– Ờ, đây không bỏ đi đâu, - Xécgây Ivanôvits bồi rồi nói. - nhưng người anh em ngủ đi.

Nhưng Vólôtka lại sợ ngủ thiếp đi mất, mặc dù mắt chú đã riu lại. “Mình mà ngủ là ba đi mất” - chú bé nghĩ vậy và gắng sức mở to đôi mắt. Còn môi chú se se thì thào:

– Ba đừng đi... Con sẽ không ăn tuyết nữa. Cả hàng rào con cũng sẽ không bao giờ trèo lên nữa... Cả xúp con cũng sẽ ăn hết... Ba không đi chứ? Hà ba?

Và mơ mơ màng màng chú nghe thấy giọng nói bình tĩnh của Xécgây Ivanôvits:

– Ừ, không đi, không đi đâu.

Cuối cùng Vólôtka thiếp ngủ mất. Chú thiếp ngủ, tay vẫn không rời bàn tay của “ba”.

Vào những ngày hiểm hoi khi Vólôtka bắt gặp “bố” ở nhà, chú cố

gắng làm sao được ở bên “bố” thật lâu. Và Xécgây Ivanôvits với một sự chịu đựng kiên nhẫn đã thỏa mãn mọi điều ước muốn của đứa “con trai” mới xuất hiện của mình.

– Này. - Vólôtka bảo (bao giờ chú cũng nói với Xécgây Ivanôvits: “này”). - Này, cho con nhong nhong đi.

– Gì kia?

– Cho con nhong nhong. - Vólôtka thản nhiên nhắc lại và bắt đầu leo lên vai Xécgây Ivanôvits.

Và người hàng xóm ngoan ngoãn để chú bé ngồi lên hai vai. Sau đó, cảm thấy “kỵ sĩ” đã ngồi chắc chắn, anh bắt đầu đi quanh phòng.

– Phi nhanh! - “Kỵ sĩ” ra lệnh và đưa hai tay ôm chặt lấy cổ “con ngựa” của mình.

Sau đó Vólôtka đề nghị:

– Ba đến đón con ở mẫu giáo. Thứ bảy các ba đều đón bạn con.

Xécgây Ivanôvits đưa tay gỡ đầu, tuy nhiên anh cũng hứa sẽ đến đón Vólôtka và anh đã giữ lời hứa.

Một chiều cô bảo mẫu vào căn phòng nơi Vólôtka đang chơi với các bạn và gọi to:

– Prenhiakốp, bố đến đón cháu kìa.

Vólôtka đỏ mặt lên vì sung sướng và lao ra cửa như một đường đạn. Ở đây “bố” đang ngồi trên ghế đi vắng. “Bố” mặc áo capôt, còn chiếc mũ kêpi có hình “cái bắp cải” mạ vàng đặt trên đùi. Dáng điệu của “bố” rất trang trọng và hoan hỉ. Vólôtka chạy đến và kéo tay “bố”, còn “bố” thì co lại. “Bố” cảm thấy lúng túng vụng về giữa những chiếc bàn ghế con con và những cái mắc áo treo những chiếc áo măng tô ngắn ngủn.

Rồi sau đó hai người đi bên nhau trên đường phố của thị trấn quân sự, và Vólôtka bấu chặt tay “bố”. Chú bé cố bước những bước thật dài

để không tụt lại sau “bố”. Và luôn luôn chú nhìn ngang nhìn ngửa. Chú muốn sao các bạn và người quen của chú nhìn thấy: chú đang đi với “bố”. Sau đó thì sẽ không thể còn một kẻ nào dám bảo: “Nói láo, mày không có bố”!

Nhiều người quen biết Xécgây Ivanôvits, và khi gặp nhau trên đường họ đều gật đầu hoặc đưa tay lên mũ chào anh. Điều đó cũng làm cho Vólôtka thích thú.

Một phi công quen biết hỏi sau khi chào Xécgây Ivanôvits:

– Con trai hả?

Xécgây Ivanôvits im lặng, nhưng sau đó từ trên cao ngó nhìn Vólôtka, anh trả lời:

– Con trai.

Anh nói câu đó như thách thức, làm như thể người phi công quen vừa hỏi anh có ý châm chọc, còn anh thì trả miếng lại vậy.

Nhưng Vólôtka không chú ý đến thái độ “bố” trả lời thế nào. Hai người bước đi tiếp, và Vólôtka thấy thật sung sướng.

* * *

Trường mẫu giáo nằm sát rìa thị trấn quân sự. Sau hàng rào thấp đủ màu sắc bắt đầu là thảo nguyên. Mùa đông tuyết phủ kín và không trông thấy hàng rào đâu. Mùa hè cỏ thảo nguyên mọc lút các cọc rào.

Còn ở giữa thảo nguyên là sân bay. Cái sân bay thức suốt ngày đêm, náo động, sống cuộc sống quyền rũ nhưng nguy hiểm của mình.

Từ đó những chiếc máy bay màu bạc với những đôi cánh xuôi về phía sau như hai cánh tay để ở tư thế sắp nhảy lao lên bầu trời. Có cảm giác ở dưới mặt đất những chiếc máy bay đó không có gì để thờ, vì thể chúng sung sướng gầm rít lao vào bầu trời xanh thăm thẳm, nơi có

thể hít thở căng lồng ngực vậy. Rồi khi những bàn tay dững cảm của người phi công đưa máy bay lên rất cao, trên trời chỉ còn in một vết màu trắng, tươi mát, ở dưới đất chỗ nào cũng nhìn thấy rõ.

Có lần cao tít trên đầu bóng vang lên một tiếng nổ chói chói. Người mới ở nơi khác đến giật mình, đưa mắt tìm kiếm dấu vết vụ nổ ở trên không... Nhưng dân của thị trấn quân sự vẫn bình thản như thường. Họ biết rằng chẳng có vụ nổ nào hết. Chẳng qua ở tầng cao tít tắp mắt người không nhìn thấu, một trong những máy bay màu bạc vừa vượt qua cái giới hạn thanh âm và tăng tốc nhanh hơn tiếng động. Đó không phải là vụ nổ, mà là một cú giáng của đôi cánh hùng mạnh.

Các máy bay đi và lại trở về sân bay tiễn đưa và chờ đón.

Và ngày lại ngày cứ như vậy.

Khi xảy ra chuyện kia thì tại trường mẫu giáo đang giờ nghỉ trưa, các cháu đang ngủ. Và Vôlốtka cũng đang ngủ ngon lành, bởi vì tiếng rít của các máy bay chiến đấu không cản trở giấc ngủ của con trai người phi công.

Vôlốtka ngủ, còn lúc đó Xécgây Ivanôvits ở trên trời.

Anh đã lên tới tầng cao thăm, nơi bầu trời đã không còn là màu xanh lam, mà tối mù, và người ta bảo, ngay ban ngày cũng nhìn thấy rõ các vì sao. Ở đó bầu trời không còn thuộc trái đất, và ở đó con người của trái đất không có gì để thở. Anh phải thở bằng ôxi mang theo. Và cả máy móc ở đây cũng hoạt động không dễ dàng gì, nó cũng thiếu không khí: đôi cánh của nó mất điểm tựa.

Khi anh thực hiện những động tác điều khiển máy bay, thân thể' của anh trở nên nặng nề. Khó có thể' nhấc tay lên được. Hai mắt trĩu xuống như bị đổ chì. Anh có cảm giác máy bay bắt người lái tuân theo ý nó và nó quyết định không trở về mặt đất nữa.

Những tiếng nói mặt đất hạ lệnh:

– Hạ thấp!

Và bầu trời đã trả lời mặt đất:

– Tôi đã hiểu mệnh lệnh.

Quý thật, máy bay chỉ huy người lái!

Bằng những động tác không vội vàng, người phi công đẩy cần điều khiển ra xa và giảm vòng động cơ, và chiếc máy bay như đã bị chế ngự, ngoan ngoãn quay khỏi các vì sao trở về trái đất.

Một giọt mồ hôi nhỏ ra trên trán anh và anh không thể nào lấy bàn tay mà lau đi bởi vì rằng gương mặt anh ẩn sau mặt kính trong của chiếc mũ bảo hiểm trùm kín. Anh nghĩ bụng khi nào xuống tới đất, thế nào anh cũng phải lau ngay giọt nước khó chịu này. Những chiếc kim đồng hồ máy móc sẽ rung rinh, muốn bảo rằng chúng đâu có ngủ im. Trái đất gần lại.

Và đến đây đột nhiên đèn đỏ báo động lóe lên - Tín hiệu cháy.

Anh lập tức quên khuấy ngay về giọt mồ hôi. Anh bắt đầu kiểm tra, liệu cái “gã thần kinh” (anh em phi công thường gọi đùa cái tín hiệu cháy, thường hay báo động hão) có láo lếu không đây. Nhưng lần này “gã thần kinh” không nhầm. Người phi công tắt động cơ đang cháy và báo cáo cho mặt đất:

– Động cơ phải bị cháy.

– Đồng chí thử dập lửa! - Mặt đất hạ lệnh.

Bây giờ chiếc máy bay vun vút hạ xuống thấp. Có cảm giác nó bị rơi. Anh dập đám cháy. Anh muốn dứt bỏ khỏi mình ngọn lửa đang như một mảnh vải đỏ dính nhớp lật phật cạnh vòi phun bên phải. Nhưng cả dòng không khí bay ngược lại, cả ống chữa cháy tự động đều không chế ngự được ngọn lửa, nó bám vào máy bay mới chặt làm sao. Ngọn lửa đốt cháy động cơ thấy còn ít, và nó lan ra thân máy bay.

Chiếc máy bay cháy mất độ cao.

Và đột nhiên anh phi công cảm thấy cần điều khiển bị mất độ đàn

hồi của nó. Nó lúc lắc một cách bất lực, và chiếc máy bay không thi hành các mệnh lệnh dành cho nó.

Anh phi công hiểu rằng đã xảy ra cái điều khủng khiếp nhất: các dây kéo tay lái đã bị cháy cả. Tay lái không còn điều khiển được nữa. Còn chiếc máy bay đang rơi xuống rìa thị trấn quân sự.

Khi anh báo cáo tình hình cho mặt đất, từ đó mệnh lệnh đưa tới:

– Xaprunốp! Rời máy bay. Nhảy dù!

Nhưng anh đáp lại:

– Tôi không thể nhảy dù.

– Quý thật! Xaprunốp!

Tiếng nói của người chỉ huy oang oang trong ống nghe. Nhưng anh phi công im lặng. Anh không có thời giờ nói chuyện! Chiếc máy bay rơi xuống khu ô vuông nhỏ bằng phẳng, nơi giữa những nhà cửa khác có cái trường mẫu giáo.

Cái khu ô vuông ấy với một sức mạnh không lay chuyển tiến gần đến anh mỗi lúc một to ra, một rõ thêm. Nó như một hòn nam châm cứ hút miết chiếc máy bay bị hỏng hết cần lái.

– Xaprunốp, - Mặt đất gào lên. - Xaprunốp!

Anh lặng thinh. Anh không trả lời và mặt đất cho rằng anh đã chết nhưng Xaprunốp đang vật lộn.

Còn Vôlốtka trong lúc đó vẫn ngủ say.

Không ai biết rằng con người ấy nghĩ gì khi nhìn thẳng vào mắt thần chết, anh có những suy nghĩ gì trong những giây phút cuối cùng mà cuộc sống còn cho anh. Không ai có thể bảo đảm rằng người “bố” của Vôlốtka trong chiếc máy bay cháy nghĩ tới đứa con trai của anh. Nhưng có những cử động của trái tim con người mạnh hơn ý nghĩ và nồng nhiệt hơn tình cảm. Trong những cử động ấy là tình yêu và lý trí, sự quấy rầy và âu yếm đột nhiên chuyển thành sức mạnh, và trước mắt

sức mạnh ấy, tất cả sự sợ hãi, ngờ vực, lòng ích kỷ đều bất lực.

Anh vẫn lái được chiếc máy bay cháy tránh khu nhà trường mẫu giáo. Điều đó xảy ra ở gần sát mặt đất. Anh đã thả hết các vòng quay của động cơ còn lành lặn, và máy bay đã bị lái tránh sang bên. Đường như anh lái chiếc máy bay tránh đi được không phải bằng sức mạnh của chiếc động cơ mà bằng ngực mình, hai tay, những nhịp đập cuối cùng của trái tim mình.

Anh không kịp nhảy dù nữa: độ cao không còn đủ.

* * *

Kỷ ức của con người không giống một bà già mà bạ cái gì vớ được cũng nhét cả vào cái giỏ của mình. Nó là một bậc thông thái biết chọn lọc, trước khi lấy mang đi một cái gì đó của đời anh, nó còn ngẫm nghĩa chán chê, cân lượng trên lòng bàn tay, suy đi tính lại: lấy hay không lấy.

Vì thế Vôlốtka Prexnhiakốp, sống ở phố nhỏ chòi gác rơm rạ biết rất ít về Vôlốtka ở thị trấn quân sự xa xưa. Đường như chúng không chỉ là một bộ mặt mà là hai kẻ khác biệt nhau.

Chỉ có một lần “ba” làm cho Vôlốtka bé nhỏ chiếc tàu thủy con con, nhưng Vôlốtka lớn lại tin rằng “ba” đã làm cho chú cả một hạm đội nhiều con tàu. Chỉ có một lần Vôlốtka thiếp ngủ tay không rời bàn tay lớn của “ba”, mà kỷ ức lại khẳng định rằng gần như ngày ngày chú ngủ, tay nắm tay ba. Chỉ có một lần người phi công ấy đến trường mẫu giáo đón cậu con trai, mà kỷ ức thầm thì bảo rằng việc đó đã diễn ra hàng ngày.

Có thể, kỷ ức con người thêm thất chút ít chăng? Mà có thể nó chọn ra điều chủ yếu và phóng đại điều đó lên đến mức suốt đời có thể nhìn thấy rõ?

Khi anh hy sinh, Vólôtka còn bé tí. Thậm chí chú không được biết ngay về cái chết của “ba”. Một chiếc máy bay nào đó bị tan xác. Một phi công nào đó bị hy sinh. Thị trấn quân sự để tang: Ở đây trong mỗi nhà đều có phi công, và với mỗi người trong số đó có thể xảy ra chuyện tương tự... Nhưng ở trường mẫu giáo cuộc sống vẫn diễn ra như lệ thường, như không hề có chuyện gì xảy ra cả.

Đi mẫu giáo về, Vólôtka đến gõ cửa phòng “ba”. Nhưng không ai trả lời. Vólôtka không ngạc nhiên về điều ấy. “Ba” thường vắng nhà: công việc của “ba” là như vậy.

Nhưng việc “ba” vắng thật lâu ngày cuối cùng cũng bắt đầu làm chú bé lo lắng. Và một lần chú đã hỏi mẹ:

– Ba đi đâu nhỉ?

Người mẹ chú không trả lời câu hỏi đó.

Hoặc giả chị quay đi chỗ khác, hoặc giả chị bỏ vào bếp. Nhưng lần này mẹ chú không quay đi và cũng không bỏ đi. Chị nắm lấy hai vai Vólôtka kéo chú lại bên mình và chăm chú nhìn vào cặp mắt chú. Sau đó ôm chặt con vào lòng và bảo:

– “Ba” con đã hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ.

Vólôtka không hiểu “hy sinh” là thế nào và sao lại “trong khi thi hành nhiệm vụ” nữa? Chú hỏi:

– Thế bao giờ ba về?

– Không bao giờ cả. - Mẹ chú nói và ôm chặt chú vào lòng.

Vólôtka tuột khỏi vòng tay ôm của mẹ và nghi ngờ nhìn vào mắt mẹ: “không bao giờ” là thế nào kia chứ?

– Ba lên xe ô tô đi hay bay đi? - Vólôtka hỏi.

– “Ba” hy sinh, - Mẹ chú nhắc lại. - chết. Con hiểu không? Không bao giờ con có “ba” nữa.

– Thế còn con thì sao? - Vólôtka lấp bắp và đã định òa khóc, nhưng

mẹ chú liền nói:

– Ba con là anh hùng.

Cái từ “anh hùng” đã làm cho chú bé yếu lòng. Cái từ đó không thể gắn với nước mắt. Rồi sau đó thì mẹ chú và chú rời khỏi thị trấn quân sự về Mátxcova sống với bà.

Bây giờ Vólốtka đã là một cậu chàng lớn tự lập. Chú đã hiểu mọi chuyện: cả thể nào là “hy sinh”, thể nào là “trong khi thi hành nhiệm vụ”. Và chú yêu bố mình, mặc dù biết người ấy một thời gian không bao lâu. Và chú không thấy buồn nhớ bố, chỉ luôn nhìn lên bức ảnh treo trên đầu giường. Chú ngắm nghía cặp lông mày không đều và đường trũng trên hàng môi trên, và cái sẹo trên trán. Mà có thể đó không phải là cái sẹo mà là một món tóc dính bết xuống trán trong chuyến bay gian khó?

Kể ra thì Vólốtka hoàn toàn chẳng giống gì bố chú. Hai gò má của chú không rộng và cặp mắt không hẹp. Cặp mắt của Vólốtka to tướng. Nhưng có thể nheo bớt cho bé lại mà. Còn đôi gò má có thể xuất hiện khi chú lớn lên. Chúng sẽ to ra. Vì con người còn lớn cho đến tuổi hai mươi kia mà.

Vả lại hoàn toàn không nhất thiết là mặt mũi con trai phải giống bố mình. Chú có thể giống mẹ. Điều chủ yếu là tính tình phải là tính tình bố.

* * *

Không, không phải ngẫu nhiên mà tấm ảnh treo trên giường Vólốtka tôi lại thấy quen thuộc, đó chính là phi công Xaprunốp. Điều đó không thể có gì nghi ngờ. Đó chính là anh phi công Xaprunốp nổi tiếng đã bay tới tận trời tối đen và hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ. Chính anh đã cứu sống hàng trăm trẻ em bằng cái giá cuộc đời của

mình.

Tôi chuyển cái nhìn từ bức ảnh sang Vôlốtka và hỏi:

– Thế họ của ba chú là gì nhỉ?

Vôlốtka nhìn tôi bằng cặp mắt lạnh lùng.

– Prexnhiakốp. - Chú nói và trong giọng của chú đầy vẻ tự tin. - Đại úy Prexnhiakốp. Thì cha với con bao giờ chẳng cùng một họ.

Cuộc Sống Đã Rịp Thời Bỏ Khuyết

Sumâyco, phóng viên nhiếp ảnh một tờ báo thủ đô, bước xuống ga xếp “Vùng mỏ” vào lúc trời đã chạng vạng tối. Anh lục tìm cuốn sổ tay trong tất cả túi áo nhưng đáng tiếc là không thấy đâu. “Chắc là mình quên không bỏ vào túi bộ quần áo đi đường mất rồi!” - anh nghĩ bụng. “Làm sao bây giờ? Đành phải liệu cách xoay xở vậy”.

Sumâyco nhận nhiệm vụ về một mỏ than, hình như mỏ “Trung tâm” thì phải. Mà cũng có thể là mỏ “Trung ương” cũng nên? Nhưng vấn đề đó kể ra cũng chẳng quan trọng lắm, vì anh biết rằng đây là một mỏ than tiên tiến của cả vùng, có nghĩa là bất kỳ một người dân địa phương nào cũng có thể chỉ cho anh được. Sumâyco có nhiệm vụ chụp một số ảnh cho bài phóng sự “Mùa xuân trên vùng mỏ Đônghét”. Bài này đã viết xong, trên khuôn báo ra ngày mồng một tháng năm đã dành sẵn chỗ để đăng và còn dành cả chỗ cho những bức ảnh minh họa nữa.

Sumâyco làm theo đúng lời dặn của tác giả bài phóng sự mấy hôm trước đã đến đây. Anh rẽ ra một bãi trống bên cạnh nhà ga và tìm ngay được xe đi nhờ.

– Thế anh muốn về mỏ nào? - Người đánh xe ngựa ngồi trên ghế quay lại hỏi anh. Đó là một ông lão mặc áo mưa, đi đôi ủng nỉ mùa đông, phần dưới bọc một lớp cao su đỏ trông tựa giày mưa, mặc dù bây giờ đã là tiết tháng tư.

– Dạ, cháu muốn về mỏ “Trung tâm” ạ! - Sumâyco nói hú họa.

– Thật vừa dịp, lão là người ở đấy ra đây. - Ông lão đánh xe ngựa cầm roi chỉ về phía chân trời mờ mờ khói tỏa.

Ông lão quất ngựa và chiếc xe lao xuống bên rệ đường, rồi phóng

bằng bằng trên con đường chạy qua thảo nguyên, đây đó rắc lổm đổm bụi than.

Ông lão đánh xe tỏ ra một người rất hay chuyện và hiểu biết nhiều. Ông liền kể rằng ông vừa mới chở “ông chủ” ra ga, tức là chở ông thủ trưởng của mỏ ra tàu để đi an dưỡng. Còn ông thì tên là Anicây Gavrilôvich trước kia đã từng bốn chục năm liền làm thợ ở mỏ này, nhưng nay thì “được cử biệt phái ra coi ngựa”. Sau khi nói một vài nét ngắn gọn về bản thân mình, ông còn bày tỏ sự thông thái của mình về những vấn đề rộng hơn như: bàn về khối Bắc Đại Tây Dương, về năng lượng nguyên tử, về cuộc sống trên những hành tinh khác...

Sumây cô cũng trở hết tài năng ra tiếp chuyện, sau đó anh lái câu chuyện sang chủ đề khác, bởi vì anh vẫn chưa vững tin là mình đang trên đường đi đến đúng cái mỏ than mà anh được cử tới. Anh khéo léo vận dụng một vài hiểu biết ít ỏi mà anh còn nhớ được, như một người hành hương lần mò đường đi của mình theo các vì sao để tiến dần tới đích.

– Bố ơi, - Anh hỏi. - gia đình ông Mácchiukhin hay là Alêkhin gì đó hiện nay sống thế nào? Bố có biết không, cái tổ đội lao động... của những thợ lò ấy mà... Ông bố là một công nhân mỏ tiên tiến, tổ trưởng đội lao động và hai người con trai cũng cùng làm việc với ông ấy mà.

– À, à... - Ông Anicây trả lời, phần khởi vì cho mình đã đoán ra gia đình Pakhomốp. - Vẫn công tác bình thường, vẫn hăng hái. Hình như cậu con út mới tìm được người yêu thì phải. Có lẽ dịp nghỉ lễ này họ tổ chức đấy. Nghe nói người yêu là một cô gái có văn hóa... Gớm! Cái con ngựa chết tiệt này! Lại nhảy lên chồm chồm! - Ông Anicây càu nhàu và quất cho con ngựa một roi.

– Bố ơi, thanh niên ở mỏ ta hoạt động thế nào hả bố, họ tham gia câu lạc bộ và chuẩn bị cho ngày lễ đấy chứ?

- Gớm, cái con ranh này! - Ông lão cầu nhàu mắng, khi nhận thấy con ngựa đi bên có ý kháng khác. - Anh nói gì cơ? - Ông quay sang hỏi.

Sumây cô nhắc lại câu hỏi của mình.

- Bọn thanh niên họ còn phải làm gì nữa cơ chứ? - Anicây triết lý. - Họ chỉ múa và hát thôi. Giờ đây thì họ có điều kiện rồi. - Ngừng một lát, ông nói tiếp. - Đâu có phải như trước kia: có khi phải kéo xe than suốt mười hai tiếng đồng hồ liền hoặc đứng bỏ cuộc chim mồi rời cả chân. Còn bây giờ thử coi xem, họ đi lại đường hoàng chừng chặc như thế đó. Tại sao vậy? - Anicây hỏi rồi quay lại phía Sumây cô để tin chắc là anh vẫn nghe ông nói. - Vấn đề hết sức đơn giản: nhờ có máy móc nên người thợ mỏ đã đứng thẳng.

- Ở mỏ ta có máy khai thác than liên hợp không hả boss? - Sumây cô hồ hởi hỏi, bắt đầu dần dần tin là mình đi đúng hướng.

- Sao lại không? Có chứ, mà không phải chỉ một chiếc đâu. Con ranh này, quay đi đâu thế?! Tôi nói là không phải chỉ có một. Chỗ nào cũng sục tới được cả. Loại máy lợi hại lắm.

- Thế còn sân vận động đã đến đâu rồi? - Anh phóng viên hỏi, muốn tỏ cho ông lão đánh xe biết sự am hiểu tường tận của mình về cuộc sống ở địa phương.

- Chẳng nói giấu làm gì. - Anicây buông một câu trong bóng tối. - Tôi là tôi không thích cái môn thể dục thể thao cho lắm. Chỉ thấy là người ta chở gổ về và bà con cùng với anh em thanh niên vác cuốc xẻng đi làm, còn như ở đây ra làm sao rồi thì tôi không có để ý.

Ông già lặng thinh, kéo căng dây cương và bắt đầu nhìn chăm chú xuống dưới bánh xe. Vó ngựa đập lộp cộp trên ván lát mặt chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối hoặc một vực nước gì đó vì trời tối nên không thấy rõ.

Những đóm đèn xóm thợ ban đầu nhấp nháy mờ ảo ở phía xa, rồi

mỗi lúc một tiến lại gần thêm và sáng hơn.

Thoang thoang mùi chua chua của than xỉ. Sumâyco thấy ngôi sao năm cánh màu đỏ sáng rực trên đỉnh tháp cao và nó đã có tác động mãnh liệt đối với anh: giờ đây anh tin tưởng chắc chắn rằng đây chính là mỏ than mà anh cần phải tới.

Công nhân mỏ đón tiếp vị khách từ thủ đô về thăm với thái độ hết sức nhiệt tình. Sau khi được biết rằng khách chỉ lưu lại có một ngày, họ hết sức cố gắng giúp đỡ anh. Họ giới thiệu với anh những danh lam thắng cảnh của vùng quê họ, theo yêu cầu của anh, họ diện bộ quần áo đại lễ của công nhân mỏ vào, rồi lại thay quần áo lao động, cầm cuốc chim đứng trước đồng than lù lù như trái núi để chụp ảnh, mặc dù biết rõ rằng người thợ mỏ chưa bao giờ phải dùng tới cuốc chim trên mặt đất này cả, họ để cho anh chụp cảnh họ đoàn tụ gia đình và làm việc ở dưới đất nữa... Ai cũng ngạc nhiên vì thái độ hồi hã của khách.

Sumâyco lanh lẹn như một cậu bé trèo tốt lên đỉnh một đồng than ngắm nhìn quang cảnh chung quanh xóm thợ.

– Không, không được: từ góc độ này mây và vườn cây không ăn ảnh lắm! - Anh thất vọng nói với đồng chí bí thư đảng ủy mỏ đi hộ tổng mà đồng chí này hoàn toàn không hiểu tí gì trong câu nói đó. Quả vậy: “Mây không ăn ảnh” nghĩa là gì cơ chứ?

Không hỏi ý kiến ai và coi thường cả những cơn gió đầu xuân thổi giật từng hồi, nhà phóng viên nhiếp ảnh lại trèo lên ống khói theo những bậc thang bằng móc sắt để ngắm nhìn quang cảnh chung quanh. Mọi người có mặt trong sân lúc đó đều lo lắng cho tính mạng của anh.

Sau khi tụt xuống đất, Sumâyco thất vọng nói với người bạn đường:

– Không có gì đáng chụp cả: cảnh hoang vu quá.

Sau đó anh lần từng bậc theo chiếc thang sắt nhỏ dẫn lên một cái tháp cao của mỏ. Lên tới chỗ những chiếc vành đai của cầu vận chính

đang quay, Sumâyco ra hiệu ngừng hoạt động. Anh đưa máy ảnh về phía xóm thợ và chụp lia lịa.

Trước khi trời tối anh còn kịp chụp thêm quang cảnh sinh hoạt ở trường công nghiệp mở lại vườn, tại trại thăm dò địa chất nằm giữa thảo nguyên và cuối cùng, để lưu niệm lại cho trần thế, anh chụp ông lão đánh xe Anicây đầy vẻ hãnh diện và là người đưa anh ra ga đi chuyển tàu đêm.

* * *

Sumâyco về tới tòa soạn vào đúng lúc số báo kỷ niệm mừng một tháng năm vừa mới xếp chữ xong. Các bạn cho anh biết đồng chí tổng biên tập đang mỏi mắt chờ những tấm ảnh của anh. Trong lòng phấn khởi vì tin đó, anh giật mạnh cánh cửa phòng làm việc của đồng chí thư ký tòa soạn và cũng với một vẻ trịnh trọng như vậy báo cáo:

– Báo cáo, mở “Trung tâm” đã về.

– Không phải “Trung tâm”, mà là “Trung ương” kia. - Đồng chí thư ký thân nhiên đáp lại rồi vội vàng chìa một tay ra bắt, tay kia đưa lên sửa lại đôi kính đang tụt xuống.

– Tại sao lại “Trung ương”? - Sumâyco bối rối hỏi lại và vẻ mặt trịnh trọng của anh vụt biến mất.

– Bởi vì bài phóng sự của chúng tôi viết về mở “Trung ương”!

– Thế mà tôi lại đến mở “Trung tâm”. - Sumâyco nói với giọng của một cậu bé phạm lỗi.

– Anh bạn thân mến ơi! - Đồng chí thư ký kéo dài giọng đến nỗi Sumâyco cảm thấy sồn cả gai ốc. - Số báo của chúng tôi đã lên khuôn rồi! Lại còn chưa chỗ để in ảnh nữa kia chứ!

Ông nổi nóng, chạy đến chỗ đồng chí tổng biên tập. Sumâyco

không biết làm gì hơn là ngồi xuống chiếc ghế bành và ngoan ngoãn chờ quyết định cho số phận của mình.

Khoảng mười phút sau đồng chí thư ký quay trở lại, cầm trong tay tờ báo in thử còn đượm mùi mực in hăng hắc.

– Chúng tôi sẽ nhét cái gì vào đây? - Ông giận dữ hỏi và bực tức xía ngón tay vào phần dưới của trang báo. - Chúng tôi cần bức ảnh chụp toàn cảnh hầm mỏ đang được phục hồi, anh lại mang về cho một tấm ảnh chụp cảnh mùa xuân với vãn nào đó chứ gì?

– Ảnh cảnh để làm gì kia chứ? - Sumâyco tự ái đáp lại. - Tôi có ảnh chụp toàn cảnh không đến nỗi tồi.

– Chỗ này cần phải đăng ảnh của đội lao động Alêkhin. Có ảnh của đội lao động Pakhômốp, cả ba người đều là những thợ mỏ tiên tiến. Còn đây đã dành chỗ cho sân vận động đang xây dựng.

– Sân vận động đã xây dựng xong rồi. - Sumâyco đáp, trong lòng thấy yên tâm hơn. - Đội thể thao đã luyện tập ở đây rồi kia mà.

– Trong bài phóng sự có nói về một xóm thợ mới và cũng chừa chỗ cho ảnh kèm theo, ở đây này, ảnh hình bầu dục chạy suốt cả hai cột báo.

– Tôi cũng có cả ảnh chụp xóm thợ.

– Thế còn cái gì đưa vào đây nữa? Vào đây này? Ở đây phải là ngọn tháp với ngôi sao đỏ: mỏ này chả là đơn vị tiên tiến mà.

– Tháp cũng có! - Sumâyco đáp lớn.

– Thế thì đây là mỏ nào? - Ông thư ký tòa soạn ngạc nhiên hỏi. Theo dấu hiệu thì đích là mỏ “Trung ương” rồi còn gì!

– Tôi cũng đã nghĩ như vậy, - Sumâyco phần khởi tự thú. - nhưng hóa ra lại lầm đồng chí ạ.

– Thôi được! - Ông thư ký nói, giọng có phần dịu hơn. - Anh đi làm ảnh đi, hạ hồi ta phân giải. Đành phải tùy cơ ứng biến vậy. Có gì dùng

nấy thôi. Nhưng chắc rằng anh sẽ không tránh khỏi bị khiển trách về tội thiếu trách nhiệm như vậy đâu đấy nhé.

Ngày hôm sau, lúc trời chưa sáng, người ta mang lại cho đồng chí tổng biên tập bản báo in thử để duyệt. Ông ngồi đặt cả hai ống tay áo đeo lần bao bằng vải xa tanh lên bàn, chăm chú đọc những cột báo in bài phóng sự “Mùa xuân trên vùng mỏ Đônnhết”. Bài này đăng kín mấy cột liền, không có ảnh kèm theo. Nhưng ở hai trang ruột báo, ở phần dưới có đăng thành một dãy dài một loạt ảnh có nội dung phong phú và nghệ thuật chụp khá đẹp: ảnh chụp toàn cảnh vùng mỏ, chiếc máy đào than liên hợp “Đônbat” đang làm việc dưới mỏ, dưới lò chợ, ảnh các em nhỏ đang vui chơi trong vườn trẻ, các nam nữ thanh niên cầm đàn đi dạo chơi... Và cái chính là dưới mỗi bức ảnh đều có lời chú thích ngắn gọn, sinh động và dí dỏm của chính tác giả những bức ảnh đó. Đây cũng là tùy cơ ứng biến, bắt một người từ thuở cha sinh mẹ đẻ chưa hề viết văn sáng tác thuyết minh cho những bức ảnh. Đồng chí tổng biên tập nghiền ngẫm cả tác phẩm văn học của Sumâyco.

Thư ký tòa soạn đứng bên bàn, nín thở lo lắng: Liệu ông ấy có bắt phải vứt bỏ những bức ảnh này đi và in lại trang ấy không?

Nhưng ông tổng biên tập lại đột nhiên hoan hỉ.

- Này, đồng chí có biết không. - Ông nói, rồi ngẩng bộ mặt quá mệt mỏi lên khỏi tờ báo. - Thật là tuyệt! Chúng ta chỉ mới biết được có một mỏ than tiên tiến, nhưng ở đó hóa ra còn có một mỏ nữa chẳng thua kém chút nào. Theo tôi, rất là đạt. Chính cuộc sống đã kịp thời bổ khuyết thêm. Còn đối với nhà nhiếp ảnh của chúng ta, - Ông nói thêm khi chợt nhớ tới Sumâyco. - nên biểu dương. Ai biết là đồng chí ấy có biệt tài như vậy? - Ông hỏi và đập đập bàn tay vào tờ báo. - Ông bạn ạ, anh ấy còn đóng góp cho chúng ta nhiều nữa. Ảnh của anh ấy khá lắm, khá lắm!

Nói xong, tổng biên tập đẩy lùi tờ báo ra xa một chút và lại ngồi ngắm nhìn bức ảnh chụp toàn cảnh khu mỏ.

Con Gái Rượu

Từ lâu Masa bị gán cho cái tên “con gái rượu”, và cái tên ấy cứ bám chặt lấy cô. Ngày còn ở trường phổ thông bạn bè cũng thường trêu chọc cô bằng cái tên ấy. Còn bây giờ, cái tên ấy đã lắng nặng theo cô vào năm thứ nhất trường đại học. Tất nhiên cũng có lý do của nó. Ăn mặc bao giờ cũng lịch lãm, được săn sóc chu đáo, Masa làm cho đôi người phát ghen và bực bội. Sau khi góa chồng, bao nhiêu sự chăm chút bà Klavodia Paplôpna đều dồn cả cho con gái, kể ra cũng có hơi quá mức. Tất cả tiên của đều đổ cho cô con gái thừa kế, mọi sự quan tâm lo lắng đều dồn cả cho cô.

Hàng xóm láng giềng thường trách bà Klavodia Paplôpna, họ bảo rằng bà làm như vậy là phản giáo dục. Trong thâm tâm, bà Klavodia Paplôpna đồng ý với họ, nhưng bà không đủ can đảm và nghị lực bắt mình thay đổi cách xử sự. Masa vốn là con gái cưng của chồng bà, người mà bà yêu thương vô hạn, vì thế bây giờ bà muốn rằng con gái của ông Vadim chồng bà, lớn lên phải là một đóa hoa xinh tươi nhất, ăn mặc thanh lịch nhất, không phải lo lắng gì hết.

Masa không nhớ rõ cha. Cô mới lên ba thì cha cô đã qua đời. Nhưng trong nhà, trên các mặt tường đều có những tấm ảnh cha cô nhìn cô. Cặp mắt của cha cô hiền hậu, long lanh sáng, giống như cặp mắt của mẹ cô. Bà Klavodia Paplôpna thường kể lại cho cô bé biết trước đây ba cô từng là một người yêu lao động và khiêm tốn như thế nào, được mọi người kính nể ra sao. Và bà mẹ đã giáo dục cho Masa được nhiều đức tính tốt ấy. Còn những điều có liên quan đến việc ăn mặc và những chuyện lo lắng chăm sóc bất tận của người mẹ đối với cô con gái thì không hề làm Masa hư hỏng và chỉ đứng ngoài mới có cảm giác rằng những sự lo lắng chăm sóc ấy là quá nhiều. Điều đó quả là

đứng ngoài mà xét thôi. Còn Masa, cô biết chọn bạn chơi, không bao giờ cô tỏ ra kênh kiệu đối với bạn bè đồng niên, và ngay cả với những người đùa ác đối với mình, cô cũng giữ được thái độ đúng mực và khi cần thiết cô cũng biết tự bảo vệ lấy mình.

Giá mẹ Masa hàng ngày không mang bữa ăn điểm tâm đến trường cho Masa, thì mọi chuyện đều đầu vào đầu ra thật êm đẹp. Nhưng ý muốn của mẹ cô không gì lay chuyển được. Sáng sáng hai mẹ con bao giờ cũng hấp tấp, chân trong chân ngoài, đứng uống vội uống vàng mỗi người một tách trà, nhưng đến mười một giờ, bà Klavodja Paplôpna xin phép thủ trưởng (cơ quan Bộ cách trường đại học vài bốn bước chân), chạy sang trường tìm Masa trong đám sinh viên ồn ào đổ ra chơi.

Chỗ này thì không thể nào thiếu những câu trêu chọc.

– Ruxakôva! Mẹ đến tìm. - Một người nào đó cất tiếng oang khắp cả hành lang mặc dù Masa đã thấy rất rõ là mẹ đến, và tự cô cũng đang vội ra đón mẹ.

Sự thể dẫn đến chỗ Masa xin mẹ khi đến cứ đợi cô ở ngoài góc đường phố.

– Con của mẹ ngốc ơi là ngốc. Thì mặc họ. Có gì nào! Họ gọi con là con gái rượu? Tuyệt! Cho họ gọi là cái chỗ đi nữa cũng mặc, miễn là con không bị đưa vào bếp lò là được.

– Gớm, mẹ thì...

Hai mẹ con tranh luận nhau và rồi cũng thỏa thuận chuyển sang tình trạng bí mật. Suốt cả mùa thu và mùa đông ngày ngày giờ nghỉ hai mẹ con gặp nhau ở góc phố Palikha và phố Rừng. Đứng chuyện trò với nhau vài ba phút, vui cười, thì thăm to nhỏ rồi ai lại trở về việc ấy, cho đến chiều, đôi khi đến tận tối đêm - bà mẹ bao giờ cũng bận nhiều việc, bà thường làm quá giờ.

Một trong những cuộc gặp gỡ bí mật ấy, chuyện xảy ra lúc đó đã

vào đầu mùa xuân, đã làm cho bà mẹ thực sự bối rối. An sâu khoanh bánh kẹp nhân thường lệ vào túi áo vectông trượt tuyết, Masa nói như chuyện thường tình:

- Mẹ, chuyến này chúng con đi khai hoang đây.
- Sao lại đi khai hoang?
- Thế đây. Các đoàn viên thanh niên cộng sản đều đi hết.
- Con nói cái gì vậy?
- Đúng thế mà, mẹ. Hôm nay khu đoàn sẽ triệu tập.

Masa còn nói điều gì nữa - nói một cách say sưa, hào hứng nhưng mẹ cô chẳng còn nghe lọt tiếng nào hết. Bên tai bà tiếng trống báo động của câu đầu tiên mà cô con vừa nói vang lên mỗi lúc một mạnh.

Ngày hôm đó lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, bà Klavodia Paplôpna đi làm về sớm. Còn Masa lần đầu tiên trong đời về muộn.

Buổi tối hôm đó đầu óc bà mẹ đã nghĩ tới bao nhiêu chuyện. “Mà có thể, mọi chuyện chỉ là lỗi tại mùa xuân?” Bà Klavodia Paplôpna nhớ lại là mới đây trong khi khâu lại chỗ cặp sách bị sút chỉ của con gái, tình cờ bà đã dốc ở trong ngăn cặp rơi ra một lá thư của ai đó, bà vừa định cúi xuống để nhặt lên, thì Masa đã kiên quyết ngăn lại, tự nhặt lấy, hai má thoáng ửng đỏ lên:

– Cái này là của Xlavoka gửi... Chẳng có gì đặc biệt. Thì mẹ cũng biết anh ấy, mẹ...

Mãi đến mười giờ đêm mới có tiếng con gái về gõ cửa và cô con chẳng kịp cởi áo ngoài, chạy bổ vào búi lấy cổ mẹ.

Hai mẹ con ngồi thu vào góc ghế đi văng đồ sộ, cũ kỹ, trò chuyện thâu đêm.

Masa cứ nhắc đi nhắc lại hàng chục lần tất cả các câu hỏi mà ở khu đoàn đã hỏi cô và các câu trả lời của cô. Và cả chuyện anh bí thư khu đoàn đã nhìn cô ra sao, chuyện cô đã làm cho anh ấy bật cười vì trả lời

anh ấy rằng tạm thời thì tiểu sử lý lịch của cô còn chưa có. Cả chuyện sau đó anh bí thư đã hoàn toàn nghiêm chỉnh báo với Masa rằng anh ấy hoan nghênh quyết định của anh chị em sinh viên dành tất cả kỳ nghỉ hè lên vùng khai hoang.

* * *

Cái ngày ấy đã đến một cách nhanh chóng, quả là nhanh chóng. Sau buổi học, không rẽ về nhà, Masa đến thẳng cơ quan Bộ tìm mẹ và bà không còn đợi con nói, qua tất cả bộ dạng của con gái cũng đã hiểu hết mọi chuyện.

– Bao giờ thế?

– Ngày mười bốn. Tàu ba giờ chiều.

– Trời! Xin hoãn lấy hai tuần thôi vậy. Sinh nhật của con vào ngày mùng một tháng sau! Mẹ đang chuẩn bị quà cho con. Nếu con muốn, mẹ sẽ đến khu đoàn nói cho! Người ta sẽ cho phép con, mẹ tin như vậy!

Masa đã biết là mẹ không dễ dàng để cho cô đi, nhưng không bao giờ lại nghĩ rằng sự chia tay sẽ lại day dứt đến như vậy. Hai mẹ con chuyện trò suốt một đêm nữa - gần như trong cả một đêm. Cả khóc nữa, cả cười nữa, nhưng dù sao gần sáng thì cả hai đều hoàn toàn có ý thức đi đến một quyết định duy nhất là Masa không thể nán ở lại.

– Người ta trao cả giấy quyết định rồi ư?

– Trao ngay lúc đó! - Masa trở dậy, đi lấy cặp sách đến, trịnh trọng thò tay vào cặp - vào cái ngăn mà khi ấy lá thư đã rơi ra, và không hiểu sao lại hơi đỏ mặt.

– Hết như ba nó! - Bà Klavodia Paplôpna thăm thì. - Hết! Vậy mà ai lại đi nghĩ đến cái tên “con gái rượu” gán cho nó kia chứ! Phải gọi là

“con gái của bố” mới phải. Thật như đúc!

Sắp hết đêm rồi, bà Klavodia mới gà gà hỏi con:

- Hôm nay là mười một rồi hả?
- Không, mười hai chứ mẹ. Sáng rồi, mẹ xem!

Và cô nói tiếp luôn:

- Thế mẹ có ra ga tiễn con không?
- Con không ngượng chứ?
- Tất nhiên là không rồi.

Im một lát Masa nói thêm:

- Chỉ có điều mẹ đừng mang theo bánh kẹp nhân nhé.
- Chà con bé, ngốc ời là ngốc! Thật là ngốc chẳng hiểu gì cả... Thế Xlavoka của con cũng đi chứ?
- Chẳng hiểu ở nhà anh ấy không cho đi, hay bản thân anh ấy không dám nữa... Đây mới thực là “con gái rượu” chứ! Vậy mà chẳng hiểu sao người ta lại không trêu chọc anh ta, mà lại trêu chọc con...

* * *

Ngày mười bốn trên sân ga người đi đưa tiễn hóa ra đông gấp bội số người xung phong đi vùng khai hoang. Đám người ào ào đông đảo như những đợt sóng cứ tràn lên đoàn tàu chuẩn bị khởi hành. Vì thế mà cả đầu tàu, cả các toa xe trông đều nhỏ bé bất lực, gần như một thứ đồ chơi.

Bà Klavodia Paplôpna, thoát đầu bị lạc trong biển sóng người này, bỗng có cảm giác rằng bà tham dự một ngày hội tuổi trẻ, một ngày hội vui thích, vô tư lự, trong đó mọi cái - cả nhà ga, cả đoàn tàu, cả những con người cầm những bó hoa, đeo ba lô, tay xách va li, tất cả mọi cái đó đều như trong mơ thoáng hiện trong chớp lát... Chắc hẳn vì thế mà

mắt bà chưa rớm lệ như ở một số bà mẹ và thậm chí một số ông bố khác, và nói chung bà xử sự, ít ra là bên ngoài, không có gì có thể làm cho con gái ngượng ngùng cho đến phút cuối cùng.

Bà lặng lẽ đứng lảng ra một góc trong lúc cô con gái đi tìm được chỗ của mình trên toa. Sau đó hai mẹ con đi đi lại lại mấy lượt dọc theo đoàn tàu, tay nắm tay trông thật ngộ nghĩnh như thể một đôi nữ sinh vai trong đội ngũ đi tham quan.

Sau đó trước mặt cả đám đông, Masa đột nhiên khóc òa lên, và một người nào giọng khàn khàn từ cửa trên toa tàu gọi toáng khắp sân ga:

– Ruxakôva. a.!...

Masa làm ra bộ không nghe thấy và, chỉ liếc mắt nhìn cái bọc giấy đồ sộ, buộc gói lồi thoi và, trông cũng rõ là khá nặng, mà bà mẹ suốt thời gian qua hết chuyển tay này lại sang tay kia.

– Con đừng sợ, đây không phải là bánh kẹp nhân. Thì biết số phận ném các con đến nơi thế nào kia chứ.

– Mẹ, thì mẹ con ta đã thỏa thuận với nhau rồi kia mà.

– Thôi được, thôi được, theo ý của con vậy. - Bà mẹ một lần nữa lại xốc cái bọc giấy đang tuột khỏi tay. - Chẳng lẽ mẹ con lại giận đối nhau vì chuyện vặt vãnh ngay trước khi con ra đi này.

Đúng lúc đó mệnh lệnh vang lên khắp sân ga: “Lên xe”.

Masa vụng về ôm lấy mẹ, hôn vào đầu đó bên cạnh má và lẩn ngay vào cửa toa tàu.

Bà Klavơđia Paplốpna không suy nghĩ lâu, bước tới chỗ người phụ trách toa xe đứng ở bậc toa, đưa cho bác ta bọc giấy...

– Nhờ bác chuyển cho Masa! Masa Ruxakôva...

Người phụ trách toa xe gật đầu hiểu ý. Lát sau bộ mặt xúc động của cô gái hiện ra ở sau khung cửa sổ cuối toa.

Buổi tối hôm đó, người phụ trách toa sau khi đi khắp các toa, mới

tìm ra Masa lúc này chuyển sang cuối đoàn tàu với các bạn cùng lớp.

– Cái này không phải của cháu! - Nhìn thấy bọc giấy quen thuộc, Masa kiên quyết chối từ.

– Của cháu, của cháu! Bác đã đi hỏi tất cả các cháu tên Masa trên tàu, còn lại có mình cháu.

Tất cả toa tàu đều mục kích thấy cảnh này. Lại có một anh chàng độc mồm nào đó không kìm được:

– Ruxakôva được quà mẹ gửi!

Suốt đêm Masa không ngủ được, đến gần sáng cô đi đến quyết định: “Dù mình có phải ở xa nhà bao lâu đi nữa. Trong bất cứ tình huống nào, mình cũng sẽ không mở bọc giấy này - phải cho mẹ thấy. Mình có còn bé nữa đâu kia chứ!”

Chẳng bao lâu bà Klavodja Paplôpna bắt đầu nhận được các lá thư, trong đó cô con gái hào hứng kể lại tỉ mỉ mọi chuyện: người ta đã đón tiếp đoàn tàu sinh viên đi khai hoang ra sao, xếp sắp chỗ ăn chỗ ở ra sao, Masa và các bạn cô sống rất đầy đủ, được ăn ngon và no nê, chỗ nào cũng có tiện nghi, có phục vụ đầy đủ, còn thiên nhiên xung quanh thì mới đẹp làm sao!

Thậm chí để miêu tả đêm hôm thanh vắng giữa thảo nguyên, Masa cũng tìm ra những lời lẽ đẹp đẽ, mặc dù hồi ở trường phổ thông Masa không làm sao làm nổi bài văn về đề tài “Em đã nghỉ hè như thế nào?” Vậy mà ở đây không hiểu từ đâu đem đến niềm hưng phấn đến như vậy, đến mức tự Masa cũng phải đọc đi đọc lại những lá thư của mình đến mấy lần trước khi gửi đi. Và cái điều lý thú nhất (tuổi trẻ xếp sắp một cách thông minh như vậy đó!) - Masa bắt đầu chân thành tin vào tất cả những chuyện của cô viết cho mẹ...

Quả thực Masa thấy thích thú - cái món cháo nấu sống Masa cảm thấy là một món quà sáng ngon nhất trên đời, cả nước trà không có đường cũng lại ngọt hơn cả bất cứ loại mật ong nào và cái bao nệm cỏ

mỏng manh trải ngay trên đất còn êm hơn cái nệm lông tơ dày nhất. Còn khi, sau buổi lao động nặng nhọc tay chân đau nhức nhối - và sáng ra thậm chí không còn sức thu dọn căn lều ở, Masa nghĩ bụng: “Hoàn toàn giống như sau buổi luyện tập thể thao ở công viên Xôkônnik”.

Và một thông điệp mới được gửi về Mátxcova nói về chuyện rèn luyện bằng thể thao trước đây nay đem lại bao lợi ích. Khi ấy mẹ xin cho Masa vào nhóm chơi quần vợt và theo dõi sao Masa không bỏ một buổi tập nào, và ở nhà, khi thời giờ cho phép, chính mẹ thường kiểm tra xem lưới vợt của Masa còn căng không, và đã đến lúc phải mua vợt mới chưa... thật là một việc thông minh quá.

Bà mẹ đọc thư, nửa tin nửa ngờ. Bà ngẫm nghĩ: “Nếu quả đúng mọi chuyện như thế thì tốt, mà có là chuyện “làm ra vẻ ta đây” kiêu, u trể con chẳng nữa, thì nói chung cũng không phải tệ hại - có nghĩa là con người đang lớn lên, vươn lên giành lấy chiến thắng, và chẳng mấy nữa sẽ chiến thắng”.

Bà Klavơdia Paplốpna nhớ lại chuyện chính bản thân mình khi cần phải làm cho cha mẹ yên lòng cũng đã từng là một cô bé bịa đặt có cỡ và bà tư lự mỉm cười, trong lúc đọc lá thư mới, được tô vẽ rõ đẹp. Đôi khi bà chạy sang hàng xóm.

– Có thư của cháu Masa! Các bác xem này, thậm chí nét chữ của cháu nó cũng cứng cỏi lên!

Bà sẵn sàng đọc to tất cả lá thư từ đầu đến cuối, nhưng chẳng bao giờ bà làm việc đó, mặc dù tất cả mọi người trong căn nhà đều muốn biết từ nguồn chính xác xem thực sự cô bé mà mọi người đều yêu mến sống ra sao, thở hít ở giữa thảo nguyên xa vợ, lộng gió thể nào.

Bà Klavơdia Paplốpna chỉ đem khoe những cái phong bì trên đó có những hàng chữ nghiêng nghiêng, nhưng vững vàng, dường như không phải bàn tay của Masa, mà là bàn tay người lớn nào đó viết.

Khi bà Klavơđia Paplơpna một mình ngắm nghía các lá thư, bà thậm chí nhận ra cả một chi tiết nhỏ mà mọi người không nhận thấy: con gái bà viết cái địa chỉ Mátxcova mềm mại hơn, thanh mảnh hơn, còn địa chỉ gửi trả to thô hơn gần như là bằng những chữ in. Và chỉ một điều đó thôi cũng nói với trái tim bà mẹ biết bao nhiêu điều thầm kín.

Masa tự hào về hoàn cảnh mới của mình. Ở đây, ở vùng đất khai hoang này, cô bỗng cảm thấy sức mạnh trong bản thân, nhìn thấy tận mắt những tình huống khó khăn khác nhau phải lùi bước như thế nào trước con người, nếu như con người ấy không hèn nhát và biết tự trọng. Và cô không phải là “con gái rệu”. Không, không, Masa không nhận cái tên ấy. Không lần nào, kể từ khi hai mẹ con chia tay nhau. Tuy thế, Masa lại muốn mẹ mình xin nghỉ phép, dù rất ít ngày thôi, đến đây thăm mình. Dù có hàng trăm đũa ngọc gào toáng lên: “Ruxakơva! Mẹ cậu tìm đến cậu kia!” cũng mặc.

Nhưng bà Klavơđia Paplơpna trước mắt không thu xếp công việc để nghỉ phép được. Bà viết cho con gái rằng bà sẽ nhận được tiền trả thêm và sẽ lấy số tiền ấy mua quần áo rét sắp tới. “Số quần áo cũ của nhà ta đã tã rồi - phải mua sắm lại, theo sự tính toán hà tiện của mẹ cũng phải tới hai trăm rúp”.

Còn vùng đất khai hoang vẫn là vùng đất khai hoang thôi. Về điều này chính đồng chí bí thư khu đoàn cũng đã nói rồi. Bây giờ Masa thường nhớ những lời anh nói ở cuộc họp mặt hôm ấy: “Có khi không được ngủ đầy bữa, cũng có khi không được ăn đúng bữa”.

Nếu như anh ấy tin tưởng bọn Masa hơn chắc anh ấy không phải vừa nói về mọi điều này, miệng vừa mỉm cười, nụ cười bây giờ Masa không thích thú lắm, và tất nhiên anh ấy hẳn còn nói thêm: “Mà có khi còn tha hồ rét phát run lên”. Đặc biệt vào cái đêm như đêm nay chẳng hạn. Masa nghĩ thầm qua giấc ngủ chập chờn giá lạnh. Gió luồn lỏi cùng một lúc từ khắp các khe cọc lều vào căn lều bạt cũ và định mang cô đi tới tận cùng thảo nguyên, nhưng mà thật ngược đời, ở đây đâu có

mở đầu, mà cũng chẳng có tận cùng - điều này bây giờ Masa đã biết rất chính xác: cô đã đi khắp trên chiếc xe tải tấn rưởi của nông trường hàng mấy trăm vecxtơ, đã hít bao nhiêu bụi với hoa cỏ dại. Đến nay cát vẫn còn lạo xạo trong miệng, rập rập trên da người, mặc dù buổi tối bọn bạn gái đã gội cho Masa hẳn nửa xô nước - suất nước rửa ráy một ngày của cả lều.

Mà như thể cổ tình trêu người, mấy bữa nay củi lại không kịp chở đến nữa, mọi người đi nằm mà không được ăn bữa tối và bọn bạn gái, từ lâu đã nhòm ngó cái bọc giấy của Masa, liền mở cuộc tấn công quyết liệt:

– Ma-a-sa...

– Gì nào?

– Ấy ngủ khi ư?

– Đã thấy đến giấc mơ thứ bảy rồi. Và lần nào cũng như nhau.

– Về chuyện gì vậy?

– Về chuyện củi để rán khoai tây.

– Thì bọn này cứ thế. Có lẽ ấy phải mở kho ra thôi, bỏ cái dự trữ của ấy ra đây.

– Các ấy ạ, không thể được. Thì mình đã nói rồi mà.

– Dù sao đi nữa ấy cũng phải thương bạn chứ.

Masa nằm im lặng mấy phút, sau đó bật dậy lấy cái bọc giấy cất kỹ ra.

– Một lũ háu ăn, ngốn đi!! Đừng để mắt mình phải thấy?

– Khoan, khoan, thế ấy đi đâu?

– Thế các ấy nghĩ rằng mình là sắt à?

– Chỉ vì thế mà ấy bỏ đi ư?

– Chỉ vì thế.

Nói vậy, Masa bỏ đi tìm đến bọn bạn quen ở cuối xóm lều bạt. Sáng

hôm sau, khi Masa trở về, bộ dạng bọn bạn gái trông no nê, mãn nguyện cũng hơi có vẻ biết lời. Còn trong căn lều vẫn còn sức mùi gì đó mà thậm chí khứu giác đang đói của Masa cũng không thể đoán ra được ngay.

– Các ấy ăn pho mát à?

– Cả cá mòi nữa.

– Thế giò?

– Và thậm chí không gầy mỡ đi.

– Ăn với bánh mì chứ?

– Ngốn hết bốn cái! Tất nhiên cũng khô lại rồi, đôi chỗ mốc xanh dù có gói giấy bóng kính. Để dành cho ấy chút ít đây. Có ăn không?

– Thì mình đã nói rồi mà. Chỉ có điều đừng có giận mình nhé, được chứ?

– Bọn mình chẳng giận đâu.

Giải hòa. Tâm trạng Masa lại phần khởi, mặc dù người ta hứa phải ít nhất mười một giờ mới chở bữa ăn sáng đến thẳng chỗ làm việc.

Trong lúc bọn Masa lắc lư trên chiếc xe tải, trong đầu Masa nảy ra một ý định: hôm nào nhận được tiền thù lao lao động đầu tiên, cô sẽ đi nhờ xe thị xã Kôtsêtap mua các thức ăn và gửi bưu điện về cho mẹ cái bọc giấy thức ăn của mẹ không được dùng đến, mẹ thấy đây, con sống rất đầy đủ, hoàn toàn không thiếu thốn gì hết.

Nghĩ sao làm vậy, Masa hỏi kỹ bọn bạn xem trong bọc giấy thức ăn của mẹ mà họ ăn hồi đêm có những thứ gì, và qua mấy ngày sau, một buổi sáng chủ nhật nắng ráo, Masa hăm hở bước đi trên các đường phố của thị xã hoàn toàn xa lạ. Cô đi từ cửa hàng này sang cửa hàng kia, từ hiệu thực phẩm này sang hiệu thực phẩm khác. Buổi tối trở về công trường, Masa ngồi rất lâu đóng gói cẩn thận tất cả số thực phẩm đã mua được.

Masa tính toán: hàng gửi từ đây phải hai tuần sau mới tới nhà, mọi thức đều sẽ khô đi giống như ở bọc giấy của mẹ - kể cả bánh mì lẫn mọi thứ ăn khác. Sự thể lại xảy ra hơi khác một chút. Ngày hôm sau anh bí thư tổ chức đoàn có nhiệm vụ phải ra thị xã. Anh nhận đem hộ gói quà của Masa ra đây gửi bưu điện. Tối thị xã đột nhiên anh lại nhận được điện khẩn của Trung ương Đoàn gọi về và thế là anh ra thẳng sân bay, từ đó trở về Mátxcova. Về đến thủ đô, ngay hôm thứ hai anh đem gói quà của Masa ra bưu điện Trung ương gửi, thậm chí lại lấy làm thích thú vì mình có thể hoàn thành vượt mức việc Masa nhờ, khi biết được anh đã hoàn thành nhiệm vụ hệ trọng được cô giao một cách xuất sắc như vậy, hẳn Masa phải vui hết chỗ nói!

* * *

Người nhân viên bưu điện sáng sớm thứ ba đã đánh thức bà Klavodía Paplôpna, và trước khi đến cơ quan Bộ, bà Paplôpna kịp chạy ra bưu điện và thậm chí kịp thời chia sẻ niềm vui với hàng xóm:

– Cháu Masa gửi hàng qua bưu điện về! Hẳn là nó thu vén đồ đạc thừa gửi về trước để lúc về rảnh rang hơn. Cháu sẽ về vào dịp lễ! Trước đây cháu đã nói ý như vậy!

Rồi bà chạy đến cơ quan, xúc động, hồi hộp, sung sướng.

Đi làm về, bà Klavodía Paplôpna khéo léo bắt tay vào mở gói hàng. Bà hồi hộp, nhưng không vội vã. Và càng mở thêm những lượt giấy đóng gói - trái tim còn chưa đoán ra chuyện gì của bà càng thêm hồi hộp.

Và bà Klavodía không còn hiểu ra sao khi bà đặt ra bàn ăn cả một chồng đồ hộp, những miếng pho mát tươi thơm, những khúc giò hun khói và những cái bánh mì bình thường - cũng còn mới nguyên, mềm mại, hầu như vừa lấy ở bếp lò ra.

Thậm chí lá thư tìm thấy ở đáy gói hàng cũng không giúp được cho bà Klavdia Paplôpna hiểu được mọi chuyện này có nghĩa là thế nào.

Masa viết:

“Mẹ thân yêu! Con sống rất đầy đủ. Tất cả mọi thứ thức ăn của mẹ chỉ để hỏng phí hoài. Con gửi lại cho mẹ để chính mẹ thấy rõ điều này và không lo lắng gì nữa. Đến ngày lễ chắc con không về kịp - ở đây cần phải làm cho xong mọi công việc. Nhưng mẹ đừng có lo, mọi chuyện đều tốt đẹp. Nói chung mọi điều ở đây đều tốt đẹp. Còn với Xlavoka mẹ nói hộ con (nếu anh có gọi điện hỏi con) là dù sao đi nữa việc anh ấy không đi với chúng con thật là uổng. Kỳ quặc thật. Vùng đất khai hoang thật là tuyệt vời, quả đúng như vậy! Nhưng về chuyện này để khi về gặp mẹ con sẽ kể lại kỹ. Hôn mẹ. M. của mẹ”.

Bà Klavdia Paplôpna hồi lâu cứ đặt đi đặt lại những thứ lấy ở gói hàng bưu điện ra, mỉm cười, lúc bối rối, lúc u buồn. Cuối cùng, cầm lấy chiếc bánh mì bột trắng mềm tươi mới, bà giật mình vì ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu: “Mà bánh mì này chính là bánh mì Masa làm ra! Bánh mì Masa!... Làm sao mà mình không đoán ra ngay nhỉ? Lao động của con nó, công sức của con nó! Quả thực cái này tuyệt vời, tuyệt vời!”

* * *

Bà Klavdia Paplôpna không đến nỗi nhầm lẫn. Là người thành phố, bà không hiểu được rằng thời vụ thu hoạch còn chưa tới nhưng những bông lúa mì do hai bàn tay con gái bà chăm bẵm mỗi lúc đang một nặng thêm, một đầy đặn thêm, một hùng tráng thêm. Tất cả thảo nguyên đã ngời lên màu vàng đen dưới nắng thu. Thảo nguyên, mà quả thực ở đây không có đầu, không có cuối, không có tận cùng...

Xôê

Một cây thông khổng lồ, tròn cả một cây.

Hắn là người ta đã chặt nó đầu đó tận trong rừng Kômi và chở về đây trên một toa tàu đặc biệt. Mùi nhựa hăng nồng từ cây thông loang ra trong nhà câu lạc bộ được đất sưởi khá ấm.

Và trong lúc Epghênhi Kadimirôvich đắm chiêu chậm rãi đi quanh cây thông nằm đó, thích thú thở hít cái mùi đầy sức sống gần như đã bị lãng quên, cái đế gỗ hai khúc gỗ to được bào nhẵn nhụi bắt chéo nhau - đã được chuẩn bị xong. Người giúp việc của ông đã làm việc ấy.

Bây giờ phải dựng cây thông lên rồi trang trí, sau đó các thủ trưởng cứ việc mà vui thú. Công việc vất vả chẳng khó khăn gì, bởi vì gì thì gì đi nữa, khi còn tự do, Epghênhi Kadimirôvich vốn là một họa sĩ.

Còn trong khi ông phụ trách câu lạc bộ chưa có mặt, ta tranh thủ dự trữ thêm hơi ấm là việc không nên bỏ qua.

Epghênhi Kadimirôvich cùng với Nexte - tên anh giúp việc của ông - cùng ngồi xuống bên bếp lò nóng hổi, lấy thuốc ra hút; ông chỉ huy đã dốc cho họ cả một lô thuốc lá sợi.

– Theo điều khoản nào? - Epghênhi Kadimirôvich hỏi.

Nexte đưa mắt nhìn ông. Đôi mắt kiên nghị, bình tĩnh.

– Tôi hỏi một tí, cậu bị tù vì tội gì thế?

– Vì chính những cái này đây. - Nexte từ tốn đặt hai bàn tay mình lên đùi. Hai bàn tay mugich to lớn.

– Thế đôi búa tạ của cậu đã làm gì vậy?

– Có nghĩa là đôi tay này chứ gì. Nguy hiểm về mặt xã hội.

– Chuyện cổ tích? Cậu đã cho kẻ nào đó nếm mùi chăng?

Nexste liếc nhìn Epghênhî Kadimirôvich.

– Không lẽ trông tôi giống một tên giết người ư?

– Rõ. Thuộc giới phú nông?

– Chà, ông... Vậy mà cũng là dân trí thức, có học. Bọn kulắc phú nông thì bố tôi đã từng bóp hết ngay từ hồi nội chiến kia...

Epghênhî Kadimirôvich chẳng biết làm gì khác, ngoài một cái nhún vai.

Và im lặng một lúc, Nexste bắt đầu kể chuyện về bản thân mình.

Và đây là câu chuyện của anh mà Epghênhî ghi nhớ được.

Đầu mùa xuân năm 30, Nexste và một người bạn cùng làng ra khỏi Hồng quân trở về. Hai người lòng phần chấn, vừa đi vừa ca hát. Họ đã phục vụ Tổ quốc một cách vinh quang. Còn trước mặt là những cuộc gặp gỡ với người thân thuộc, với người yêu thương. Nói tóm lại, đây niềm vui sướng.

Chiều tối Nexste về tới gần căn nhà gỗ thân thuộc. Trong cửa sổ không thấy ánh đèn lửa. Không ai ra đón anh. Quý quái gì thế này? Anh chẳng đã viết thư cho cha anh rồi sao? Mà chó nhà đâu? Tại sao nó không sủa? Tại sao nó không bay ra nhảy chồm bám lên ngực anh?

Nhưng tất cả những điều ấy chỉ là những chuyện vặt vãnh so với những gì anh nhìn thấy trong nhà, mọi cái đều tan hoang, đổ gãy và không một bóng người... Chỉ có một con mèo, khi anh bật que diêm lên, nó lao vút lên phía sau bếp lò một cách hoang dại.

Nexste chạy bỏ sang hàng xóm. Có chuyện gì xảy ra vậy. Bố anh đâu? Mẹ anh và các em gái của anh đâu?

Bị đày đi Xibir cả rồi.

Tại sao lại đi Xibir? Bố anh bị đày đi Xibir ư? Một chiến sĩ Hồng quân. Xuất thân từ bản nông. Đã dựng lên chính quyền Xô viết trong nội chiến ở chính đây cơ mà.

– Không, cái này vớ vẩn thế nào ấy. Phải lập tức đến Xô viết xã, rồi lên tỉnh hỏi cho ra nhẽ.

– Ấy, tốt hơn là đừng có đi, người anh em ơi! - Bác hàng xóm khuyên can. - Chứ không người ta sẽ tóm cổ cả anh nữa đấy. Và nói chung, hiện thời vẫn còn chưa muộn, chuồn khỏi nơi đây là tốt nhất...

Ra khỏi nhà người hàng xóm, Nexte như người mất hồn. Không lẽ những chuyện đó lại là sự thực ư? Không lẽ anh lại phải chạy trốn khỏi làng quê thân thuộc của mình hay sao?

Gần căn nhà gỗ của mình, anh nghe có tiếng ai sụt sịt. Anh đi tới. - Timôkha. Anh ta ngồi trên hiên nhà và khóc. Hóa ra cả anh ta cũng được sổ phạn chuẩn bị sẵn cho một món tặng vật như thế. Hóa ra là cả gia đình anh ấy cũng bị đày đi Xibir rồi.

Mà sự thế, như sau này Nexte biết được, hóa ra là như thế này... Trong làng bắt tay vào xây dựng nông trang, người ta thông qua một danh sách xem ai là kulắc phú nông để đánh đổ. Người ta nêu một tên họ, nêu tên họ thứ hai. Và bỗng nhiên bố Nexte nghe thấy người ta đọc đến cả tên họ của bố Timôkha.

– Oì bà con, bà con làm sao vậy? Ông ấy đã chiến đấu cùng với tôi kia mà, suốt cả cuộc nội chiến chúng tôi đã cùng nhau tiêu diệt kẻ thù.

– Sao thế, anh ủng hộ tên kulắc ấy hả? Mà chính anh cũng là kulắc đấy thôi! Kia kìa, nhà anh lợp mái tôn hẵn hoi. Năm ngoái anh chở bao nhiêu lúa mì ra chợ?

– Thưa bà con, thì tôi chỉ thực hiện chỉ thị của chính quyền Xô viết mà thôi. Vladimira Ilich Lênin đã nói gì sau cuộc nội chiến? Hãy làm gương, hãy trồng nhiều lúa mì hơn. Vì thế tôi đã vun trồng, đã nuôi chính quyền Xô viết, còn khi cần, cầm súng bảo vệ nó.

Nói chung, dù bố Nexte có chứng minh gì đi nữa, ông vẫn bị quy là phần tử kulắc và bị đày đến vùng Xibir lạnh giá. Trong những toa chở bò. Cùng một nhóm với những kẻ mà ông đã chiến đấu chống lại trong

cuộc nội chiến.

– Bây giờ thì chúng ta biết làm gì đây, Nexte? Biết đi đâu bây giờ? - Timôkha nghẹn ngào, giọng đầy nước mắt.

Hai người quyết định đi Xibir. Đi tìm người thân. Giấy tờ có đủ, quân phục Hồng quân, chắc hẳn chẳng ai dám bắt giữ.

Họ đi khá lâu. Nhưng cuối cùng ở Xibir họ đã tìm ra dấu vết của đoàn tàu. Và bây giờ té ra là không phải chỉ có hai người họ ở trong tình cảnh như vậy. Những kẻ đáng thương như họ, những chiến sĩ Hồng quân mới giải ngũ, mà nhà cửa bị tan hoang kể có đến hàng chục.

Họ đã bàn bạc nhau cùng hành động.

Và rồi Nexte và Timôkha tìm thấy người trong gia đình. Đầu đội trời, chân đạp đất. Túm tụm bên nhau, như dân Digan. Cơ man nào là người. Và gần như không có lính canh gác. Đất mẹ Xibir - chạy đi đâu được?

Nhưng hóa ra là đến đây con đường khổ ải của những con người này cũng chưa phải đã chấm dứt. Họ còn bị xua đi tiếp, qua cả rừng taiga tới miền băng giá. Đào vàng. Xong việc ở đây thì họ phăng teo. Nếu như anh không chết rập vì đói thì bệnh hoại huyết cũng sẽ kết liễu đời anh. Chưa một người nào từ chỗ đó mà được mạnh chân khỏe tay trở về.

– Nhưng có, có những miền đất ở Xibir, - Một ông cụ người địa phương nói. - ở đó có thể sống ra con người.

Tự do, và có thể tìm đến đó, hàng đời yên ổn, không ai tìm ra nổi.

Mọi người nắm tay theo cụ. Ai là người muốn đi vào chỗ cầm chắc cái chết?

Và thế là nảy ra một ý đồ điên rồ - bỏ trốn. Đi tìm nơi có thể sống được. Người quyết định tiến hành công việc như thế tập hợp được không phải là ít. Tất cả đều là những người dũng cảm nhất, dẻo dai

nhất.

Trang bị thóc giống, bánh mì - trút bỏ ra mọi thứ, để có cái đem đổi lấy được. Rồi sau đó bắt đầu tìm ra bờ sông theo từng nhóm, từng nhóm một.

Mọi người đóng bè mảng, ngồi lên rồi nhổ neo.

Bơi mảng trên sông mất một hồi lâu, phần lớn là bơi trong đêm. Chung quanh rừng cây hoang vắng. Xa lạ. Cô tịch. Nhưng cũng vui tình không một bóng người.

Cuối cùng họ đổ bộ lên bờ. Bè mảng phải đem đốt hết để phi tang. Bây giờ thì cứ thử đi mà tìm họ. Sau đó họ còn luồn rừng đi bộ mấy ngày đường nữa. Và họ đã tìm ra một địa điểm - một con sông nhỏ với những bãi cỏ ngập nước. Cả chim. Thú rừng. Nhiều vô kể. Hạt dẻ, quả rừng đều sẵn.

Và thế là họ bắt đầu gây cuộc sống trên mảnh đất hoang dại. Họ bắt đầu chặt cây, đánh gốc, dựng lên những căn nhà gỗ đầu tiên.

Lúa mì trên những thửa ruộng đầu tiên bị băng lạnh chết mất cả. Và họ đã phải chịu đựng, đã phải nếm trải mất hai năm. Họ biết rõ - như vẫn thường nói - chỉ có Chúa với lại chính bản thân họ mà thôi. Không có lúa mì - một nửa số người bị chết vì đói. Quần áo không có. Giày dép không có. Thêm vào đó lại còn tai họa nữa của Xibir: ruồi nặng, muỗi mòng...

Nhưng dù thế này hay thế khác, họ vẫn trụ được. Rễ đã bám được vào mảnh đất chẳng lấy gì làm ngọt ngào này.

Về đến đây thì một vấn đề mới lại được đặt ra: sống như thế nào đây?

Trước đó, khi họ phải vật lộn để mà sống sót, mọi người không ai nghĩ tới vấn đề này. Họ sống quần tụ. Và tất cả mọi người, không cần ai thúc giục, đều làm lụng gắng hết sức. Còn bây giờ, khi họ đã đứng vững được đôi chút, dục vọng con người bắt đầu nổi lên. Bắt đầu nổ ra

chuyện cãi cọ, xung khắc. Thậm chí máu kulắc đã nổi lên ở người này người kia (trong số họ có cả những người thực sự là dân kulắc): liệu có thể sống dựa dẫm vào người bên cạnh được chăng?

– Chúng ta sẽ sống như cha ông chúng ta đã sống. - Một số người đã nói như thế.

Nhưng các cựu chiến sĩ Hồng quân và bọn thanh niên kiên quyết chống lại những người kia.

– Không. - Những người này tuyên bố. - Chúng ta sẽ sống theo chế độ Xô viết. Chẳng lẽ chúng ta đã đổ máu vì chính quyền Xô viết một cách phí hoài sao? Ta hãy làm như thế này: Xây dựng một chính quyền Xô viết thực sự.

Và họ đã bắt đầu xây dựng chính quyền Xô viết. Mọi việc đều thông qua con đường bầu cử. Giới lãnh đạo không có một đặc quyền đặc lợi nào. Kẻ nào không làm kẻ ấy đừng ăn. Và còn nhiều điều nữa cũng theo tinh thần như vậy.

Dần dà, họ đạt được cả quan hệ với thế giới bên ngoài. Với điểm dân cư gần nhất - điểm dân cư ấy cách chỗ họ cũng phải ba, bốn trăm cây số - họ chở tới đó các sản phẩm của mình: lông thú, cá. Còn ở đó, họ mua về cho mình mọi thứ cần thiết.

Nói chung là họ sống được, phong lưu lên. Nhà cửa khang trang. Một thôn xóm khá giả, no đủ. Họ tổ chức câu lạc bộ, thành lập trường học, và trường học mang tên Lênin. Chúng ta sẽ sống theo Lênin!

“Nhưng liệu có phải đã đúng theo Lênin chưa?” - Những người cựu chiến sĩ Hồng quân suy nghĩ.

Liệu Lênin có tán thành họ hay không? Họ đã kéo nhau vào rừng taiga, đã quay lưng lại với thế giới bên ngoài, với cuộc đấu tranh. Chẳng nhẽ đây mà là chính quyền Xô viết ư? Cuộc đấu tranh một sống một chết diễn ra năm Mười bảy, là vì cái này ư?

Không rõ mọi chuyện này sẽ được giải quyết ra sao, nhưng giữa lúc

đó xảy ra một sự việc. Một lần vào mùa hè trong khu vực xóm làng của họ đã xảy ra một tai nạn máy bay. Xử lý thế nào đối với anh phi công đây? Bởi vì nếu thả anh ta ra, thì bí mật của họ thế là chấm dứt. Và người ta sẽ bắt họ phải chịu đựng những cực nhục như thế nào?

Một số người kiên quyết hơn cả đề nghị thủ tiêu anh phi công.

– Người ta không thương xót chúng ta, thì hà cớ gì chúng ta lại phải có lòng thương xót?

– Không, - Số người khác bác lại. - không được giết người vô tội. Chính quyền Xô viết thực sự không bao giờ hành động như vậy. Tốt hơn hết là chúng ta cứ kể rõ cho anh ta biết, chúng ta là những ai và giới thiệu cuộc sống của chúng ta cho anh thấy. Rồi sau đó sẽ bàn bạc thêm với anh ta.

Họ đã làm đúng như vậy.

Anh phi công rất thích thú cuộc sống của họ. Đúng, anh ta bảo: đây là chính quyền Xô viết thực sự. Và sau đó anh ta đã thề không bao giờ, kể cả phút lâm chung, anh ta cũng không tiết lộ bí mật của họ.

Việc hỏng hóc của máy bay hóa ra không có gì đáng kể. Họ đã mau chóng sửa chữa xong. Và một hôm, xúc động chia tay, anh phi công đã bay đi.

Bây giờ, khi đã có người từ thế giới rộng lớn đặt chân đến chỗ họ, những con người ở đây càng suy nghĩ nhiều hơn về cuộc sống - sự tồn tại của mình. Không, không thể sống mãi như thế này. Cuộc sống của những kẻ ẩn dật - đó không phải là con đường do Lenin vạch ra. Phải ra đầu thú, đúng hơn, phải đến tỉnh lỵ gần nhất và kể hết mọi chuyện đang có và mọi chuyện đã qua.

Có người đề nghị về thẳng Mátxcova. Ở đó có Kalinin. Bản thân ông cũng vốn là nông dân. Ông sẽ phân xử. Ông sẽ hiểu lòng chúng ta. Thực ra thì chúng ta có làm điều gì xấu đâu. Người ta đã xúc phạm chúng ta một cách bất công. Nhưng chúng ta ngay ở nơi lưu đày cũng

đã sống theo cách sống Xô viết, sống trong một nông trang. Chúng ta đã xới đất lật cỏ. Chúng ta đã chinh phục rừng taiga. Mà ngay ở thời cũ thì chỉ vì mỗi việc ấy thôi cũng đáng được thưởng mề đầy lắm rồi.

Và họ đã quyết định như thế: cử đại biểu về Mátxcova.

Nhưng các đại biểu đã không kịp ra đi.

Đang đêm, làng của họ đã bị lính đến vây chặt. Mọi người - già, trẻ, lớn, bé - bị xua hết ra khỏi nhà, trong bộ quần áo ngủ. Lính tách riêng phụ nữ và trẻ em. Sau đó họ đốt làng.

Có một đêm như thế. Những con người đứng trước mũi súng trường, hai tay giơ lên cao, trước mắt họ, làng xóm của họ bốc cháy, chính quyền Xô viết của họ bốc cháy.

Nhưng anh lại đặt hai bàn tay mugich nặng nề lên đùi, nhìn chúng. Epghênhi Kadimirôvich cũng đưa mắt nhìn hai bàn tay ấy, rồi nhìn Nexte. Và ông không biết nên nghĩ thế nào.

Bảy năm sống trong các trại cải tạo, ông đã được nghe đủ thứ chuyện. Nhưng câu chuyện này... không lẽ tất cả những gì mà Nexte kể đều là sự thực hay sao?

Mà có thể đó chỉ là chuyện bịa đặt. Có thể đó là một di sản của câu chuyện cổ tích về hạnh phúc của người dân, một truyện cổ tích được Nexte sáng tác lại theo lối mới? Tại đây, sau hàng rào dây thép gai, anh ta không biết để đôi tay lam làm của mình vào công việc gì?

Nhưng quả là thực đau lòng: mọi điều mà Nexte đã kể cho ông nghe nó giống như câu chuyện cổ tích, một câu chuyện cổ tích khủng khiếp, trong đó cái thực, cái hư quện chặt với nhau một cách khó tin nhất.

Ý Kiến Riêng

Sự kiên trì kiêu ngạo của anh chàng kỹ sư trẻ vừa khiến Minaiev bực bội, vừa hấp dẫn ông một cách lạ lùng, Olkhovxki không tán thành bất cứ một đòi hỏi nào. Dùng những ngón tay thanh tú, lấm bấn, chốc chốc anh ta lại chộp lấy cái nắp lọ mực trên bàn Minaiev rồi để nó trên mặt kính phủ bàn. Tiếng kin kít khó chịu hòa với ý nghĩ khó chịu của các từ ngữ do Olkhovxki phát ra, cùng ấn tượng do bài báo của anh ta gây nên, cái bài cũng gay gắt một cách khó chịu như vậy. Thực ra, điều làm ông bực bội hơn cả là sự thật không phản bác được của bài báo; Olkhovxki đã chứng minh một cách đầy thuyết phục tính chất không kinh tế của loại động cơ mới do viện sĩ Stroiev thiết kế. Minaiev không thể cho phép in một bài như vậy: Giải thích cho cậu bé này hiểu rằng việc phê phán viện sĩ Stroiev sẽ gây nên đủ thứ chuyện lôi thôi cả cho công tác của viện nghiên cứu, lẫn cho chính Minaiev, một viện trưởng chưa có quyết định chính thức đề bạt.

– Tôi đề nghị một cách thân tình là hãy bỏ hết những gì có dính dáng đến Stroiev đi. - Minaiev nói một cách nhẹ nhàng. - Và trong phần phê phán cũng nên bớt cái giọng gay gắt đi: được như vậy tôi sẽ cho đăng ngay.

Olkhovxki bật dậy, người cúi gập, khuôn mặt nhợt nhạt của anh ta ửng đỏ lên, tay thu lại thành hai nắm đấm.

– Vậy thì bài báo của tôi sẽ nói về điều gì? Chẳng về gì cả nữa! - Anh thốt lên, giọng lạnh lạnh. - Đồng chí hiểu cho, những cái động cơ ấy sẽ dẫn tới việc tiêu phí hàng nghìn tấn nhiên liệu. Làm sao đồng chí có thể... - Đôi lông mày thẳng của anh ngạc nhiên rướn cao lên. - Không, không, không có một sự thay đổi nào hết. Không vì một lý do nào hết. Đồng chí Vladimир Pakhomovich, như vậy sẽ là một chuyện vô

nguyên tắc!

“Cừ lắm”, Minaiev thầm nghĩ. Trong tư thế của Olkhovxki có cái gì đó quen thuộc một cách lạ lùng... Và đột nhiên trước mắt Minaiev hiện lên cái cảnh xa xưa đã bị quên lãng, khi ông cũng như thế này, cong người, hai tay nắm lại, quát tháo bằng cái giọng đứt quãng... khi đó tóc ông cũng rối bù và trên ve áo khoác cũ sồn cũng là tấm huy hiệu đoàn viên thanh niên Kômxômol như thế này. Hồi ức thật cảm động, nhưng nó không hề được phản ánh trong ánh mắt đã tắt của ông, hai mi mắt nặng nề mệt mỏi nửa khép lại. Bộ mặt gồ ghề, đầy nghị lực của ông giữ một cách vững chắc ở khóe miệng nét biểu hiện không rõ ràng, có thể phỏng đoán theo các hướng khác nhau.

– Anh cứ thích khua cái từ ấy - tính nguyên tắc. - Minaiev lạnh lùng nói. - Nhưng anh cứ thử thể hiện nó ra xem. Xin anh hãy làm việc để có lấy được cái quyền và các phương tiện thực hiện nó. Phải, đồng chí Olkhovxki ạ, - Ông nhắc lại với một sự thích thú độc địa. - hãy thực hiện đi, chứ đừng có tuyên bố vì điều đó buộc phải hy sinh cái gì đó.

Olkhovxki cúi xuống bàn. Mái tóc rậm của anh xoa xuống. Từ dưới mái tóc, đôi mắt long lanh sáng tức tối nhìn Minaiev.

– Đồng chí Vladimир Pakhomovich, thế đồng chí đã giành được cái quyền trở thành có nguyên tắc như thế nào ạ?

Câu hỏi đã làm Minaiev bực mình bởi sự bộc trực hình như của chính bản thân mình, đã có lần vang lên trong chính căn phòng làm việc này. Nở chính cái nụ cười cười mở thân thiện, cái nụ cười đã từng cứu ông trong những phút khó khăn, ông nói một cách hạ cố:

– Cẩn thận hơn một chút, anh làm đổ lọ mực mất đấy.

Olkhovxki đỏ mặt lên, vội dịch ra xa.

– Thế đấy, anh thấy không, - Minaiev nói tiếp. - quan trọng là biết dịch ra xa đúng lúc.

Cuộc chuyện trò này để lại cho Minaiev một cảm giác nặng nề. Thôi

được, bây giờ điều quan trọng duy nhất là quyết định bổ nhiệm chính thức, khi ấy có thể giúp đỡ Olkhovxki, khi ấy ta sẽ chẳng còn sợ gì, ngay cả Stroiev nữa, có thể cứ giữ vững ý kiến của mình trước bất cứ một ai. Có chính kiến ấy chưa đủ, mà đi với nó còn cần phải có địa vị phù hợp... Những ý nghĩ đó làm ông yên lòng lại một cách quen thuộc, mỗi lần sau một bước ngoắt ngoéo khó chịu, chúng lại tận tụy hiện ra.

Ít lâu sau từ Thành ủy có công văn gửi xuống hỏi về bài báo của Olkhovxki. Công văn do một cán bộ chỉ đạo của Thành ủy là Loktev ký, kèm theo công văn có đính cả bức thư của Olkhovxki. Đọc xong thư, Minaiev nổi giận... Chính sách hèn nhát của Minaiev đã củng cố thêm đường lối độc tài của Stroiev... Ở cương vị như vậy đã đến lúc cho phép mình được “hưởng sự xa hoa” là bảo vệ ý kiến của riêng của mình. - xem kìa, anh chàng thông minh đã tự nói thất lung cho mình đến mức ấy đây.

Minaiev đích thân viết công văn trả lời, ngắn gọn, cô đọng và đồng thời cũng chết người, sử dụng hết mức tính đa nghi của Loktev mà ông biết rõ. Olkhovxki được hình dung ra là một kẻ đáng ngờ, khó chịu, bằng những trò eo xẹo của mình hay làm mất thời giờ của mọi người, việc anh ta nêu ra còn chưa rõ ràng, khiêm nhã. Đôi chỗ trong thư hơi nhiều lời. Nhưng Minaiev biết rõ: càng nhiều lời càng có sức thuyết phục. Đặt chữ ký lên mặt giấy, ông lóng ngóng cào ngòai bút và tiếng ngòai bút kẹt rít trên giấy làm ông cau mặt... Thì biết làm sao được kia chứ, ngay trước việc hoàn tất mọi niềm hy vọng của mình, ông không thể nào lại mạo hiểm vì sự bướng bỉnh của cậu bé con này. Tự Olkhovxki buộc ông phải viết như thế. Không sao, không sao, sau này ông sẽ sửa chữa lại mọi chuyện. Và ông ném sự việc của Olkhovxki vào loạt “tạm hoãn cho đến khi được đề bạt chính thức”.

Thứ trưởng Petrishchev được Minaiev hết sức kính trọng, và có lẽ chính vì vậy mà việc ông về thăm viện không làm Minaiev vui mừng. Khi có mặt Petrishchev, bao giờ Minaiev cũng có một cảm giác khó

hiểu và bị dồn ép vì một nguy cơ nào đó. Kể ra thì, cảm giác hoàn toàn không cần thiết ấy không hề cản trở Minaiev mỉm cười, bông đùa, đôi khi thậm chí còn làm bản thân ông phải kinh ngạc, bởi những đường gân thớ thịt trên mặt, giọng nói, đôi tay của chính ông hành động với một thái độ tự chủ hồn nhiên như thế nào.

Minaiev đưa Petrishchev đi thăm các phòng thí nghiệm, giới thiệu đề tài các công việc đang tiến hành ở đây, lắng nghe ý kiến nhận xét và, mặc dù cũng vẫn chính những ý kiến nhận xét mà bản thân Minaiev, đã nói với các cấp dưới của mình, ông vẫn cứ đề nghị người trợ lý ghi lại, tính toán rằng sự chú ý như thế sẽ làm Petrishchev hài lòng.

Trong một phòng thí nghiệm, khi đang giới thiệu cái máy dao động, Minaiev nhìn thấy Olkhovxki lên đến gần đồng chí thứ trưởng. Anh ta trông nhột nhột khác thường. Cái cằm nhọn giật giật. Đôi mắt đen mở to nhìn với một niềm hy vọng và cả nỗi sợ hãi. Mỗi phút chờ đợi lại làm vội bột quyết tâm của Olkhovxki, và hiểu rõ điều đó, Minaiev cho máy hoạt động. Tiếng máy rồ lên như luồng nước bật lên trần và tỏa ra, nhận chìm căn phòng vào tiếng ầm ầm đều đặn. Minaiev đe dọa đưa mắt nhìn Olkhovxki, cố ngăn anh ta lại, tỏ cho anh ta thấy rằng anh ta vội vã với chuyện đề nghị của mình lúc này là quá sớm. Bởi vì chỉ còn phải chờ đợi vùn vụt độ một tuần lễ gì đó mà thôi. Thái độ ích kỷ của Olkhovxki làm ông bực mình, nhưng khi Olkhovxki cuối cùng lên tiếng thì Minaiev lại bình tĩnh lại.

Đáng ra nên trình bày ngay thực chất của sự việc thì Olkhovxki lại lúng túng trong những câu chữ dài dòng chuẩn bị sẵn, bắt đầu nói về ngọn nguồn của chủ nghĩa bảo thủ, hệ thống trách nhiệm - không ai có thể hiểu anh ta muốn gì. Trong ánh mắt đồng chí thứ trưởng, Minaiev nhận thấy sự chăm chú cảm thông và ông bỗng cảm thấy xấu hổ thay cho Olkhovxki. “Làm sao mà cứ kéo dài thế mãi, cái anh chàng lý thuyết gia hỉ mũi chưa sạch, đồ thộn. - Minaiev rửa thầm trong bụng. - Thật là đồ vô dụng! Người ta sẽ ngắt lời anh ta bây giờ

cho mà xem”.

– Xin lỗi đồng chí, - Petrishchev lên tiếng, - thực ra thì đồng chí muốn gì kia?

Olkhovski bối rối lặng thinh, tiếp tục mấp máy đôi môi khô khốc không thành tiếng. Minaiev cụp mắt nhìn xuống. Lạy Chúa, cậu bé mới vụng về làm sao? Olkhovski cho tay vào túi, giật mạnh tập bản thảo quần nẹp gấp ra và dúi cho Petrishchev. Đồng chí thứ trưởng mở tập bản thảo gấp nẹp ra: bên trong có một đồng rúp nhàu nát nằm gọn giữa đồng vụn thuốc lá. Có người phì cười, đồng chí thứ trưởng không kìm được đưa trả đồng rúp cho Olkhovski, và cùng bật cười. Và lập tức chung quanh mọi người đều cười. Chẳng có gì đáng phật lòng trong tiếng cười ấy, trong những trường hợp như thế cần phải lên tiếng cười cùng với mọi người, cùng mọi người bông đùa nhưng Olkhovski lại đỏ dừ mặt lên, một nụ cười then thùng dần dần làm méo mó bộ mặt anh ta: có cảm giác, anh ta òa khóc bây giờ mất.

– Tôi đề nghị đồng chí, đích thân đồng chí tìm hiểu cho, - Olkhovski vội cắt lời với một sự tuyệt vọng, khi muốn gì đi nữa chỉ còn giây phút cuối cùng và có thể nói tất cả. - chứ không đồng chí lại gửi... cho đồng chí Vladimир Pakhomovich...

– Nhất định chúng tôi phải tìm hiểu. - Đồng chí thứ trưởng nói một cách hết sức bình tĩnh và thư thái.

Khi mọi người trở về phòng làm việc của Minaiev, Petrishchev hỏi xem anh chàng kỹ sư trẻ ấy đưa bản thảo gì cho ông vậy.

Phơi bày những lo ngại của mình có liên quan đến Stroiev hẳn là không có lợi, vì thế Minaiev đã bắt đầu:

– Bản thảo... - Sau đó ông ngừng lại. - Có lẽ đồng chí phụ trách bộ phận của Olkhovski sẽ có thể đánh giá nó tốt hơn tôi.

“Mình không thể nói khác”, tự bào chữa, ông thầm nghĩ, hình dung ra trước mọi cái sẽ xảy ra.

Phụ trách bộ phận nhận xét về những phương pháp tính toán lý thú do Olkhovxki đề ra, và ngay đây lại nói thêm - cần phải có sự kiểm tra kỹ lưỡng gạt bỏ mọi trò tung bắn đối khứ như thế, mọi sự ồn ào, thừa kiện, thư từ. Ông ta cố không chút gì làm nguy hại đến Minaiev và đồng thời giữ tính khách quan đối với Olkhovxki:

- Tôi không thể ngờ cậu ta lại là tay gây sự đến như vậy. - Petrishchev ngạc nhiên.

- Tôi trước cùng học với cậu ấy ở trường tổng hợp. - Trợ lý của Minaiev nói. - Cậu ta bao giờ cũng thế nào ấy. - Trợ lý ngoáy ngoáy ngón tay bên cạnh thái dương.

Minaiev biết rằng anh chàng trợ lý nói như vậy bởi vì anh ta cho rằng Minaiev muốn anh ta nói vậy, nhưng dù sao nữa cái đó hơi quá...

- Tất nhiên, trong chúng ta có loại người như vậy. - Đồng chí thứ trưởng nói. - Họ nghiêm khắc, đòi hỏi lập ban thanh tra, gây gổ. Nhưng sau đó hóa ra chỉ là một chuyện gây gổ hình thức. Nhưng có những người bị cố tình gán ghép vào loại những kẻ gây gổ... - Ông cau mày, có lẽ sức nhớ tới một chuyện gì đó của bản thân mình.

- Dù thế nào đi nữa, bản thân vấn đề cũng cần phải quan tâm đến. - Minaiev vội vã nói với thái độ tự chủ thô lỗ mà Petrishchev ưa thích.

Petrishchev tán thành, dường như giao phó số phận của bản thảo cho Minaiev... Và mặc dù Minaiev thấy thích thú được sự tin cậy này, nó vẫn gây cho ông một cảm giác có lỗi mơ hồ. Minaiev tự trấn an mình: ông không có một trách nhiệm đạo đức nào hết trước Petrishchev. Petrishchev đã phải miễn cưỡng đồng ý, ông không thể tỏ ra thiếu tin cậy vào con người mà ông sắp đề bạt làm viện trưởng. Không làm sao khác được, anh bắt buộc người ta, nhưng người ta cũng bắt buộc anh, hiện thời đang còn có những hoàn cảnh như vậy.

Bây giờ, khi vấn đề đã được giải quyết, Minaiev bỗng thấy thương hại Olkhovxki. Thực ra thì Petrishchev đã bị thuyết phục rằng

Olkhovxki là một tay gây gỗ và một anh chàng kỳ quặc có hại. Điều đó thật không hay. Chúng ta giết chết chàng trai chỉ vì anh ta không biết cách bảo vệ lẽ phải của mình. Như vậy không được.

Ông hẳn sẵn sàng thích thú đến chừng nào kia chứ: gặt phất mọi tính toán và cân nhắc của mình và sẵn sàng nói tất cả những gì ông suy nghĩ về sự can thiệp mà Stroiev thổi bùng lên. Nhưng đôi môi của ông vẫn mím chặt như trước: ngồi trên ghế bành, ông nghe cái ý kiến của đồng chí thứ trưởng và bộ mặt nặng nề của ông giữ một vẻ chăm chú không gì lung lay được.

* * *

Trở thành viện trưởng, do hàng đống công việc nổi cộm lên, Minaiev quên bẵng Olkhovxki đi, và chỉ đến khi có công văn từ tổng cục gửi về, ông mới chợt nhớ đến chuyện ấy. Kèm theo công văn hỏi lại, còn có thêm một lá thư nữa của Olkhovxki - anh ta tiếp tục một cách quyết liệt và vụng về cuộc đấu tranh không hy vọng. Do sự ngây thơ vụng dại, Olkhovxki coi thường mấy chữ, và vì thế thậm chí cả vẻ ngoài của bức thư này được viết trên những tờ giấy vở học trò bằng nét chữ to tướng trẻ con, cũng đã làm cho người đọc có cảm giác không nghiêm túc.

Những đoạn đầu tiên Olkhovxki viết cẩn thận, sau đó chữ viết càng ngày càng xiên xẹo, các dòng chữ vội vã cong queo và Minaiev tin chắc rằng không có ai, ngoài ông ra, có thể đọc hết bức thư này.

Với một sự ngây thơ hùng hổ, Olkhovxki đả kích cả hệ thống công bố các công trình khoa học. “Ở ta thịnh hành kiểu trách nhiệm nguy hại từ một phía sườn, - Anh ta viết. - in một bài báo khoa học sâu sắc hay có điểm gì tranh cãi thì có nghĩa lý gì, vì bài báo ấy anh có thể bị bồng, anh phải trả lời, còn gặt bài báo ấy đi - chẳng ai truy đến trách

nhiệm của anh...”.

“Cuối cùng thì anh chàng cũng đã hiểu ra”. - Minaiev thầm nghĩ. Xét qua mọi điều thì chàng trai, sau những cú bị thâm tím và sưng vù của mình đã sáng mắt ra đôi chút. Không chỉ còn là sổ phận công trình của riêng mình mà là bản chất của các vật án ngữ nhớp nháp không thể xuyên qua nổi, là anh ta lần đầu tiên đụng phải trong đời, đã làm Olkhovxki phần nộ. Sự căm tức đã làm cho ý nghĩ của anh ta chín chắn hơn và sâu sắc hơn. Với một sự ân hận, Minaiev nhận ra trong đó những bất diện giận dữ và đôi khi tuyệt vọng. Ông chậm trễ trả lời tổng cục, dự tính lúc rồi rãi sẽ suy nghĩ ra một biện pháp nào đó để giúp Olkhovxki. Cái thính nhạy hình thành được qua năm tháng đã ghìm ông lại không vội vã chống Stroiev. Cần phải tự củng cố, chờ đợi thời cơ... Những kết luận ấy làm Minaiev ngạc nhiên: cuối cùng ông đã trở thành viện trưởng đầy thôi, nhưng tình thế sao chẳng có gì thay đổi cả...

Ở cuộc họp đảng: Olkhovxki xin phát biểu ý kiến và lên tiếng chỉ trích cán bộ chỉ đạo của Thành ủy Loktev vì sự hoàn toàn không hiểu biết tính chất của công trình khoa học, vì “thái độ bàng quan cứng đờ đối với suy nghĩ sống động,... “Thái độ thiếu cân nhắc của Olkhovxki làm Minaiev lo ngại - mọi điều Olkhovxki phát biểu quả là sự thật, tuy nhiên Olkhovxki không tính rằng chính vì sự bất tài của mình mà Loktev sẽ không bỏ qua bất cứ một phát biểu nào chống lại mình mà không trừng phạt. Sớm hay muộn ông ta sẽ tìm ra cơ hội thuận tiện để ngáng chân, rỉ tai loan truyền tin đồn, không từ bỏ một biện pháp nào hết.

Nghe Olkhovxki tấn công một cách không sợ hãi đối thủ rõ ràng cực kỳ mạnh, Minaiev cảm thấy mệt mỏi, thương xót và cảm thông. Thậm chí ông còn húng hắng giọng một cách hậm hực: đáng thương thì đáng thương đấy. Nhưng mà giúp thì hình như chẳng biết cách nào. Trong cuộc đấu tranh của mình, Olkhovxki đã đi quá xa; công khai ủng hộ

anh ta - có nghĩa là đi vào mâu thuẫn với nhiều nhân vật có ảnh hưởng. Trong thâm tâm Minaiev ganh tị mạnh mẽ với sự tự do không cần đắn đo của Olkhovxki - mất, anh ta chẳng mất gì, sự tính toán, có lẽ, đối với anh ta là sự hèn nhát, còn sự chịu đựng - là sự yếu đuối.

Sang ngày hôm sau, sau cuộc họp, Minaiev để công văn hỏi và bức thư của Olkhovxki vào cặp hồ sơ “giao cho trợ lý trả lời”. Buổi tối, viên trợ lý, một chàng trai tóc chải mượt với bộ mặt vàng nhợt, đeo mục kính có bộ gọng cũng vàng nhợt như vậy, lẹ làng không tiếng động bước trên đôi giày đế cao su dày, đi vào phòng làm việc và đưa cho ông ký tờ giấy được đánh máy trên tờ mẫu có dấu đỏ của viện. Giọng văn có thiện chí một cách mơ hồ của bức thư trả lời tước bỏ mọi lý do phản bác và giữ quyền kéo dài việc quyết định lâu vô thời hạn.

Minaiev tò mò từ dưới cặp mi mệt mỏi nửa khép nửa mở đưa mắt nhìn bộ mặt trơ trơ của viên trợ lý.

– Ý kiến của anh về Olkhovxki thế nào? Dù sao đi nữa anh ta cũng là một anh chàng có khả năng đấy chứ?

– Vâng, - Viên trợ lý đáp, cúi mái đầu chải mượt mà. - cậu ta có khả năng.

“Thế liệu anh, anh bạn quý mến, anh sẽ viết gì nếu anh cũng ngồi ở ghế của tôi?” - Minaiev muốn cất tiếng hỏi. Nhưng ông đã biết cách đánh giá con người ta và vì thế, giữ nguyên âm điệu câu hỏi, ông nói:

– Bây giờ thì đối với anh chuyện đó rất đơn giản, nhưng nếu như anh ở vào địa vị viện sĩ Stroiev...

Lần đầu tiên Minaiev nhìn thấy viên trợ lý của ông đã trở nên sinh động ra sao và đưa tay chải mái đầu một cách đặc biệt hăng hái, vỗ vỗ vào làn tóc bóng lộn.

– Đồng chí Vladimir Pakhomovich, tôi hân cho đảng không cần đắn đo... Bởi vì một sự tiết kiệm như vậy.

– Thế đấy, vậy tại sao anh lại chuẩn bị cho tôi những câu trả lời như

thể này. - Minaiev hỏi nhanh. - Bởi vì cái đó khác với ý kiến của anh kia mà? Tại sao anh lại hành động như nhân vật ngậm miệng thế?

Viên trợ lý chậm rãi, vuốt mạnh mái tóc:

– Tôi viết như đồng chí muốn, để đến một lúc nào đó sẽ viết như tôi cho là cần thiết. - Và anh ta cứng rắn nhìn thẳng vào mắt Minaiev.

– Ô hô! Và anh hy vọng rằng chuyện đó rồi có lúc sẽ xảy ra? - Minaiev mỉm cười một cách tự lự. Rút từ cái cốc nhỏ đựng bút ra cây bút chì to, màu xanh, ông đặt một chữ ký rõ to lên tờ giấy.

Olkhovski không tìm đến Minaiev một lần nữa. Mấy lần Minaiev gặp anh ta ở hành lang viện. Olkhovski đi qua, cau có cúi đầu, hai cánh tay dài buông thõng như hai cánh tay người khác. Minaiev cứ có ý muốn giữ anh ta lại, chuyện trò thân mật, khuyên giải đôi điều rằng cần phải biết chịu đựng: sắp tới đây Minaiev sẽ lên dự họp ban cán sự trên bộ, ở đây sẽ có cơ hội trao đổi với ai đó. Nhưng ông cảm thấy ngay Olkhovski sẽ không hiểu ông và điều đó thật đáng phiền lòng: Minaiev rất muốn chứng minh rằng ông không có lỗi, rằng quyền hạn của ông rất nhỏ nhoi.

Trước khi lên đường dự cuộc họp ban cán sự trên bộ, Minaiev được gọi lên Thành ủy. Ông biết rằng Loktev đang tìm cách sa thải Olkhovski. Cuối cùng thì Loktev là ai? Chẳng qua chỉ là một cán bộ chỉ đạo của Thành ủy.

Anh ta lấy quyền gì mà can thiệp vào công việc của ta? Nếu như cần phải sa thải Olkhovski thì chính tự ta đã làm việc đó. Do đâu mà ta phải dung túng cho cái lòng tự ái độc địa nhỏ mọn của nhân vật này nhỉ? Không đủ rồi, Loktev không phải là thủ trưởng của ta và không phải anh ta được quyền chỉ huy ta. Nếu như bí thư Thành ủy, đó lại là chuyện khác, còn đây chẳng qua chỉ là một cán bộ chỉ đạo! Ta đã qua khỏi cái lứa tuổi ấy rồi, đồng chí Loktev ạ, mà cả hoàn cảnh cũng không phải như trước nữa... Ông sẽ nói như vậy, và hoàn cảnh không

phải như trước nữa - rõ hơn bao giờ hết. Ông thầm nhắc lại câu nói cuối cùng - một cách nhiều ngụ ý, với nụ cười khẩy thoáng nhẹ. Xe tiến tới gần tòa nhà của Thành ủy, ông máy móc đưa tay xoa cái cằm cạo nhẵn, sửa lại cà vạt, và lập tức sức nhớ ra, ông bực với chính bản thân mình vì cái cử chỉ quen thuộc ấy. Đủ rồi, đã đến lúc ông có thể cho phép mình giữ nguyên là bản thân mình, ông không thua kém gì các viện trưởng khác. Đặc biệt trong trường hợp này, ông có thể, ông phải đưa Loktev ra ánh sáng. Đặt chân lên lối cầu thang rộng rãi của Thành ủy, đi theo đường hành lang khoáng đạt chạy dài, Minaiev ngừng cao đầu, trong những đường nét bộ mặt nặng nề của ông, thay vào thái độ e dè quen thuộc, xuất hiện vẻ kiên quyết cứng rắn.

* * *

Một giờ sau ông ra khỏi Thành ủy. Mưa bắt đầu lác rác rơi. Những hạt nước li ti đây đó rải lên mặt đường nhựa. Minaiev đứng lại hồi lâu bên cạnh xe ô tô. Muôn vàn những vệt ướt hiện lên trên mặt đường nhựa xám. Những hạt nước rơi xuống áo bành tô mùa hè của Minaiev, ông cảm thấy ở đôi vai một cái rùng mình nhẹ.

– Đồng chí Vladimir Pakhomovich, mời đồng chí vào xe. - Người lái nói.

Minaiev ngừng đầu lên ngạc nhiên nhìn anh ta.

– Anh cứ cho xe đi đi. - Ông nói và đóng sập cửa xe lại.

Chiếc xe ZIL bỏ đi, chỗ nó dừng hiện rõ trên mặt đường. Minaiev nhìn những hạt mưa bắt đầu in dấu lên cái khung hình chữ nhật khô ráo, sáng sủa.

– Anh cứ cho xe đi đi. - Ông nhắc lại, lắng nghe giọng nói của chính mình.

Ông đi lên phía trước. Ông có đi đâu chẳng nữa thì vẫn được coi là tiến lên trước. Ông có thể đi đến quảng trường, có thể rẽ sang đường bờ sông. Điều duy nhất ông không thể làm, đó là quay trở lại Thành ủy. Dù ông có tự thuyết phục mình thế nào đi nữa... Trong đời ông hiếm hoi xảy ra trường hợp khi ông có dịp ngoái nhìn lại chính bản thân mình. Không, không phải điều đó: Về bản thân mình, ông suy nghĩ khá đủ, ông cố nhìn trước mỗi động tác của mình, kiểm tra lời lẽ của mình, nhưng suy nghĩ về chuyện tại sao ông nghĩ thế này, mà không nghĩ thế khác, ông lại không có lúc nào. Bắt đầu câu chuyện tâm lý nặng nề... Cái tháo vát đã được rèn luyện mà cả lúc này đây ông dùng để thu hút bản thân mình thoát khỏi những suy tư nguy hiểm, làm ông thấy dễ chịu.

“Nhưng điều gì đã xảy ra ở Thành ủy kia chứ?” - đột nhiên ông sợ hỏi Loktev thô lỗ và trắng trợn đề nghị chuyển Olkhovxki đến trạm thí nghiệm ở Nicolaiev. Nghe Loktev, ông tự hỏi mình, rằng cái thằng cha học không đến đâu đến đâu, cau có, với bộ mặt chết trôi, vẻ như từ năm cũ này, không bao giờ sáng tạo ra được bất cứ một cái gì và không có khả năng sáng tạo, có quyền gì ngồi ở đây và điều khiển số phận những con người như Olkhovxki? Thậm chí để lấy lệ thôi hắn cũng không thêm hỏi gì về loại động cơ của Stroiev. Điều mấu chốt ở đây là gì? Hắn tin tưởng một cách chắc chắn rằng Minaiev sẽ làm như chính hắn muốn. Hắn lấy ở đâu ra cái đức tự tin tồi tệ ấy? Ở Thành ủy người ta mệnh danh hắn là “cau có - phá” và sợ dây với hắn.

Trên sông, lớp băng cuối cùng đang trôi đi. Đôi chỗ con sông còn trắng xóa, dường như lại đóng băng trở lại. Các tảng băng xô vào hàng cột đá ở chân cầu và nhẹ nhàng tan vỡ, những mảnh băng sắc cạnh, quay tròn, biến đi giữa những trụ cầu. Gặp người qua thành cầu, Minaiev nhìn xuống bên dưới. Có cảm giác các tảng băng đứng nguyên tại chỗ, mà chính cái cầu thì chuyển động. Từ mặt nước tối đen, hơi lạnh phả lên, những tảng băng lấp lánh như pha lê, réo lên, tan vỡ biến

thành đá và lấp lóa, chìm xuống dòng nước. Cổ sức ép mình, Minaiev dút khỏi thành cầu. Trong ngực ông nổi lên tiếng đập thành thạch, và lập tức ông cảm thấy nóng rực. Bỏ mũ ra, ông đưa ống tay áo quạt mồ hôi. Những hạt nước mưa lạnh thiêu đốt làn da nóng hôi hổi.

Ông cảm thấy mình già nua và vĩnh viễn mệt mỏi rồi. Ông đột nhiên nhìn thấy bản thân mình như từ phía ngoài một người đàn ông héo hon, hói đầu, lom khom, lần bước trên cầu, nắm trong tay cái mũ đội đầu. Trời ơi làm sao mà ông nhanh chóng già đi làm vậy? - Điều đó xảy ra từ bao giờ thế? Ông Volodya Minaiev, cây lĩnh xướng của đội đồng ca trường phổ thông, bí thư chi bộ khoa... Ông bỗng thấy kinh hãi: không lẽ ông đã trở thành một ông già?!

Với một sự hiển hiện đáng sợ, Volodya Minaiev hiện ra trước mắt ông. Volodya Minaiev - cặp mắt rực rỡ với cái cổ gà con nẩy nẩy, dáng hệt như anh ta khi đến cơ sở “Máy móc nông nghiệp”. Anh còn nhớ câu chuyện dính đến hệ thống trục của máy nổ? Có lẽ là bắt đầu từ đó? Ông nhớ. Phụ trách phân xưởng bảo ông: “Minaiev, cậu thò mũi vào còn sớm đây. Cậu len lỏi đi đâu với những sức lực cón con của cậu, nếu chống lại tổng công trình sư kia chứ? Ông ta sẽ chặn mọi đường trong tương lai của cậu. Cậu là cái gì nào? Một anh thợ cả, loại như cậu, người ta nuốt chửng không cần nhai đâu”.

Ông nhớ đến sự bất lực nhục nhã của mình, khi tổng công trình sư, vừa nhấp nhấp cốc trà, vừa nghe những lời đầy hăng hái của ông, rồi nói, gọi trạch họ ông một cách có chủ ý: “Này Linyaiev, anh nghe đây, nếu như anh một lần nữa còn thọc vào với các trò ngu xuẩn này, tôi sẽ ném anh ra khỏi nhà máy. Thôi, đi đi”. Cùng với bạn bè ông còn thử kháng cự nữa, còn đi, còn chứng minh. Mọi chuyện đều vô ích.

Họ có thể tiêu phí vào cuộc đấu tranh vô hy vọng này ba năm... mười năm và chẳng đạt được gì hết. Họ có cả thầy ba người. Thoạt tiên người ta đuổi khỏi nhà máy một, rồi sau đó người thứ hai. Sắp đến lượt Minaiev. Bây giờ ông làm ra vẻ chịu lép. Ông tự an ủi mình:

chuyện này là tạm thời thôi. Đành phải đi đường vòng, trước hết phải đạt được sự tự chủ, được uy tín, rồi sau đó sẽ đánh tan nát bọn quan liêu kia. Nghiền răng chịu đựng, ông đã nhích dần tới đích của mình. Ông được cử làm phó phân xưởng. Ông đã huấn luyện mình biết chịu đựng và im lặng.

Vì cái tương lai kia ông có thể làm cái cần làm. Ông thề với chính mình - chịu đựng mọi chuyện. Ông xu phụ những kẻ ngu dốt dần dần. Ông biểu quyết “ủng hộ” khi lương tâm ông đòi hỏi chống lại. Ông nói những lời mà ông không tin. Ông khen ngợi cái đáng ra phải chửi rủa. Khi trở nên thực sự kinh tởm, ông im lặng. Im lặng - là hình thức tiện lợi nhất của lừa dối. Nó có thể dần xếp được đối với lương tâm, nó dành cho mình cái quyền khôn khéo được giữ ý kiến riêng và có thể, khi nào đó sẽ nói ra ý kiến ấy. Chỉ có điều không phải ngay bây giờ.

Không phải ở cương vị phân xưởng trưởng và cũng không dành cho phụ trách bộ phận kỹ thuật và càng không dành cho kỹ sư chính của nhà máy. Và càng không phải dành cho anh nghiên cứu sinh đang sắp bảo vệ luận án. Hãy còn sớm, lần nào cũng còn sớm mà! Và danh mục các món nợ của ông cứ dài ra. Cuộc sống sinh ra những tư tưởng mới, đẩy đến trước ông những trở ngại mới. Còn có biết bao nhiêu Olkhovxki như vậy ở lại phía sau!...

Không mệt mỏi, tựa hồ như tổ kiến, ông đã tạo lập tòa nhà địa vị của mình, cố gắng làm cho nó càng bền chắc hơn. Để làm gì? Ông đã đạt được gì? Càng leo lên cao, ông càng còn lại là bản thân mình ít hơn. Ông càng khó khăn hơn trong việc dám liều lĩnh. Cái gì đã cản trở ông? Tại sao những người khác lại có thể làm được?... Tại sao Petrishchev có thể - người ta đã xử trí một cách bất công ông ấy, đã hạ chức, cắt chức, vậy mà ông ấy vẫn luôn luôn đi bừa lên theo con đường của mình và đã chiến thắng?

Không, với ông, với Minaiev, chẳng có gì cản trở cả, chẳng qua chỉ vì ông nhẹ xác hơn. Ông cho là như vậy: nhẹ xác hơn. Vì thế, khi

Loktev, vung vẩy bản sao tờ công văn trả lời của ông gửi cho Thành ủy, chê trách ông hai mặt - “anh viết một đảng, anh nghĩ một nẻo, thế nào, anh ra lệnh báo cáo thế nào cho bí thư đây?” - Ông hiểu rằng Loktev chẳng kiêng nể gì cả, hẳn có quyền công khai và bây giờ khi cần nhượng bộ, hẳn có quyền nhượng bộ, nhẹ như không.

Mọi chuyện Loktev đề nghị, đều đều giả, đều giả hết chỗ nói, nhưng Minaiev sững sốt vì một điều khác - Loktev ít ra đã dám nói thẳng hết những gì hắn muốn.

Loktev và Olkhovxki. Còn tất cả những người khác, có dính dáng đến sự việc này - tất cả đều nghĩ một đảng, mà làm một nẻo. Tất cả, kể từ chính bản thân Minaiev cho đến viên trợ lý của ông. Mỗi người đều đạo đức giả theo một cách, dối trá theo một cách, và có lẽ vì thế mà Loktev có quyền không cần phải dối trá nữa.

“Đê tiện đến thế là cùng!” - Ông cảm tức nghĩ thầm, nhìn vào đôi mắt trống rỗng của Loktev. - Phải tổng cổ hắn ra khỏi Thành ủy và đưa tất cả những kẻ như hắn ra khỏi Đảng. Một lũ vô lại độc ác. Nếu hắn mà bị tổng ra khỏi nơi này thì thậm chí cho đi bán hàng giải khát người ta cũng không thềm nhận”, ông càng cảm ghét và khinh bỉ Loktev bao nhiêu, ông khước từ hắn càng ôn hòa hơn bấy nhiêu. Rồi khi Loktev bắt đầu khẳng khẳng và dọa dẫm, thì ông xin hoãn vấn đề thêm vài ngày. Tỉnh táo đánh giá toàn bộ những điều khó chịu mà Loktev có khả năng gây ra cho ông, ông hy vọng sẽ tìm được sự ủng hộ ở Mátxcova.

– Có điều anh đừng dây dưa đây. - Loktev nói khi chia tay. - Chính anh biết rằng Olkhovxki là một gã phá bĩnh. Cần phải làm trong sạch viện, cho bầu không khí thêm lành mạnh.

“Chà, chó đểu thế là cùng” - Minaiev nghĩ bụng và bắt chặt tay Loktev.

Tại Mátxcova, ở cuộc họp ban cán sự, viện bị khiển trách vì không

hoàn thành kế hoạch và mặc dù phần lớn những điều phàn nàn nêu ra lại là lỗi ở bản thân bộ, nhưng không cần thiết phản bác lại, bởi vì người ta coi Minaiev là người mới và mọi điều trách cứ tức thì bị trút lên đầu ban lãnh đạo cũ. Nhưng nhờ vào chiến thuật như vậy, Minaiev lại xin được ngoại tệ để mua thiết bị.

Trong vấn đề lắt léo này, viện sĩ Stroiev lại ủng hộ đề nghị của viện và sau việc đó, Minaiev thấy sẽ bất tiện nếu lại đưa chuyện Olkhovxki ra đây. Sự bẽ bộn của chuyến công tác Mátxcova đẩy lùi sự việc này, một sự việc mà ở đây, tại Mátxcova trở nên nhỏ bé, chẳng đáng kể và chỉ lóe ra trong ký ức ông khi ông đã ở trên tàu, khi Minaiev chỉ còn lại một mình trong toa có giường ngủ gần như trống trải.

Có lẽ lỗi là tại trận mưa. Trận mưa bắt đầu lúc nào không hay, nó phủ lên mặt kính cửa sổ những vệt chéo lấp lánh. Những hạt nước li ti chảy ngoằn ngoèo, thu nạp thêm những hạt nước khác, rồi hòa vào nhau và càng trượt nhanh xuống. Sực nhớ đến lời hứa Loktev, Minaiev thở dài - có lẽ hẳn đang gặm gào và lông lộn ở nhà. Không làm thế nào khác được, đành phải chuyển Olkhovxki đến Nicolaiev vậy. Tạm thời, cho đến lúc bầu máu nóng của hắn nguội đi vậy.

Trên cái nền tối dày đặc của buổi đêm, mặt kính hai lần phản chiếu thân hình nặng nề, mặc bộ quần áo ngủ kẻ sọc màu hồng, bộ mặt húp híp với điều thuốc lá ở khóe miệng mím chặt cương nghị và còn một bóng khác, mơ hồ hơn tất cả, lẫn trong cái vạch sáng của nước mưa. Khói thuốc lá chạm vào mặt kính lạnh, lan trải ra thành nhiều đường vằn vèo xoắn xuýt, nam nồm, dính nháp. Xuyên qua những đường xoắn xuýt ấy, từ trong bóng tối sâu thẳm của cửa sổ, ở bên ngoài toa xe, một anh chàng trẻ tuổi, đội mũ kêpi bị thấm ướt, mặc tấm áo khoác ngoài sờn cũ của thời sinh viên đang nhìn vào Minaiev. Những dòng nước lăn dài trên hai gò má nhọt nhọt, trên cái cổ gà con gầy nhẳng của anh ta.

“Đây bố già, vì sao bố già cứ năn nã mãi thế, còn phải chờ đến bao

giờ nữa mới được kia chứ, không lẽ bố già hoàn toàn không phải là một nhân cách nữa sao?”.

– “À, mà kể ra thì đối với mọi người, bố vẫn là một nhân cách khá chi là quan trọng kia đây. Tôi có tính đến những bối cảnh hiện thực, dễ dàng đòi hỏi khi còn ở bên dưới”.

– “Bố già hứa sẽ hành động theo ý mình, khi được chuẩn y làm viện trưởng. Sau đó là khi bố già củng cố vững vàng, còn bây giờ...” - “Cứ làm như thể viện trưởng là thượng đế không bằng. Tôi bị trói buộc chân tay. Nếu như tôi làm ở bộ, khi ấy hẳn tôi không bị phụ thuộc vào Loktev, tôi đã có thể...” - Gồm chữa, Loktev, những lời đe dọa của hắn là cái gì kia chứ, cần phải gấp thẳng bí thư thành ủy, cuối cùng thì có thể lên cả trung ương, thì bố già cũng đã có mặt ở đây kia mà”. - “Và tôi đã làm và đang làm một cách trung thực với hết sức mình. Và với Olkhovxki, mọi chuyện rồi cũng sẽ đâu vào đấy, tôi sẽ đưa anh ta trở về”. - “Bố sẽ không đưa anh ấy về đâu và bố sẽ không bao giờ đưa anh ấy, cái anh chàng Olkhovxki ấy về, nếu anh ta không phải là một Minaiev, không tự biến mình thành một Minaiev, bố đã phản bội cả hai chúng tôi... làm sao tôi có thể tin bố kia chứ?”. - “Mị dân. Ba hoa vô trách nhiệm. Nếu như tôi nhượng bộ lúc này thì việc đó chẳng qua cũng chỉ vì tôi muốn có được cơ hội để ủng hộ không phải chỉ một mình Olkhovxki. Trên vai tôi là cả một viện nghiên cứu lớn, ở đó có hàng chục người như Olkhovxki, những người mà tôi có thể bảo vệ, vì thế tôi không có quyền...”.

Ngoài ra, có thể có một Minaiev thứ ba nữa, một Minaiev vô hình, đang tò mò lắng nghe ông viện trưởng, từ tốn bẻ gãy một cách đầy thuyết phục lý lẽ của chàng trai kia, chứng minh bằng sự kiện hẳn hoi sự tất yếu của những gì đã diễn ra và tựa hồ như để trấn áp anh chàng kia, ông đã hứa hẹn là đứng ra che chở cho Olkhovxki, đưa cậu ta trở về viện, một khi hoàn cảnh cho phép. Ông đã hoàn toàn chân thành, không quanh co, nhưng chàng Minaiev thứ ba vô hình này, thừa biết

rằng hoàn cảnh tự nó sẽ chẳng bao giờ đến cả, và trò chơi này sẽ chẳng bao giờ kết thúc.

Từ mai trở đi ông sẽ luôn luôn cố giữ cho được bản sắc của chính mình. Tuy nhiên anh chàng thứ ba, chàng Minaiev vô hình ấy không hề tham gia vào cuộc tranh cãi, không lật tẩy một ai trong hai Minaiev kia, không nói lên một ý kiến nào, vì chàng Minaiev thứ ba này thừa biết rằng ông viện trưởng đã dám hành động đúng như mình muốn và chàng Minaiev vô hình này chính là một Minaiev mà thiên hạ chẳng một ai được hay biết cả. Thôi được, miễn là còn có hấn và hấn không lui tắt đi là may mắn lắm rồi, ông tự an ủi mình như vậy. Mặc cho thiên hạ ai muốn bóp chết hấn thế nào, tùy thích. Họa có trời biết là trong ông có tới bao nhiêu Minaiev và tại sao họ lại không thể' hợp nhất lại làm một được.

Những mảng khói uốn éo, lênh bênh, bay che khuất gương mặt ướt át ở đằng sau tấm kính và gương mặt đó đã lẫn trốn vào bóng đêm tối mò cùng với quá khứ. Cái quá khứ ấy trốn đi đâu? Điều duy nhất còn lại chỉ là cảm giác chờ đợi, không phải công việc mà chỉ là những niềm mong đợi và hóa ra là tất cả những năm tháng ấy chung quy đều là kết tinh của những chờ đợi triền miên. - Sự chờ đợi triền miên - nhưng chờ đợi cái gì mới được kia chứ? Ông cười khẩy và dụi điều thuốc lá đi.

Sáng ra, viên trợ lý đón Minaiev trên sân ga. Cẩn thận quần kỹ lại khăn quàng cổ, Minaiev lắng nghe những tin tức trong viện.

- À này. - Ông hỏi. - Loktev có gọi điện xuống không?
- Có ạ, gọi hai lần.
- Sự thể nó là thế đấy. - Minaiev buông thõng một câu.

Hai người chậm rãi bước đi trong đám đông trên sân ga ẩm ướt, họ đi qua toa tàu mà Minaiev vừa rời đó xuống. Những tấm kính bụi bặm của toa xe không phản chiếu một hình ảnh nào hết. Qua tấm kính tối mò chỉ nhìn thấy tấm vải trải giường nhàu nhò, cái gạt tàn bẩn thỉu,

đầy những mẫu thuốc vứt đi.

Buổi Sáng Của Ngài Tổng Thống

Tổng thống nước Cộng hòa có chủ quyền Pôgôrelôvô nguyên là Chủ tịch Xô viết xã Gôrôlôxki gọi viên quản trị đến để anh ta tường trình về tình hình trong đất nước theo thường lệ mỗi sáng.

Tổng thống thực hiện sự nghiêm túc muốn biết:

– Có những vấn đề gì nào?

– Về nguyên tắc, mọi chuyện đều ổn cả, thưa đồng... à thưa ngài Tổng thống. Kể ra thì cũng có hai đơn thỉnh nguyện không quan trọng gì của dân chúng gửi đến... Cô thợ vắt sữa Pixtôletôva muốn đòi tiền trợ cấp của chồng. Nhưng chồng cô, thằng đểu, tháng trước đã chuồn sang nước Cộng hòa Nêelôpxki, mà giữa chúng ta và họ còn chưa có hiệp định.

– Anh đã giải thích cho cô ta về tình huống chính trị chưa? - Tổng thống hỏi.

– Tôi cũng đã thử, - Xidôrôp thở dài. - nhưng đàn bà vẫn chỉ là đàn bà, không chịu hiểu thế nào là tình huống chính trị. Cô ta chỉ biết có khóc rống lên và lải nhải đòi tiền trợ cấp.

– Anh đưa tờ thỉnh nguyện ấy đây. - Tổng thống nói. - Để tôi đích thân nói chuyện với cô ấy. Còn gì nữa?

– Bác gác rừng Mitka Trepunôp phản đối việc xây dựng nhà vệ sinh công cộng trên bãi cỏ. Bác ta bảo chỗ ấy là nơi ong mật đi lấy mật hoa.

– Quân kém giác ngộ. - Tổng thống nói. - Ngày hôm nay tôi sẽ ra lệnh cho Bộ trưởng an ninh Kôpchenlúc tiến hành công tác giải tỏa. Cần phải xua đuổi lũ ong ra khỏi nơi ấy, và không được chậm trễ. Vì cái lũ ong của anh ta mà công tước Neurôgiaikinxki vừa gửi công hàm

phản đối tôi tôi. Ông của chúng ta, anh biết không, thường xuyên đốt phu nhân yêu quý của ông ta... Quân đều, hẳn dọa sẽ tuyên chiến với chúng ta.

– Hẳn là hẳn làm thật đấy. - Xidôrốp khẳng định. - Tuần trước hẳn đã tập kích vương quốc Đurkôvô Bublikôpxkaia, mà lại vào đêm khuya. Hẳn đã cướp đi hai xe tải chở tấm lợp fibrô xi măng. Bây giờ hẳn đem lợp nhà tắm hơi của hẳn...

– Còn dân chúng, vẫn cứ khổ sở như mọi khi à?- Tổng thống quan tâm hỏi.

– Vẫn khổ sở. - Người điều hành khẳng định. - Công tước vừa ban bố phiếu mua giày “Snika” và máy vi tính Hàn Quốc. Nhân tiện, phải nói là chính ông ta bí mật buôn bán thứ hàng đó. Hoặc là lại đem đổi lấy ủng dạ với nước Cộng hòa Razuvaepxki..

– Phải, dân Razuvaepxki có thừa thãi cái của quý ấy mà. - Tổng thống bật cười hề hề.

– Bọn độc quyền, quỷ tha ma bắt chúng... Tôi nghĩ, ta cần cử đoàn đại biểu sang đó. Mùa đông đã sắp đến rồi, mà công dân của chúng ta chân chỉ xỏ mỗi loại giày “Lemônchi”.

– Ngày mai một vị khách sẽ đến thăm ta. Một cuộc thăm viếng hữu nghị chính thức. - Viên quản trị nói.

– Ai nữa thế?

– Petrôvits, người hàng xóm của chúng ta... Hoàng thân xứ Zaplatinxki.

– Hẳn đã là hoàng thân ư? - Tổng thống ngạc nhiên đến mức bật ra một tiếng huyết sáo. - Thế kia đấy. Vậy mà hồi trẻ thì đã cùng nhau nốc vốtca mới lại đi săn đuổi cánh đàn bà!... Biết làm sao được, đành phải tiếp đón thôi. Theo đúng mọi thể thức quốc tế. Mà thế nào nhỉ, đã khâu xong cờ chưa?

– Khâu xong rồi...

– Thật phúc đức, cầu Thượng đế! - Tổng thống đưa tay làm dấu thánh. - Chứ không thì thật xấu hổ: một cường quốc, vậy mà đến giờ vẫn không có cờ. Còn quốc thiều đã viết xong chưa?

– Về chuyện quốc thiều có rắc rối đây. Ôpuskin khẳng khẳng từ chối viết, ông ta bảo, niềm cảm hứng bay biến mất cả rồi. Ôxenhin thì vừa bỏ về Tổ quốc cổ cụu của mình mất rồi.

– Anh ta là người như thế nào, Do Thái ư? - Tổng thống ngạc nhiên.

– Không đâu... Dân Nga gốc. Sinh ra ở vương quốc Tver.

– Đáng ra không nên cho xuất ngoại. - Tổng thống nói, nhúu cặp lông mày. - Ngay hôm nay hãy thay mặt tôi nhắc chủ tịch Nghị viện rằng không được trì hoãn việc thông qua luật cấm xuất ngoại. Chứ không rồi dân chúng bỏ chạy tán loạn hết. Nhân tiện cho hỏi, ngoài hai nhà thơ kia, chẳng lẽ chúng ta không còn ai làm thơ ư?

Viên quản trị buồn bã lắc đầu.

– Thôi được. - Tổng thống gật gù. - Cử hành quốc thiều không lời. Petrôvits sẽ cho qua, hấn cũng chẳng phải ghê gớm gì cho lắm. Hơn thế nữa, năm ngoái, dựa vào tình bạn cũ hấn còn mượn chiếc máy kéo và cho đến nay chưa trả đây.

– Cần phải nhắc cho ông ta nhớ trả, nếu không chúng ta phải tuyên chiến thôi!...

– Không được. - Tổng thống thở dài. - Dù sao đi nữa cũng là chỗ bạn cũ, đã từng một thời cùng chạy theo gái với nhau... Ngoài ra, chúng ta lại đang nhập khẩu cá trích của anh ta.

– Nhưng dân Zaplatinxki lấy đâu ra cá trích?

– Họ đã ký hiệp định biệt đãi với người Thụy Điển.

– Thế thì sao? - Viên quản trị không hiểu nổi. - Thì ngài cứ bảo với ông ta là nếu không trả lại chiếc máy kéo, thì ông ta sẽ không nhận

được chuối.

– Nhưng chúng ta lấy đâu ra chuối? - Tổng thống ngạc nhiên, để rút mắt điều “Kemel” từ miệng.

– Chà, phải, tôi quên báo cáo... - Viên quản trị ôm đầu. - Bộ trưởng thương mại của chúng ta vừa ở Cuba về, ở đây ông ta đã ký hiệp định với Fiden!...

Vậy thì hiểu rồi, vì sao mà bỗng nhiên Petrôvits lại tìm đường sang thăm ta... Quân đều, tình báo của hấn làm việc khá đấy chứ! Thôi được, anh Xidôrốp thân mến, cần chuẩn bị cho buổi đón tiếp ngày mai. Một cuộc thăm viếng nghiêm túc, quan trọng. Anh ngồi ở đây một lát làm nhiệm vụ phó tổng thống, còn tôi đến kho kiểm tra xem có kẻ nào xoáy mất cờ không. Cái bọn đàn bà ấy là bao giờ chả thiếu vải.

Đại Tá Giagata

Đôi khi quá khứ đan kết với hiện tại hay, nếu các bạn muốn nói khác, hiện tại đan kết với quá khứ một cách thật hết sức lạ lùng. Có khi chúng ta buộc phải chia ly với những con người mà ta không muốn chia ly, nhưng có khi... có khi ta phải gặp lại những kẻ thù mà ta không thể chịu nổi và thậm chí gặp lại những kẻ mà ta coi như đã chết. Chuyện ấy thêm một lần nữa khẳng định chân lý rằng không phải mọi cái trong cuộc sống đều theo quy luật và sự ngẫu nhiên đóng một vai trò không nhỏ trong đó.

Chẳng hạn, do sự ngẫu nhiên như vậy mà tôi đã phải nhiều lần gặp lại một kẻ khó chịu nhất trần đời. Dốc mọi sức lực tôi cố gắng tránh hắn, nhưng hắn vẫn cứ xuất hiện lại trên con đường đời của tôi. Một lần tôi thậm chí đã nhìn thấy xác hắn, nhưng gần một phần tư thế kỷ sau tôi lại chạm trán, mặt giáp mặt với con người ấy và trong những hoàn cảnh khá là lý thú. Tuy nhiên, tôi xin kể chuyện cho có đầu có đuôi...

Hồi thanh niên tôi bị mắc một chứng bệnh gì bí hiểm. Nói thật ra thì cho đến bây giờ tôi cũng vẫn chưa biết cái bệnh ấy là bệnh gì. Một trong các bác sĩ đã tìm ra là tôi viêm ruột thừa, có nghĩa là viêm mấu hình giun của manh tràng và người ta đã mổ cho tôi. Nhưng tôi vẫn đau đớn như cũ. Ông thầy thuốc khác cho rằng tôi có sỏi trong thận, ông đã lấy ra được một hòn trong số đó. Nhưng tôi vẫn ốm.

Ông đốc tờ thứ ba, gọi hai vị trước là những tên lái ngựa, chẩn đoán là tôi loét tá tràng. Người ta cắt chỗ ấy đi mất một nửa, và tôi vẫn lại chẳng thấy hơn gì. Tôi gầy mòn vì những cuộc mổ xẻ, vì vậy người ta gửi tôi đến nhà an dưỡng để phục hồi cái sức khỏe đã bị rệu rạo.

Và... sự thể trở nên ổn. Ở đây người ta không dọa dẫm tôi phải cắt bỏ, lấy ra, làm ngắn bộ phận nào đó trong cơ thể. Tôi sống lặng lẽ, bình yên, lấy lại được niềm tin vào cuộc sống. Nhưng đến lúc ấy thì thật là bất hạnh, lại xảy ra một việc phá đi mất tình trạng cân bằng về tinh thần của tôi.

Vào một ngày đẹp trời, một người đàn ông trẻ trung, mặc bộ lễ phục cấp đại tá đến nhà nghỉ. Người ta xếp ông ấy bên cạnh tôi. Qua bức vách ngăn mỏng manh tôi nghe rành rọt mọi chuyện ông ta đùa giỡn với cô y tá của chúng tôi như thế nào, tuôn ra những câu bông đùa nhà binh tục tĩu và cười bằng cái cười nghe khó chịu. Còn khi một mình, ông ta đi đi lại lại từ góc này đến góc kia bằng những bước chân người lính chắc nịch, rống lên hát đi hát lại một bài.

Chẳng bao lâu sau tôi đã thuộc lòng cả lời bài hát ấy và thậm chí bây giờ tôi còn có thể nhắc lại không hề vấp.

Nếu như trái tim tràn đầy dũng cảm

Nếu như anh không sợ hãi kẻ thù

Nếu như bao giờ cũng sẵn sàng lưỡi kiếm

Nếu như bao giờ cũng sẵn sàng xung trận

Nếu như trung thành vô hạn với quê hương

Và bao giờ cũng kịp đến xả thân

Có nghĩa là anh là con người đáng tin và chung thủy

Có nghĩa là, anh là người Latvia chân chính

Có nghĩa là, anh là người Latvia chân chính...

Và chính vì “người Latvia chân chính” ấy mà tôi phải trải qua không phải chỉ một phút buồn rầu. Sự thể ở đây không chỉ vì bài hát và những cuộc hành binh náo động của ông ta. Tôi hẩn trốn tránh được những điều đó một cách khá là đơn giản: tôi chỉ việc lấy bông thút nút chặt hai lỗ tai. Điều khủng khiếp nhất bắt đầu vào ban đêm, khi người hàng

xóm của tôi ở nhà ăn trở về, tuôn ra những thanh huyền của mình đến tốt độ và rền vang một thứ giống như chiếc côngtrôbat sai điệu. Trong những trường hợp như thế ông ta thường quên cả lời lẫn giai điệu, mà vì thế chỉ đơn giản rống lên ư ử, cuối cùng dốc toàn lực nhấn mạnh vào câu kết thúc: “Có nghĩa là anh là người Látvia chân chính, có nghĩa là anh là người Látvia chân chính”.

Nhưng vì lẽ công bằng cũng phải nói là ông đại tá của tôi mau chóng mệt, hoàn toàn như một người trần tục bình thường và khi ấy ông ta nằm vật ra giường, cái giường rên lên thảm thiết dưới sức nặng của ông ta. Còn tôi, thở phào nhẹ nhõm, chìm đắm vào những cơn ác mộng.

Nhưng ngay cả thời gian tạm nghỉ như vậy kéo dài cũng không được lâu. Tôi bị đánh thức dậy bởi những âm thanh lạ lùng, rất mạnh, vang từ bên kia vách ngăn mỏng sang: ở bên đó có gì đó gầm gừ thở phì phì, rít lên. Có cảm giác vừa có một cái máy bay bị tai nạn bay lạc vào buồng của người hàng xóm hay một chiếc ô tô thời thượng cổ lăn bánh vào đây chẳng.

Tôi nhét bông vào lỗ tai và trùm kín đầu. Nhưng đều vô ích. Tiếng phì phì và tiếng rống mỗi lúc một thêm to. Tôi còn đang tìm một cách hiệu quả thoát khỏi cái tình trạng vừa nảy sinh ấy thì đột nhiên viên đại tá bị tiếng ngáy của chính mình đánh thức, bắt đầu trăn trở trên giường. Sau đó những quả đấm của ông ta thụi vào bức vách ngăn rung lên.

- Ông cần gì vậy? - Tôi vội lên tiếng đáp.
- Ông đừng có mà ngáy thế nữa! - Viên đại tá rống lên bên kia bức vách. - Và đừng có làm tôi thức dậy.
- Không thể như thế được, - Tôi rụt rè bác lại. - tôi không có thói quen ngáy trong khi ngủ.

Người hàng xóm của tôi bập môi bực bội:

– Thế có ai lại nghe tiếng ngáy của chính mình kia chứ? - Ông ta thốt lên và ngay tức khắc chuyển sang “anh”, bắt đầu nghiêm khắc quát mắng tôi, hết như đối với một người lính dưới quyền. - Anh phải bỏ cái thói quen ngu ngốc ấy đi. Với cái thói quen ấy làm sao anh đánh nhau được? Ngay từ xa kẻ thù đã nghe tiếng trung đoàn của anh bố trí ngủ đêm ở đâu, sẽ cho bao vây và tiêu diệt. Ghi nhớ cho kỹ. Người lính có thói ngáy, khi đi ngủ ở nơi sát vách địch nhất thiết phải nằm nghiêng bên phải để không đè lên tim. Còn mũ sắt và túi dết cầm không được đem gối đầu. Những thứ đó phải ở ngay dưới tay để người bên cạnh bất cứ lúc nào cũng có thể dùng chúng mà bịt họng anh lại khi anh ngáy quá to.

– Nhưng tôi không có mũ. - Tôi nói chêm vào.

– Sao lại không có? Để mất đâu rồi? - Viên đại tá quát to. - Ngay ngày mai lập tức phải báo cáo với đại đội trưởng rằng vì đánh mất mũ sắt, đại tá Giagata phạt tổng giam anh hai ngày hai đêm. Anh sẽ ngồi tù khi hết hạn tập luyện. Rõ không?

– Rõ, thưa ngài đại tá. - Tôi trả lời theo kiểu quân sự, hy vọng như vậy sẽ làm yên lòng ông ta. - Hai ngày hai đêm ngồi nhà cải hối khi hết hạn luyện tập.

– Như vậy, như vậy đó. - Từ bên kia vách ngăn vọng sang. - Và cầm không một âm thanh nào nữa. Tôi là tổng vào xà lim biệt lập đây!

Ở buồng bên ấy mọi cái đã lắng im, nhưng chỉ lát sau ở đây đã nổi lên tiếng chiếc máy bay bị tai nạn. Còn tôi run rẩy vì sợ, chờ đợi phải nhận những lời quở mắng mới và nóng lòng nóng ruột mong cho trời sáng để sau bữa ăn sáng sẽ đi vào cánh rừng nhỏ đánh một giấc ngủ cho đã.

Sáng hôm sau, viên đại tá ở khách sạn trở về và sau khi trình diễn tiết mục độc tấu thường lệ của mình, liền đi nằm ngủ, mọi cái lại bắt đầu từ đầu. Sự khác biệt chỉ ở chỗ bấy giờ ông ta không đâm vào vách

ngăn mà đâm vào cửa ra vào. Khi tôi ra mở cửa, viên đại tá mặc bộ quần áo ngủ nhàu nhĩ tức tối xộc vào buồng tôi. Đưa mắt nhìn bao quát đôi chân trần run rẩy của tôi, ông ta ra lệnh:

– Che cái của nợ ấy lại!

Tôi vạt vĩa mặc quần dài và đứng theo tư thế nghiêm.

– Lại không cho người ta ngủ? - Ông ta nói nhanh ẩn giấu sự đe dọa. - Lại ngáy hả? Thế nào, anh định báo cho quân địch chỗ đóng quân của bên ta hả?

– Nhưng tôi đâu có ngáy thưa ngài đại tá. - Tôi cãi lại.

– Thế kia đây! - Ông ta quát âm lên. - Người ta bắt quả tang, mà còn chối cãi. Anh làm sao, muốn kẻ thù tiêu diệt nát trung đoàn của ta hả? Ta mà biết trước thì ta đưa anh về đội nhạc hơi của trung đoàn. Ở đó thì cứ việc ngáy suốt từ sáng đến tối. Nhưng một khi anh là lính, anh phải phục tùng kỷ luật, hiểu chưa? Nếu không ta sẽ đưa anh như một tên phản bội ra tòa án binh. Ngáy ở trong quân đội cũng chính là phản bội.

– Nhưng thưa ngài đại tá... - Tôi lại toan cãi lại.

Nhưng Giagata rút khẩu súng ngắn trong túi áo ngủ ra và gí vào dưới mũi tôi.

– Câm miệng!... - Ông ta quát. - Chứ không ta sẽ gửi anh sang thế giới bên kia không cần tòa án binh gì nữa. Khi người lính không thi hành mệnh lệnh, chỉ huy có quyền bắn tại chỗ, hiểu không? Thấy ngay là anh coi thường kỷ luật mà. Tìm thấy mũ sắt chưa?

– Nhưng mà tôi làm gì có kia chứ! - Tôi lắp bắp.

– Sao lại không có? - Đại tá Giagata ngạc nhiên, vẫn cầm súng nhằm vào tôi. - Anh hãy chuyển lệnh ta sáng mai đại đội trưởng phải lên gặp ta mang theo sổ quân trang. Ta sẽ đích thân kiểm tra và liệu đó, nếu mà nói láo thì... - Ông ta vừa nói vừa hươ hươ khẩu súng ngắn. - Còn bây giờ đi đến buồng đầu nhà và sao cho không có một tiếng

động nào nữa! Rõ chưa? Không một tiếng động...

Cắt khẩu súng ngấn vào túi áo ngủ, ông ta bỏ đi, sập mạnh cửa lại. Còn tôi, thở không ra hơi, vội mặc quần áo, thu nhặt đồ đạc và rón rén trên đầu ngón chân đi ra ngoài đường. Khi đi được tới nhà ga, tôi có cảm giác như tôi vừa thoát được khỏi giá treo cổ.

Đến đây có thể đã kết thúc câu chuyện nếu như chúng tôi không gặp lại nhau và không phải chỉ một lần. Lần đầu tiên xảy ra sau chuyện nhà nghỉ tại các khóa tập trung quân sự mùa hè mà tôi bị gọi đi. Chỉ huy trại hóa ra là đại tá Giagata. Tôi cố tránh mặt ông ta nhưng ông ta vẫn nhận ra tôi. Một lần vào buổi tối, ông ta gọi tôi tới gặp và lần này gọi tôi bằng “ông”, hỏi tôi:

- Hình như chúng ta có quen nhau thì phải?
- Đúng như vậy ạ, thưa ngài đại tá.
- Như vậy là, ông đào ngũ?
- Thưa, sự thể nó là thế, thưa ngài đại tá? - Tôi trả lời, cho rằng viên chỉ huy đùa. Nhưng đôi mắt ông ta lóe lên ánh sáng hung dữ.
- Thế ông có biết vì tội ấy sẽ bị sao không?

Tôi cố giữ sao cho đây vẫn là chuyện đùa, và vì thế mỉm cười nhận xét:

- Thưa ngài đại tá, nhưng tôi đã đào ngũ không phải từ quân đội, mà từ nhà nghỉ.
- Không có gì khác nhau cả! - Ông ta quát. - Kẻ đào ngũ có khả năng bỏ chạy bất cứ từ đâu. Tối hôm qua đã có ba tên đào ngũ khỏi trại và tôi cho rằng, đó là theo gương ông.
- Xin thề có Chúa, tôi chẳng dính dáng gì ở đây, thưa ngài đại tá.
- Thôi được, lần này thì tôi tin. - Viên đại tá nói một cách ảm đạm.
- Còn chuyện ngáy của ông thế nào?

Thái độ hồn hậu của viên đại tá khuyến khích tôi, thế là tôi mạnh

dạn kể lại chuyện như trên thực tế có thật, viên đại tá tím mặt lại tức tối.

– Anh nói láo! - Ông quát to. - Trong đời ta chưa hề ngáy. Nếu không từ lâu ta đã bay khỏi hàng ngũ sĩ quan. Ngáy - đó là đồ lợn, là phản bội. Vì tội thóa mạ chỉ huy - phạt ba ngày nhà cải hối! Đẳng sau... quay!

Ông ta hô khẩu lệnh:

– Đến nhà cải hối... bước!

Nặng nề từng bước chân, tôi đi tới phòng giam. Hết hạn ba ngày, như một kẻ có vết chính trị, tôi bị chuyển tới đại đội phạt và vì thế không còn liên quan đến đại tá Giagata nữa, tuy nhiên về sau đường chúng tôi đi lại gặp nhau.

Khi bọn phát xít tiến công vào nước Látvia Xô viết, tôi chỉ huy một đơn vị những người tình nguyện tiến hành cuộc đấu tranh chống bọn thổ phỉ và biệt kích ở hậu phương của chúng ta. Và sau một lần đụng độ ở gần biên giới Extônia, trên lễ rừng còn lại xác mấy tên thổ phỉ bị quân ta bắn chết. Một người trong bọn chúng khiến tôi nhận ra: đó là đại tá Giagata. Bên cạnh xác của hắn lăn lóc đôi ủng lủng bóng: rõ ràng là viên đại tá đã tháo ra trước đó để chạy được gọn hơn.

Chúng tôi không có thời gian bận tâm tới hắn, phải lao đi tóm bắt những tên thổ phỉ còn lại đang còn trốn trong rừng. Tưởng là đến đây thì tôi có thể tin chắc mà xóa bỏ tên Giagata ra khỏi đầu óc nếu như trong thời gian đi thăm miền Nam nước Pháp mới đây, chính xác hơn là ở Nixơ, hắn lại không hiện ra trước tôi. Và chuyện ấy xảy ra như thế này.

Tôi dừng chân lại khách sạn Anbéc, cửa sổ của khách sạn nhìn ra quang cảnh tuyệt vời, chỗ dạo chơi tràn ngập ánh sáng. Tuy nhiên tối hôm ấy tôi không màng gì đến vẻ đẹp và quang cảnh. Đi đường mệt mỏi, tôi đi ngủ sớm. Nhưng tôi chỉ vừa chìm vào giấc ngủ lơ mơ thì bên

kia tường vang lên tiếng ngáy âm âm, dường như có ai đó cố công một cách vô hiệu quả nổ mấy chiếc máy bay. Đột nhiên tiếng ngáy chấm dứt, tiếng giường cọt kẹt, và qua một phút người ta gõ cửa buồng tôi. Tôi trở dậy ra mở cửa và thấy bên ngưỡng cửa là một lão già khô khảnh mặc áo vét tông. Tay trái lão không còn, con mắt phải của lão được che bằng mảnh băng đen, với cái cúi chào lịch sự, lão xin lỗi vì đã đến làm phiền, rồi nói:

- Moxio, ông có thể se sẽ một chút ít được không?...
- Không lẽ tôi làm ồn? - Tôi hỏi, nhún vai.
- Biết nói thế nào với ông. - Lão già nói nhanh, luôn vấp. - Ông ngáy, và cứ ngáy to đến mức tôi phải tỉnh lại. Xin lỗi ông, nhưng điều đó đúng như vậy.

Tôi nổi nóng. “Lại một tên mất trí nữa” - tôi nghĩ bụng. Nếu như chính mắt tôi không nhìn thấy xác tên Giagata thì có lẽ tôi quyết định ngay là đứng trước tôi đây phải là hắn. Nhưng ngược lại với những hy vọng của chúng ta, những người chết đâu có sống lại. Và vì thế tôi cố trấn tĩnh và với khả năng có thể,, tôi trả lời người lạ này một cách lịch thiệp:

- Moxio thân mến, nếu như có người nào đó ngáy thì đây hẳn chỉ là ông.
- Nhưng chính tôi đến phiền nản ông chứ không phải ông đến tôi.
- Cái đó chẳng có nghĩa là gì hết, - Tôi nói, bất giác cười khẩy. - trước đây tôi có biết viên đại tá Giagata.

Người khách lạ mở to con mắt độc nhõn của mình.

- Ông biết tôi ư?
- Không - ông, - Tôi nói một cách thiếu tự tin. - không lẽ...
- Đúng. Tôi là Giagata mà. Trước kia tôi là đại tá trong thời gian chiến tranh, phục vụ trong các đơn vị SS, chỉ huy trung đoàn. Đã được tặng thưởng chữ thập sắt và các huân chương khác. Và vì thế tôi hết

sức yêu cầu ông...

– Nhưng sao lại như vậy nhỉ! - Tôi thốt lên. - Bởi vì ông đã chết ngay trong những ngày đầu chiến tranh kia mà.

– À, ra chuyện ấy! - Lão dài giọng. - Đây chẳng qua chỉ là cái mẹo thôi. - Và bật ra tiếng cười khí khí đều đều, lão tiếp. - Mẹo quân sự mà! Còn ông có biết kẻ nào phản bội chúng tôi khi đó không. Một trong những tên ngáy đêm đấy. Cũng như ông ấy. Vì thế, tôi đã trừ khử cả bọn chúng như những tên phản bội.

– Nhưng dù sao đi nữa ông vẫn là xác chết. - Tôi bình tĩnh nói với lão. - Chuyện gì mà ông lại ngủ ở khách sạn nhỉ. Ông đi ra nghĩa địa đi! Chỗ của ông là ở đây.

Và không còn lịch sự gì thêm nữa, tôi đuổi lão ra khỏi cửa. Nhưng viên chỉ huy đội SS cũng chẳng nghĩ tới chuyện đi ra nghĩa địa nào. Lão bỏ về buồn mình, và lát sau từ đó lại vọng sang tiếng ngáy.

Mạch Nước

Dakiya đã lấy đầy hai xô nước lạnh, nhưng vẫn dùng dằng chưa muốn rời khỏi mạch nước mát rượi. Cô gái vừa đi làm đồng về, người còn hừng hực vì cái oi bức ngoài đồng ruộng và công việc vất vả mà ở đây thì lại mát mẻ dễ chịu làm sao.

Rửa ráy xong, Dakiya lấy gương ra soi. Đến khi cô sửa soạn ra về, đã toan nhấc đòn gánh lên vai, thì đột nhiên như thể từ dưới đất chui lên, một chàng trai hiện ra trước mặt cô.

– Xe tôi và tôi đều khát cả. Có thể xin cô một ngụm nước không đây? - Chẳng đợi cô gái có bằng lòng hay không, anh ta kể ngay miệng vào thành xô mà uống ừng ực.

– Không chuẩn bị cho đủ nước mà cũng gọi là lái xe kia đây. - Dakiya làm ra bộ nghiêm nghị cự nự!

Khi đã uống thỏa thuê, anh chàng lái xe mới ngẩng lên nhìn cô gái. Anh ta to lớn, vạm vỡ, trên người mặc quần áo may liền bạc màu. Trông người mới khỏe mạnh và dồi dào nghị lực làm sao!

– Đâu rồi sẽ có đó! Uống một ngụm xin trả cô cả một xô! - Chàng trai nói đùa lại, phô hai hàm răng trắng đều đặn.

Anh hất đầu về phía đường cái, cách mạch nước chừng bốn năm chục thước, chiếc xe ô tô tải của anh vẫn nổ máy đứng ở đó.

– Đã là chuyến thứ hai trong ngày rồi đây. Cô bạn yêu quý, cho xe đi đến lữ người thì khát là phải chứ. - Anh ta nói tiếp như để tự bào chữa.

Kể ra thì chẳng có gì còn đáng nói nữa: nước đã uống rồi - thể là xong. Chẳng qua anh chàng muốn bắt chuyện với cô gái mà thôi.

Đến lúc đó có thêm hai chiếc xe tải nữa chạy tới chỗ chiếc xe vẫn

đứng nổ máy. Dakiya nhắc đòn gánh với đôi xô nước trên vai và ra về. Đi được mấy bước cô ngoái lại:

– Các anh có thể cho xe đi đường thẳng, không phải vòng qua làng chúng tôi kia mà.

Không biết có phải vì cô gái vội bỏ đi hay vì ngày hôm nay quá nóng, mà anh chàng lái xe đột nhiên cúi kính.

– Thì trước hết nông trường cô hãy sửa sang lại cây cầu qua khe Gấu của mình đi đã, rồi hãy đi dạy bảo người khác! Hiểu chứ? Thế mà cũng gọi là nông trường “con đường thẳng tiến” kia đây. Vì “thẳng tiến” của cô mà trời nóng nực thế này phải đánh xe đi vòng tới hai cây số đường!

Dakiya leo lên dốc núi với vẻ mặt thản nhiên như thể những lời của chàng trai vừa nói không hề đụng chạm tới cô. Nhưng lên hết dốc, Dakiya không ghìm được mà phải ngoái lại. Và cô thầm tự hỏi: “Ồ mà những lời ấy can hệ gì đến ta không nhỉ?”

Ở dưới kia những người lái xe xách xô đi đi lại lại giữa chỗ xe đỗ và mạch nước. Dakiya nhận ra được anh chàng lái xe đầu tiên, cao lớn, có cặp mắt đen láy như anh đào chín và mái tóc bông, người mà xét về mọi dấu hiệu thì lúc đó muốn nói điều gì đẹp đẽ với cô, nhưng lại ném ra những lời chẳng lấy gì làm dễ nghe cho lắm về nông trường “con đường thẳng tiến” của cô.

* * *

Cây cầu.

Nói cho đúng thì đó nào phải là cầu, mà chỉ là một bè gỗ gồm bảy tám thân cây ghép lại dựa trên bốn thân cột bắc ngang qua khe Gấu cách làng Kaenxa độ một cây số. Cho đến gần đây nó vẫn phục vụ đắc lực cho người ta: xe ngựa và xe ô tô tải chở thóc từ các nông trường

quanh vùng lên kho của khu vẫn đi theo con đường thẳng, không phải qua làng Kaenxa. Một mặt như vậy rút ngắn được đường đi, mặt khác xe cô lại tránh không phải leo cái dốc “chết tiệt” ở giữa làng. Nhưng cách đây một tuần, trời đổ mưa rào tầm tã và nước lũ dồn về đã cuốn trôi mất mặt cầu. Từ đó xe cô phải đi đường vòng qua làng Kaenxa.

Đúng là anh chàng lái xe có đầy đủ lý do để’ bực bội: đã một tuần nay đội sản xuất của Dakiya làm ở gần cầu, hàng ngày mấy lần qua lại bên cầu vậy mà không hiểu tại sao trong đội sản xuất của cô lại không có ai nghĩ đến chuyện phải lên tiếng đề nghị sửa chữa cầu. Vì thế những người hoàn toàn xa lạ kia mới buông ra được những lời chê trách cái nông trường vốn bấy nay vẫn là một nông trường tiên tiến.

Tối hôm ấy Dakiya đến ngay ban quản trị để đề đạt ý kiến về cây cầu qua khe Gấu. Nhưng vừa nghe Dakiya nói chưa dứt, ông chủ tịch ban quản trị nông trường đã gạt đi. Ông cho đó là chuyện không đáng kể.

– Mà đây cũng có phải là việc của các cô phải lo đâu kia chứ!

Tất nhiên Dakiya không chịu:

– Thì cháu cũng có đi xin việc của người khác đâu, thưa bác Giarif. Không có việc ấy chúng cháu cũng đã bận túi bụi rồi!

– Ủ, nếu công việc túi bụi rồi thì đi mà làm cho xong đi, vậy thôi nhé. - Ông chủ tịch buông một câu, một lần nữa cho biết rằng vấn đề thế là chấm dứt. Nhưng để cho thêm quan trọng ông còn nói. - Mà cô bé xinh đẹp ơi, thêm nữa tìm đến tôi là cô đã gõ cửa nhầm rồi đấy. Tại sao cô quên Xô viết thôn, quên ông chủ tịch Xô viết Galimgiamốp? Mọi chuyện cầu cống hay bờ rào bờ dậu, nếu như cô muốn biết thì đều nằm trong dự trù chi tiêu của Xô viết thôn kia.

Những điều tinh tế như vậy quả thực Dakiya nào có rõ, cô cảm thấy ít nhiều bối rối. Tuy nhiên cô vẫn không chịu, cô bắt đầu thấy bực - cái ông chủ tịch nông trường này lại muốn đem cất việc cô nêu ra vào

trong tủ kín đây!

– Bác Giarif, vấn đề không phải liên can đến riêng cháu hay riêng bác, mà đến cả nông trường của chúng ta. Bọn các anh lái xe đang chửi bới cả làng chúng ta, nông trường chúng ta đấy. Nếu việc cần phải đến nói với bác Galimgiamốp, cháu sẽ đi nói chứ có gì đáng ngại!

– Ái chà chà! - Ông chủ tịch thốt lên, cảm thấy rằng cô gái tuổi mười bảy này không chịu buông tha ông chừng nào chữa được ý mình.

– Thì cháu thử nghĩ mà xem, chúng ta nào có ai ngồi rồi, ai cũng công việc ngập đầu, ngoài đồng ruộng cần thu hoạch gấp, mà thu hoạch về còn phải chế biến. Lại phải làm nghĩa vụ lương thực. Chứ gần đây việc cũng đã chậm trễ rồi. Mà chậm trễ có xứng với một nông trường tiên tiến không? Cháu thử nói bác nghe, có xứng không nào?

– Tất nhiên là không rồi ạ! - Dakiya đồng ý, nhưng liên đó lại nói tiếp. - Nhưng thưa bác Giarif, dù sao cũng phải nghĩ về những lời họ nói: “Chỉ vì cái khe Gấu của các người mà phải đi vòng hàng mấy cây số”!...

“Ai cần thì kẻ ấy đi mà sửa chữa cầu. Điều quan trọng đối với tôi là làm sao hoàn thành cho được kế hoạch lúa của chúng tôi đã” - ông chủ tịch thoáng nghĩ nhưng ông không nói ra: cái nhìn chòng chọc của Dakiya làm ông phải tự ghìm lại. Nhưng đọc được ý nghĩ của ông, cặp mắt cô gái muốn bảo ông: “Ta không nên theo cái lối đèn nhà ai rạng nhà này bác ạ”.

– Thôi được, tôi sẽ bàn việc này với ông chủ tịch Xô viết thôn. - Ông Giarif vội vã hứa, rồi đột nhiên lại nói thêm. - Cho gọi ngay đội trưởng đội mộc đến gặp tôi nhé.

Liên sau đó ông Giarif giật mình nghĩ lại: ông giải quyết như vậy liệu có vội vã hay chẳng? Ông sợ cô gái quấy rầy lâu nên phải “gật” cho xong hản. Nhưng muộn rồi, Dakiya đã hồi hả chạy biến đi thi hành chỉ

thị của ông.

* * *

Ngay sáng hôm sau, bên khe Gấu đã rộn rã vang lên bản hòa tấu của tiếng cửa tiếng rìu. Sau khi xây dựng chuồng ngựa của nông trường còn dư khá nhiều gỗ tốt, người ta đưa cả đến đây. Tìm ra được cả những tay thợ cần thiết, mà công việc thu hoạch đồng áng cũng vẫn không bị ảnh hưởng. Và chẳng bao lâu xe cộ lại đi lại bình thường qua khe Gấu, tránh được cái dốc “chết tiệt” ở Kaenxa.

Mọi người đều hết lòng cảm ơn nông trường “con đường thẳng tiến”. Tuy nhiên có một người lại bâng khuâng suy nghĩ: chính là cái anh lái xe lực lưỡng có cặp mắt anh đào chín, đã gặp Dakiya bên mạch nước hôm ấy, uống đã khát từ xô nước của cô gái và muốn nói điều gì đó với cô, nhưng lại đi chê trách nông trường “con đường thẳng tiến”. Không hiểu vì sao nhưng anh ta cứ cho rằng nhất định cô gái kia có dính dáng đến công việc sửa chữa cây cầu. Và nghĩ như vậy anh ta thấy lòng khắp khởi. Anh ta thấy cô gái càng đáng yêu hơn, và càng ngày anh ta càng mong muốn được thấy lại cô.

Thế rồi, các bạn thử nghĩ xem thế nào? Anh chàng lái xe nọ lại cho xe đi vòng qua làng Kaenxa, cố tình đi đoạn đường vất vả ấy với lý do: phải lấy nước cho bộ phận sưởi điện của xe.

Nhưng lý do đó rồi cũng không đứng vững được lâu. Ở khu vực khe Gấu, cách cầu không bao xa có một mạch nước nhỏ ri rỉ từ lòng đất lên. Vào một ngày đẹp trời, có người nào đó đã khơi sâu mạch nước, phá to miệng ra và đặt cả một khuôn thành bằng gỗ vào đấy. Nước cần cho “bộ phận sưởi điện của xe” đã chảy ra sát bên lề đường rồi!

Tuy nhiên hạnh phúc vẫn cứ mỉm cười với anh chàng lái xe.

Một lần, khi cánh đồng lúa chín rộ tỏa hương thơm ngào ngạt, anh

ta đã gặp lại Dakiya. Mà gặp thế nào kia chứ? Dakiya đến mạch nước mới để quây nước còn anh chàng lái xe lại dừng xe để cho xe “uống nước”. Lần này họ trò chuyện với nhau như những người quen biết cũ.

– Nào, anh còn bức bối gì về nông trường chúng tôi nữa không? Cần cầu, chúng tôi đã làm lại cầu mới, cần nước, chúng tôi đưa nước đến tận bên đường. - Và Dakiya nheo mắt cười lém lỉnh.

– Điều tôi vẫn còn bức là cô hoàn toàn không lộ mặt ra nữa. Cô khuấy động trái tim người khác, rồi bản thân cô lại biến đi đâu mất tăm mất tích. - Anh chàng lái xe đỏ mặt bối rối, không hiểu làm sao mà mình lại buột mồm nói ra những lời đó chứ?!

Cả hai cùng im lặng và e dè nhìn nhau. Bầu trời xanh, xanh thăm thẳm, nắng chói chang, còn sau mấy lời trao đổi ngắn ngủi kia, sự im lặng tiếp theo mới dễ chịu làm sao, nhẹ nhàng làm sao và lại nói được biết bao nhiêu điều muốn nói.

Chiếc Phong Bì Màu Xanh Lam

Thượng sĩ cận vệ Irkabai Mirzaép ngồi bên cửa sổ trong căn phòng của bệnh viện quân y và tư lự nhìn ra phố. Có một người xách giỏ đầy những trái đào đi ngang qua ngoài cửa sổ... Những quả đào con, chín, phủ ngoài bằng lớp lông tơ vàng óng lên màu hồng. Irkabai thấy sao mà thèm được nếm cái thứ quả ngon lành kia đến thế, và anh tiếc rẻ nhìn theo người xách giỏ đào. “Chà giá được nếm lấy vài bốn quả nhỉ!” Anh lập tức hình dung ra cái cảnh anh đang cẩn thận gọt làn vỏ mềm mại có lớp lông tơ mượt như nhung kia thế nào, rồi anh đưa lên miệng những miếng đào mọng nước dày cùi và anh ừng ực uống cái dòng nước quả ngọt ngào ấy ra sao.

Sáng hôm sau Irkabai lại ra ngồi bên cái cửa sổ cũ, và lại vẫn người bữa trước xách giỏ đào đi qua. Suốt ngày hôm ấy Irkabai cứ mừng tượng mãi đến những trái đào và những thửa vườn đào. Thậm chí đêm ngủ anh cũng nằm mơ thấy như mình đang dạo chơi với một cô gái trong vườn cây lộng lẫy, và cô gái nói với anh: “Anh xem kìa, những trái đào thật là tuyệt! Sao anh còn lưỡng lự, hái nhanh đi thôi chứ!...”

Irkabai nằm ở quân y viện đã năm tháng rồi. Thời gian gần đây anh bắt đầu cảm thấy chán ngán, anh đâm ra buồn. Với những đồng chí cùng nằm trong một phòng thì mọi chuyện từ lâu đã nói với nhau hết rồi, người ngoài chẳng ai đến, còn tự mình đi thì biết đi đâu kia chứ. Ở thành phố này chẳng có ai là người quen. Chỉ mong sao cho chóng lại trở ra mặt trận. Ở đây vui hơn, có nhiều đồng đội, mỗi ngày đem đến những chuyện mới. Ngoài ra, từ khắp nơi trên đất nước những con người hoàn toàn không quen biết tới tập gửi thư, gửi quà cho các chiến sĩ. Chỉ riêng trong một tháng trước khi bị thương, V. Mirzaép Irkabai đã nhận được ba lá thư và hai gói quà.

Một lần ở mặt trận phía Tây, khi anh mới chỉ là binh nhì, đồng chí tiểu đội trưởng đã mang một gói quà nhỏ đến tìm anh và bảo: “Này, gửi cho anh đây, chàng trai có đôi mày đen và đôi mắt đen!” Irkabai lấy làm ngạc nhiên về lời lẽ của đồng chí tiểu đội trưởng, nhưng nhìn vào gói quà anh chợt nhận ra đây là những lời trên mặt gói thay cho địa chỉ! Lời gửi đến mặt trận miền Tây. “Trao cho chàng trai có đôi mày đen và đôi mắt đen đạt được nhiều thành tích trong những trận giao chiến với quân phát xít”.

Trong gói quà có khoảng hai trăm gờram thuốc lá thơm, một chiếc khăn tay nhỏ, vài mìn thêu hoa lá rất đẹp và trong chiếc phong bì màu xanh lam có mảnh giấy đề mấy dòng văn tắt: “Đồng chí Hồng quân! Thuốc lá thì đồng chí đem chia cùng hút với anh em, còn chiếc khăn tay thì giữ lấy - sau chiến tranh tôi sẽ hỏi tới nó đây. Latifa Guliamôva”.

Những hàng chữ ấy làm cho Irkabai xúc động đến mức ngay trong ngày hôm đó anh viết cho Latifa liền hai lá thơ. Một lá gồm những lời chào và lời cảm ơn hết sức cầu kỳ, còn trong lá thư thứ hai thì anh bóng gió nói đến những tình cảm mà chỉ có thể nói thầm thì vào hai tai những người con gái. Hai tháng trôi qua, không thấy có thư trả lời, trong khi đó thì những trận chiến đấu lớn đã diễn ra, đơn vị, trong đó có Irkabai Mirzaép, trở thành đơn vị cận vệ, và bản thân anh cũng lên cấp thượng sĩ cận vệ. Anh lại viết thơ cho Latifa, nhưng cả lá thư này cũng không được cô gái trả lời. Chỉ còn có thể nghĩ rằng những lời bóng gió của anh đã chạm mạnh đến lòng tự trọng của cô gái.

Sau đó ít lâu Irkabai bị thương nặng và phải nằm ở trạm quân y tiền phương hơn một tháng. Để chữa cho khỏi hằn vết thương anh đã được sơ tán về vùng hậu phương an toàn, và anh đã rơi vào chính cái thành phố quê hương của Latifa. Nhớ đến cô gái, Irkabai quyết định: “Khỏi một cái là thể nào ta cũng phải đến thăm cô ấy”. Nhưng khi anh đã có thể dậy, có thể không nặng để đi lại được thì cái quyết định ấy lại rời bỏ anh: Ta hy vọng cái gì ở đây kia chứ? - Anh nghĩ. - Những bức thư của

ta cô ấy không trả lời, khăn tay thì cô ấy hứa chỉ sau chiến tranh mới hỏi đến, mà như vậy có nghĩa là cô ấy đã giao hẹn trước: “Nếu như anh còn chưa thanh toán xong với cái bọn phát xít ấy, thì đừng có mà đến gặp tôi.”.

Thời gian gần đây Irkabai đã thôi cả việc nghĩ ngợi tới Latifa, nhưng cái giấc mơ lạ lùng kia với cô gái trong vườn đào có gì như gợi nhớ tới Latifa, thế là ý nghĩ về cô ấy lại bùng lên. Chẳng lẽ cứ bắt buộc khi gặp lại là phải nói: “Thưa, tôi chính là Irkabai Mirzaép” hay sao, có thể nhận là bạn của Mirzaép, đến chuyển cho cô lời chào chiến đấu của anh ta lắm chứ. Hình như, cô ấy là một cô gái thông minh, tốt bụng, được nói chuyện với cô ấy chắc hẳn rất lý thú, có thể lại rủ được cô ấy ra công viên thành phố dạo chơi hay đi xem xinê - cái đó thì quả đã là phù phiếm rồi đấy.

Chàng thượng sĩ cận vệ Irkabai Mirzaép nghĩ như vậy và quyết định phải ngay lập tức thực hiện ý định của mình. Vào ngày chủ nhật kế sau đấy, sau khi đã ăn mặc chỉnh tề, anh ngấm nhìn vào trong gương, và lấy làm vừa ý về bản thân bộ quân phục lính ở nhà kho quân y viện rất hợp với thân hình cân đối của anh, gương mặt có phần xanh đi sau thời gian dài nằm trong phòng bệnh nay lại ửng lên cái ánh hồng của thời niên thiếu, và mảnh băng đánh dấu hai lần bị thương gắn vào áo quân phục làm cho cả bước đi hơi lệch về chân trái, cả cái nặng tiêu chuẩn bằng gỗ mộc cấp ở nách tay phải đều trở thành điều vinh dự.

Sau khi tìm ra ngôi nhà của Latifa, Irkabai hồi hộp gõ vào cánh cổng. Chợt một ý nghĩ hơi khó chịu thoáng qua trong óc anh: “Nhỡ ra mà cái cô Latifa này lại đã là một bà già giống như một cây nho cằn cỗi không còn nhựa sống và đã trở thành một thứ nho chua loét rồi thì sao?” Khi ở cổng một bà cụ mặt răn reo hiện ra trước mặt anh thì anh bối rối đến mức không nói được một lời nào.

Bà cụ hấp háy cặp mắt sắp lòa lạng đi mấy giây nhìn ngấm chàng thượng sĩ và đột nhiên, ôm choàng lấy cổ anh, hôn vào hai má:

– Ôi, con bồ câu nhỏ của mẹ, con trai xinh đẹp của mẹ! - Bà cụ thốt lên như với một người thân yêu nhất. - Kìa chân con làm sao thế? Vào đây, vào đây con! Lên đây con yêu quý. - Bà cụ lê đôi dép hấp tấp bước lên khoảng hiên nhà thâm thấp. - Này con gái nhỏ của ta đâu rồi nhỉ, đặt ấm trà đi con, ra đây, ra đây mà xem anh con từ mặt trận về đây.

Trái tim Irkabai bỗng giật thót khi anh nghĩ rằng mình ngay bây giờ sẽ được nhìn thấy Latifa. Trên hiên nhà hiện ra một cô gái tuổi chừng mười bảy mặc chiếc váy liền áo bằng thứ lụa màu hồng với đôi bím tóc đen dài quấn quanh đầu mấy vòng liên. Cô chào người chiến sĩ từ mặt trận về rồi trở vào nhà.

Đưa mắt nhìn theo cô gái, Irkabai đầy ân hận: “Cô gái xinh đẹp thế kia mà mình đã làm cho phải sợ hãi vì cái bức thư ngu ngốc của mình”. Cùng lúc ấy bà cụ vừa chuẩn bị chỗ ngồi cho Irkabai trên mô đất cao trong vườn, lại lên tiếng.

– Những đứa con trai như con từ chiến tranh đến nay vẫn chưa được xây dựng nơi chốn của mình, chưa được thực hiện những điều mình mong ước, ôi, cái thời buổi mà mọi sự là chỉ tại cái thằng Hítle rồ dại đáng nguyên rủa ấy thôi, ngừ ấy thì cứ đem mà thiêu ra tro cả khi còn sống lẫn khi đã chết! Mà này có phải Latifa nó cũng ở đơn vị với con không?

Cô gái từ trong nhà đi ra cầm tấm khăn trải bàn nghe thấy những lời cuối cùng của mẹ, cô mỉm cười:

– Đây, chính là phải bắt đầu từ đó đây mẹ ạ. Anh ở mặt trận nào về thế ạ? - Cô gái hỏi Irkabai. - Chị của em ở mặt trận trung tâm.

– Sao? - Irkabai thốt lên ngạc nhiên. - Latifa đang ở mặt trận ư? Tại sao cô ấy lại ở đó?

– Chị ấy làm hộ lý. Chị đi vào tháng năm năm ngoái.

– Ra là thế đây!

– Thế đây con ạ. - Bà cụ lại lên tiếng. - Mẹ đã nói với nó bao nhiêu lần: “Con không biết cưỡi ngựa, không biết bắn súng, con sẽ làm gì ở ngoài mặt trận kia chứ?” Mặc, nó chẳng chịu nghe lời. Nó là gan lắm kia. Lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chiến trường thôi. Nó đã bao nhiêu lần viết thư cho các chiến sĩ Hồng quân, cán bộ chỉ huy và gửi cho họ những gói quà nhỏ, ấy có nhẽ đã hơn một năm kể từ ngày nó ra đi, vậy mà thư từ các mặt trận vẫn cứ tới tập gửi về. Con ơi, con đã gửi chuyển đi cho chị con bao nhiêu thư rồi nhỉ? Mẹ nhớ đâu như: một trăm hai lá thì phải.

Irkabai phát hoảng lên: “Ba lá là của mình. Còn chín mươi chín lá!”

– Tất cả các lá ấy đều là từ mặt trận gửi về. Đối với cái bọn ở lại hậu phương thì đến làm quen nó, nó cũng chẳng muốn. Tính nó như thế. Con ơi, con đem cái ảnh của chị con ra cho khách của nhà ta xem nào. Con gái mẹ có đọc cho mẹ nghe tất cả mọi lá thư. Các chiến sĩ Hồng quân và cán bộ chỉ huy tỏ ra phần khởi lắm và rất cảm ơn em nó. Có hai lá thư do một anh chàng nghịch ngợm nào đó viết. ừ mà cũng được thôi, chỉ cốt sao cho chú chàng cứ sống mãi.

Irkabai đỏ bừng mặt lên.

Từ trong nhà, cô gái đem ra mấy tấm ảnh của Latifa.

– Ảnh chị em chụp khi còn ở nhà. - Cô gái đưa cho Irkabai xem một trong những tấm ảnh và nói.

Trên tấm ảnh một cô thiếu nữ hơi nghiêng đầu ngượng nghịu nhìn ra: “Thôi xin các anh, đừng có nói gì!”. Nụ cười e lệ của cô như muốn nói lên điều ấy để ngăn ngừa tất cả những lời ca ngợi nhan sắc của cô. Irkabai không thể hiểu nổi một cô bé e lệ thế này mà lại dám ra mặt trận!

– Con xem cái ảnh này. - Bà cụ chỉ sang một tấm ảnh khác. - Đây là em nó chụp ở Mátxcova.

“Bộ quân phục mới hợp với cô ấy làm sao!”. - Irkabai hoa cả mắt

lên. Ở đây Latifa hoàn toàn khác hẳn. Cô đứng, đầu ngẩng cao kiêu hãnh, cặp mắt long lanh tinh nghịch, và tất cả dáng vẻ như nói rằng: “Này chàng trai, hãy cẩn thận!”.

Irkabai lặng đi. Tự nhiên anh lật phía sau tấm ảnh lên và chợt nhìn thấy địa chỉ hòm thư của Latifa.

– Con nhận ra em nó ư? - Bà cụ hỏi.

– Mẹ! - Bằng một giọng run run Irkabai nói với bà cụ. - Mẹ cho con tấm ảnh này. Một trong những gói quà của Latifa đã đến tay anh bạn thân của con. Anh ta bị thương nằm ở quân y viện, mà anh ta lại rất muốn được làm quen.

– Anh ấy tên là.?

Irkabai lúng túng.

– Trong số những lá thư gửi về đây, - Irkabai bắt đầu giải thích, như muốn tự bào chữa. - có ba lá của anh ta. Nhưng anh ta không phải là cái đứa nghịch ngợm mà mẹ nói đâu. Anh ta. - Irkabai hoàn toàn bối rối và im lặng.

– Thôi được, đồng chí cầm lấy. - Em gái của Latifa nói và mỉm cười hồ hởi đoán ra “anh ta” là ai rồi!

Irkabai cất tấm ảnh vào túi ngực và đứng dậy. Dù chủ nhà có nài nỉ thế nào mời anh ở lại uống trà, anh cũng thoái thác và ra về, sợ tự lộ chân tướng.

Trở về quân y viện, Irkabai ngồi để thảo bức thư mãi cho tới tối. Chép lại ra giấy sạch, anh lấy cái phong bì màu xanh lam giống hệt như phong bì thư Latifa đã gửi cho anh và ghi trên đó rõ ràng mấy dòng chữ:

“Đơn vị chiến đấu. PPM 19640-B. Nếu như cô Latifa Guliamôva mất đen cứu được hơn mười chiến sĩ bị thương ra khỏi trận địa thì hãy trao thư này cho cô”.

Lần này Irkabai đã nói được nhiều điều trong thư gửi cho cô gái,

nhưng nội dung bức thư đó kể ra ở đây e không tiện.

• Chú thích •

[1] Đơn vị đo lường Nga, bằng 0.711m.

[2] Đơn vị đo lường Nga, khoảng 4.4 cm.

[3] Đơn vị đo lường Nga, bằng 409.5gr.

[4] Đơn vị đo lường Nga, bằng 2.134m.

[5] Nhân vật chính trong các vở múa rối dân gian Nga. Những buổi trình diễn có nhân vật này rất phổ biến ở Nga vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

[6] Chi tiết trong tiểu thuyết Mùa hè kỳ lạ của Komxt Fêđin: cô gái Anôtska bị hỏng đế giày, anh chàng nghệ sĩ Xuetulin đã quỳ xuống hí hục chữa cho cô.

[7] Tên một vị nữ thánh của chính giáo Nga.

[8] Tiếng Nga: Riabinhin - Thanh hương trà, đồng âm với tên họ.

[9] Sau trận ốm nặng thuở nhỏ, Xiôn côpxki bị nghẽn ngãng.

[10] Ackhit (Archytas, khoảng 428-347 trước Công nguyên): Nhà toán học và thiên văn học, nhà hoạt động quốc gia và thống soái. Người ta cho rằng Ackhit là người sáng tạo ra những nguyên lý đầu tiên của cổ học.

[11] Herôn (Heronus Alexandriuna, năm sinh và năm mất không rõ, đoán chừng vào thế kỷ thứ I) Nhà bác học cổ Hy Lạp. Trong tác phẩm của mình, Herôn đã miêu tả các máy móc khác nhau chuyển động bằng hơi khí đốt nóng hay nén, cũng như chạy bằng hơi nước, trong đó có quả cầu quay dưới tác động của hơi nước.

[12] Ở Trung Quốc cũ ng như Ấn Độ vào thế kỷ 10-12, khi công đồn, người ta đã dùng tên bắn bằng ống giấy đựng thuốc pháo buộc ở đuôi.

[13] Năm 1879, Xiôn côpxki dự kỳ thi lấy bằng giáo viên và từ năm

1880 dạy toán học, và vật lý ở trường chuyên nghiệp quận Pôrôpxki thuộc tỉnh Kaluga, ...

[14] Tên loại máy bay của hãng sản xuất máy bay “Farman” của hai anh em nhà hàng không Pháp: Farman Henri (1874-1958), Farman Moris (1877-1964).

[15] Tên loại máy bay của nhà hàng không Pháp Blériot Luy (1872-1936).

[16] Tên loại máy bay của nhà hàng không Đức Xepplin Fecđinăng (1838-1917).